

NHỮNG KHAI THỊ TỪ ĐỨC LIÊN HOA SANH VỀ CON ĐƯỜNG ĐẠI TOÀN THIỆN

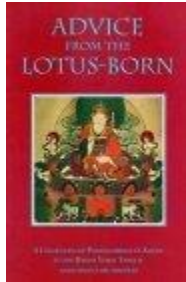


NHỮNG KHAI THỊ TỪ ĐỨC LIÊN HOA SANH VỀ CON ĐƯỜNG ĐẠI TOÀN THIỆN

Nguyên bản: Advice from the Lotus-Born –

Nhà xuất bản Rangjung Yeshe, 1994

Bản Việt ngữ: An Phong - Thiện Tri Thức xuất bản 1998, 1999



Một tuyển tập những khai thị của Đức Liên Hoa Sanh cho Dakini Yeshe Tsogyal và các đệ tử thân cận khác từ những khám phá kho tàng terma của Nyang Ral Nyima Ošzer, Guru Chošwang, Pema Ledrel Tsal, Sangye Lingpa, Rigdzin Gošdem, & Chokgyur Lingpa. Lời dạy mở đầu của H. E. Tulku Urgyen Rinpoche Erik Pema Kunsang dịch từ tiếng Tây Tạng sang Anh ngữ

MỤC LỤC

Lời giới thiệu của nhà xuất bản

Lời nói đầu

Lời dạy mở đầu

01 Chúc thư Đầu Nhọn Hạt Ngọc

02 Lời khai thị cho Trisong Deutsen

03 Không có sự xung đột giữa Tiểu thừa và Đại thừa

04 Xâu chuỗi hạt bằng vàng của Cam Lô

05 Những bài ca cho 25 đệ tử

06 Kho báu ngọc quý để xua tan mọi chướng ngại

07 Khai thị thực hành Phật pháp như thế nào cho đúng

08 Chỉ cây gậy vào người già

09 Lời khai thị bằng miệng về thực hành

10 Viên ngọc như ý của sự hồi hướng

11 Một khuyến khích thực hành tâm linh

12 Lời nguyện Mạn đà la Kim Cương Giới

13 Chú thích & Bảng thuật ngữ

Lời giới thiệu của Nhà Xuất Bản trong lần in thứ hai

Đại Toàn Thiện (Dzogchen, Great Perfection, Đại Viên Mãn), Đại Ấn (Mahamudra) của Tây Tạng và Thiền của Việt Nam và Trung Hoa từ nền tảng đều giống nhau, vì chúng đều có cùng nguyên lý căn bản: *‘Bất lập văn tự. Giáo ngoại biệt truyền. Trực chỉ nhân tâm. Kiến Tánh thành Phật’*.

Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền: đối với Tây Tạng là sự chỉ dạy trực tiếp bằng miệng giữa Thầy và trò. Trực chỉ nhân tâm là câu nói lập lại nhiều trong các lời chỉ dạy: Hãy nhìn thẳng vào tâm con (look into your mind). Và Kiến Tánh thành Phật là cái thấy, sự chứng ngộ Phật tánh Tự Tâm.

Giống nhau trong cách tu hành. Với Thiền, thấy Tánh, thấy Đạo, thấy thực tại, gọi là Đốn ngộ. Sau đó là Tiệm tu (hay Diệu tu) cho đến giác ngộ viên mãn. Với Đại Toàn Thiện, trước tiên cũng là cái thấy thực tại hay tánh Không (View – Kiến), sau đó là giai đoạn tiệm tu gồm thiền định, hạnh và quả. Trong lịch sử Phật giáo Tây Tạng, cũng có những nhân vật Đốn tu, Đốn chứng, nghĩa là đi suốt cả ba giai đoạn cái thấy (kiến), thiền định (thiền) và hạnh (hành) trong một lần.

Giống nhau trong cách đặt tên. Thiền là Tối thượng thừa, theo cách nói của Lục Tổ Huệ Năng. Và trong sách này ngài Padmasambhava (Đức Liên Hoa Sinh) cũng gọi Đại Toàn Thiện là Tối thượng thừa, xếp nó vào hàng cao nhất, tinh túy nhất, trong chín thừa của Phật giáo Tây Tạng.

Chúng ta thấy giáo lý đạo Phật dầu bất cứ trong trường phái nào cũng đều giống nhau ở những nguyên lý căn bản. Có điều, nhờ những đường lối tiếp cận khác biệt đã tạo thành sự phong phú của Phật giáo. Cũng với sự tiếp cận Phật tánh, mà cách tiếp cận của Tây Tạng có những điều khác biệt hơn do đó tạo thành những đặc trưng riêng của Phật giáo Tây Tạng. Ví dụ giai đoạn tiệm tu ở trong Thiền được ít nói đến, nhiều khi quá bí mật, còn trong Đại Toàn Thiện điều đó được nói rất rõ ràng. Chỉ một điều – trong rất nhiều điều – là ‘đem tất cả chướng ngại vào con đường’ cũng soi sáng rất nhiều cho

một hành giả tiệm tu. Qua Đại Toàn Thiện chúng ta có thể thấy tu trong mọi mặt của đời sống là như thế nào, kể cả những chuyện tưởng chừng như rất nhỏ nhất là ăn uống và ngủ nghỉ.

Với Đại Toàn Thiện, chúng ta có thể hiểu thêm về lối tu của Thiền Việt Nam, mà nay phần nhiều chỉ còn lại trong các thiền sử như Thiền Uyển Tập Anh... Xa hơn, chúng ta thấy Thiền và Mật, Đại Toàn Thiện và Tantra đều là sự thực hiện của Đại thừa. Mật thừa là sự thực hiện, sự thành tựu Trí Huệ của Đại thừa qua Phương Tiện. Mật thừa và Đại thừa đều nhắm đến Phật tánh, cả hai cái đều có những điểm chung và những điểm riêng, những cách tiếp cận có thể mạnh hay yếu trong một vài phương diện, nhưng mục đích chỉ là Phật tánh. Bởi thế đức Padmasambhava đã nói đến Mật thừa của Đại thừa, và ‘không có sự xung đột giữa các thừa’. Từ đó, nếu nghiên cứu một cách nghiêm túc không thành kiến sự thực hành sâu xa của Mật thừa, chúng ta có thể hiểu rõ thêm về Đại thừa, là cái gốc của Phật giáo Việt Nam.

Với cái nhìn đó, chúng tôi dịch bản văn ‘kho tàng’ này với ước mong làm phong phú và kích hoạt cho sinh hoạt của đời sống tâm linh hiện thời.

Nguyện rằng tất cả đều được an lạc trong Pháp!

Nhà xuất bản Thiền Tri Thức.

Lời Nói Đầu

Những chỉ dạy gồm trong **Những khai thị từ đức Liên Hoa Sanh** được nói trực tiếp bởi ngài Liên Hoa Sinh Padmasambhava cho các đệ tử thân thiết ở Tây Tạng. Trước tiên chúng được ban cho để trả lời các câu hỏi từ Bà Tsogyal, công chúa của Kharchen, bà chép lại và cất dấu chúng như kho tàng terma quý báu để sẽ được khám phá vào nhiều thế kỷ sau. Hầu hết mỗi chương đều đề cập rằng các giáo huấn này được ban cho vì sự lợi lạc của các hành giả các thế hệ tương lai, và thường thường chúng kết thúc với câu: *“Mong rằng sách này gặp được tất cả những ai xứng đáng và có duyên trong tương lai!”*

Những khai thị từ Đức Liên Hoa Sanh là một bộ đi cùng với cuốn Dakini Teachings (Giáo Huấn Dakini) (Shambhala, 1989), và khởi từ một cố gắng liên tục nhằm giới thiệu những chỉ dạy của Padmasambhava để cho những hành giả hiện đại tu hành. Padmasambhava là bậc Đạo Sư vĩ đại đã thiết lập Phật giáo ở Tây Tạng vào cuối thế kỷ thứ tám. Cuốn Tiểu sử Đức Liên Hoa Sanh (do NXB Shambhala, 1993) chứa đựng nhiều chi tiết về cuộc đời ngài.

Tulku Urgyen Rinpoche biểu lộ sự tin tưởng rằng một bản dịch Anh ngữ của các lời dạy quý báu này sẽ mang lại lợi lạc to lớn. Ngài yêu cầu tôi tìm kiếm và tuyển chọn những giáo huấn sâu xa nhất gồm các chủ đề khác với các chủ đề đã được trình bày trong Giáo Huấn Dakini.

Bộ sách này gồm lời chỉ dạy bằng miệng về Kim Cương thừa mà những Đạo Sư kiệt xuất nhất đã chọn lọc từ các giáo lý terma. Dù những phát giác này trải rộng nhiều thế kỷ và được phát hiện do những người khác nhau ở những địa điểm khác nhau nhưng ngôn ngữ và văn phạm của chúng hầu hết đều đồng nhất.

Nguyên bản được giới thiệu ở đây chỉ đại diện một phần trong toàn bộ kho tàng terma mênh mông khám phá được hơn một thiên niên kỷ nay. Cuốn sách này được sưu tập từ các nguồn sau: Gongpa Sangtal của Rigdzin Goşdem, Martri của Nyang Ral, Lama Goşngdu của Sangye Lingpa,

Tongwa Doşnden (một bộ sưu tập), Khandro Nyingtig của Pema Ledrel Tsal, và Chokling Tersar của Chokgyur Linpa.

Chương đầu, tựa là Chúc thư Đầu Nhọn Hạt Ngọc, và chương thứ sáu cũng là chương dài nhất, Kho tàng các Viên ngọc quý, được lấy từ bộ Gongpa Sangtal nổi tiếng, một ‘vòng’ terma khám phá bởi Rigdzin Goşdem (1337-1408), vị thầy của Jangter hay truyền thống “terma Bắc” của phái Nyingma. Rigdzin Goşdem nghĩa đen là “Vị Trì Minh Vương (Vidyadhara) với lông chim kên kên”; ngài có tên ấy bởi vì ba lông chim kên kên mọc trên đầu lúc mười hai tuổi, và thêm năm cái nữa vào năm hai mươi bốn tuổi. Là một hóa thân của Dorje Dudjom họ Nanam, một trong chín đệ tử thân cận người Tây Tạng của Padmasambhava, ngài cũng được tính vào năm terton-như-vua.

Gongpa Sangtal là một rút gọn của “Chỉ thẳng Chứng Ngộ của Phổ Hiền”, vị Phật nguyên thủy. Tuyển tập này cũng gồm “Lời Nguyện của Đức Phổ Hiền” danh tiếng. Gongpa Sangtal gồm năm phần; các chương này thuộc về một phần gọi là Kadag Rangjung Rangshar, “tánh thanh tịnh bốn nhiên tự hữu và tự hiện.”

Nguồn chánh thứ hai là Martri của Nyang Ral, “Giáo Huấn Trực Tiếp” của Padmasambhava được Đại Sư Nyang Ral Nyima Oşzer (1124-1192) phát hiện. Trong Dakini Teachings (Giáo Huấn Dakini), tôi đã diễn tả ngắn gọn cuộc đời của Nyang Ral. Bộ lời dạy này được gồm trong Rinchen Terdzoş bởi Jamgoşn Kontruşl (1813-1899), đó là một tuyển tập các lời dạy terma với tên là Kho tàng quý báu các Terma.

Nguồn thứ ba là Lama Gongduş, do Sangye Lingpa (1340-1396) phát hiện. Tiêu đề ấy có nghĩa là “Sự chứng ngộ hiện thân của Đạo Sư” (Padmasambhava). Sangye Lingpa là một hóa thân của người con thứ hai của vua Trisong Deutsen (790-844), và được tính vào Tám Lingpa hay Những Terton Chính. Sự phát hiện chính yếu của ngài là vòng Terma Lama Gongduş khổng lồ gồm mười tám bộ khoảng bảy trăm trang một bộ, và

Kathang Sertreng, tiêu sử mở rộng của Padmasambhava được biết với tên là Biên Sử Vàng.

Tongwa Došnden nghĩa là “đầy ý nghĩa để nhìn,” và là một tiêu sử của Padmasambhava được sưu tập từ ba nguồn chính: Biên sử Katang do Orgyen Lingpa (1329-1360/67), Nyang Ral (1124-1192) và Guru Chošwang (1212-1270) phát hiện. Gồm tờ rộng khổ đôi, bản văn này được tìm thấy trong thư viện của Shechen Tennyi Dargye Ling ở Boudhanath. Mục lục nói rằng nó gồm các nguyên bản từ: 1/ Tiêu sử mở rộng của Đại Đạo Sư của Uddiyana, phát hiện bởi Orgyen Lingpa từ chỗ tối cao của Động Pha Lê ở Yarlung 2/ Chúc Thư của Padma phát hiện bởi đại terton Nyang Ral 3/ Tiêu sử về bốn mươi lăm công hạnh, do Công chúa Mandavara trước tác và cô đọng vào Tiêu sử về mười một công hạnh bởi Guru Chošwang, vị terton của Lhodrak, và 4/ Các Giáo huấn riêng rẽ, các trả lời khác nhau cho các câu hỏi và các lời tiên tri từ Lama Langduš của Sangye Lingpa.

Nguồn thứ tư, tôi dùng một chương từ Khandro Nyingtig, “Tâm Yếu của những Dakini” của Pema Ledrel Tsal. Padmasambhava cất dấu những chỉ dạy của ngài về Vòng Thâm Thâm Vô Thượng của Đại Toàn Thiện để sẽ được khám phá trong tương lai như là Khandro Nyingtig. Vị Terton của vòng quan trọng này là Pema Ledrel Tsal (1291-1315/19), một hóa thân của Công chúa Pema Sal, con gái vua Trisong Deutsen. Tái sinh ngay sau đó của công chúa là bậc thầy vĩ đại Longchen Rabjam (1308-1363), tiếp theo là Pema Lingpa (1445-1521). Trong những năm gần đây vị thầy này tái sinh là Khenpo Ngakchung, hiệu là Ngawang Palsang (1879-1941), ngài cũng dùng tên Pema Ledrel Tsal.

Cuối cùng, Lời nguyện Mạn đà la Kim Cương Giới là một tán tụng rất quan trọng về thiện ý trong Chokling Tersar. Nó được tụng thuộc lòng vào lúc chấm dứt của hầu hết mọi nhóm họp tâm linh trong truyền thống Kagyu và Nyingma. Chokling Tersar, “Các kho tàng Terma Mới của Chokgyur Lingpa” (1829-1870) được khám phá do đại Terton Jamyang Khyentse Wangpo (1820-1892) và hai vị cộng tác thân thiết cùng với Jamgošn Kongtrušl Thứ Nhất (1813-1899).

Xin cảm ơn Ngài Tulku Uryen Rinpoche, người giữ gìn trái tim của các giáo lý Padmasambhava, đã từ bi giải thích bất cứ câu hỏi gì tôi thắc mắc và các chỉ dạy sâu xa soi sáng chiều sâu của cái thấy được trình bày trong sách này; và Choşkyi Nyima Rinpoche đã giảng dạy rộng rãi Pháp nhiều năm nay, gồm cả hai khóa về câu hỏi và trả lời giữa Padma-sambhava và Yeshe Tsogyal.

Cuối cùng, tôi hoan hỷ vì bản dịch này được hoàn thành ở Chùa Động Asura vào ngày thứ mười âm lịch, ngày mà Đức Liên Hoa Sinh Padmasambhava đã hứa là ngài sẽ đến từ quốc độ thanh tịnh của ngài – Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ, để ban phước cho những ai kêu gọi đến ngài. Nguyện rằng những lời chỉ dạy quý giá này là nguồn cảm hứng sâu xa cho những ai đọc chúng!

Erik Pema Kunsang Nagi Gompa, 1994.

Lời Dạy Mở Đầu

Các giáo huấn chứa đựng trong **Những khai thị từ Đức Liên Hoa Sanh** thuộc về loại được gọi là Martri hay “Lời dạy trực tiếp.” Martri nghĩa là lời khuyên bảo cá nhân được trao cho từ tâm và dạy theo một lối rõ ràng và trực tiếp, phát hiện các bí mật thâm sâu nhất và cốt lõi nhất. Thường thường một sự chỉ dạy như thế chỉ dành cho một đệ tử vào một thời điểm nào đó. Các giáo huấn trực tiếp của Padmasambhava cô đọng nghĩa chính yếu của các Tantra của Mahayoga, các kinh văn của Anu Yoga và cốt lõi của Ati Yoga.

Có lời nói rằng: “Khi các ngọn lửa của thời đen tối hoành hành tràn lan, những sự chỉ dạy của Kim Cương thừa của Mật thừa sẽ cháy bùng như lửa rừng.” Padmasambhava là Đại Sư đầu tiên của Mật Thừa và ngài xuất hiện trong vai trò đi cùng mỗi một trong một ngàn vị Phật ở kiếp này.

Bổn sư của tôi là Samten Gyatso thường nói: “Hãy nhìn cho kỹ và thấy các giáo huấn Terma của Padmasambhava thật là lạ lùng biết bao! Hãy so sánh các Terma với các luận văn khác và thấy tính chất độc nhất của chúng! Lý do là chủ yếu chúng được chính ngài Padmasambhava tạo nên. Vẻ đẹp của lối văn xuôi ấy thì thật đáng kinh ngạc!”

Samten Gyatso cũng nói: “Thật rất khó cho một người nào tạo ra một thứ văn chương đẹp đẽ và sâu xa như văn xuôi tìm thấy trong các thực hành của Terma. Khác với các luận văn của người chỉ có học nhiều, mỗi lời có thể hiểu ở những mức độ càng ngày càng sâu. Đó là phẩm tính đặc biệt của lời kim cương của Padmasambhava.” Thầy tôi biểu lộ rằng ngài luôn luôn thán phục đến thế nào về những câu nói của Padma-sambhava! Samten Gyatso thì uyên bác rất mực và đã nghiên cứu một số lượng văn học bao la; ngay dù thế, ngài luôn luôn có thể tìm thấy nhiều mức độ ý nghĩa khác nhau trong lời chỉ dạy của Padmasambhava. “Khi con đọc các lời chỉ dạy của Đức Padmasambhava, con không tránh được cảm thấy niềm tin và sùng mộ,” ngài nói. “Con chỉ có thể quy phục với một niềm tin trọn vẹn!” Samten

Gyatso có một đức tin không thể tưởng vào Đức Padmasambhava. Ngài thường nói: “Không có ai vĩ đại hơn Đức Padmasambhava. Dĩ nhiên, Phật Thích Ca Mâu Ni là gốc, nhưng Padmasambhava là người đã làm cho các giáo lý Kim Cương thừa lan rộng và nở rộ khắp Ấn Độ và đặc biệt là Tây Tạng.”

Chúng ta thấy rằng các lời dạy giống nhau xuất hiện bởi sự khám phá của một vài terton. Lý do là chúng là lời nói không thể sai lầm của Padmasambhava được giải mã từ chữ viết tượng hình. Người ta không cần phải nghi ngờ gì. Ví dụ, Bảy Dòng Cầu Khẩn bắt đầu với: “Ở biên giới Tây Bắc xứ sở Uddiyana...” xuất hiện trong rất nhiều Terma khác nhau; các người khám phá khác nhau đều rút ra từ một nguồn.

“Các Terton vĩ đại đích thật thì rất kỳ diệu!” Samten Gyatso nói. “Các Đạo Sư như Nyang Ral, Guru Chořwang và Rigdzin Gořdem thật sự là không thể tưởng tượng được! Hai vị Terton đầu, Nyang Ral và Guru Gořdem, được biết như là Hai Terton Vua, và một trăm terton khác được xem như là cận thần của họ. Cũng có Ba Terton xuất chúng, Tám Lingpa, 25 terton chính và vân vân, tất cả các ngài đều quan trọng như nhau. Nhưng giữa 108 terton, hai vị chính là Hai Terton Vua: Nyang Ral Ořzer và Guru Chořwang. “Không ai vĩ đại hơn hai vị ấy!”, ngài nói. Vị Terton đầu tiên của tất cả các terton là Sangye Lama, nhân đây, không phải là Sangye Lingpa. Tôi không quen thuộc với các chi tiết của các tiểu sử có rất nhiều tình tiết; tôi chỉ biết là họ rất xuất sắc.

Khi Dzongsar Khyentse Chořkyi Lodroř còn ở Gangtok, tôi có cơ may được viếng thăm ngài mỗi buổi sáng trong 25 ngày để hỏi nhiều vấn đề khác nhau. Vào lúc đó, sức khỏe ngài tốt, và vì đang trong tình trạng một nửa ần tu, ngài không tiếp khách. Nhưng vì tôi là một con cháu của Chokyur Lingpa, ngài bày tỏ lòng tốt đặc biệt với tôi và gọi tôi đến gặp. Thường thường ngài ở một mình, không có thị giả nào.

Một hôm tôi bày tỏ sự mơ hồ của mình và hỏi: “Người thường không biết gì như con phải có thời gian cực nhọc để tìm ra trong tất cả các terma về các

hóa thân Bốn Tôn của Ba Góc do Hai Terton Vua khám phá và của 108 terton chứa đựng trong Rinchen Terdzo cái gì là quan trọng nhất. Chúng con như những trẻ nhỏ nhặt hoa trong một đồng cỏ bao la, cố gắng chọn cái đẹp nhất. Theo ngài, những cái gì là quan trọng nhất?” Ngài đã trả lời: “Về phương diện Guru, không có gì vĩ đại hơn *Sự Thực hành vào Ngày thứ Mười* trong Tám Chương của Guru Chošwang. Nó là cái thống lãnh trong mọi loại Guru Sadhana. Về phương diện Yidam Bốn Tôn, Padmasambhava dạy Giáo Huấn Tám Sadhana và bản dịch của Nyang Ral là vượt trội. Về phương diện Dakini, Trošma Nagmo của Nyang là tối cao. Ba cái này là quan trọng nhất trong các terma được phát lộ. *Sự Thực hành vào ngày thứ Mười* trong Tám Chương của Guru Chošwang đặt căn bản trên chính hình tướng của Padma-sambhava như là Lama Sangduš, “vị Đạo Sư hiện thân mọi bí mật.” Có ba bản dịch chính của Giáo huấn Tám Sadhana. Trong mọi thực hành Dakini khác nhau, Trošma Nagmo của Nyang, một hình tướng hung nộ, màu đen của Vajra Yogini, là cùng cực sâu xa.

Khi tôi hỏi: “Còn cá nhân con thực hành cái gì?” Dzong-sar Khyentse nói với tôi: “Hãy lấy Tukdrub Barchey Kušnsel như sự thực hành riêng biệt cho con! Trong các Terma của Chokgyur Lingpa, Barchey Kušnsel là sâu thẳm vô cùng và được khám phá không có trở ngại gì. Khi các chương ngài đã được dời bỏ, sự thành tựu xảy ra tự nhiên, thế nên hãy tập trung vào sự thực hành ấy!”

“Con sẽ xem ai như là Guru?” tôi hỏi. Dzongsar Khyentse trả lời, “Hãy cầu khẩn Chokgyur Lingpa! Thế là đủ rồi! Không có gì hoàn hảo hơn thế; ngài sẽ đáp ứng về phương diện Guru!”

Khi tôi hỏi, “Thực hành Dzogchen Đại Toàn Thiện nào con nên tập trung vào?” Dzongsar Khyentse lại nói: “Con nên thực hành Kun-zang Tuktig! Đây là thời đại mà hai giáo lý Kunzang Tuktig và Chetsušn Nyingtig sẽ ảnh hưởng vào dân chúng. Mỗi thời đại có giáo huấn riêng của nó về Đại Toàn Thiện, điều đó đặc biệt có ý nghĩa trong thời hiện nay. Thời trước kia, cái được biết rộng rãi nhất là Nyingtig Yabzhi; sau đó đến Gongpa Sangtal của

Rigdzin Gošdem và Tawa Long-yang của Dorje Lingpa, rồi tới Košnchok Chiduś của Jatsošn Nyingpo. Mỗi terma đều có thời đặc biệt của nó.”

Về điều này, Samten Gyatso bày tỏ: “Padmasambhava được tán dương vì trước khi rời Tây Tạng ngài đã cất dấu một số lớn terma gồm các lời dạy, đá quý, và các vật linh thiêng cho các hành giả của mỗi thế kỷ. Các terton xuất hiện về sau để khám phá ra các kho tàng terma này đã được Padmasambhava ban phước và gửi đi sau khi đã nhận sự truyền pháp và đọc sự trao truyền của toàn bộ dòng phái. Ngày nay có vài người trí thức, nói rằng “những Terton không có dòng truyền liên tục được truyền pháp và không đọc sự trao truyền từ Padmasambhava đối với những giáo huấn của các ngài. Các ngài chỉ đào lên được một số bản văn do chính các ngài cất dấu!” Thật ra, mỗi một terton đã nhận được sự trao truyền toàn bộ qua các sự ban phước của Đức Padmasambhava trong một cách chính thống cao hơn rất nhiều so với các truyền pháp và trao truyền theo một lối bề ngoài thường được làm, thường chỉ là một sự tương tự với ban phước. Tất cả các terton vĩ đại là những Đạo Sư mà thân, khẩu và tâm ý đã được ban phước và truyền pháp một cách cá nhân bởi chính Padmasambhava. Nói rằng các vị không có sự trao truyền là trẻ con. Những nhận xét như thế chứng tỏ sự ngu dốt của người phát biểu về bảy lối trao truyền truyền thống. Các giáo huấn trong terma là sâu xa đáng kinh ngạc, và được cất dấu trong hòm kho tàng theo “bốn cách thức và sáu giới hạn.” Chúng có một chiều rất sâu xa để thăm dò nếu con thích thú.”

Từ thuở thiếu niên, một terton vĩ đại đã khác với một đứa trẻ bình thường. Ngài có những linh kiến về các hóa thân Bốn Tôn và sự chứng ngộ trỗi dậy từ bên trong ngài. Những terton không giống người bình thường. Chúng ta phải theo con đường tiệm tiến thứ lớp về nghiên cứu và thực hành. Người bình thường không có sự chứng ngộ tức thời! Còn các ngài thì ngược lại.

Đã vài thế kỷ trôi qua từ khi Padmasambhava còn hiện diện trong thân vật lý ở Tây Tạng, nhưng qua lòng tốt vô bờ của ngài, ngài đã cất dấu vô số terma cho sự lợi lạc của người tương lai – trong đá tảng, trong hồ, và ngay

trong không gian. Nghĩ đến lòng tốt bao la này gây nên sự nể sợ trước trí tuệ và lòng bi của ngài. Tuy nhiên, có những người không đánh giá nổi lòng tốt ấy.

Khi thời điểm đến cho các lời dạy terma được khám phá, các terton vĩ đại xuất hiện trong thế gian này. Các vị có thể lặn vào hồ, bay đến những nơi chốn hang động không thể đến và lấy báu vật ra từ trong đá tảng.

Bà nội tôi, là con của Chokgyur Lingpa, đã chứng kiến điều đó, và sau này kể lại cho tôi: “Khi đá mở ra, trông giống như hậu môn của một con bò; đá trở nên mềm và chảy ra để lộ một lỗ hồng đựng terma. Thường thường, vị terton lấy terma ra trước sự có mặt của hơn ngàn người: như thế không có căn cứ cho sự nghi ngờ. Khi đá mở ra và bên trong có thể thấy được, chúng ta thấy nó đầy ánh sáng cầu vồng lấp lánh. Các phẩm vật terma nóng không rờ được. Rồi thì có một số lượng thật nhiều bột sindhura, đến nỗi nó chảy ra ngoài. Thường thường, Chokgyur Lingpa mang một tấm vải thô để đặt báu vật lên. Nhiều cái để lại dấu cháy xém vì các terma rất nóng. Không có ai ngoài ngài có thể cầm nó.” Về sau tôi thấy có một vài mảnh vải thô cháy xém này, màu đỏ và vàng trong phòng chứa đồ linh thiêng của Chokgyur Lingpa.

Bà tôi nói tiếp: “Rồi Chokgyur Lingpa đặt terma – đôi khi là một bức tượng – để nguôi dân trên một tấm vải thô trên một bàn thờ lộ thiên. Ngài giải thích cho những người hiện diện terma được cất dấu như thế nào, nó được phát giác bây giờ bằng cách nào, các lợi lạc khi nhận được sự ban phước của nó... Đám đông khoảng hơn một ngàn người chảy nước mắt vì tin tưởng và sùng mộ, không khí rì rào với tiếng than. Ngay nếu con là một người trí thức ngang bướng, mọi thứ nghi ngờ cũng phải tiêu tan. Mọi người đều sững sờ thán phục.”

Phải với cách như thế, bởi vì người Tây Tạng, đặc biệt là những người ở tỉnh Kham miền đông Tây Tạng, họ cực kỳ nghi ngờ. Họ không tự nhiên tin một Terton. Nhưng Chokgyur Lingpa thì vượt lên mọi sự nghi ngờ và bàn tán, bởi vì ngài khám phá các terma lập đi lập lại với sự chứng kiến của vô số người hiện diện.

Lời dạy Terma, lời trực tiếp của Đức Padmasambhava, khi được khám phá vào thời điểm định mệnh, thì có một chiều sâu khó mà các luận văn khác sánh được. Chúng có các ban phước độc nhất – nhưng những sự ban phước tùy vào niềm tin và sùng mộ của bạn. Karsey Kongtrül, con của Karmapa thứ mười lăm, có lần nói với tôi: “Ba lần tôi cử hành lễ Drubchen về terma Tukdrub Barchey Kunsel của Chokgyur Lingpa, và mỗi lần những dấu hiện thành tựu lạ lùng lại xuất hiện.” Tôi hỏi: “Xin nói cho tôi chúng là những gì.” “Một lần một lượng Cam lồ rất nhiều từ torma trên bàn thờ chảy ra, chảy tràn mọi hướng cho đến cổng chùa, vị của nó rất ngọt ngào và hơi chua như bia chang tuyệt hảo. Lần khác, Amrita - Cam Lồ và Rakta - Máu trên bàn thờ bắt đầu sôi lên, tiếng sùng sục như nước sôi. Lần thứ ba chúng tôi cũng sửa soạn cũng lại xuất hiện được liệu thiêng liêng và mùi thơm ngọt ngào của nó có thể ngửi thấy luôn trong bảy ngày sau. Trong đời, tôi chưa bao giờ chứng kiến các dấu hiệu lạ lùng như trong ba lần đó.” Điều này cũng có thể do sự phối hợp của một giáo lý terma sâu xa và một Đại Sư cao tột như thế. Có nhiều câu chuyện khác về Cam lồ chảy ra từ torma trên bàn thờ trong các lễ Drubchen ở tu viện Tsiley của Chokgyur Lingpa.

Đại Sư Jamyang Khyentse Wangpo cũng phát giác một terma tương tự với Tukdrub Barchey Kunsel. Sau khi gặp Chokgyur Lingpa và xem xét, so sánh cẩn thận hai bản dịch của terma này, Jamyang Khyentse đốt cháy bản văn của mình, ngài nói: “Vì câu và nghĩa giống nhau, ích lợi gì có thêm một bản! Cái của Ngài, là một terma đất, thì sâu xa hơn và sẽ có hiệu lực hơn bản terma tâm của tôi.” Như thế các ban phước của hai dòng, terma đất và terma tâm được hòa trong một dòng chảy. Một terma đất thì bằng vật chất và lấy ra từ đất trong khi terma tâm được khám phá từ cảnh giới của chúng ngộ. Người ta nói rằng những terma đất đem đến nhiều lợi lạc lớn hơn cho con người bởi vì chúng thường có mảnh giấy da màu vàng với chữ tượng hình biểu trưng được cất dấu bởi Đức Padmasambhava.

Chữ tượng hình biểu trưng này được gọi là chữ Dakini thì sâu xa không thể tưởng. Trích dẫn một bản kinh Tantra: “Chữ của kho tàng là thân của sự lưu xuất huyền hóa. Chúng cũng là ngữ để hiểu âm thanh và ngôn ngữ.

Bằng sự thấu suốt ý nghĩa của chúng, chúng cũng là tâm.” Theo cách ấy, thân, ngữ và tâm giác ngộ đều gồm chứa trong chữ của Dakini. Chữ viết này chính nó là hóa thân, thân thể của sự sáng tạo huyền hóa. Đối với một vị thầy, ban cho một sự trao truyền bằng cách đọc đầu chỉ một bài tán thán ngắn thì chữ viết là luôn luôn cần thiết – không thể lập lại theo trí nhớ. Tương tự, có một sự khác biệt sâu xa giữa sự việc có hay không có mảnh giấy da màu vàng với chữ của Dakini.

Các lời dạy của Đức Padmasambhava thường kết thúc với mệnh lệnh của ngài với các đệ tử là chớ truyền bá chúng ngay mà cất dấu chúng cho lợi lạc của các thế hệ hành giả tương lai. Lý do là để gìn giữ sự liên tục của các lời dạy cốt tủy. Không cất dấu sự chỉ dạy trực tiếp như các kho tàng terma thì dòng truyền của chúng sẽ chết qua nhiều thế kỷ. Lấy một ví dụ là nhà siddha (thành tựu giả) vĩ đại Karma Pakshi; trước tác của ngài khoảng gần một trăm bộ, nhưng hôm nay chúng ta chỉ có ba bộ còn lại. Sự việc diễn ra hoàn toàn tương tự với các giáo huấn về thực hành pháp Choed – Cắt đứt ngã chấp của nữ Đạo Sư Machig Labdron, chúng có khoảng 80 hay 90 bộ, nhưng ngày nay bạn tìm đâu ra toàn bộ lời dạy quý báu ấy?

Trong dòng Nyingma, không có Đạo Sư vĩ đại nào được biết đến nhờ khả năng uyên bác, học sâu hiểu rộng hơn Rongzompa và Longchenpa. Ngay dù Rongzompa thường được xem là bác học hơn, nhưng Longchenpa thì vượt trội trong các lời chỉ dạy về cái thấy. Mỗi vị đều có một toàn tập trước tác hơn 60 hay 70 bộ; nhưng ngày nay chúng không tìm thấy được ở bất kỳ đâu. Các lời dạy biến mất!

Sự chỉ dạy của terma ngược lại, thì vô tận. Khi một tertön đích thực có một linh kiến chữ viết tượng hình biểu trưng, mỗi một chữ trở thành toàn thể một đô thị huyền hóa. Hơn nữa, các chữ của lời dạy để được viết lại tồn tại giữa không trung cho đến khi chúng được chép đúng; nếu một câu còn sống chập chờn, đó là vì vị tertön có một lỗi đánh vần sai. Như thế sự chính xác khi giải mã được bảo đảm.

Chúng ta có thể dễ dàng đồng ý về sự quý giá của ngài Padma-sambhava và Yeshe Tsogyal. Những lời dạy các ngài cất dấu trong hồ và núi không bị uổng phí. Ngay khi đúng thời điểm, bản viết xuất hiện sống động và rõ ràng trong trường kinh nghiệm của vị terton. Trước khi có sự khám phá thực sự một terma, vị terton sẽ nhận một bản văn hướng dẫn, một bản văn ngắn giải thích chỗ của terma, bảng liệt kê các lời dạy, và thời điểm đúng cho cuộc khám phá. Khi đến chỗ ấy, bà tôi nói: “Chokgyur Lingpa đã được hướng dẫn bởi một tia sáng từ trung tâm của terma, dẫn ngài thẳng đến chỗ cất dấu.”

Padmasambhava có thể thấy thông suốt ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai cũng rõ ràng như một vật đặt trên bàn tay chúng ta, bởi thế chắc chắn ngài cũng thấy loại giáo lý nào thích hợp cho các thế hệ tương lai. Khi ngài quở trách đệ tử chính là Yeshe Tsogyal hay người Tây Tạng nói chung, bất kể bạn sanh ở xứ sở nào, bạn cũng được tự do nhận lãnh sự phê bình ấy để dẹp trừ những lầm lỗi ẩn tàng. Sự nghi ngờ ngăn che lợi lạc; chớ giống như một cái hang quay mặt về phương nam nơi mà mặt trời không bao giờ tới. Khi Padmasambhava chỉ thẳng cái gì tạo ra một lỗi lầm và cái gì ngăn bít con đường giác ngộ, các chân lý như thế thật là vững chắc, không chỉ cho người Tây Tạng, mà cho bất cứ ai thành thật muốn theo một thực hành tâm linh. Vì chúng ta đang sống trong một thời đại khác với thế kỷ thứ tám, bạn có thể tự do đổi danh từ “dân Tây Tạng” thành “người của thế giới này.”

Yeshe Tsogyal là người sưu tập chính các lời dạy của Đức Padmasambhava, và không có bà chúng ta sẽ không có nhiều các lời chỉ dạy của ngài đến thế. Ananda đã là người sưu tập chính những lời của Phật Thích Ca Mâu Ni về Kinh, trong khi Vajra-pani sưu tập lời dạy Mật thừa của Ngài; trong bản chất tinh túy, chúng đồng nhất với nhau. Yeshe Tsogyal có cái được gọi là “trí nhớ không quên sót”; bà không bỏ quên một câu nào đã được nghe. Có phải là hoàn toàn vô ích khi nghe được điều gì mà lại quên mất?

Người sưu tập những lời chỉ dạy của Padmasambhava này chính là một hóa thân của các Phật Mẫu Bát Nhã ba la mật, Vajra Varahi, và Thánh Tara. Bà xuất hiện trong thế giới chúng ta cho mục tiêu đặc biệt này; nó là nhiệm vụ của bà. Ananda, Vajrapani và Yeshe Tsogyal đều được diễn tả là có trí nhớ siêu phàm, năng lực ghi nhớ không quên sót. Sự nhớ không quên sót này là giống với điều mà chúng ta gọi là không phóng tâm, bởi vì quên và phóng tâm là cùng một bản chất. Trong cuốn sách này chúng ta có những lời chỉ dạy bà đã nghe, không quên sót, được hệ thống hóa, và cuối cùng cất dấu như là kho tàng terma cho chúng ta. Yeshe Tsogyal là một phụ nữ: có thể một số người tin rằng chỉ có nam giới mới có thể đạt giác ngộ, nhưng cuộc đời của bà là bằng chứng ngược lại. Trong thực tế, trạng thái giác ngộ của tâm thì không là đàn ông hay đàn bà.

Lối văn xuôi trong *Những khai thị từ Đức Liên Hoa Sanh* là hình thức hỏi và đáp giữa Đức Padmasambhava và Yeshe Tsogyal cùng các đệ tử thân thiết, thì đồng nhất với điều được tìm thấy trong các Kinh và các Tantra, đặc biệt trong chương mở đầu của chúng, phần ‘Duyên khởi’. Bạn thấy rằng hầu hết Luật tạng về giới luật ở tu viện có được là do Đức Phật được hỏi làm thế nào để đối xử với sáu tín đồ khi họ phạm những tà hạnh. Sau khi trình bày câu chuyện về việc làm sau chót của họ, Đức Phật chế định một giới luật mới bị cấm đoán đối với một tu sĩ.

Một điểm khác là bạn rất khó tìm ra một Kinh điển nào mà không được thuyết để trả lời cho câu hỏi của ai đó. Đầu tiên một người hỏi Đức Phật về vài đề tài, và lời dạy được ban cho. Tương tự với loại chỉ dạy bằng miệng, nó chỉ được ban cho để trả lời cho một thỉnh cầu. Các Tantra được trình bày theo cùng một kiểu: Nhân vật trung tâm của mạn đà la lưu xuất ra một chúng hội bao quanh, các thành viên của hội chúng thỉnh cầu lời chỉ dạy Mật thừa. Tóm lại, hình thức hỏi đáp là kiểu cách truyền thống.

Có một lời tiên tri rằng: “Giáo lý của Phật sẽ lan rộng xa hơn về phía Bắc.” Nepal là phía Bắc Ấn Độ, và sau đó, có phải Tây Tạng là xa hơn về phía Bắc? Tôi không chắc những lời ấy xuất phát từ đâu; chúng có thể từ một terma của Đức Padma-sambhava hay có thể được chính Đức Phật nói.

Nhưng chắc chắn tiên tri là có; tôi đã nghe nó từ Dzongsar Khyentse Rinpoche. “Từ bây giờ Phật pháp sẽ lan rộng về phương Tây,” ngài nói.

Một ghi nhận khác, vì cả hai Đức Phật Thích Ca và Đức Padmasambhava đều xuất hiện bằng một tỷ hình tượng trong mỗi một tỷ hệ thống thế giới, tại sao lại không thể có hóa thân của các ngài trong mọi nước của thế giới này? Ai có thể chắc chắn được có một nơi riêng rẽ nào mà những ban phước của Phật không thấu đến? Dĩ nhiên chúng ta y cứ trên sách lịch sử cho ta biết ở đâu và khi nào Phật giáo lan tỏa, nhưng tôi cảm thấy rằng hoạt động của Phật thì thấm nhuần, trải khắp và bao trùm toàn bộ thế giới chúng ta. Ví dụ, tôi thường được nghe nói rằng Đức Padmasambhava đã viếng thăm khắp xứ Tây Tạng và Kham, ban phước mỗi ngọn núi, hang động và hồ, và không bỏ sót chỗ nào, ngay nhỏ như một dấu chân ngựa. Thế thì tại sao ngài lại bỏ qua các chỗ khác trong thế giới này? Tất cả những giáo lý từ Đức Phật dĩ nhiên là chân thật, nhưng chúng khác biệt theo cấp độ sự nhấn mạnh được đặt vào nghĩa tương đối hay tuyệt đối. Mỗi cái đều quan trọng, theo nghĩa mức độ tương đối hướng dẫn qua những chỉ dạy về hạnh đúng, trong khi mức độ tuyệt đối hoạt động qua những giáo huấn về cái thấy đúng. Những chỉ dạy này có thể được ban cho trong hình thức lời khuyên bảo cốt lõi hay các chỉ dạy bằng miệng súc tích.

Thường thường, được biết rằng người ta phải: ‘đi xuống với cái thấy’ từ trên, trong khi ‘đi lên với hạnh từ dưới.’ Đi xuống với cái thấy từ ở trên nghĩa là nhận ra quang cảnh tổng quát, trọn vẹn về Đại Toàn Thiện, trong khi đi lên với hạnh nghĩa là thực hành theo tám thừa thấp. Trong bối cảnh Kim Cương thừa, điều này đặc biệt ám chỉ đến sự tu hành mười chủ đề của Tantra.

Để kết luận, các tuyên tập khác nhau những chỉ dạy của Đức Padmasambhava gồm các giáo huấn về cả cái thấy và hạnh. Ý kiến của tôi là người ta phải trình bày chính xác các lời chỉ dạy trong hình thức nguyên thủy của nó, không thêm điều gì mà cũng không bớt điều gì. Ví dụ nếu bạn bỏ qua những lời chỉ dạy về cái thấy và chỉ trình bày các chỉ dạy về hạnh,

lời của Đức Padmasambhava sẽ trở thành bất toàn. Trong chủ đích rất ráo của cái thấy, bạn quả đã nghe những câu nói như “Không có nghiệp, không có thiện ác.” Nhưng xin hãy hiểu những câu nói ấy trong bối cảnh đúng của chúng!

Không có cái thấy, mọi chỉ dạy chỉ là cơ quyền, các giáo huấn bên ngoài về thái độ ứng xử. Nếu bạn mất cái thấy trong hạnh, không bao giờ có cơ hội nào cho giải thoát; nhưng nếu bạn mất hạnh trong cái thấy, bạn lạc vào sự tin rằng không có tốt và xấu, cả hai đều trống không. Để hiểu Kim Cương thừa, chúng ta phải học làm thế nào các chỉ dạy Mật thừa được cất dấu trong sáu giới hạn và bốn cách thức.

Nghĩa quyền nhắm vào hạnh, trong khi nghĩa thực bao gồm cái thấy. Như Milarepa nói: “Tự hành xử một cách ngu dại với cái thấy quyền cơ, bạn mất cơ hội để chứng ngộ thật nghĩa.”

Tulku Ugyen Rinpoche nói.
Chùa Động Asura, tháng mười 1993.

Chúc thư Đầu Nhọn Hạt Ngọc

Lời khai thị này được nói cho Yeshe Tsogyal.

*Ta, vị thầy Sanh Từ Hoa Sen của Uddiyana,
Tu hành giáo pháp vì sự lợi lạc cho chính mình và người khác.
Đến phía Đông của Tòa Kim Cương (Bồ Đề Đạo Tràng - Vajra Seat)
Ta nghiên cứu và uyên bác trong lời dạy Kinh điển.*

*Đến phía Nam, phía Tây và phía Bắc
Ta nghiên cứu các bộ Luật, Luận,
Và giáo lý Ba la mật đa (Paramita).*

*Ở Bhasudhara ta nghiên cứu Kriya.
Trong xứ sở Uddiyana ta nghiên cứu Yoga.
Trong đất nước Zahor ta nghiên cứu hai phần của Tantra.*

*Trong xứ sở Jah ta nghiên cứu Kilaya.
Trong đất nước Singha ta nghiên cứu Hayagriva.
Trong xứ sở Marutsey ta nghiên cứu Mamo.
Ở Nepal ta nghiên cứu Yamantaka.
Ở Tòa Kim Cương ta nghiên cứu Amrita.*

*Bốn nhóm Tantra Cha và Tantra Mẹ,
Gồm cả Guhyasamaja,
Ta nghiên cứu đến uyên thâm trong xứ sở Jala.
Đại Toàn Thiện ta học từ tâm giác bốn nhiên của ta.
Ta đã chứng ngộ rằng mọi hiện tượng đều như mộng, như ảo.*

Trong xứ sở Tây Tạng ta đã thực hiện những hoạt động rộng lớn cho lợi lạc của chúng sanh.

Trong thời đại suy hoại, thoái hóa, ta sẽ làm lợi lạc cho mọi người.

Bởi thế ta cất dấu vô số kho tàng Terma

Chúng sẽ gặp được người tiền định.

Thật may mắn phước đức cho tất cả ai tiếp xúc được với các terma này.

Hãy làm tròn mệnh lệnh của Liên Hoa Sanh!

Ngài nói như thế.

Emaho! Vào thời chót của thời kỳ này các kho tàng terma của ta sẽ nở rộ ở xứ tuyết Tây Tạng. Hãy nghe đây, tất cả những người sẽ theo lời chỉ dạy của ta vào thời gian đó!

Khó hiểu thấu bản tánh của Ati Yoga - Đại Toàn Thiện, thế nên hãy tu hành trong đó! Bản tánh này là trạng thái tỉnh giác của tâm. Dầu cho thân con vẫn còn là con người, tâm con đạt đến mức độ Phật tánh.

Bất kể các giáo lý Đại Toàn Thiện có thể sâu bao nhiêu, rộng bao nhiêu, trùm khắp bao nhiêu, thì tất cả chúng đều gồm trong điều này: Chớ thiên định về hay khởi tạo một thứ gì dầu nhỏ như vi trần và chớ phóng dật dầu cho một sát na.(1)

Có một sự nguy hiểm là người ta không hiểu được điều đó rồi dùng câu nói vô vị thế này: “Thật đúng là không cần thiên định!” Tâm họ rồi vẫn bị trói buộc bởi các tán động của công việc thế gian sanh tử, nhưng khi có người nào hiểu thấu, chúng ngộ bản tánh của không-thiên-định, người ấy sẽ thấy Sanh tử và Niết bàn là bình đẳng. Khi chúng ngộ xảy ra, con sẽ thực sự giải thoát khỏi sanh tử, các vọng niệm phiền não tự nhiên chìm lắng mất và trở thành tánh Giác bản nguyên. Dùng một thứ hiểu biết mà không giảm bớt được phiền não thì có ích gì?

Tuy nhiên, có nhiều người đắm chìm vào năm độc khi không thiên định. Họ không thấu hiểu Chân tánh và chắc chắn sẽ vào địa ngục.

Chớ có truyền dạy một cái thấy mà con chưa chứng đắc! **Vì cái thấy thì vắng dứt mọi sự thấy**, nên bản chất của tâm là một sự rộng mở bao la của tánh Không. **Vì thiên là không thiên**, hãy buông thả cho kinh nghiệm của mình tự do thoát khỏi mọi ngưng trụ. **Vì đức hạnh là vô hành (không tạo tác)**, nó chính là tánh bản nhiên không tạo tác. **Vì quả thì không bỏ mặc hay phải tiếp tục hoàn thành**, nó là Pháp thân của Đại Lạc. Bốn câu này là lời từ trái tim ta. Ngược lại với chúng, con không thể nào khám phá bản tánh của Ati Yoga.

Vào lúc chấm dứt của thời kỳ tương lai, sẽ có nhiều hành giả hư hỏng, họ xem Pháp là chuyện mua bán. Vào thời đó, tất cả những ai tuân theo lời dạy của ta, chớ từ bỏ thập thiện.

Dầu cho sự chứng ngộ của con đồng đẳng với sự chứng ngộ của chư Phật, hãy cúng dường Tam Bảo.

Dầu cho con đã chế phục được tâm mình, hãy hướng những mục tiêu sâu xa của con về Giáo Pháp. Dầu cho bản tánh của Đại Toàn Thiện là tối thượng, chớ xem thường các giáo lý khác.

Dầu cho con thấu hiểu rằng Phật và chúng sanh là bình đẳng, hãy ôm trùm tất cả chúng sanh bằng tâm đại bi. Dầu cho các con đường và các địa thì vượt khỏi sự tu hành và lộ trình, chớ từ bỏ sự tịnh hóa các che chướng ngăn ngại qua các hoạt động thuộc về Pháp. Dầu cho công đức là vượt khỏi sự thu gom, chớ cắt đứt các nguồn gốc của đức hạnh hữu vi.

Dầu cho tâm con thì vượt lên sống và chết, nhưng thân huyễn hóa này đang chết, thế nên hãy thực hành trong khi nhớ về cái chết. Dầu cho con kinh nghiệm Pháp tánh thì tự do khỏi tư tưởng, hãy duy trì Bồ đề tâm. Dầu cho con đã đạt đến kết quả của Pháp thân, hãy giữ sự tương thông với hóa thân Bản Tôn (Yidam).

Dầu cho Pháp thân là không ở chỗ nào khác, hãy tìm ra thật nghĩa. Dầu cho Phật tánh là không ở đâu khác, hãy hồi hướng mọi công đức con làm về

giác ngộ vô thượng. Dầu cho bất kỳ thứ gì kinh nghiệm được chính là tánh Giác bản nguyên, chớ để tâm con lạc vào sanh tử.

Dầu cho bản tánh của tâm con là Phật, hãy luôn luôn tôn thờ Bản Tôn hay Thầy con. Dầu cho con đã chứng ngộ bản tánh của Đại Toàn Thiện, chớ bỏ hóa thân Bản Tôn. Những người nào, thay vì làm như thế, lại nói những lời khoa trương một cách đại dốt chỉ là làm hại cho Tam Bảo và sẽ không tìm được dầu một khoảnh khắc hạnh phúc.

Vị Guru nói: Con người không nghĩ về cái chết. Đời người giống như một đồng trấu hay một cái lông chim trên đèo núi. Tử thân đến thành linh như một trận tuyết lở hay một cơn bão. Phiền não giống như rom bắt lửa. Cuộc đời con giảm dần như bóng mặt trời lặn.

Tất cả chúng sanh của ba cõi đều tự vướng mắc vào con rắn đen của sân do chính mình tự tạo. Họ tự đâm thủng mình bằng đôi sừng của con bò đỏ của tham do mình tự tạo. Họ tự làm tối tăm bằng bóng tối dày đặc của si do mình tạo lấy. Họ tự cột mình vào vách đá kiêu mạn do mình tạo ra. Họ tự xé rách nát mình với con chó sói tham lam do mình tạo lấy. Người ta không nhận rằng họ không thể trốn thoát năm nhiễm ô nguy hiểm của phiền não. Họ làm mọi thứ để kinh nghiệm những lạc thú của sanh tử của ngay đời này.

Đời này đi qua trong một phút giây ngắn ngủi, mà sanh tử thì vô cùng. Con sẽ làm gì trong đời sau? Hơn nữa, sự dài ngắn của đời này thì không chắc chắn: thời gian chết thì không thể định trước được và giống như một tử tội bị đưa đến giàn xử tử, con đi đến gần cái chết trong từng bước chân.

Mọi chúng sanh đều vô thường và chết. Con đã từng nghe về những người đã chết trong quá khứ? Con đã thấy họ hàng mình chết? Con có nhận ra mình đang già? Và rồi, thay vì thực hành giáo Pháp, con quên những buồn phiền quá khứ. Thay vì sợ khổ mai sau, con không biết đến sự khổ đau của các cõi thấp.

Bị săn đuổi bởi các hoàn cảnh thất thường, bị cột trói bằng sợi thừng của chấp trụ nhị nguyên, kiệt sức vì dòng sông tham ái, bị nhốt giam trong mạng lưới sanh tử, bị còng chặt chẽ vào nghiệp quả đã chín tới – ngay khi các tin tức của Pháp đến với con, con vẫn còn bám lấy các trò tiêu khiển và hờ hững. Có phải cái chết không xảy ra cho một người như con? Ta thương xót cho mọi chúng sanh suy nghĩ theo lối đó.

Vị Guru (Đạo Sư) nói: Khi giữ trong tâm sự thông khổ của cái chết, thì rõ ràng là mọi hoạt động đều là nguyên nhân của khổ, vậy hãy vứt chúng đi. Cắt đứt mọi dây trói, dầu là nhỏ nhất, và thiền định trong đơn độc, cô tịch về phương thuốc tánh Không. Không có bất cứ điều gì có thể giúp con vào lúc chết, thế nên hãy thực hành Pháp, vì đó là người bạn đồng hành tốt nhất của con.

Thầy của con và Tam Bảo là sự hộ tống tốt nhất, thế nên hãy khẩn thiết quy y. Thực hành Pháp là cái giúp cho trạng thái tâm con tốt nhất. Hãy nhớ điều con đã nghe, vì Pháp là đáng tin cậy nhất.

Bất kể giáo lý nào con thực hành, hãy bỏ đi buồn ngủ, hôn trầm, lười biếng. Trái lại, hãy trang bị vũ khí chuyên cần. Bất kể giáo lý nào con đã hiểu, tự mình chớ lìa khỏi ý nghĩa của nó.

Ngài Padmasambhava nói: Hãy làm như vậy nếu con muốn thực hành Chánh pháp! Giữ lời dạy của Thầy trong tâm. Chớ ý niệm hóa kinh nghiệm của con, vì nó chắc chắn làm cho con bị ràng buộc hay cấu kình. Ngày và đêm, hãy nhìn vào tâm mình. Nếu dòng tâm thức có chứa một hạnh xấu nào, hãy từ bỏ nó từ sâu thẳm lòng mình và theo đuổi hạnh tốt.

Hơn nữa, khi con thấy người khác mắc phạm điều xấu, hãy có tâm bi với họ. Chắc chắn có thể là con cảm thấy thích hay ghét một vài đối tượng của giác quan. Hãy vứt nó đi. Khi cảm thấy dính kết với cái gì hấp dẫn hay ác cảm với cái gì ghê tởm, hãy hiểu rằng đây là ảo giác của tâm con, chúng chỉ là huyễn hóa.

Khi con nghe những lời thích thú hay không thích thú, hãy hiểu chúng là tiếng vang trống không, như tiếng dội. Khi con gặp sự bất hạnh ngặt nghèo hay thống khổ, hãy hiểu đó là chuyện xảy ra tạm thời, một kinh nghiệm không thật. Hãy nhận ra rằng tự tánh vốn sẵn đủ chẳng bao giờ cách lìa con.

Có được thân người là cực kỳ khó, thế nên thật là ngu muội nếu không hiểu biết Pháp một khi đã tìm được nó. Chỉ có Pháp mới cứu được con; mọi thứ khác đều là sự lừa dối của thế gian.

Vị Guru (Đạo Sư) lại nói: Người với nghiệp thấp kém nhắm đến sự lớn lao và phù phiếm của thế giới này và hành động không nghĩ đến nghiệp quả. Sự thống khổ về sau sẽ kéo dài hơn là hiện tại, thế nên hãy từ ái và bi mẫn đối với chúng sanh ba cõi. Hãy thường trực tương thông với tâm tính giác của Bồ đề tâm. Hãy từ bỏ mười nghiệp bất thiện và nuôi dưỡng mười thiện nghiệp.

Chớ nhìn bất kỳ chúng sanh nào như kẻ thù của mình: Làm thế chỉ là vọng tưởng của tâm con. Chớ tìm kiếm thức ăn và nước uống bằng nói dối và lừa lọc. Dầu bụng con có đầy trong kiếp này, nó sẽ rất nặng nề trong kiếp tới.

Chớ lao vào làm ăn và lợi lộc: nói chung, nó chỉ là trò tiêu khiển giết thời giờ cho cả con và người khác. Chớ xem sự giàu có là quan trọng, vì nó là kẻ thù của thiền định và thực hành giáo pháp.

Chỉ chú ý vào thức ăn là một nguyên nhân phóng tâm: Hãy giữ thực phẩm cho hành thiền chỉ đủ để duy trì thân mạng. Khi con sống tách biệt, tâm con cũng sẽ như vậy. Hãy bỏ đi sự trò chuyện vô ích và nói ít thôi. Nếu con làm tổn hại tình cảm người khác, cả hai đều tạo nghiệp xấu.

Tổng quát, mọi chúng sanh không trừ ai đều là cha mẹ của con, thế nên đừng cho phép mình bị bám luyến hay ghét bỏ. Hãy duy trì một tâm trạng bình an. Bỏ đi giận dữ và lời thô bạo; thay vào đó nói với một khuôn mặt tươi cười.

Lòng tốt của cha mẹ không thể đáp đền dầu con có hy sinh đời mình, thế nên hãy tôn trọng trong tư tưởng, lời nói và hành vi. Đức hạnh và cái xấu đều đến từ đối tượng được thấy biết và các mối liên lạc, thế nên chớ giữ mối liên lạc với người làm ác. Chớ ở một nơi mà người ta hiềm khích với con và nó thúc đẩy thêm giận dữ và tham muốn. Nếu con làm thế, nó chỉ tăng thêm phiền não trong con và trong những người khác.

Hãy ở chỗ nào mà tâm trạng con thoải mái và sự thực hành Pháp của con tiến bộ một cách tự động. Cư trú chỗ nào có sự ham thích hay ác cảm nhiều chỉ làm loạn tâm. Hãy ở nơi mà sự thực hành Pháp tiến triển.

Nếu con kiêu mạn, công đức con bị giảm, thế nên hãy bỏ đi kiêu căng và ngã mạn. Nếu con trở nên chán nản và thất vọng, hãy tự an ủi mình và tự làm cố vấn cho mình. Hãy dẫn thân trở lại vào con đường.

Vị Guru (Đạo Sư) nói: Nếu con muốn thật sự thực hành Pháp, hãy làm điều đức hạnh, dầu chỉ là việc nhỏ nhất. Từ bỏ ác hạnh dầu chỉ là điều nhỏ nhất. Đại dương bao la được làm từ những giọt nước; ngay cả núi Tu Di và bốn châu lục cũng được tạo ra từ những hạt vi trần nhỏ nhoi.

Bất kể con cho đi thứ gì dầu nhỏ như một hạt mè; nếu con cho với tâm bi và Bồ đề tâm thì con đã thành tựu trăm ngàn lần phước đức. Nếu con cho mà không có quyết định của Bồ đề tâm, phước đức của con sẽ giảm đi, dầu cho cả ngựa hay lâu đài.

Chớ dung dưỡng những người bạn tâm bốc và không thật lòng. Hãy chân thành trong tư tưởng và việc làm. Nền tảng của sự thực hành Pháp đặt nơi Samaya (giới nguyện Mật thừa), Đại bi và Bồ đề tâm thanh tịnh. Các Samaya của Mật thừa, các điều luật của Bồ tát và các giới luật của Thanh Văn đều bao hàm trong ấy.

Vị Guru (Đạo Sư) nói: Hãy tiêu dùng thực phẩm và của cải vào việc đức hạnh. Con người nói: “Cần của cải cho lúc chết.” Nhưng khi con bị tra khảo bởi bệnh tật, con không thể chia phần sự đau đớn bằng tiền bạc, dầu có đông

người giúp đỡ con, và con đau của con không lớn hơn nếu con không có gì cả.

Vào lúc đó chẳng khác nhau gì hoặc là con có người trợ giúp, người hầu, bà con và của cải hay không. Tất cả đều là nguyên nhân của bám chấp. Chấp bám trói buộc con, dầu là chấp bám vào hóa thân Bồ Tôn hay vào Pháp. Sự dính bám của người giàu vào trăm, ngàn lượng vàng và sự dính bám của người nghèo vào kim chỉ đều là trói buộc như nhau. Hãy quăng bỏ sự dính bám, nó ngăn chặn cánh cửa giải thoát.

Khi con chết, cũng như nhau hoặc là thân thể con được hỏa thiêu bằng trầm hương hay để cho chim và chó ăn ở nơi không người. Con ra đi, cùng với nghiệp tốt hay nghiệp xấu đã mắc phải khi còn sống. Danh thơm hay tiếng xấu, kho lẫm và giàu có, quý nhân giúp đỡ và người hầu hạ đều bỏ lại phía sau.

Vào ngày con chết, con sẽ cần một vị thầy cao cả, thế nên hãy kiếm một vị Thầy. Không có Thầy, con không thể hiểu biết giác ngộ, thế nên hãy theo một vị Thầy đủ phẩm chất và hoàn thành bất cứ thứ gì ngài yêu cầu.

Vị Guru (Đạo Sư) lại nói: Nghe đây, hỏi những người may mắn của các thời đại sau tuân theo lời dạy của Padmakara! Trước tiên, khi bước vào con đường, con phải chuyên cần. Vì rất lâu trong quá khứ, con đã mãi mê trong kinh nghiệm mê lầm; từ vô số kiếp, bất kỳ điều gì con làm đều lạc trong mê vọng. Hãy cắt đứt cái mê vọng này ngay khi con có được một thân người.

Tất cả chúng sanh đều bị che ám bởi bóng tối của căn bản vô minh. Khi kinh nghiệm danh tướng nhị nguyên khởi lên, nó được làm vững chắc thêm bởi sự trụ tướng phân biệt. Dầu bất cứ điều gì họ làm, họ đều mắc vào các việc làm đáng thương. Ngục tù huyễn hoặc này của sáu loại chúng sanh thật là khó thoát!

Cực kỳ khó khăn để có được một thân người. Có được thân người, chỉ có ít người nghe được danh hiệu Phật. Sau khi nghe được, rất ít người có được niềm tin. Và ngay dù có được niềm tin, sau khi đi vào giáo pháp, nhiều

người giống như những con thú ương ngạnh phá vỡ các lời thệ nguyện và giới luật rồi sa đọa. Thấy các chúng sanh đó, các Bồ Tát thất vọng, và ta, Padmakara, buồn rầu.

Tsogyal, ở một nơi mà giáo lý của Phật hiện diện, ngay người có được một thân người hoàn hảo là đã từng có vô số đời tích chứa công đức vô biên, nhưng họ vẫn còn đầy đủ nghiệp quả của sáu loài.

Vài người trong số đó, nghe được những phẩm tính của Phật, vẫn bốc cháy bởi tham đắm và giận dữ, lo sợ rằng người khác cũng sẽ quan tâm đến. Đã thành tín đồ theo Phật pháp, họ lo sợ rằng sanh tử kia sẽ cạn kiệt. Loại tham đắm và giận dữ này là chủng tử cho địa ngục. Trong các đời tới, họ sanh vào các nơi chốn chẳng bao giờ nghe đến danh Tam Bảo.

Những người đang sống hay sẽ xuất hiện trong tương lai và những người nghe lời của Padmakara, đây là điều con nên làm: Để cho có được lợi lạc khi đã được thân người, con cần giáo pháp cao cả. Người bám níu và khát khao uy tín và danh vọng hơn là thực hành Pháp sẽ thuộc về mức độ cao nhất ở trong loài thú.

Nếu con nghi ngờ điều này thì hãy suy nghĩ kỹ càng: lo cho thân này được tiện nghi thoải mái, lo cho nó được trường tồn, lo người khác thắng mình, lo cho người thân được lợi thế, lo người thù ghét mình bị trả đũa – những thứ ấy mọi người thế gian đều có đủ. Chim trên trời, chuột trong hang, kiến sống dưới lỗ tất cả đều có giống như vậy. Tất cả chúng sanh đều có như vậy.

Có ít kẻ thù hơn những người khác chỉ là mức độ cao nhất trong loài vật. Để thực hành Pháp, con phải vất bỏ sự quyến luyến vào một xứ sở. Quê hương con là nơi sanh quán của bám luyến và sân hận.

Hãy giữ thực phẩm và của cải đủ dùng để ăn và mang đi. Làm như thế cho đến khi con vất bỏ được mê đắm, bám níu vào thức ăn và đồ mặc. Chớ giữ tài sản, nó sẽ trở thành một sự phóng tâm. Hãy tìm một nơi hoang dã, người

không lui tới. Giữ thực phẩm đủ duy trì mạng sống, sống nơi cô tịch, ở ngoài mọi ràng buộc bè bạn.

Trước hết, tịnh hóa các nghiệp xấu. Tiếp theo, nhìn vào trong tâm con! Sự kiện rằng trạng thái bản nhiên của tâm không kéo dài mà phóng xuất các niệm là bằng chứng nó là trống không. Sự xảy ra không ngừng các niệm tưởng lưu xuất chính là cái sáng chiếu thấu biết của nó. Chớ theo đuổi sự lưu xuất của các niệm. Chớ bám vào phương diện chiếu sáng của nó. Bằng cách buông xả, chú tâm và nhận biết yếu tính của nó, tánh Giác bản nhiên mọc lên soi tỏ như là Pháp thân.

Thỉnh thoảng, làm những thực hành để tịnh hóa các chướng ngại và làm hỗ trợ nâng cao. Nếu con có thể theo chúc thư của ta theo lối này, con sẽ đạt đến trạng thái Vajra-dhara (Kim Cang Trì) trong chỉ đời này.

Tsogyal, có người nào đó với bề ngoài nâu sậm và dữ tợn sẽ xuất hiện gần thời chót của các giáo lý của Đức Phật Thích Ca. Để cho người đó, hãy cất dấu các lời này của ta trong một cái tráp bằng da tê giác màu nâu.

Như thế ngài đã nói.

Chúc thư của Đạo Sư Liên Hoa Sanh xứ Uddiyana có tên là Đầu Nhọn Hạt Ngọc hoàn thành ở đây.

Nó được khám phá bởi Rigdzin Gošdem, vị Vidyadhara với lông chim kên kên, từ kho tàng màu trắng phương Đông.

Samaya, Gya Gya Gya (niêm phong: Ân, Ân, Ân)

Mong là tốt lành.

Mong là tốt lành.

Mong là tốt lành.

SARVA MANGALAM.

Lời Khai Thị Cho Vua Trisong Deutsen

Emaho! Đạo Sư Padmasambhava được vua Trisong Deutsen mời để thuần hóa địa điểm và xây dựng chùa Samye, có tên là Sự Thành Tựu Toàn Thiện Tự Nhiên Rạng Rỡ của Những Nguyện Vọng Vô Biên. Về sau, khi kết thúc lễ tôn phong, vua mời Đạo Sư, người mặc một áo choàng thêu màu nâu đậm, ngồi trên một ngai trái đệm lụa trong một căn phòng trung tâm trên lầu. Vua dâng cho Đạo Sư rượu vang làm từ gạo, và đặt những cốc đầy vàng và bạc ở hai bên tay ngài. Nhà vua dâng cúng một số đồ vật và đặt trên một đĩa mạn đà la bằng vàng một số hoa bằng bảy báu. Vua cởi ra từ cổ mình một món đồ trang sức lam ngọc tên là Maru Rục Rỡ và đặt lên như là tượng trưng cho mặt trời, và một món đồ khác có tên là Kenru Kongchok như là tượng trưng của mặt trăng. Vua gom các thứ quý báu khác thêm vào trên đĩa vàng để tượng trưng cho núi Tu Di và bốn châu lục, và dâng cho bậc Đạo Sư với lời tán thán:

“Không dựa vào cha mẹ, hóa thân của ngài xuất hiện trong một hoa sen, Nó hiện hữu để ảnh hưởng lên chúng sanh như là thân Kim Cang cắt đứt dòng sanh tử.

Từ sự vô hạn của chúng ngộ, ngài phát lộ Tâm Phật cho người xứng đáng. Thiện xảo hóa độ với nhiều phương tiện, ngài trói buộc các vị thần kiêu căng và quỷ dữ dưới lời thệ nguyện.

Với hoạt động toàn hảo của ba thân, hóa thân ngài vượt quá hóa thân của tất cả chư Phật.

Con xin đánh lễ hình tướng Hoa Sen Kim Cương Phần Nộ (Pedma Toštreng Tsal) và ngợi ca ngài với lòng sùng mộ.

Dù ngài không đắm chìm khi thọ hưởng ngũ dục,

Ngài từ bi chấp nhận chúng để cho mọi chúng sanh có thể tạo ra phước đức”

Xin hãy đoái tưởng đến con khi con cầu xin ngài ban cho ý nghĩa sâu xa tối thượng!”

Đạo Sư trả lời: “Thưa ngài, ngài yêu thích hình tướng hiện thời của tôi?”

Nhà vua trả lời: “Vâng, thưa Thầy.” Và tiếp tục:

Giải thoát khỏi bệnh hoạn của tứ đại, siêu việt cả sanh và tử
Ngài sở hữu Đại bi siêu xuất để làm việc vì lợi lạc của chúng sanh
Tâm ngài thường trụ như tự tánh của Pháp giới;
Vâng, tôi yêu thích hình tướng của ngài, bậc bảo hộ cho chúng sanh!

Thế rồi Đạo Sư nói:

Ngài hãy biết rằng vị Thầy thì quan trọng hơn
Cả ngàn vị Phật của kiếp này.
Tại sao vậy? Bởi vì tất cả chư Phật của kiếp này
Đều xuất hiện sau khi đã theo một vị Thầy.
Trước khi có một vị Thầy
Thì danh từ “chư Phật” chưa hiện hữu.

Cũng có nói rằng:

Vị Thầy là Phật, vị Thầy là Pháp
Cũng thế vị Thầy là Tăng;
Nhu thế vị Thầy là gốc của Tam Bảo.
Hãy bỏ qua một bên mọi thờ phụng khác,
Mà chuyên cần phụng sự Thầy của ngài.
Tùy hỷ Người, ngài sẽ nhận được mọi chứng đắc ngài mong muốn.

Rồi nhà vua thưa hỏi Đạo Sư Padmasambhava: Thưa Đại Sư, khi cố gắng thành tựu quả là Phật tánh, từ nhân là một chúng sanh hữu tình, trước hết cái thấy của sự chứng ngộ là cực kỳ quan trọng. Có được “cái thấy của sự chứng ngộ” có nghĩa là gì?

Đức Thầy trả lời: Tột đỉnh của mọi cái thấy (kiến) là tinh túy Bồ đề tâm của tâm giác ngộ. Tất cả hàng tỷ vũ trụ, tất cả Như Lai mười phương, và mọi chúng sanh trong ba cõi đều cùng một bản tính, bao hàm trong tinh túy Bồ

đề tâm giác ngộ này. **“Tâm” ở đây nghĩa là sự đa dạng khởi từ cái vô sanh, vô tác.**

Vâng, ngài có thể hỏi rằng: ‘Đâu là sự khác biệt giữa chư Phật và các chúng sanh?’ Đó không gì khác hơn là tâm giác ngộ hay không giác ngộ. Bản chất của trạng thái giác ngộ của một vị Phật thường hằng hiện diện trong ngài, nhưng ngài lại không nhận ra nó. Không nhận biết tự tâm, các chúng sanh luân lạc vào sáu đường sanh tử. Rồi ngài có thể hỏi: “Thế nào là con đường chứng ngộ tự tâm?” Điều ấy đã được dạy rằng, ngài cần lời dạy truyền khẩu của một vị thầy.

Về mặt này, ‘tâm’ là cái suy nghĩ và nhận biết; thật vậy, có cái gì đó đang kinh nghiệm. Chớ tìm tâm này ở bên ngoài, hãy nhìn vào trong! Hãy để cho tâm tìm kiếm chính nó! Hãy xác chứng bản tính của tâm là thế nào!

Trước tiên, từ đâu tâm sanh khởi? Ngay giờ đây, nó dừng ở đâu? Cuối cùng, hãy nhìn nó đi đâu? Khi tâm ngài nhìn vào chính nó, nó thấy rằng không có chỗ nào từ đó nó khởi sanh, dừng trụ lại hay đi mất. Không có sự giải thích nào về ‘nó là như thế nào’. Tâm được khám phá là chẳng phải cái gì ở ngoài hay ở trong. Nó không có ai đang nhìn; nó không phải là hành động nhìn. Nó được chứng nghiệm như là một trạng thái tinh giác bản nguyên, không có trung tâm cũng không có chu vi, một sự biến mãn bao la trống không và tự do một cách nguyên thủy. Sự tinh giác bản nguyên này là vốn sẵn và tự hữu. Nó không phải được tạo ra lúc bây giờ, mà vốn sẵn hiện diện trong chính ngài từ vô thủy. Hãy xác quyết rằng cái thấy chính là nhận ra xác thực Cái Ấy! ‘Có được niềm tin’ vào điều này có nghĩa là nhận biết rằng cũng giống như hư không, tâm vốn hiện hữu sẵn đủ từ vô thủy. Như mặt trời, nó giải thoát khỏi bất kỳ căn bản vô minh tối ám nào. Như hoa sen, nó chẳng nhiễm ô bởi nghiệp tội. Như vàng ròng, nó không biến hoại bản chất. Như đại dương, nó bất động. Như một dòng sông, nó không ngừng dứt. Như núi Tu Di, nó không đổi thay. Một khi ngài nhận biết (chứng ngộ) bản tánh chân thực của nó (và làm vững vàng nó), điều ấy gọi là ‘có được cái thấy của sự chứng ngộ’.

Nhà vua hỏi: ‘Có được kinh nghiệm về thiền định’ là thế nào?

Đức Thầy trả lời: Nghe đây, thưa Bệ hạ! ‘Có được kinh nghiệm về thiền định’ nghĩa là buông thả cho tâm ngài không thi thiết, không suy bại và tươi mới. Hãy để tâm ngài an nghỉ trong trạng thái tự nhiên, không câu thúc và tự do. Bằng cách không trụ tâm vào cái gì bên ngoài cũng không tập trung bên trong, ngài ở nơi sự giải thoát khỏi mọi tiêu điểm. Trong trạng thái an định vĩ đại này của tự tánh, hãy để cho tâm ngài dừng nghỉ không động lay, cũng như ngọn lửa của một ngọn đèn sáp không chao động bởi gió.

Trong trạng thái này, các kinh nghiệm có thể xảy ra: tâm thức ngài có thể trở nên tràn trề, sáng tỏ hay dừng lại; lạc phúc, sáng rõ hay thoát khỏi tư tưởng; nó có thể cảm thấy mờ tối, không có điểm quy chiếu, và không hòa hợp với các cách thế của thế giới này. Nếu các kinh nghiệm này xảy ra, chớ cho chúng là một mối quan trọng đặc biệt nào, vì chúng chỉ là những kinh nghiệm thoáng qua, nhất thời. Chớ trụ trước gì vào chúng! Đó gọi là ‘có được kinh nghiệm về thiền định’.

Nhà vua hỏi: Có được hạnh ‘vị bình đẳng’ là nghĩa thế nào?

Đức Thầy trả lời: ‘Hạnh’ ở đây nghĩa là không gián đoạn trong thiền định; không tán thất tâm, dầu cho là không có cái gì để thiền định về cả. Như dòng chảy không ngừng của một con sông, ngài nhớ (niệm) luôn luôn qua mọi tình huống, đi, đứng, nằm, ngồi. ‘Vị bình đẳng’ nghĩa là ôm trùm lấy cái gì ngài thấy, hay cái gì cảm thọ của năm giác quan xảy đến, với sự nhận biết rõ ràng về tự tánh ngài, vốn giải thoát mọi ràng buộc hay bám níu. Chớ nhận hay bỏ bất cứ điều gì, giống như đến một hòn đảo toàn vàng quý. Đây gọi là “có được hạnh ‘vị bình đẳng’.”

Nhà vua lại hỏi: “Cái gì làm cho người ta vượt qua hẻm núi nguy hiểm của động niệm?”

Đức Thầy trả lời: Khi tư tưởng ý niệm xảy ra đang lúc thiền định, bất kỳ cái gì sanh khởi đều là từ tâm của chính mình. Bởi vì tâm không có tự tánh, nên tư tưởng chính nó cũng trống rỗng mọi thực thể. Giống như một đám mây

nảy sanh giữa không gian và biến mất trở lại trong không gian, niệm khởi trong tâm và lại tan biến trong tâm. Trong bản chất, tư tưởng ý niệm là pháp tánh xưa nay.

‘Vượt qua hẻm núi nguy hiểm’ nghĩa là khi tâm động thành đủ thứ tư tưởng, ngài nên hướng sự chú ý vào chính tâm này. Như một tên trộm đi vào một căn nhà trống, những tư tưởng rỗng không thì không chướng ngại gì cho một tâm trống rỗng. Đó gọi là ‘vượt qua hẻm núi hiểm nguy của động niệm’.

Nhà vua hỏi Đạo Sư: Làm thế nào người ta ‘có được sự tin chắc không đổi của Quả?’

Đức Thầy trả lời: Hãy nghe điều này, thưa Bệ hạ! Tâm giác của Bồ đề tâm không sanh ra từ nguyên nhân nào cũng không tiêu diệt bởi hoàn cảnh nào. Nó không được tạo ra bởi chư Phật trí huệ cũng không được sản xuất ra bởi các chúng sanh thông thái. Nó vốn sẵn đủ, hiện diện nơi ngài như là sở hữu tự nhiên của ngài. Khi qua lời chỉ dạy của vị Thầy, ngài nhận ra nó, từ đó tâm là tổ tiên của chư Phật, cũng như sự nhận ra một người mà ngài đã từng biết.

Tất cả chư Phật ba đời đạt đến giác ngộ trong sự tương tục thể hiện **Cái Đây** sau khi đạt đến sự vững chắc an định, giống như một hoàng tử lên ngôi vua. Tỉnh giác với cái vốn hiện diện từ vô thủy, thoát khỏi mọi sợ hãi và đe dọa, gọi là ‘có được sự tin chắc bất biến của Quả’.

Nhà vua hỏi Đạo Sư: Cái gì làm ngài ‘cắt đứt những giới hạn của lầm lạc và lỗi lầm?’

Đức Thầy trả lời: Thưa ngài, có hy vọng hay lo sợ là do lỗi không thấu hiểu, hiện thực được cái thấy. Tâm Bồ đề tánh Giác không hy vọng có được giác ngộ, cũng không lo sợ rơi vào trạng thái chúng sanh.

Bám nắm ý niệm có người tham thiền và có đối tượng tham thiền là do lỗi không cắt đứt các phóng tưởng của tâm nhân ngã. Tự tánh pháp tánh của

ngài, tự do khỏi mọi tạo tác, không có đối tượng nào để thiên định về, không có một ai đang thiên định, hay bất kỳ loại thiên định nào để trau dồi.

Nhận lấy hay chôi bỏ là do lỗi không cắt đứt sự bám luyến và trụ trước. Bản tánh trống không và tự do của tâm không có cái gì để thành tựu cho ngài bám nắm, cũng không có cái gì phải chôi bỏ cho ngài có thể hiềm ghét. Nó không có tốt cần phải nhận lấy cũng không có xấu để phải khước từ.

Bị bám dính vào các sở hữu là do lỗi không hiểu thực hành là thế nào. Thực hành đối với mọi sự vật là tự do khỏi mọi tiêu điểm và an trụ, và hiểu rằng sự bám níu và chấp trước đều không có nền tảng và gốc rễ.

Cô đọng mọi điều trên vào trong một câu: Cái thấy là thoát khỏi quan niệm phân biệt,(2) thiên định là không trụ vào cái gì cả, kinh nghiệm là giải thoát khỏi sự hưởng nếm mùi vị, và quả là vượt ngoài chứng đắc. Chư Phật ba đời đã không dạy, đang không dạy và sẽ không dạy điều gì khác hơn cái này. Đó gọi là ‘cắt đứt những giới hạn của lầm lạc và lỗi lầm’.

Nhà vua hỏi Đạo Sư: ‘Xóa đi lỗi lầm của tà kiến’ nghĩa là thế nào?

Đức Thầy trả lời: Dầu cho ngài đã rõ biết tâm mình là Phật, chớ có từ bỏ Thầy mình! Dầu cho ngài đã chứng ngộ các hình tướng đều là tâm, chớ ngưng nghỉ công đức dầu hữu hạn và bị lệ thuộc nhân duyên! Dầu cho ngài không mong cầu Phật tánh, hãy tôn vinh Tam Bảo cao cả! Dầu cho ngài không sợ sanh tử, hãy không có ngay cả một hạnh xấu nhỏ nhất! Dầu cho ngài đạt được niềm tin bất biến vào tự tánh mình, chớ xem nhẹ bất kỳ lời dạy tâm linh nào! Dầu cho ngài kinh nghiệm những tính chất của Đại định, những tri giác cấp cao các thứ, hãy vất bỏ kiêu căng và tự phụ. Dầu cho ngài đã chứng nghiệm thấu suốt rằng Sanh tử và Niết bàn là bất nhị, chớ ngừng phát triển lòng từ bi đối với mọi chúng sanh!

Rồi nhà vua lại hỏi: ‘Đạt được sự xác tín’ có nghĩa là gì?

Đức Thầy trả lời: Đạt được xác tín rằng từ vô thủy tự tâm ngài chính là tánh Giác của Phật tánh. Đạt được xác tín rằng mọi hiện tượng đều là trò phô bày hóa hiện huyền hóa của tâm ngài. Đạt được xác tín rằng Quả là đang hiện

diện trong ngài và không phải tìm ở đâu khác. Đạt được xác tín rằng Thầy ngài là vị Phật trong hình tướng con người. Đạt được xác tín rằng bản tánh của cái thấy (kiến) và thiên định (thiền) là sự chứng ngộ của chư Phật. Để đạt được niềm tin như thế ngài phải thực hành!(3)

Nhà vua lại hỏi: ‘Có được sự truyền dạy bằng miệng’ là như thế nào?

Đức Thầy trả lời: Nhờ sự ban phước, Đức Phổ Hiền bày tỏ các lời bí mật này vào tai của Vajrasattva. Vajrasattva rót chúng vào tai của Garab Dorje. Garab Dorje giao phó chúng vào trong tâm của Shri Singha. Shri Singha ban chúng cho tôi, Padma-sambhava. Hỡi Trisong Deutsen, hãy giữ chúng trong lõi của tâm ngài!(4)

Đạo Sư dạy cho nhà vua: Thừa bệ hạ, trừ phi ngài chứng ngộ bản tánh vô sanh của Pháp tánh, dù cho ngài được sanh ra trong thân thể của một quân vương, thì cuộc đời cũng qua đi như một cái bọt trong nước.

Trừ phi ngài kinh nghiệm tự tánh bản sinh của Pháp tánh vốn siêu việt khỏi tư tưởng, động niệm, không thì ngài sẽ khổ đau vì vương quốc và quyền lực thế gian của mình, chúng cũng không có bản chất cố hữu nào, vô tự tánh như một cái cầu vồng, nhạt nhòa và tan biến.

Trừ phi ngài kết bạn với Người Ấy - tánh Giác tự tại, không thì khi bỏ cuộc đời này, ngài sẽ không thể cắt đứt sự bám níu vào các hoàng hậu, người hầu và tôi tớ của mình, họ chỉ là những mối quen biết phải bỏ lại trên cuộc hành trình.

Trừ phi ngài quen dần với trạng thái bản nhiên của cái thấy và thiên định, không thì ngài sẽ chạy hết vòng từ đời này sang đời khác, như trên vành của một bánh xe quay nước, đi vào khi sanh và rời bỏ khi chết.

Trừ phi ngài điều hành vương quốc ngài với chân lý của hòa bình, không thì các luật lệ chặt chẽ cũng sẽ giống như một cây có nhựa độc sẽ hủy hoại chính nó. Đại Vương, xin ngài hãy cai trị tùy thuận với Chánh pháp!

Đạo Sư lại dạy cho nhà vua: Thưa Bệ hạ, vào lúc chấm dứt của thời kỳ này, con người khao khát các giáo huấn tuyệt diệu, nhưng sẽ không thực hành chúng. Không theo lời dạy của Pháp, nhiều người sẽ truyền bá rằng họ là những hành giả. Vào thời ấy có nhiều kẻ khoe khoang và ít người thành tựu. Khi Phật pháp ngừng dứt ở Trung Hoa, Tây Tạng và Mông Cổ, giống như một áo giáp ghép bằng các mảnh kim loại bị vỡ ra, con người rất khó thuận phục. Vào thời ấy, các lời dạy này phải được giữ gìn cho Phật pháp, nên ngài hãy niệm cất chúng như là một kho tàng Terma.

Thưa Bệ hạ, trong đời chót của ngài, ngài sẽ gặp các lời dạy này và những người bảo vệ Phật pháp. Rồi ngài sẽ ngưng dòng tái sanh và đi đến cấp bậc của một vị Trì Minh Vương Vidyadhara, thế nên chớ phổ biến chúng trong lúc này.

Hoan hỷ vô cùng, vua thiết lập một lễ dâng cúng mạn đà la bằng vàng và lễ lạy đi nhiều quanh vô số lần.

Dấu ấn niệm kho tàng.

Dấu ấn niệm che dấu.

Dấu ấn niệm giao phó.

Không Có Sự Xung Đột Giữa Tiểu thừa và Đại thừa

Vua Trisong Deutsen dâng cúng một mạn đà la bằng vàng cho Đại Đạo Sư Padmakara và nói: Kỳ diệu thay! Thừa Đại Sư, con xin ngài dạy cho phương pháp thực hành chúng tỏ rằng không có sự xung đột giữa Tiểu thừa và Đại thừa.

Đạo Sư trả lời: **Emaho**, thừa Đại Vương, thật hiếm hoi tiếp tục được sanh ra làm một ông vua trong một thân người hoàn hảo cùng với phước đức, thế nên thật quan trọng khi trị vì được vương quốc của Pháp.

Ngài có thể duy trì một luật lệ chặt chẽ đối với các hoạt động trần thế nhưng nó làm hại cho các chúng sanh, thế nên điều quan trọng là tu hành Bồ đề tâm.

Ngài có thể yêu quý cái thân huyễn hóa này với lòng say mê lớn lao, nhưng giờ phút của cái chết thì không chắc chắn. Tóc trắng và các vết nhăn của ngài là điềm báo của cái chết, thế nên điều quan trọng là cảm thấy nhàm chán và nỗ lực trong các phương thuốc, tức là sự thực hành Pháp.

Nguyên nhân để đi vào con đường giải thoát là giữ gìn sự biết hổ thẹn và khiêm tốn, xa lánh hạnh xấu, thế nên điều quan trọng là tuân thủ những lời thệ nguyện và giới luật mà không làm hư hại chúng.

Chúng sanh hữu tình là đối tượng của lòng đại bi, thế nên hãy thoát khỏi thành kiến đối với các sự quen biết mới. Điều quan trọng là đưa tất cả cận thân, thân dân và quyến thuộc vào Chánh pháp và ủng hộ họ.

Người ta có thể không bao giờ gom góp cho đủ các vật phẩm như thức ăn và của cải, thế nên, điều quan trọng là dùng chúng cho Chánh pháp mà không để cho chúng bị hoang phí bằng cách trở thành lương thực cho kẻ thù và ma quỷ.

Không có đức tin và sùng mộ, người ta không thể nhận tinh túy của những lời dạy truyền khẩu, thế nên điều quan trọng là tôn thờ và phụng sự dòng truyền các Đạo Sư với niềm tin, sùng mộ và tin cậy.

Chính vị Thầy chỉ cho ngài trí huệ về Phật tánh thường hằng hiện diện nơi chính ngài, thế nên điều quan trọng là thỉnh cầu lời khai thị từ một vị Thầy của dòng trực chỉ và rồi đem nó vào thực hành.

Ngài không nhận được những sự ban phước khi ngài để thân, khẩu, ý trong tình trạng bình thường, thế nên điều quan trọng là tập trung thân, khẩu, ý vào hiện thân của hóa thân Bản Tôn, thần chú và trạng thái bản nhiên vượt khỏi ý niệm.

Nếu ngài theo đuổi các việc làm bình thường thì thân, khẩu, tâm ngài sẽ chạy rông trong các kinh nghiệm thế gian, thế nên điều quan trọng là khéo léo bỏ đi các bầu bạn xấu và ẩn cư trong núi.

Cha mẹ, anh em, con cái và thê thiếp cũng giống như những người khách du lịch thoáng qua. Ngài sẽ không thể cùng ở mãi với họ, thế nên điều quan trọng là buông bỏ ràng buộc và tự chế với phái nữ, nguồn gốc của sanh tử luân hồi.

Mọi thành tựu, danh dự và tiếng tăm của đời này là nguyên nhân cho sự phóng dật và các chướng ngại, thế nên điều quan trọng là vất bỏ mọi bận tâm với đời này và khước từ toàn bộ tám sự quan tâm thuộc về thế gian.

Mọi kinh nghiệm hiện thời của ngài, cảm giác sướng khổ đa dạng, đều giả tạo và không thực, thế nên điều quan trọng là nhận biết rằng tất cả những gì xuất hiện và có mặt đều không có một hiện hữu độc lập, đều vô tự tánh, giống như một sự hiện hình ảo huyền hay một giấc mộng.

Tâm thì giống như một con ngựa rừng chạy rông bất kỳ chỗ nào nó thích, thế nên điều quan trọng là luôn luôn chánh niệm tỉnh giác.

Bản tánh của tâm ngài, không thể chỉ điềm, là tánh Giác tự có xưa nay vốn sẵn; điều quan trọng là nhìn vào chính ngài và nhận ra bản tánh của ngài.

Khi nắm bắt cái tâm, nó không còn lại, thế nên điều quan trọng là buông xả thân tâm từ bên trong, và để cho sự chú tâm ở trong trạng thái tự nhiên vốn sẵn của nó.

Mọi sửa trị và tạo tác là sự làm lạc thêm một lần thứ hai nữa của chính tư tưởng, thế nên điều quan trọng là buông xả hoạt động phồn tạp của tư tưởng trong khi để nó được tự do trong trạng thái tự nhiên bản nguyên của nó.

Mọi cố gắng và thử nghiệm để thành tựu đều bị cột ràng bởi sợi dây thừng của tham cầu, thế nên điều quan trọng là để cho tâm được sáng tỏ trong chính nó, lìa ngoài mọi cố gắng và tham cầu.

Ngài không đạt đến Phật tánh khi còn chứa chấp hy vọng và sợ hãi, thế nên điều quan trọng là xác quyết chắc chắn rằng bản tánh trống không và vô sanh của tâm thì siêu vượt khỏi một Phật tánh để-đạt-được và một sanh tử để-roi-vào.

Emaho, hãy nghe, đức vua! Nếu ngài thực hành điều ấy ngài sẽ không có bất kỳ xung đột nào giữa Đại Thừa hay Tiểu thừa, giữa Mật thừa hay Giáo thừa, giữa thừa Nhân và thừa Quả, thế nên, Đại Vương, hãy giữ điều ấy trong tâm.

Vào lúc chót của thời kỳ này, Đại Vương, ngài sẽ cắt đứt dòng tái sanh và đem sanh tử đến chỗ chấm dứt. Tánh Giác bản nguyên của Phật tánh sẽ mọc lên trọn vẹn trong ngài và ngài sẽ không ngừng thành tựu lợi ích cho chúng sanh. Hãy cất dấu các lời dạy này như kho tàng quý giá!

Nghe xong lời chỉ dạy này về sự hợp nhất của phát triển và thành tựu, nhà vua vô cùng hoan hỷ, nhà vua lễ lạy, đi nhiều nhiều lần và rải rắc bụi vàng.

Đây là lời dạy miệng về sự khuyên bảo quan trọng rằng không có xung đột gì giữa các thừa chánh yếu.

Dấu ấn kho tàng.

Dấu ấn che dấu.

Dấu ấn giao phó.

Xâu Chuỗi Hạt Bằng Vàng Của Cam Lộ

Kính lễ Đại Sư Padmasambhava! Người Sanh Từ Hoa Sen của xứ Uddiyana là hóa thân của tất cả chư Phật ba đời, vị Trì Minh Vương Vidyadhara vĩ đại của toàn giác bất hoại. Ngài được mời đến Tây Tạng do đức vua và người trị vì Trisong Deutsen. Khi ở đó, tôi, Tsogyal, phụng sự ngài như là người phối ngẫu tâm linh và người phục vụ. Một lần, khi ở trong động Tidro xứ Shotoš, tôi được chỉ và nhận ra ý nghĩa của Tâm Yếu Vô Thượng Thâm Thâm của Đại Toàn Thiện. Tôi xác quyết được trạng thái bản nhiên qua cái thấy như là kinh nghiệm trực tiếp, nó không phải là giả định. Choáng váng vì ngạc nhiên, tôi, công chúa của Kharchen, hỏi rằng:

Kỳ diệu thay! Đại Sư, vì tất cả các điểm then chốt của Tâm Yếu của Mantra Ân Mật đều bao gồm trong ba nguyên lý: yếu tính, bản tánh và công dụng,(5) trong ba cái này có thể có sự sai lạc nào hay không?

Đạo Sư nói: Tsogyal, con hỏi điều đó thật là tuyệt hay! Thật vậy, mọi điểm then chốt của Tâm Yếu Thâm Thâm đều chứa đựng trong yếu tính, bản tánh và công dụng. Khi một người không hiểu, có ba đường lối đi lạc. Để giải thích điều này, có bốn điểm: Cách đi lạc, dấu hiệu của sự đi lạc, khuyết điểm của điều này, và hậu quả của sự đi lạc.

Thứ nhất, cách đi lạc khỏi yếu tính. Tổng quát, ‘yếu tính’ đơn giản là trạng thái bản nhiên của tánh Giác của con – sự tỉnh giác không giả tạo và không hư hoại. Từ vô thủy đến bây giờ, tánh Giác này thường trụ như một cái biết trống không, nó không được tạo tác từ bất cứ thứ gì. Khi, thay vì an trụ ngay như vậy, có người tu hành bằng cách tưởng tượng nó là trống không, thế là người ấy không thoát khỏi thái độ ý niệm danh tướng của sự trụ vào cái trống không. Bởi thế người ấy lạc vào cái gọi là ‘Tánh Không hư vô luận’.

Dấu hiệu của sự đi lạc là bắt đầu có những suy nghĩ như là “Không có chư Phật ở trên! Không có chúng sanh bên dưới! Mọi sự đều không vì chúng không hiện hữu!”

Khuyết điểm của cách đi lạc này là tư tưởng ý niệm, “tất cả đều không.” Một thái độ như vậy làm cho con bỏ mọi hình thức của hoạt động tâm linh như là sùng mộ và tri giác thanh tịnh, quy y và Bồ đề tâm, tâm từ và bi vân vân. Con lại dấn thân vào các theo đuổi thế tục. Đối với cái xấu, thái độ này làm cho con đi vào một cách buông tuồng trong các hành động không đức hạnh. Người nào hành động trong đường lối hư hỏng này chắc chắn sẽ không có chỗ nào khác ngoài Địa Ngục Kim Cương.

Làm hư hỏng chân lý của cái vốn là thiện đức, **hậu quả của một thực hành điên rồ như vậy sẽ là tái sinh làm một kẻ chấp không cực đoan.** Làm hư hỏng chân lý nhân quả, con sẽ chìm đắm trong đại dương của đau khổ.

Tsogyal, có nhiều người tuyên bố thấu hiểu tánh Không, nhưng ít người thấu hiểu trạng thái bản nhiên tối hậu.

Bây giờ, về ‘bản tánh’, cũng có bốn điểm để đi lạc, mà điểm thứ nhất, đi lạc khỏi bản tánh là như sau. Quang minh tự nhiên của tánh Giác trống không nó là hiện diện sáng tỏ như là các Thân và trí huệ không có thân (hình tướng) với đầu và tay, không có màu sắc, và không được tạo từ bất cứ thuộc tính hữu hạn nào. Quang minh bản nhiên của tánh Không này tự có như là một phẩm chất thông tỏ, nó không chia lìa khỏi tánh Không. Không nhận ra tánh Không thông tỏ này như là một nhất thể không thể phân chia thì gọi là “cái giác lạc vào tri giác nhị nguyên.”

Dấu hiệu của người nào đi lạc vào lối này là người ấy phát biểu các từ ngữ giáo pháp theo một cách cực đoan. Dầu được dạy cho những lời diễn tả cái nhất thể này, tâm nó cũng không thể nắm được chúng.

Khuyết điểm của sự đi lạc theo lối này là thái độ ý niệm danh tướng khi nhìn đối tượng như là cụ thể có thực sẽ ngăn cản con không hiểu được giáo lý Duy Tâm. Qua biên kiến nặng nề này, con xa lìa khỏi con đường và các

cấp bậc đi đến toàn giác. Người nào trụ vào cái được thấy như là một thực tại vững chắc thì không phải là một ứng viên cho giải thoát!

Hậu quả của sự lạc đường này là, bên ngoài, phải sanh lại trong Sắc giới vô vân, vì đem sự chấp tướng vào trong quang minh hiển lộ. Bên trong, thái độ một chiều này, sự thất bại không nhận ra tánh Giác như là sự thông tỏ trống không, là nguyên nhân không thể giải thoát.

Tsogyal, nhiều người tuyên bố đã nhận ra Quang minh, nhưng có ít người tu hành trong nhất thể của cái biết trống không!

Bây giờ về công dụng, có bốn điểm đi lạc, thứ nhất là đường lối, cách thức đi lạc khỏi công dụng. Trong yếu tính, bất kể chúng xuất hiện như thế nào, các tư tưởng khác nhau biểu lộ từ tánh Giác như là sự sáng chiếu tự nhiên của sự thông tỏ trống không thì không bao giờ vượt ngoài tánh Giác trống không. Không hiểu được điều này thì gọi là “đi lạc khỏi tánh Giác trống không.”

Dấu hiệu đi lạc vào lối này là các tư tưởng, ngôn ngữ và hành vi đều dẫn mình vào các cuộc theo đuổi cuộc đời thế tục.

Khuyết điểm của loại đi lạc này là một thái độ ý niệm như thế, trong đó tư tưởng xảy ra không hiện lên như là Pháp thân, sẽ trói buộc con trong mạng lưới của tư tưởng sanh khởi, như vậy làm tê liệt sự thực hành tâm linh của con. Các thói quen tiêu cực thống trị của các khuynh hướng tiềm ẩn làm cho con theo đuổi các mục tiêu của cuộc đời này. Bị khóa trong những cái còng của nghi ngờ nhị nguyên, con tự cột mình vào hy vọng và sợ hãi.

Hậu quả của sự đi lạc theo lối này là làm vững chắc thêm các khuynh hướng thói quen bởi vì không nhận ra sự đi lạc của các tư tưởng; tiêu phí đời mình trong phóng dật bởi vì không nhớ các hậu quả của nhân quả; và khi con chết, sẽ đi lạc vào ba cõi.

Nhiều người tuyên bố đã tự do khỏi tư tưởng, nhưng ít người thấu rõ điểm then chốt làm thế nào để thoát khỏi sự sanh khởi.

Bà Tsogyal lại hỏi: Vì thật vô nghĩa nếu không cắt đứt ba lối lầm lạc này, làm thế nào chúng ta chuyển hóa nó?

Đạo Sư trả lời: Tsogyal, yếu tính trống không của tánh Giác của con thì không do cái gì tạo ra. Không nhân và duyên, nó hiện tiền xưa nay. Chớ cố công thay đổi hay làm biến chất tánh Giác. Hãy để nó hiện hữu đúng như nó là! Như thế con sẽ thoát khỏi đi lạc và tỉnh giác ở trong trạng thái của thanh tịnh bản nguyên.

Cùng như thế, bản tánh thông tỏ của con thì hiện tiền một cách nguyên thủy và tự nhiên, không tách lìa tánh Không. Sự biểu lộ của nó, cái công dụng vô ngại của bất cứ cái gì sanh khởi, thì không có sự hiện hữu cụ thể, là vô tự tánh. Hãy nhận biết rằng cả ba phương diện (của tánh Giác) là một nhất thể vĩ đại không thể phân chia. Như thế con tỉnh ngộ như là tính không thể phân chia của Ba Thân.

Một lần nữa Bà Tsogyal hỏi: Đâu là những con đường lạc khỏi cái thấy, thiên định và hạnh?

Đạo Sư trả lời: Nghe đây, Tsogyal! Trước tiên, về cái thấy, có năm điểm: Sự lầm lạc của chính cái thấy, sự lầm lạc của chỗ ở, sự lầm lạc về bè bạn, sự lầm lạc của phiền não, và sự lầm lạc của tính một chiều.

Thứ nhất, đối với sự lầm lạc của chính cái thấy: Cái thấy thông thường của Pháp là xác định rằng tánh Không thì vượt khỏi các giới hạn, nhưng trong bối cảnh này thiên giả của Tâm Yếu chấp nhận rằng tánh Không là một hiện thực trực tiếp. Khi con hoàn thành sự chứng ngộ thực sự và tối hậu, hai cái này (tánh Không và kinh nghiệm về cái hiện thực) là không thể phân chia. Nhưng nếu con không chứng ngộ, bấy giờ cái thấy thông thường, nó là một cái thấy giả định, không giải quyết được nghĩa hiện thực: đây là sự lầm lạc căn bản của cái thấy. Khi con không tin vào cái thấy thực tại hiện thực mà xem một cái thấy thuộc về danh cú giả định như là tối hậu, con sẽ có những nhận xét như: “Mọi sự là vượt khỏi điểm quy chiếu, vô tạo tác, và thoát ngoài mọi đối cực!” Cư xử theo cách đó làm lẫn lộn thiện hạnh và tà hạnh, con có những phát biểu như: “Không có tốt và xấu! Không có phước đức gì

từ những hành động đức hạnh! Không có tai hại gì từ tà hạnh! Mọi thứ đều vốn giải thoát và bình đẳng!” Như thế con vẫn là một người bình thường.

Đây gọi là “cái thấy ma quái truyền bá hắc đạo,” và nó là gốc rễ của mọi đường lối sai lầm của cái thấy.

Tsogyal, nếu con muốn không lạc vào lối này, cốt yếu là hành động tương ứng với cái thấy bất nhị, sự thông tỏ tự nhiên trong thực tại, không lìa khỏi hạnh đặt căn bản trên nhân quả sâu xa.

Thứ hai, về sự lầm lạc của chỗ ở, thông thường có dạy rằng để hoàn thành sự chứng ngộ tối hậu về cái thấy, người nào có một chứng ngộ tạm thời về cái thấy phải đến một nơi hẻo lánh, rộng thoáng, như là một chỗ ẩn cư trên núi hay nghĩa địa. Con có thể sở hữu tạm thời cái thấy, nhưng để duy trì nó, con phải ở trong thất trên núi. Một chỗ ở xấu thật ra có thể làm cho cái thấy của con bị lầm lạc.

Tsogyal, nếu con muốn tránh lối lầm lạc này, hãy hộ trì cái thấy tạm thời của con ở những nơi ẩn cư núi non!

Thứ ba, đối với sự lầm lạc về bè bạn, thông thường có dạy rằng người nào tạm thời có cái thấy phải ở với những bạn đồng tu hòa hợp với Pháp và không gây ra phiền não. Giữ sự liên lạc với các bạn xấu, con không thể tránh được bị ảnh hưởng bởi đường lối xấu của họ. Đó là gốc rễ của lầm lạc vì nó dẫn con vào sự theo đuổi các mục đích của đời này, ngăn cản con hộ trì cái thấy, và làm tăng phiền não.

Tsogyal, nếu con muốn tránh lối lầm lạc này, hãy cắt đứt sự ràng buộc với bạn bè không cần thiết và ở yên nơi cô tịch!

Thứ tư, về sự lầm lạc của phiền não, người nào tạm thời có cái thấy thì chưa thể hoàn toàn vượt qua các phiền não. Người ấy có thể dẫn thân vào các phiền não vì một số hoàn cảnh bên ngoài. Trong sự dẫn thân ấy, dầu chỉ trong một niệm, nghiệp được sản sanh. Nếu sự dẫn thân kéo dài một thời gian, con mắc phải các nghiệp xấu theo chiều hướng năm độc sanh ra nghiệp xấu trong mỗi cái của sáu thức. Đời này hay mai sau con sẽ gặt quả,

bởi thế, con phải tức thời chánh niệm không màng đến phiền não nào mình cảm thấy và buông lỏng sự chú tâm. Tu hành từ và bi đối với tất cả chúng sanh, mà từ phiền não của họ, họ sẽ tạo ra nghiệp. Cầu nguyện vị thầy của con, hãy khẩn nguyện rằng: “Xin ban phước cho con để dùng được phiền não như con đường.” Tu hành hàng ngày thân chú tịnh hóa các hạt giống phiền não. Chấm dứt với sự thư giãn trong trạng thái của cái thấy rời khỏi hướng và phát nguyện.

Nếu con thực hành theo lối này, con sẽ đạt được cả hai: những hiệu quả tạm thời và tối hậu. Nhưng nếu không, con sẽ đắm chìm trong đầm lầy phiền não và hỏng dịp hoàn thiện cái thấy; đây là nguyên nhân gay gắt nhất của sự lầm lạc.

Tsogyal, nếu con muốn tránh lạc vào lối này, hãy áp dụng phương thuốc cho bất kỳ phiền não nào con cảm thấy và như thế dùng nó như con đường của con!

Thứ năm, sự lầm lạc của tính một chiều, ngay cả người sở hữu cái thấy một cách tạm thời cũng có thể lạc vào quan điểm triết học của trường phái tư tưởng riêng của mình. Trích dẫn từ kinh điển, với tính cách một chiều và biên kiến, thành kiến, họ phân biệt giữa ta và người, cao và thấp. Làm như thế là sự lầm lạc căn bản muốn đo lường cái thấy không giới hạn, vĩ đại của chư Phật bằng ý thức ý niệm danh tướng của một thường nhân và tạo ra những giả định về nó.

Tsogyal, nếu con muốn tránh đi lạc theo lối này, hãy nhận ra cái thấy vĩ đại không giới hạn của giải thoát!

Về phương diện thứ hai, các lầm lạc của thiên định, cũng có năm điểm: Sự lầm lạc của chính thiên định, sự lầm lạc của chỗ ở và bạn bè, sự lầm lạc của thiên định sai lầm, và sự lầm lạc của các phiền não.

Thứ nhất, sự lầm lạc của chính thiên định, đó là khi người đệ tử không hiểu được thực tại hiện tiền mà vị thầy chỉ thẳng cho. Thế rồi người ấy đi lạc do

lầm lẫn yếu tính, bản tánh và công dụng, và do bởi không nhìn thấy chúng không tách lìa với tánh Không và tánh Giác.

Giải thích thêm điều này: Sau khi thực hành theo loại giáo lý truyền khẩu của thầy con, nếu con bám vào cảm giác phức tạp trong thân và tâm, con sẽ lạc vào sự sanh lại như là một vị thiên hay người trong các cõi Dục. Nếu con vướng mắc vào trạng thái của tâm nó đơn thuần là trong sáng, con lạc thành một vị thiên trong các cõi Sắc. Nếu con bị hấp dẫn bởi sự trong sáng và vô niệm, con lạc thành một vị thiên trong các cõi Tịnh. Nếu con vướng mắc vào lạc phúc và vô niệm, con lạc thành một vị thiên trong Dục giới. Nếu con bị hấp dẫn bởi trống không và vô niệm, con lạc thành một vị thiên của Vô Sắc giới. Trong những lối ấy, con lạc vào ba cõi.

Nếu con ngừng dòng cảm thức các đối tượng, con lạc vào cõi tri giác của Không Vô Biên Xứ. Nếu con ngừng các cảm giác, như trường hợp ngủ say, con lạc vào cõi tri giác của Vô Sở Hữu Xứ. Nếu con ngừng cái được thấy trong khi cái biết còn sanh động, con lạc vào cõi tri giác của Thức Vô Biên Xứ. Nếu con còn một cảm giác mong manh về phức tạp trong khi tiếp tục không có gì được thấy, con lạc vào cõi tri giác của Không Hiện Diện Cũng Không Vắng Mặt (Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ), Các cái này gọi là “rơi vào Chỉ (Shamatha – Định) một chiều,” và khi con chết và chuyển sanh, con tiếp tục lạc vào sáu loài của Ba Cõi.

Tsogyal, không cần phải rút lại vào sanh tử, thế nên, hãy cắt đứt các lầm lạc của sự thực hành thiền định ngu muội!

Hơn nữa, nếu con tin vào cái thấy của người bình thường thấy có tâm và cảnh, con lạc vào sự bình thường duy vật. Nếu con nhìn chúng theo cách biên kiến một chiều như là có hoặc không có, con lạc vào thường kiến hoặc đoạn kiến cực đoan. Nếu con tin rằng đối tượng sự vật hiện hữu lìa ngoài tâm thức, con lạc vào Thanh Văn hoặc Bích Chi. Nếu con nói rằng các tri giác đều là tâm thức, con lạc thành một người theo phái Duy Tâm. Nếu con tin rằng thế giới và chúng sanh là các hóa thân Bản Tôn, con lạc vào Mật

Chú. Có ích lợi gì của sự thực hành thiền định mà không biết làm sao cắt đứt các làm lạc này!

Vâng, xin hãy cho con phương pháp cắt đứt sự đi lạc, bà hỏi.

Đạo Sư trả lời: Tsogyal, nếu con muốn tránh đi lạc vào các lỗi này, trước tiên hãy có được một sự học rộng; tiếp theo, tập trung vào giáo lý trực chỉ; và cuối cùng, khi áp dụng nó trong thực hành, phải hiểu các đường lối đi lạc đề cập ở trên không gì khác hơn là sự bám chấp và sự tham luyến vào các trạng thái thiền định. Thiền định giống như ví dụ một con thỏ ngủ trong tổ một con điều hâu hay như sự tập trung của một người bắn cung thì không phải là nguyên nhân cho giải thoát. Chẳng kể loại kinh nghiệm tạm thời nào mà con có, hãy đơn giản buông xả và ở yên trong bất cứ thứ gì được kinh nghiệm, không cố gắng phát triển hay làm biến chất, không hy vọng và sợ hãi, và không lấy và bỏ. Khi tự do khỏi sự trụ chấp vào bất cứ điều gì được kinh nghiệm, thì không có nguyên nhân để đi lạc.

Thứ hai, đối với sự chỉ dạy về sự làm lạc của chỗ ở và của bạn bè, thiền giả phải tu hành trong một nơi có những tính cách chân chánh. Nếu con ở trong một ngôi chùa phóng dật hay một nơi làm tăng thêm mạng lưới phiền não, sự thương và ghét sẽ làm cho con bị phủ ngập bởi các phiền não do bất tịnh về đạo đức và những cứng dờng con nhận được. Giữ liên lạc với các bạn xấu sẽ ngăn chặn sự tiến bộ trong thiền định và giống như tự mua cho con thuốc độc.

Tsogyal, nếu con muốn thực hành Pháp trong một con đường đích thực, tôi quan trọng là cắt bỏ các mối ràng buộc vào các nơi chốn và bạn bè xấu vân vân. Thế nên hãy bỏ chúng đi!

Thứ ba, về sự làm lạc của thiền định sai lầm, khi cố gắng duy trì trạng thái thiền định con có thể kinh nghiệm hôn trầm, xao động và tán tâm.(6) Về hôn trầm, có sáu loại: hôn trầm do chỗ ở, do bạn bè, do thời gian, do thức ăn, do tư thế và do thiền định.

Thứ nhất, hôn trầm do chỗ ở xảy ra vì ở trong một khu rừng hay một hẻm núi nằm thấp, hay trong một vùng, một làng kém đạo đức. Về mặt trí óc con cảm thấy mờ tối, các bindu không rõ ràng, sự tỉnh giác như bị mây che, con cảm thấy rất buồn ngủ, thân thể nặng nề. Trong những trường hợp này, hãy làm các lễ nghi tẩy tịnh và sám hối; đến chỗ khoáng đạt; thiền định trong một nơi có trời trong, không mây, mở cửa sổ cho không khí trong lành; hãy tưởng tượng con đang ở trên đỉnh một ngọn núi tuyết và xúc chạm với gió mát. Các phương pháp này sẽ trừ sạch hôn trầm.

Thứ hai, hôn trầm do mối liên lạc bạn bè xảy ra do ở với người hạnh kiểm xấu hay với một phối ngẫu phẩm tính không trong sạch vì người ấy có thể có những quan hệ bừa bãi. Chính con cũng bị ô nhiễm luôn. Trong trường hợp này, hãy nỗ lực trong các nghi lễ để thành tựu về sám hối và tịnh hóa. Hãy cảnh giác với người phá hư các thệ nguyện hay đức hạnh dơ bẩn. Tìm kiếm một phối ngẫu có phẩm hạnh, người ấy phải đã nhận sự truyền pháp, và không cho phép sự quan hệ bừa bãi. Điều ấy sẽ làm sạch hôn trầm.

Thứ ba, hôn trầm do thời gian là cảm thấy tối tăm và buồn ngủ vào mùa xuân hay mùa hè, và được xóa sạch bằng cách đi đến các núi tuyết và các địa điểm tương tự.

Thứ tư, hôn trầm do thức ăn và đồ mặc là cảm thấy mờ đục và bị che ám từ thức ăn của người khác hay đồ mặc dơ bẩn. Khi thực hành con phải tránh thức ăn của người khác và đồ mặc dơ bẩn. Điều đó sẽ làm sạch hôn trầm.

Thứ năm, hôn trầm do tư thế, là khi một người sơ học trở nên buồn ngủ do bởi nằm dài người và những tư thế tương tự. Trong lúc tu tập thiền định hãy giữ ba tư thế hay tư thế kim cương (ngồi trên chân, giữ cột sống thật thẳng), làm mạnh mẽ tâm thức, làm hưng phấn các giác quan của con, và hãy thiền định với sự sáng tỏ sống động. Điều ấy sẽ làm sạch hôn trầm.

Thứ sáu, hôn trầm do thiền định đến sự từ thiền định với một tâm thái chán nản của tâm, như vậy cảm thấy hoàn toàn tối tăm và buồn ngủ. Hãy hướng đôi mắt về bầu trời và trong một cách thẳng bằng, hãy tỉnh giác một cách sắc bén và làm bén nhạy trí huệ của con. Điều ấy làm sạch hôn trầm.

Các bản văn về các cấp độ tiệm tiến của con đường dạy rằng hôn trầm và xáo động là do lỗi lầm không làm sống động được tỉnh giác. Tsogyal, các chứng ngại của thiền định không thể trừ dứt sạch trừ phi con siêng năng tinh tấn!

Tiếp theo, về xáo động, có hai loại: Xáo động do chỗ ở và xáo động do hoàn cảnh. Xáo động do chỗ ở xảy ra khi thiền định ở một nơi sáng sủa và cao ráo, sự tỉnh giác của con trở nên trong sáng, sự chú tâm không ổn định được và các tư tưởng lay động, bị phân tán. Nếu con để cho mình đi vào bất kỳ thứ gì bắt lấy sự chú tâm của mình, con sẽ làm môi cho phiền não. Để đối trị với điều này, hãy nhìn thẳng vào điểm gặp nhau giữa mặt đất và bầu trời. Nếu chuyện đó không làm cho con yên lặng, thì hãy áp dụng cái nhìn (xuống) của một Thanh Văn, và đôi khi chú tâm vào một vật. Ban đêm, hãy đi ngủ trong khi tưởng tượng rằng tâm con đi vào một bindu màu đen ở trong hai đầu mỗi kinh mạch hình quả trứng nằm trong hai lòng bàn chân con. Đây là một lời dạy, nhưng tốt hơn là tập trung tâm con vào chữ **A** trong chỗ bí mật của con. Khi một tư tưởng thành linh xảy ra, hãy nhận ra nó, dùng chữ **PHAT**, và giữ hơi lại; sau đó, thư giãn hoàn toàn và buông xả. Sau đó, theo dõi người tư tưởng và rời trụ trong trạng thái không tìm kiếm gì. Điều này sẽ làm sạch xáo động.

Xáo động do hoàn cảnh xảy ra khi do một biến cố bên ngoài, con đi theo một tư tưởng, và tâm con trở nên lay động và phân tán trong một phiền não. Khi điều ấy xảy ra, hãy giữ thái độ: “Chẳng cần phải làm gì cả!” Tu hành từ và bi, phương tiện và trí huệ, xả ly và sùng mộ. Tiếp theo đó, kiên trì thực hành như trong thời gian của cái thấy. Điều này làm sạch xáo động.

Điểm thứ ba, về lỗi của tán tâm, có hai phần: Tán tâm do thiếu hiểu biết và tán tâm do hoàn cảnh. Tán tâm do thiếu hiểu biết là khi không có tiến bộ dù cho bất kể con có thiền định nhiều bao nhiêu. Đó là vì không biết làm sao phân chia sự thực hành thành các thời công phu. Con đi ngược với lời dạy vị thầy của con; hay là, không biết làm sao phân biệt giữa lý thuyết và kinh nghiệm, con thành một thiền giả ngu si.

Để đối trị với điều này, hãy cầu nguyện Thầy con; phát triển sự xác tín vào giáo huấn bằng lời; chia sự thực hành của con thành các thời và lặp lại chúng nhiều lần. Không bận rộn công việc, hãy thiền định trống trải và tự do. Khi cảm thấy sáng tỏ, cắt đứt tán tâm và tiếp tục thiền định. Điều đó sẽ cắt đứt tán tâm và tăng trưởng kinh nghiệm.

Thứ hai, tán tâm do hoàn cảnh xảy ra khi do một vài biến cố bên ngoài, con rơi vào năm độc hay sáu loại tri giác của thức, trở nên phóng tâm và mất chánh niệm. Để đối phó với điều này, áp dụng tức thời phương thuốc, hãy cắt ra từng mảnh sự trụ tâm vào cái được thấy, và nhìn nó như một ảo ảnh huyễn hóa.

Tsogyal, nếu con muốn cắt đứt các sự lầm lạc này, hãy đánh vào mũi-heo của các phiền não!

Thứ tư, về sự lầm lạc của các phiền não: Người cố gắng duy trì sự tu hành thiền định sẽ gặp nhiều kẻ thù và trộm cướp – là các phiền não của mình. Chúng có thể phân thành năm phạm trù: sân, kiêu mạn, tham, ghen ghét và si mê. Từ các gốc rễ này khởi ra 84.000 phiền não, chúng sẽ không cho con ở yên trong thiền định. Mỗi thứ của năm độc này đưa con vào năm phiền não, chúng kéo con thêm vào sanh tử. Thế nên chớ để cho bị phóng tâm bởi chúng bằng một thái độ cẩn trọng của một bà mẹ đã lạc đứa con độc nhất của mình. Hãy bỏ đi các xúc động này, như khám phá ra một con rắn độc trên đùi mình. Hãy nhận ra chúng, báo động và tỉnh thức, và thực hành theo cùng một cách như khi tu hành cái thấy. Trừ phi con thực hành theo cách này, nếu không nghiệp xấu sẽ được tạo ra trong mỗi khoảnh khắc.

Tsogyal, nếu con muốn tránh đi lạc theo lối này, hãy nỗ lực chống lại một cách khéo léo đối với năm độc, bằng cách chấp nhận và khước từ đúng đắn, mà không lìa sự canh chừng của thức giác!

Trong bất cứ trường hợp nào, khi con chưa đạt đến ít nhiều vững chắc an định trong cái thấy và thiền định, cần thiết phải lánh vào nơi cô tịch như một con nai bị thương. Lướt nhanh qua các phiền não như gặp một con rắn độc.

Bà Tsogyal lại hỏi: Một hành giả Mật chú có phải dùng mọi phiền não như con đường không?

Đạo Sư trả lời: Dĩ nhiên chúng phải được đưa vào con đường! Nhưng chỉ có một con công mới có thể ăn thuốc độc. Người có thể dùng phiền não như con đường mà không bỏ chúng thì hiếm hoi như hoa ưu đàm. Trong khi đối với người lợi căn một phiền não hiện ra như một người giúp đỡ, thì đối với người kém hơn nó thành ra thuốc độc. Đối với người căn cơ thấp này, tốt hơn là hãy bỏ đi các phiền não!

Bà hỏi: Sau khi từ bỏ được bao nhiêu thì một người trở thành đệ tử?

Đạo Sư trả lời: Khi con không bị dính mắc với phiền não và lạc thú giác quan và chúng được kinh nghiệm như huyễn hóa, thế rồi con không cần đè nén phiền não đâu chúng có khởi ra, vì chúng không còn làm hại được. Khi chúng không khởi sanh, con không có ý muốn sản xuất ra chúng vì con đã thoát khỏi mong muốn. Khi điều này xảy ra, phiền não được đem vào con đường. Cố gắng dùng phiền não như là con đường trong khi không lìa bỏ sự chấp tướng thì cũng giống như một con ruồi dính trong vũng mật.

Tsogyal, hãy cắt đứt sự lầm lạc theo các lối này!

Chủ đề thứ ba, sự lầm lạc khỏi hạnh, có hai phần: Sự lầm lạc của hạnh không đúng thời và sự lầm lạc tổng quát của hạnh.

Cái thứ nhất có bảy điểm. Lúc khởi đầu, hạnh giống như con ong phải đi trước học (Văn), suy nghĩ (Tu), và thiền định (Tu). Vì đây là hạnh của một người sơ học, thế nên là sai lầm khi theo nó vào thời gian tu hành thiền định.

Hạnh giống như con nai đặc biệt cho thời gian thực hành con đường. Sai lầm nếu theo nó vào thời gian tu hành thiền định vì định của con sẽ mất sự tự do của nó.

Hạnh tịnh khẩu là đặc biệt cho lúc đã đạt đến điểm then chốt của kinh nghiệm. Sai lầm nếu theo nó khi người ta phải đối xử như một con ong, bởi vì không phân biệt giữa lời và nghĩa.

Hạnh của một con chim sẽ tìm kiếm tổ của nó thì đặc biệt cho lúc con đã đạt được kinh nghiệm cá nhân. Sai lầm nếu theo nó khi con đã đạt sự điều luyện trong định, bởi vì nó trở thành một chướng ngại.

Hạnh giống của một người điên là đặc biệt cho lúc con đã làm vững chắc kinh nghiệm. Sai lầm nếu theo nó khi con chỉ có kinh nghiệm một phần, vì chưa khám phá nghĩa viên mãn.

Hạnh giống như sư tử là đặc biệt cho thời gian hoàn thiện cái thấy. Sai lầm nếu theo nó khi cố gắng có được kinh nghiệm, bởi vì, chưa tìm được sự tin chắc trong tánh Như, con có thể bị tràn ngập bởi hiện tượng khác.

Hạnh giống như chó và heo là đặc biệt cho thời gian thông thạo nhuần nhuyễn. Sai lầm nếu theo nó vào thời gian sai lầm bởi vì con sẽ gặt hái sự trừng phạt của Dakini.

Khi con theo một con đường không hư hỏng của hạnh, kinh nghiệm cá nhân của con sẽ hiện lên như là bản tánh bản nhiên của Pháp tánh. Đã đạt được sự chế ngự trên các nguyên tố, con có thể chuyển hóa tri giác không niềm tin của người khác, làm sống lại người đã chết, và làm được các kỳ công phép lạ.

Nếu con làm hỏng các đường lối của hạnh nói ở trên, đó gọi là làm lạc khỏi hạnh và con sẽ không có kết quả.

Tsogyal, nếu con muốn tránh đi lạc vào lối đó, hãy đi theo con đường chánh hạnh như được nói trong Kinh điển.

Thứ hai, về sự làm lạc tổng quát của hạnh, con có thể tạm thời tạo ra một cách cư xử nhưng nó không tương ứng với Pháp. Nếu nó không trở thành con đường giác ngộ, nó sẽ được gọi là đạo đức giả và tạo thành sự làm lạc của hạnh.

Tsogyal, nếu con muốn tránh đi lạc liên quan đến hạnh trong tổng quát, hãy chắc chắn rằng bất cứ thái độ cư xử nào con theo đều trở thành con đường giác ngộ!

Đối với chủ đề thứ năm, sự lầm lạc của quả, có hai điểm: Tạm thời và rốt ráo. Thứ nhất, lầm lạc tạm thời là khi, sau khi đã thực hành các lời dạy miệng, con xem một kết quả bình thường (thành tựu thông thường) như là cái tối thượng và cảm thấy kiêu hãnh và ngạo mạn. Đây gọi là một sự lầm lạc bởi vì nó che lấp cái quả rốt ráo. Sự lầm lạc rốt ráo là khi con không giải tan được hy vọng và sợ hãi cho dù con đã đạt đến quả. Bây giờ kết quả lạc thành một nguyên nhân.

Tsogyal, nếu con muốn tránh đi lạc theo lối này, hãy nhận ra hy vọng và sợ hãi là không có nền tảng!

Bà Tsogyal lại hỏi: Người ta có cần phát khởi Bồ đề tâm sau khi thành tựu điểm cốt yếu này là thấy vào thực tại?

Đạo Sư trả lời: Đại thừa và Mật thừa thực ra có khác biệt do phẩm chất đặc biệt của sự phát Bồ đề tâm. Tuy nhiên, trừ phi con luôn nhớ đến cái chết, vô thường, nhân quả và các hiểm nguy của sanh tử trong bốn phần của một ngày, không thì các biến cố của cuộc đời này sẽ nhanh chóng vút qua.

Con có thể tự cho là một người theo Đại thừa, nhưng trừ phi con liên tục tu hành từ và bi cho tất cả chúng sanh, nếu không con đã lạc thành một Thanh Văn hay Duyên Giác.

Con có thể có chứng ngộ cao, nhưng trừ phi con chấp nhận hay khước từ đúng đắn trong mỗi khoảnh khắc ngay một điều nhỏ nhất của nhân quả, con sẽ còn gặp một số hoàn cảnh đau khổ.

Tsogyal, nếu con muốn thực hành Pháp trong một con đường chính thống, con hãy tiếp xúc với sự chứng ngộ và điều ta đề cập ở đây!

Bà Tsogyal lại hỏi: Đâu là chướng ngại lớn nhất khi thực hành con đường?

Đạo Sư trả lời: Khi lần đầu bước vào con đường, bất kỳ hoàn cảnh nào dẫn tâm con đi lạc đều là một chướng ngại. Đặc biệt, đàn bà là ma quỷ lớn nhất cho đàn ông, và đàn ông là ma quỷ lớn nhất đối với đàn bà. Tổng quát, thức ăn và quần áo là những ma quỷ chính.

Bà Tsogyal lại hỏi: Vì chướng ngại lớn nhất khi thực hành Pháp là sự bám níu ích kỷ vào thức ăn, áo quần, và thân thể, xin nói cho con làm thế nào bỏ được ba cái này.

Guru Rinpoche trả lời: Tsogyal, sớm hay muộn thân này cũng sẽ chết. Độ dài đời người đã được xác định, nhưng chúng ta không chắc chúng ta chết già hay trẻ. Ai cũng phải chết, và ta không thấy ai thoát khỏi chết bằng cách gắn bó vào thân thể đẹp đẽ của mình. Hãy vất bỏ đi mọi yêu thích chấp ngã về thân con và giữ sự ẩn cư trong núi!

Đối với áo quần, ngay chỉ một áo choàng lông cừu cũng đủ, và người ta có thể sống ngay trên đá hoặc nước, nhưng điều này hình như không dành cho các hành giả Tây Tạng!

Bà Tsogyal lại hỏi: Con có cần ghi lại tất cả các điều Thầy dạy?

Guru Rinpoche trả lời: Nếu con ghi lại, con sẽ làm lợi lạc cho các thế hệ mai sau.

Bà hỏi: Vâng, nó có nên được phổ biến hay cất dấu? Làm thế nào nó sẽ đem lại lợi lạc? Ai sẽ dùng nó?

Guru Rinpoche trả lời: Thời gian để phổ biến nó thì chưa tới, nên nó phải được cất dấu. Khi ta đặt chiếc hộp chứa Kinh điển của Tâm Yếu trên đỉnh đầu của con gái nhà vua, công chúa Pema Tsal, ta nguyện cho nó được là sự chỉ dạy riêng của cô ta. Vài đời sau khi cô chết, cô sẽ gặp lại lời dạy này. Con phải cất dấu nó như là một kho tàng terma cho mục đích ấy.

Vimalamitra sẽ xiển dương các giáo lý của Tâm Yếu. Thời gian đã đến cho các đệ tử của ngài. Lời chỉ dạy này, nó là Tâm Yếu của ta, sẽ hiển lộ khi các bản dịch sơ thời bị hư hỏng và gần như biến mất. Nó sẽ truyền rộng và nở rộ

ghê gớm nhưng chỉ một thời gian ngắn. Nói chung, mọi giáo lý của thời đen tối sẽ nở rộ rộng rãi nhưng kéo dài ngắn ngủi.

Vào lúc chót của thời đại này, khi tuổi trung bình của con người còn năm mươi tuổi, công chúa sẽ lấy một tái sinh làm người và được chấp nhận bởi Nyang Ral (Nyima Ošzer), một hóa thân thuộc khẩu (speech incarnation) của vua (Trisong Deutsen). Trong phần cuối cuộc đời của Guru Chošwang, sự tái sinh của nhà vua, bà sẽ được tiếp xúc lại với Pháp. Trong đời tiếp theo, bà sẽ gặp kho tàng Terma này chứa đựng các lời dạy bằng miệng về Tâm Yếu. Vì lúc đó sẽ là thời gian cho thực hành, nên sẽ không có hoạt động nào cho lợi lạc cho chúng sanh. Con người này(7) sẽ sống 59 năm. Người ấy sẽ có nhiều mối liên hệ nghiệp tốt và xấu. Một số trong các đệ tử sẽ sanh về Cực Lạc, trong khi một số sẽ tái sinh trong các cõi thấp. Điều này chứng tỏ hậu quả của các samaya bị nhiễm ô và có thể người ấy chết vào tuổi 50. Người ấy phải cảnh giác chống lại sự ô nhiễm các samaya, và nỗ lực sám hối. Làm như thế người ấy sẽ có thể sống tròn đủ số năm.

Vào thời điểm đó có thể rằng một người đàn bà được ban phước bởi năm loài Dakini sẽ xuất hiện. Nếu người nữ ấy được như thế và người ấy lấy nàng như người phối ngẫu, người ấy phải cầu nguyện sống lâu; rồi người ấy có thể sống hơn 50 năm. Người ấy sẽ có một đệ tử, một cô gái tiền định với dấu hiệu là một con chuột chũi, và nếu người ấy ban cho cô toàn bộ giáo huấn, cô sẽ có thể hành động cho lợi lạc của chúng sanh ở một mức độ rộng rãi. Nếu nàng không xuất hiện trong đời ấy, thì nàng sẽ trở thành đệ tử của người ấy trong đời sau, và đạt đến giác ngộ Vô dư ở phần cao của xứ Kharag.(8)

Nếu người ấy không đem những giáo huấn này đến phần thấp của xứ Bumtang, mà cất giấu chúng ở chỗ nguyên thủy hay trong một tảng đá ở một nơi không thể bị thay đổi hình dạng bởi chư thiên hay quỷ thần, người ấy sẽ khám phá lại chúng trong đời sau.

Sau sự tái sinh này, người ấy sẽ lang thang một lúc qua các cõi Báo thân, và sau đó sanh ở Tarpaling xứ Bumtang. Làm lợi lạc cho chúng sanh từ tuổi mười lăm, người ấy sẽ khám phá nhiều terma và làm nhiều loại phép lạ. Người ấy sẽ sống đến bảy mươi tuổi. Lấy năm Dakini có thân người nữ như là các phối ngẫu, hoạt động của người ấy cho chúng sanh sẽ sáng bừng. Người ấy có một con trai tên Dawa Drakpa, một hóa thân của Hayagriva, đưa con này cũng làm lợi lạc chúng sanh. Người ấy sẽ duy trì Phật pháp trong 90 năm. Vì đây là lời dạy riêng của người ấy, hãy cất dấu nó như là kho tàng Terma!

Nghe xong, bà Tsogyal lễ lạy và nhiễu quanh vô số lần và nỗ lực viết lại.

Samaya. Ân. Ân. Ân.

Kỳ diệu thay, một người như tôi, người đàn bà ngu dốt Tsogyal, Có thể gặp được Hóa thân qua các ước nguyện trong sạch!

Qua samaya thanh tịnh của mình, tôi đã nhận được tinh túy của các giáo huấn. Bằng cách hiến dâng sự phụng sự, ngài nhìn tôi với tâm từ bi. Thấy tôi là một người tiếp thu xứng đáng, ngài giao phó cho tôi tinh túy của Mantra,

Và ban cho Tâm Yếu tối thượng, tinh ròng.

Không phô bày nó một cách phi thời, tôi dấu nó như một kho tàng terma. Mong rằng *Tràng Hạt Vàng của Cam Lộ* này trong hình thức hỏi đáp Gặp gỡ người có những dấu hiệu hoàn toàn ấy!

Samaya.

*Dấu ấn của thậm thâm. Dấu ấn của kho tàng.
Dấu ấn không thể đọc. Dấu ấn của nghiêm ngặt.*

Trong thời đại đen tối, vòng bí mật của giáo huấn cốt lõi này,
Được giao phó cho một người tiên định hành Thủy sanh năm con Thỏ,
Một đứa con ruột của Uddiyana, có một định mệnh được che dấu,
Một cư sĩ với thông minh thực sự,
Năng lực đầy đủ của người không nở hoa trong đời đó,
mà sẽ theo một lối sống ẩn mật.(9)
Người không thẳng cương đức hạnh, thoát khỏi giả hình,
Người sở hữu các thần lực, nhưng sức mạnh của người đó
không được phát lộ,
Và người đó được đánh dấu bằng một con chuột trên thân và có cặp mắt lồi.
Các đệ tử của người ấy, con của năm loài Dakini,
Sanh trong các năm Cọp, Thỏ, Chó, Ròng và Bò.
Sẽ nắm giữ dòng phái và tiến đến các cõi trời.
Bất cứ ai nắm giữ dòng phái người ấy, sẽ đạt đến Phật tánh trong một đời;
Họ sẽ là thiên giả trong kiếp cuối cùng của họ.
ITHI. Mong rằng nó được tốt đẹp!

Những Bài Ca Cho 25 Đệ Tử

Nhà vua và hai mươi lăm đệ tử bấy giờ hỏi vị Đại Sư quý báu của Uddhiyana: Xin ban cho chúng con một lời dạy sâu xa chạm đến điểm chính yếu, nó gồm trọn tất cả và tuy nhiên đơn giản cho thực hành.

Đức Padmasambhava hát lên để trả lời:

Kỳ diệu thay!

Hỡi đức Vua, hoàng tử và các đệ tử còn lại,
Thật nghĩa thì không ở trong giới hạn của bất kỳ ai.
Khi một người nhận không xứng đáng được nghe.
Nó trở thành nguyên nhân cho vu khống, hiểu lầm
và làm hư hoại các samaya.

Ta đã cho các con những tiên tri quan trọng về tương lai,
Nhưng các lãnh tụ xấu xa của Tây Tạng
Không có niềm tin, bất kể họ nghe nhiều thế nào,
Truyền rộng sự giả dối, họ nói chuyện vu vơ.

Tuy nhiên ta sẽ giảng giải ngắn gọn.
Về điều mà các con, đầy lòng sùng mộ, đã hỏi ta.
Bây giờ không phải là thời để truyền bá,
Nhưng cho mỗi người để tự hành trì đúng đắn
Bởi vì lời chỉ dạy này sẽ được cất giấu như một kho tàng Terma
cho lợi lạc của tương lai,
Hãy phát thệ nguyện giữ gìn bí mật!

Dạy họ cam kết với yêu cầu phải giữ kín này,
ngài trước tiên nói với nhà vua:

Thưa Bệ hạ, hãy nghe đây, dùng tư thế třeo chân.
Giữ thân thể thẳng đứng trên chỗ ngồi và tham thiền!
Giữ sự chú tâm tự do với niệm tưởng và không bị giam nhốt
bởi các tạo tác của tâm thức.
Vì tiêu điểm của ngài siêu vượt mọi loại đối tượng,

Không trụ vào bất kỳ dấu hiệu cụ thể nào,
Hãy ở yên lặng, thanh tĩnh và tỉnh giác!
Khi ngài ở tư thế ấy, các dấu hiệu của tiến bộ tự nhiên xuất hiện,
Vì sự trong sáng của tâm thức không khởi cũng không diệt.
Và tánh Giác tự do rớt ráo với mọi vọng tưởng.
Đây là trạng thái giác ngộ tìm thấy trong chính ngài,
Không tìm ra ở đâu khác mà tự hiện hữu – kỳ diệu biết bao!

Nghe đây, hỡi Tsogyal họ Kharchen sùng tín!
Vì tâm con không có bản chất thực nào để chỉ bày,
Trong một trạng thái tự nhiên, không giả tạo, hiện diện xưa nay,
Hãy ở yên, không phóng tưởng trong cõi giới của không-thiền-định!
Hãy an trụ như thế, giải thoát xảy ra tự nhiên.
Đây chính là trạng thái giác ngộ!

Hãy nghe đây, Palgyi Senge, đưa con lối lạc cao cả của ta!
Mọi hiện tượng của Sanh tử và Niết bàn đều là tự tâm con,
Không xuất hiện ở ngoài tâm này –
Không có tự tánh, lìa ngoài tư tưởng, ngôn ngữ và diễn tả.
Không nhận lấy thích thú hay chối bỏ khó chịu,
không xác nhận hay phủ nhận, không thiên về đâu,
Mà an trụ tỉnh giác một cách sống động
trong trạng thái bản nhiên vô tạo tác!
Bằng cách ở yên như thế, dấu hiệu tiến bộ là thân, khẩu, ý của con
Cảm thấy tự do và thoải mái, vượt ngoài mọi giới hạn sướng khổ.
Đây là phút giây thấu hiểu trạng thái giác ngộ!

Hãy nghe đây, Vairochana, con người xứng đáng!
Mọi thứ xuất hiện và tồn tại, Sanh tử và Niết bàn,
đều khởi từ tâm của chính con
Cái tâm không thể nắm bắt, thoát khỏi mọi trung tâm và biên bờ.
Trong trạng thái tự nhiên của sự bình thản bao la,
vốn sẵn và không cần phải tạo ra.
Hãy an trụ không xao lãng vào sự không cố gắng vĩ đại!
Tư tưởng nào con nghĩ ra,
nó sanh khởi như là khoảng không của Tánh Giác.
Bậc Giác Ngộ là không gì khác hơn điều ấy.

Khi tỉnh giác tự thông tỏ được thực hiện trọn vẹn
Đó là cái được gán cho danh từ “Phật!”

Hãy nghe đây, Yudra Nyingpo từ xứ Gyalmo!
Tâm con là không sanh, không có vật gì để có thể thấy.
Tự do khỏi tư tưởng, không tạo ra ý niệm,
chớ chạy theo niệm tưởng của mình!
Thế nên chớ xác nhận hay phủ nhận, mà an trụ thanh thoi trong chính mình!
Trong trạng thái này, dòng niệm tưởng bị cắt đoạn
Và trí huệ hiển bày, nối liền Sanh tử với Niết bàn!

Hãy nghe đây, Namkhai Nyingpo, người khất thực từ xứ Nub!
Tâm con là sự đơn giản trơ trọi xa lìa cái ta và một bản ngã,
Nên hãy an trụ trong trạng thái tự xảy ra, tự biến mất,
thoát khỏi tạo tác giả tạo!
Vào lúc đó, lạc sanh ra từ bên trong,
Những dấu hiệu tiến bộ xảy ra tự nhiên; đây chính là trạng thái giác ngộ.

Hãy nghe đây, Jnana Kumara, nghe không đặng trí lời dạy này!
Tâm con từ khởi thủy không được tạo bởi các nguyên nhân,
Và cuối cùng không hủy diệt bởi các điều kiện,
Vậy hãy an trụ không dùng sức trong trạng thái không thể nghĩ bàn
và không do tạo dựng!
Vào lúc đó, Quả được khám phá nơi chính con mà không phải tìm kiếm.
Lìa ngoài cái này con sẽ không tìm ra bậc Giác Ngộ nào khác!

Hãy nghe đây, Gyalwa Cho-yang họ Nganlam!
Tâm sáng tỏ của giác ngộ không phải được tạo ra qua thiền định,
Thế nên, hãy tự do khỏi nghĩ suy, không có niệm phóng ra hoặc tan vào,
An trụ với giác quan rộng mở, để cho ý thức lắng chìm trong chính nó!
Trong trạng thái này, thức nghĩ suy tự nhiên tan biến
Và trí huệ tự hiện tiền, không do tìm kiếm,
Đây chính là sự khám phá trạng thái giác ngộ!

Hãy nghe đây, Dorje Dudjom họ Nanam!
Cái có tên là “tâm sáng tỏ của giác ngộ”
Là vốn sẵn bên trong, bản nhiên tự hữu và
không tâm điểm cũng chẳng chu vi.
Chớ sửa chữa, chỉnh trang nó, mà ngay trong trạng thái
vốn tự ngộ và trong sáng tự nhiên,
Không thay đổi, không làm biến chất, mà an trụ,
giải thoát trong tánh bản nhiên!
Ở yên như thế, tâm con thoát khỏi động niệm
Chính nó là Phật!

Hãy nghe đây, Yeshe Yang họ Ba, và tu hành theo giáo huấn này!
Tâm con không chao động khi không trụ vào chủ thể và đối tượng.
Không phóng dật vì nỗ lực, hy vọng hay sợ hãi,
vì hộ trì và làm tan biến những tư tưởng;
Chớ sửa chữa chúng, mà an trụ trong trạng thái tự nhiên của con.
Không lìa khỏi cái tự nó là Phật!

Hãy nghe đây, Palgyi Yeshe họ Sogpo!
Trạng thái giác ngộ của tâm là vô tạo tác,
Vô cầu và vốn sẵn đủ.
Tuyệt không nỗ lực để bám níu vào một chủ thể hay đối tượng
Mà ở trong trạng thái vô vi của tánh Giác vốn có!
Bằng cách an trụ như vậy, dòng vọng động bị cắt đứt và dừng lại;
Hãy biết rằng giây phút ấy chính là bậc Giác Ngộ!

Hãy nghe đây, Nanam Yeshe, người khát thực trẻ tuổi từ xứ Shang!
Lìa sự chú tâm khỏi mọi tạo tác phân biệt,
không xác nhận cũng không phủ nhận,
Mà an trụ trong cái không nỗ lực không do tạo tác, không lấy không bỏ.
Trạng thái giác ngộ là ở yên không vọng động trong đó!

Hãy nghe đây, Palgyi Wangchuk họ Kharchen!
Hãy để cho tâm con trong không-thiền-định,
không tạo ra một quan kiến nào,
Mà, không một khởi tạo, an trụ trong tánh Giác bản nhiên vốn sẵn!
Ở yên trong trạng thái ấy, không vất bỏ khía cạnh sanh tử,

Sự tiêu tan tự nhiên những lỗi lầm của sanh tử chính là trí huệ của Phật!

Hãy nghe đây, Denma Tsemang, con người trỗi vượt!
Tâm con trống vắng mọi chủ thể, đối tượng và vô tạo tác,
Thế nên, thoát ngoài dụng công và thêm thắt,
chớ tạo ra bất cứ cái gì qua thiền định,
Mà an trụ không phóng dật trong tánh Giác bản nhiên vốn sẵn!
Bằng sự ở yên trong trạng thái này, cái giác tự nhiên vốn là giải thoát.
Con sẽ không tìm ra Phật nếu con bỏ qua điều này!

Hãy nghe đây, dịch giả Kawa Paltsek họ Chinbu!
Khi lìa chủ thể và đối tượng, tâm không phải là một vật gì có thể chỉ ra.
Cũng thế, nó không được làm ra hay phải sửa chữa.
Hãy an trụ trong trạng thái bản nhiên, không lạc lầm vào sự trụ tướng.
An trụ không xao lãng khỏi cái nó vốn chính là trạng thái giác ngộ!

Hãy nghe đây, Palgyi Senge họ Shubu!
Trạng thái giác của tâm là thoát ngoài mọi yêu cầu tăng hay giảm.
Không sanh và tự nhiên không dính dấp đến một chủ thể
chấp nhận hay chối bỏ đối tượng,
Chớ trụ vào bất cứ thứ gì, hãy rốt ráo không chướng ngại.
An trụ trong trạng thái này chính là Phật!

Hãy nghe đây, Gyalwey Lodroš, người khát thực xứ Drey!
Tâm con không thể suy nghĩ đến, cũng không thể quan sát được.
Nó vượt ngoài có và không, thường và đoạn,
Thế nên, hãy an trụ, thoát khỏi sự thiền định về
chủ thể tham thiền và đối tượng!
Khi con ở yên không xao lãng khỏi trạng thái này,
Đó là cái được gọi là Pháp thân của Phật!

Hãy nghe đây, Lokyi Chungpa, lời dạy này!
Lìa chú tâm khỏi người biết và cái được biết,
Không trụ tâm, mà buông xả tự do không ước muốn,
Và an trụ trong trạng thái Giác vô tánh, vô trụ.
Ở yên không động lìa khỏi nó chính là trạng thái giác ngộ!

Hãy nghe đây, Drenpa Namkha!
Tâm con, nó tri giác nhưng thoát khỏi mọi bản chất,
Biết mà không tư tưởng, thông tỏ tuy bất khả tư nghì.
Tự do khỏi các chuyển động của thức tướng phân chia,
Hãy an trụ trong trạng thái đó, tỉnh giác và rộng mở.
An trụ trong bản tánh này chính nó là trạng thái giác ngộ!

Hãy nghe đây, Palgyi Wangchuk họ Odren!
Tâm giác là tánh Không thông tỏ, cái biết trống rỗng mà sáng chiếu.
Hãy an trụ trong trạng thái vốn sẵn có này,
chớ làm thoái hóa hay chĩnh trị nó.
An trụ không động lìa khỏi nó thì chính nó là Phật!

Hãy nghe đây, Rinchen Chok!
Tính nhất như của tỉnh giác, nó không trụ vào bất cứ cái gì,
Thì không thể bám nắm;
nó không được tạo ra cũng không bị lơ là trong thiền định.
Chớ sửa trị hay làm biến chất sự trẻ trung bản hữu của nó,
Mà an trụ trong trạng thái bản nhiên xưa nay hiện tiền!
Trong trạng thái này, chớ để tâm con dậy sóng,
Từ đó con sẽ không tìm thấy Quả nào lìa ngoài Nó!

Hãy nghe đây, Sangye Yeshe, người khát thực từ xứ Nub!
Tâm tỉnh giác là trống không mà thấu biết
Và thấu biết trong khi vẫn trống không.
Một sự bất nhị không thể quan niệm nổi của tri giác và tánh Không thông tỏ
Hãy an trụ trong tánh bản nhiên, không lìa khỏi cảnh giới ấy.
An trụ không động lìa khỏi Nó thì chính Nó là Phật!

Hãy nghe đây, Palgyi Dorje Wangchuk họ Lhalung!
Bản tánh của tâm con thì vô tướng và không thuộc tính,
Chớ tìm cách tạo ra hay cải thiện nó,
mà an trụ không thay đổi hay quên mất.
An trụ như thế chính là Phật!

Hãy nghe đây, Kořnchok Jungney họ Landro!
Tâm con thì vô tướng và thanh tịnh bản nhiên,
Xưa nay trống không và không thêm thắt giả tạo,
Thế nên, hãy an trụ trong trạng thái giải thoát khỏi người thiên
và đối tượng thiên.
Qua nó, con đạt đến quả của Phật tánh!

Hãy nghe đây, Gyalwa Jangchub họ Lasum!
Tâm con không khởi không diệt, cũng vô tướng.
Trống không tự bản chất, tánh giác của nó thì không chướng ngại
An trụ không động lìa khỏi nó thì chính là Phật!

Tất cả các con, hãy áp dụng các lời dạy này vào thực nghiệm!
Các con có thể so sánh các Kinh và Mật điển của Phật cùng các chú giải,
Với lời chữ nhiều hơn cả không gian,
Nhưng yếu nghĩa thì gồm trọn trong các điểm chính yếu này.
Thế nên hãy thực hành chúng, và cất dấu chúng
như các kho tàng hạp với lời phát thệ của mình.

Đức Padmasambhava nói như thế,
và chỉ bằng sự trao lời dạy chân thật cốt tủy cho họ,
mà tất cả họ đều được giải thoát và đạt đến thành tựu.

Kho Báu Ngọc Quý

Đề Xua Tan Các Chương Ngại

Các trả lời cho các câu hỏi của Yshe Tsogyal

Ở nơi ẩn cư Samye Chymphu, công chúa Tsogyal xứ Kharchen, thỉnh cầu Đạo sư Padmakara: Xin chiếu cố, Đại Sư! Dù Ngài đã chỉ cho một cô gái kém thông minh như con rằng: Tất cả thế giới và chúng sanh là Pháp thân. Vậy mà sự tu hành pháp của con vẫn lạc vào hiểu biết lý thuyết ý niệm do liên hệ tương tục với tập khí của tri giác sai lầm. Con xin Ngài từ bi ban cho con sự chỉ dạy, cho phép con nói kết bất kỳ điều gì con làm với bản tánh bản nhiên của Pháp tánh!

Padmasambhava trả lời: Hãy nghe đây Tsogyal! Con phải có ba điểm then chốt khi thực hành giáo lý Mật thừa của Đại thừa: Điểm then chốt của thân - tư thế; điểm then chốt của mắt - cái nhìn; và điểm then chốt của tâm - cách thức an trụ.

Trước hết, trong một nơi kín đáo, ngồi tư thế khoanh chân kiết già trên một toạ cụ thoải mái, để hai tay ngang nhau, dựng thẳng xương sống. Nếu thân con duy trì trong trạng thái bản nhiên của nó, thiền định xảy đến tự nhiên. Không thực hiện tư thế thân thể đúng, thiền định sẽ không xảy ra.

Tiếp theo, đối với cái nhìn, chớ nhắm mắt, chớ mở mắt hay nhìn qua bên. Hãy nhìn thẳng không lay động vào trước mặt. Khi cái thấy của mắt và tâm thức chia nhau một bản tánh đơn nhất, bấy giờ thiền định xảy ra tự nhiên. Không có cái nhìn đúng, thiền định không xảy ra.

Điểm then chốt của tâm là thế này: Chớ để trạng thái bản nhiên của tâm bình thường theo đuổi các dạng thức quen thuộc ở quá khứ. Chớ để nó nhìn về các hoạt động phiền não ở tương lai. Và chớ để nó tạo tác thứ gì bằng danh tướng, ý niệm trong trạng thái hiện tại của con. Qua sự an trụ tĩnh thức trong cách thế tự nhiên của nó, thiền định xảy ra tự nhiên. Nếu con phóng tưởng hay tán tâm, thiền định không xảy ra.

Khi trong cách này, con để cho ba cửa ở yên trong trạng thái tự nhiên của chúng, mọi vọng niệm thô và tế lắng xuống, tâm con yên ổn, thả lỏng trong chính nó (đây gọi là Samatha - Chỉ hay Định).

Khi tâm con không chướng ngại, vô trụ và trần trụi trong sự tỉnh giác tự nhiên (đây gọi là Vipashyana, Quán)(1).

Khi cả hai trong một khoảnh khắc thức giác, an trụ trong sáng một cách sống động như là một thực thể, không thể phân chia, đó gọi là Chỉ không là Quán.

Hiểu biết theo danh tướng, ý niệm là khi con đặt ý thức như một đối tượng. Kinh nghiệm là khi con khám phá tính vô trụ của nó và chứng ngộ xảy ra khi các trạng thái này của tâm an trụ trong sáng một cách sống động, như là yếu tính sự thiền định của con. Cái ấy không có một khác biệt nào với sự chứng ngộ của chư Phật ba đời. Nó không phải là một sự tạo tác đặt căn bản trên lời dạy sâu xa của vị thầy, cũng không phải là kết quả của trí thông minh sắc bén của một đệ tử. Đó gọi là đạt đến trạng thái bản nhiên của nền tảng.

Khi tham thiền như thế, ba kinh nghiệm về lạc, trong sáng và vô niệm sẽ hiện bày.

Tâm thức tự do khỏi tướng gọi là vô niệm và có ba loại: "Không có niệm thiện" nghĩa là tự do khỏi sự bám níu vào người tham thiền và đối tượng được tham thiền.

"Không có niệm ác" là sự cắt đứt dòng tư tưởng thô và tế.

"Không có niệm trung tính" là sự nhận ra khuôn mặt bản nhiên của tánh Giác như là không chỗ trụ.[1]

Trong trạng thái vô niệm này, sự trong sáng là sự sáng rõ không bị che chướng và trần trụi của tánh Giác. Có ba loại trong sáng: "Trong sáng tự nhiên" là trạng thái tự do khỏi một đối tượng.

"Trong sáng bản nguyên" là không xuất hiện một thời gian nhất thời.

"Trong sáng bốn nhiên" thì không do ai tạo ra được.

[1]: Rõ ràng ở đây, có một hay hai câu thiếu trong nguyên bản. Phần trong ngoặc là của tôi (EPK). (lời người dịch)

Có bốn loại lạc: "Phúc lạc cảm nhận" là tự do khỏi các điều kiện đối nghịch của không hoà điệu.

"Lạc không có tướng" là tự do khỏi sự đau khổ của ý niệm, danh tướng.

"Lạc bất nhị" là tự do khỏi sự bám níu, sự trụ tướng nhị nguyên.

"Lạc vô điều kiện" là tự do khỏi nguyên nhân và điều kiện.

Khi các loại kinh nghiệm này sanh khởi, con cần ba thứ xả ly: "Xả ly lạc" là giống như một người điên.

"Xả ly sự trong sáng" là giống như giấc mơ của một trẻ nhỏ.

"Xả ly vô niệm" là giống như một thiền giả đã hoàn thành sự tu hành thiền định của mình.

Khi con có các thứ này, con thoát khỏi các khuyết điểm của thiền định.

Nếu con bị hấp dẫn và bám níu vào ba kinh nghiệm này, con lạc vào ba cõi. Khi bám níu vào lạc, con sẽ lạc vào Dục giới. Khi bám vào sự trong sáng, con sẽ lạc vào Sắc giới. Khi bám vào vô niệm, con sẽ lạc vào Vô Sắc giới.

Dầu cho con nghĩ rằng: Con không dính cũng không bám vào chúng, con cũng còn một sự dính chấp vi tế bên trong. Để cắt đứt cái bẫy này, có chín trạng thái định liên tiếp nhau, khởi đầu bằng bốn thiền để xa lìa tư tưởng tham ái.

"Sơ thiền" là thoát khỏi ý tưởng về người tri giác và cái được tri giác, nhưng vẫn còn nằm trong sự phân biệt một đối tượng và hành động tham thiền.

"Nhị thiền" là thoát khỏi ý tưởng và phân biệt, trong khi còn trụ vào sự thưởng thức mùi vị vui sướng của định.

"Tam thiên" là đạt đến tâm không động, nhưng còn hơi thở vào và hơi thở ra.

Định của "Tứ thiên" hoàn toàn thoát khỏi tư tưởng ý niệm với sự tri giác trong sáng, không bị che chướng.

Bốn thiên vô sắc tẩy trừ tư tưởng ý niệm về sắc giới. Trụ vào ý tưởng "tất cả hiện tượng đều như hư không", con lạc vào Không vô biên xứ.

Trụ vào ý tưởng "thức là vô cùng và không phương hướng", con lạc vào Thức vô biên xứ.

Trụ vào ý tưởng "Cái biết trong sáng là không hiện diện, không vắng mặt và không thể tạo thành một đối tượng của tri thức", con lạc vào Không hiện diện cũng không vắng mặt (Vô sở hữu xứ).

Trụ vào ý tưởng "Tâm này không nhờ vào một thực thể nào; nó là vô hữu và trống không", con lạc vào cõi tri giác về Không có gì tất cả.

Các trạng thái này còn có sự nhiễm ô vi tế của ý niệm danh tướng, sự hấp dẫn thuộc về tâm thức và các kinh nghiệm của tâm nhị nguyên.

Diệt thọ tướng định xa lìa các ý niệm về các trạng thái này. Sự dừng bật thuộc về phân tích là sự dừng dứt của sáu thức đi vào với các đối tượng của chúng, nó gồm cả sự cắt đứt hoạt động của hơi thở và tâm nhị nguyên. Sự dừng bật thuộc về không phân tích là đi đến tự tánh của con. Đó là sự thân nhiên tối hậu.

Trong chín cấp bậc định này, bốn trạng thái thiên là "Chỉ sanh ra Quán". Như thế, định của bốn thiên này là hoà hợp với tự tánh, và là cái trở vượt nhất trong mọi loại định thuộc về thế gian.

Bốn thiên vô sắc là các bậc của Định. Diệt thọ tướng định là cái Định bình an của bậc Thanh văn.

Bằng sự hiểu biết những trạng thái này, con có thể phân biệt các loại định khác nhau, xoá tán các chướng ngại trong thực hành thiền định và không đi lạc.

Năm con đường bao gồm trong ba. Cắt đứt các bẫy này và thực hành một thiền định không khuyết điểm, con an trụ thanh tĩnh và sống động trong phúc lạc, trong sáng và vô niệm suốt trạng thái thiền định(1). Trong trạng thái sau thiền-định, các hình tướng khởi lên không ngăn chướng, đều vô tự tánh như một giấc mộng hay ảo huyền. Con biết được bản tánh của nhân và quả, làm đầy công đức đến mép, đạt được "hơi ấm của định" và như thế hoàn thành "con đường tích lũy".

Thực hành như thế một thời gian dài, con thấy được một cách hiện thực, bản tánh vô trụ và tự chiếu hiện diện nơi con. Nhận ra bản lai diện mục của con là con đường của cái thấy. Kinh nghiệm các tướng, trí huệ tánh Không là vô sở trụ và tự thông tỏ, tức là con thấy trực tiếp bản tánh bản nhiên không tùy thuộc điều kiện. Sự ngăn che của phiền não bị phá huỷ tận gốc rễ. Chứng ngộ rằng: Nhân và Quả đều trống không, sanh tử không có hiện hữu chắc thật. Đây gọi là Địa đầu tiên, Hoan Hỷ Địa. Trạng thái thiền định không lìa rời Phật tánh và mọi sự sau-thiền-định sanh khởi như ảo huyền.[1]

Quen dần với trạng thái này và hộ trì nó một cách vững chắc, mọi hiện tượng trở nên bất nhị. Hãy nhận biết chúng như là tự tâm hiện, các hình tướng và tâm hoà trộn thành một. Khi tánh Không sanh khởi như nhân và quả, con chứng ngộ duyên sanh. Suốt trạng thái thiền định mọi hiện tượng là không chỗ trụ và hiện diện như tính chất của tánh Giác. Sự hiện diện nhẹ nhàng của các hình tướng bên ngoài trong thời gian sau thiền-định là con đường của sự tu tập.

Duy trì điều ấy một thời gian dài, con chứng ngộ rằng Sanh tử và Niết bàn là bất nhị. Vượt khỏi sanh và diệt, là vô trụ xứ và tự thông tỏ không trộn lẫn nhiễm ô, rất ráo hoàn thiện. Sự che chướng trí huệ hoàn toàn biến mất, vào khoảnh khắc tất cả mọi sự hiện ra như tánh Giác bản nguyên là con đường thành tựu, tức là trạng thái Phật tánh.

Tsogyal lại hỏi: Xin chiếu cố, thưa Đại Sư! Đây là tánh bản nhiên của sự vật, nhưng làm thế nào người ta ứng dụng, thi hành cho đến khi đạt đến an định?

Padmasambhava trả lời: "Nghe đây Tsogyal! Có ba loại cư xử. Trước hết, để thiết lập con đường có **cách cư xử chung, tổng quát**. Tiếp theo, để làm phát sanh sự nâng cấp, có **cách cư xử bí mật của kỷ luật Du già**. Cuối cùng, có **cách cư xử mật tối hậu rất ráo của tánh Như chân thật**.

Cư xử thì rất quan trọng, vì phần lớn đời sống xảy ra trong những hoạt động hàng ngày sau thiền-định. Con có thể hiểu một cách trí thức một cái thấy cao sâu, nhưng trừ phi con hành động thuận theo ý nghĩa của nó không thì con sẽ lạc khỏi con đường. Con có thể đạt được một trạng thái thiền định tuyệt hảo, nhưng trừ phi con duy trì được nó suốt các hoạt động sau thiền-định, không thì nó sẽ nhạt mất. Bởi thế, phải hiểu thấu được điểm cốt yếu nhân-quả: Không có hạnh xấu và hoàn thành ngay cả các hành động đức hạnh nhỏ nhất. Đó là con đường đúng, tinh túy của giáo lý Đức Phật, điểm cốt yếu của trí huệ.

Nếu đã có một thân người, con muốn thực hành Pháp thiêng liêng một cách đúng đắn. Chớ để cho ba cửa của con lạc vào sự bình thường thế tục, dù chỉ một khoảnh khắc.

Trong sự thực hành ban ngày hãy buông thả cho tâm thức con không tạo tác và để cho kinh nghiệm của sáu giác quan được tự do thư thả, như một giấc mộng hay trò huyền hoá. Ban đêm, hoà trộn giấc ngủ sâu với Pháp tánh trong một trạng thái vô niệm, thoát khỏi sự phóng xuất hay tan biến của tư tưởng. Hãy tịnh hoá kinh nghiệm mê lầm của trạng thái mộng, dẫn nó về đường chánh. Thế Nghĩa là tu hành tình thương đại bi và Bồ đề tâm, trong sự lần hồi quen thuộc với các giai đoạn phát triển và thành tựu.[1]

Sáng và chiều, cử hành sự tịnh hoá bảy phần(1), chớ xao lãng các dâng cúng Torma hàng ngày và các thứ. Sám hối các nghiệp xấu với thần chú một trăm âm. Hãy cẩn thận với điểm cốt yếu là nhân quả. Suy nghĩ đi suy nghĩ lại

[1] về sự khó khăn có được tự do và của cải, về cái chết, sự vô thường và về những lỗi lầm khuyết điểm của sanh tử,[1] của tất cả chúng sanh.

Hãy tu hành Bồ đề tâm.

Tu hành giai đoạn phát triển đến mức độ mà mọi cái gì xuất hiện và có mặt đều là mạn đà la của hoá thân.

Đối với giai đoạn thành tựu, hãy an trụ trong trạng thái bất nhị, nó là các hình tướng không có tự tánh như sự phản chiếu của mặt trăng trong nước. Lúc chấm dứt, hãy hồi hướng công đức.

Thực hành theo cách này, con hoà điệu với các thừa tổng quát, con tiến triển trên con đường đúng và con đã thiết lập nền tảng cho con đường của Yoga.

Thực hành cư xử bí mật của kỷ luật Yoga. Sau khi con đã thiết lập nền tảng của con đường và đã đạt được kinh nghiệm, thấu hiểu tin vào cái thấy và trạng thái chân thật. Cư xử bí mật nâng cấp con đường này và cắt đứt tư tưởng ý niệm. Nó có thể theo đuổi bởi hành giả có sự quen thuộc nhiều và an định vững chắc trong thực hành.

Về sự thực hành đúng của Đại thừa, có cái thấy của sự thấu hiểu rằng mọi đối tượng là không thật. Đối với Mật thừa, có cái thấy về vòng hoá thân, giai đoạn phát triển và tính bất nhị vượt khỏi các bên, tức là giai đoạn thành tựu.

Khi con nhận thấy mọi chúng sanh là cha mẹ mình, con làm sanh khởi con đường qua sự thực hành tâm con trong Bồ đề tâm. Để cắt đứt sự chấp ngã và tin vào ma quỷ, hãy đến một nơi dễ sợ và cắm trại trong một chỗ đáng sợ nhất.

Hãy bắt đầu với việc quy y Tam bảo, phát triển Bồ đề tâm và cầu xin Guru của mình. Rồi sau một hồi lâu thành khẩn quán tưởng từ bi và Bồ đề tâm đối với tất cả chúng sanh nhiều như hư không, mà trước hết là quỷ ma của vùng ấy. Ở lại và đi ngủ trong Bồ đề tâm tối hậu, trạng thái Đại Lạc không

bị ngăn ngại, vượt khỏi sanh, trụ, diệt trong đó chư thiên và quỷ ma là bất nhị.

Khi con cảm thấy sợ hãi, tập trung và chú tâm vào sự suy nghĩ này: "Sự sợ hãi này khởi ra từ sự tin vào ma quỷ, nó nảy ra từ sự không tin rằng mọi chúng sanh là cha mẹ mình". Bây giờ, sự phóng xuất tư tưởng ấy xuất hiện như là ma quỷ. "Làm thế nào mà Bồ đề tâm của ta, nó chỉ là những lời vô vị và các ý niệm tri thức, thành tựu được chân nghĩa?". Chú tâm như thế, trau dồi Đại bi và Bồ đề tâm thành thật, dâng tặng thân con chẳng màng chi cho mọi vị thần và quỷ ma, trước hết là quỷ ma của vùng ấy. Nói rằng: "Hãy lấy thịt, xương, máu huyết của ta, như các người muốn!" để tâm con an định trong Bồ đề tâm.

Cùng một cách ấy, khi con có một ý nghĩ về thần hay quỷ và Bồ đề tâm của con dao động, hãy nghĩ: "Đây là một phóng chiếu ảo ảnh do sự tin vào quỷ ma!" và đem cho họ thân con chẳng màng, rồi ở yên trong sự bình thản. Nếu một hồn ma thật sự xuất hiện, hãy nhảy thẳng vào miệng nó hay vào lòng nó và hoàn toàn bỏ đi ý niệm yêu quý thân con. Trau dồi tâm bi và hồi hướng công đức.

Khi sự tin vào quỷ ma bị cắt đứt, các hiện hình ma quái và phô diễn ảo ảnh lắng xuống, quỷ ma của vùng ấy rơi vào sự kiểm soát của con. Sự lắng yên của tư tưởng và sự thuần hoá quỷ ma xảy ra đồng thời.

Một khi con hiểu rằng mọi chúng sanh là cha mẹ mình, lúc ấy con không thể tin vào quỷ ma; còn có tin vào quỷ ma, ấy là con chưa tu hành đầy đủ.

Thứ hai, cắt đứt(1), hãy nhận biết rằng mọi đối tượng là không thực. Để cắt đứt sự tin vào quỷ ma và sự trụ vào ảnh hưởng của chúng như là thật có. Hãy đi đến nơi khủng khiếp nhất để làm mạnh thêm cái thấy về các hình tướng không thật của con. Quy y, phát triển Bồ đề tâm và cầu nguyện. Khi nhận ra rằng mọi hình tướng đều không thật, mọi ý niệm đều là vọng tưởng, mọi sự đều trống không và cái thấy biết của con hiện giờ cũng giống như một giấc mộng hay một ảo giác huyền hoá. Lúc ấy, hãy đi ngủ trong trạng thái Không vô quái ngại, trong đó rốt ráo không có gì hiện hữu.[1]

Khi con cảm thấy sợ hay khủng khiếp, hãy tập trung tâm con, nghĩ như thế này: "Không hiểu được rằng sợ hãi và khủng khiếp đều giống như một giấc mộng và ảo giác huyền hoá, ta tin vào ma quỷ. Bây giờ, sự phóng tưởng này khởi lên để chỉ cho ta thấy rằng, cái thấy về như huyền của ta chỉ là sự hiểu biết ngoài mặt ý thức. Sự hiểu biết ý thức ấy sẽ không thành tựu thật nghĩa!". Tập trung và chú tâm vào ý nghĩ này, ở yên thoải mái trong trạng thái tất cả đều không thật và huyền ảo.

Con phải nhận biết bản chất không thật của sự phóng tưởng niềm tin của quỷ ma, ngay lúc tư tưởng hay trò huyền thuật xảy ra. Quyết định rằng nó không có thực tại nào, mà thật sự chỉ giống như huyền hoá. Nếu trong thực tế một hồn ma xuất hiện, hãy khẳng định rằng nó không thật và nhảy thẳng vào lòng nó. Ngọn gió xoáy của sự hiện hình ma quái sẽ biến mất và con đi qua nó không chướng ngại. Ngay khi con cắt đứt được sự tin vào ma quái, sự biến hiện huyền ảo tự nhiên lắng yên. Vượt qua được tư tưởng của con và sự chấm dứt của quỷ ma xảy ra đồng thời.

Thứ ba, để cắt đứt, tu hành một "giai đoạn phát triển" vững chắc. Nhờ đó kinh nghiệm của con biểu lộ như là hình tướng của hoá thân.

Để nâng cao giai đoạn phát triển của con, cắt đứt sự tin vào ma quỷ và sự bám chấp nhị nguyên vào một thế giới chúng sanh, hãy đi đến một nơi đáng sợ. Một khi đã phát khởi sự quy y ở đó, phát triển Bồ đề tâm và cầu nguyện. Quán tưởng quang cảnh chung quanh như là cung điện cõi trời và mọi chúng sanh, đặc biệt là hồn linh của vùng ấy, như là hóa thân bốn tôn. Trì tụng thần chú tinh tuý làm bén thêm chánh niệm tinh giác, làm sáng tâm con và thiền định một thời gian dài.

Ôm trọn tánh Không tối hậu với điểm cốt yếu. Đi ngủ trong trạng thái trong đó mọi thứ dù có xuất hiện cũng không tự thể (không có bản tánh tự chính nó). Khi một tư tưởng sợ hãi hay khủng khiếp nổi lên, gom tâm vào nhất niệm và suy nghĩ thế này: "Không nhận ra hình tướng đáng sợ và làm khiếp hãi như là hoá thân bốn tôn, tôi tạo ra sự tin vào quỷ ma. Bây giờ sự phóng ảnh của nó xuất hiện như một biến hiện ảo hoá. Giai đoạn phát triển của tôi

chỉ là danh từ và hiểu biết nơi bề mặt ý thức. Làm thế nào nó sẽ đưa tôi đến giai đoạn thành tựu?

Tâm nhất niệm, bỏ đi sự tham trước thân thể và đem nó cho đi như một món quà của một buổi tiệc. Quán tưởng sống động rằng tất cả cái gì xuất hiện và hiện hữu là hoá thân bản tôn.

Dâng cúng thân thể con như là Cam lồ cho tất cả chúng sanh, cầm đầu là các ma quỷ quấy phá. An trụ tự do trong trạng thái bất nhị không ngăn ngại.

Sự tin vào ma quỷ khởi lên, vì khi hình tướng ma quái hay biến hiện huyền hoặc xảy ra, con không thấu rõ hình tướng và mạn đà la của hoá thân. Hãy nghĩ rằng: "Đây đúng là một phóng tướng!" và nhớ đến Bản tôn.

Đạt được vài thành tựu là do thấu hiểu được rằng con và ma quỷ đều cùng một bản tánh như hoá thân. Thế nên, hãy nghĩ rằng: "Gặp được Bản tôn thì thích thú biết bao!". Hãy ôm chàng lấy ma quỷ bằng cách nhảy vào lòng nó, đi vào trong miệng nó và trộn lẫn tâm các con một cách không phân biệt. Trình diện thân xác con như là một quà biếu cho buổi tiệc. Qua việc làm này, con sẽ hiểu rằng các tướng là hoá thân và như thế tất cả các ý niệm dừng bật, trò biến hiện tự nhiên lắng xuống và hồn linh của nơi chốn ấy rơi vào sự kiểm soát của con!

Thứ tư, để cắt đứt, hãy hiểu bản tánh của bất nhị nhờ vào một cái thấy vững chắc của giai đoạn thành tựu.

Dùng sự sợ hãi, sự tin vào ma quỷ để nâng cao tính chất bất nhị của giai đoạn thành tựu. Để làm thế, hãy làm những điều sơ khởi và an trụ thư thả trong trạng thái bất nhị, trong đó thân và tâm là không hai, tướng và tâm là không hai, ta và người là không hai, bạn và thù là không hai, chư thiên và ma quỷ là không hai. Tóm lại, an trụ trong trạng thái nơi đó không có bất kỳ hiện tượng nhị nguyên nào. Duy trì sự liên tục này không lơ lửng.

Nếu sự biến hiện ảo hoá hay tư tưởng về ma quỷ xảy ra khi thực hành như thế này, hãy chú tâm vào tính bất nhị, nghĩ rằng: "Sự phóng chiếu ảo ảnh này sinh ra từ nghi ngờ, là do bởi tâm ta không an định nhất tâm trong tánh

bất nhị!". Ngay khi sự tin vào ma quỷ khởi sinh, hãy yên nghỉ tự do trong tánh bất nhị. Nếu một quỷ ma thực sự xuất hiện, chú tâm một cách nhất niệm và nghĩ rằng: "Tuyệt vời thay có được cơ hội để tu hành trong bản tánh bất nhị như là sự làm mạnh thêm cái thấy!", hãy nhảy vào lòng ma quỷ, và con sẽ đi qua nó không chút chướng ngại trong tánh Không bất nhị và không nên tăng. Cuối cùng ma quỷ không có một thực thể nào.

Theo cách này, nghĩa của tánh bất nhị hiện rõ bên trong con. Tư tưởng nhị nguyên tin vào ma quỷ bị cắt đứt và sự biến hiện ảo giác bên ngoài lắng xuống. Khi con chứng ngộ tánh bất nhị, con cũng có được sự chế ngự đối với sức mạnh xấu ác và ngăn chặn quỷ ma. Điều này nhờ vào tánh bất nhị và sự duyên sanh lẫn nhau giữa tướng và tâm.

Kết quả là khi con còn hiện hữu thì các quỷ ma còn hiện hữu; khi con bình an thì các quỷ ma bình an; khi con giải thoát, các quỷ ma được giải thoát; khi con được thuần hoá, các quỷ ma cũng thuần hoá. Quỷ ma là quỷ ma của chính con và cắt đứt nó làm cho con an bình. Thế nên, chính là một sự nâng cao, làm mạnh thêm lớn lao khi giáp mặt với một nơi chốn đáng sợ, hơn là thực hành thiền định trong ba năm.

Cách cư xử bí mật này không chỉ nhắm đến tư tưởng về quỷ ma, mà còn để cắt đứt các bệnh dịch truyền nhiễm như là: bệnh cùi và các cảm giác sợ hãi, dị ứng ghê tởm, nhút nhát, hèn nhát, bối rối vv... Tóm lại, bất kể loại tư tưởng nào khởi ra, hãy cắt đứt nó như ở trên.

Cuối cùng, **cư xử tối hậu của tánh Chân Như** là thoát khỏi sự nhị nguyên của chư thiên và ma quỷ. Tự do khỏi sự nhị nguyên của sạch và dơ thì nút khoá của sự trụ tướng nhị nguyên được cởi mở. Tự do khỏi sự thúc đẩy của sự muốn lấy hay bỏ, muốn trau dồi hay bám níu, thì tất cả ý niệm về Sanh tử và Niết bàn hoàn toàn tiêu tan mất trong tánh Giác bất nhị rộng rãi vô biên, và con sẽ an trụ trần trụi, độc nhất như là nhất thể bất nhị, cái tính chất của Đại lạc.

Vào lúc ấy, nếu ngay cả Dharmaraja - Thần Chết móc vào con và đem con đi, con sẽ không cảm thấy sợ hãi. Nếu ngay cả Phật Vajrasattva xuất hiện,

con cũng sẽ không có một nghi ngờ nào hay không chắc để quyết đoán. **Đây chính là sự cư xử tối hậu của thật nghĩa.**

Qua các loại hành xử bí mật này, con thiết lập nền tảng của trạng thái bản nhiên, làm mạnh thêm cái thấy, tinh lọc sự thực hành và hưởng quả. Lời dạy này là cực kỳ sâu xa.

Tsogyal lại hỏi: Xin chiếu cố cho, thưa Đại Sư! Con thỉnh cầu Ngài từ bi ban cho con giáo huấn cốt lõi để cắt đứt gốc rễ của khổ đau, ở trong sự tỉnh giác hiện tiền đưa cả hai sự sanh và sự chết vào đường Đạo.

Padmasambhava trả lời: Nghe đây Tsogyal! Chỉ bày các điểm then chốt của thực hành qua năm Yoga, Ta sẽ dạy con giáo huấn cốt lõi dùng bất cứ điều gì con làm như chính con đường.

* **Thứ nhất, đối với Yoga giấc ngủ**, giây phút rơi vào giấc ngủ giống như đang chết. Bởi thế, phục hồi các Samaya của con, lập lại các thệ nguyện Thanh Văn, làm trong sạch dòng tâm thức, cắt đứt sự phức tạp của ba độc, vắng bật sự nhớ nghĩ và suy tính. Hãy để mọi hiện tượng bên ngoài và bên trong hoàn toàn tự do trong Đại định của Tánh Như - trạng thái không trụ vào bất cứ cái gì. Rơi vào giấc ngủ trong trạng thái của giai đoạn thành tựu không chướng ngại, Pháp thân không ý niệm phân biệt, tức là dùng cái chết như con đường.

Làm tan biến mọi hiện tượng bên ngoài và bên trong, thế giới và chúng sanh, chủ tướng và tùy tùng vào trong chủng tự ở trung tâm trái tim của con. Bằng cách ngủ trong trạng thái không trụ, con dùng ý niệm về cái chết như con đường.

* **Thứ hai, Yoga của sự thức dậy giống như sự sinh ra.** Ngay khi thức giấc, nhớ lại một cách sống động sự tỉnh giác không chướng ngại từ trong giai đoạn thành tựu. Điều này làm tịnh hoá sự tái sinh.

Tiếp theo, con phải hiểu các điểm mấu chốt của nhân quả. Điều này đem đến sinh khí cho bất kỳ sự thực hành tâm linh nào con làm và là một sự làm mạnh thêm hơn những cái gì khác.

Buổi bình minh, phân phát phần tinh chất trong sạch của thức ăn vào trong các kinh mạch và thải các phần dơ bẩn. Khi bên trong các kinh mạch hoàn toàn trống rỗng, các lỗi lầm hay đức hạnh bên ngoài, bên trong và bí mật dễ dàng khởi sanh. Lúc ấy, các kinh mạch khởi lên như là kinh mạch trung ương, khí Prana như là trí huệ, các nguyên tố như là Đại lạc và tâm con như là tánh Giác bất nhị. Đây cũng là mục tiêu của sự tiến hành vài loại chữa bệnh y học hay nghi thức chữa bệnh. Hơn nữa, nó chính là lý do tại sao Đức Phật chứng ngộ sự thật và giác ngộ viên mãn vào lúc bình minh.

* **Thứ ba, Yoga về thức ăn** phải được phối hợp với một sự truyền pháp và lực của Mật thừa. Nếu con thực hành giai đoạn phát triển, hãy dùng thức ăn như là Cam lồ của trí huệ. Hãy quán tưởng hoá thân trong bụng con, hãy hưởng thụ thực phẩm như là một hoá thân hoà tan vào một hoá thân.

Nếu con thực hành tịnh hoá nghiệp chướng, hãy dùng thực phẩm như là Cam lồ trí huệ. Hãy ăn theo cách hoàn toàn thiêu cháy các chủng tử của sáu loài chúng sanh, các chủng tử đó hiện diện trong hình thể các chữ ở trong tâm con.

Nếu con thực hành giai đoạn kết hợp, hãy dùng thức ăn như là Cam lồ của phương tiện và trí huệ bất nhị, ăn trong cách kết hợp.

Nếu con thực hành giai đoạn thành tựu, hãy dùng thức ăn như là trí huệ của Tương và Không đồng hữu. Hãy thưởng thức Pháp tánh ăn Pháp tánh.

Tóm lại, hãy an trụ không phân chia trong bất cứ loại Định nào con đang thực hành và hưởng thụ. Theo cách này, bất cứ đồ ăn nào con dùng đều trở thành nguyên nhân cho Đại Định.

* **Thứ tư, về Yoga liên tục**, một hành giả thực hành con đường một cách đúng đắn phải không bao giờ dung tha cho những phiền não bình thường. Người ấy phải nhận ra mọi mối xúc động khởi ra, nhờ vào những kỹ thuật đặc biệt và đem chúng vào con đường đúng.

Gốc rễ của phiền não là năm độc; ở đây làm thế nào dùng chúng như là con đường. Khi tham muốn mạnh mẽ khởi lên, nhận ra chúng bằng chánh niệm

và tư duy về nguyên nhân của nó. Nó khởi sanh vì một tác nhân bên ngoài, bị chao động bởi sự thúc đẩy tình dục với người khác giới. Bây giờ, sự đau đớn của tham muốn cũng như một vòi nước mạnh phụt ra. Cuối cùng tâm con sẽ hoàn toàn tan vào khuôn khổ của điều mà con đã thường quen.

Để nhận ra khuôn khổ này, hãy hiểu rằng tác nhân hấp dẫn bên ngoài là do tâm con tạo ra. Nếu không phải thế, thì không có chuyện người con yêu lại được nhìn như một kẻ thù bởi người khác. Sự thúc đẩy tình dục khởi từ tâm con và biểu lộ như tham muốn, giống như ngọn gió khởi từ bầu trời trống rỗng.

Bây giờ, đây là cách làm thế nào nhìn vào yếu tính của tham dục và dùng nó như con đường.

Hãy an trụ trong trạng thái trong đó tác nhân hấp dẫn bên ngoài và sự thúc đẩy tình dục thoát khỏi nhị nguyên. Tham muốn do đó trở thành yếu tính của Lạc và Không bất nhị. Tự tánh của tánh Không không được tạo ra từ bất kỳ cái gì, nên sự biểu lộ của nó chính là lạc. Đây là sự hoàn thiện của tham muốn, tức là Diệu Quan Sát Trí.

Cũng thế, bằng cách nhìn vào yếu tính của giận dữ và an trụ trong nó, con chứng ngộ yếu tính bất nhị của Sáng tỏ và tánh Không. Tự tánh là trống không và sự biểu lộ của nó là sáng tỏ. Đây là sự hoàn thiện của giận dữ, tức là Đại Viên Cảnh Trí.

Bằng cách nhìn vào yếu tính của ngu si và an trụ trong trạng thái đó, con chứng ngộ tánh Giác không có ý niệm. Tự tánh là trống không và sự biểu lộ của nó là vô niệm, không tư tưởng. Sự hoàn thiện của ngu si là Pháp Giới Thể Tánh Trí.

Trong cách như thế, do đem kiêu mạn và ganh ghét vào con đường mà chúng trở thành Bình Đẳng Tánh Trí và Trí thành tựu tất cả (Thành Sở Tác Trí).

Tóm lại, mười điều xấu sanh từ năm độc. Năm độc đến từ ba độc tham, sân, si. Bằng cách nhận ra ba độc này và dùng chúng như là con đường, con giữ vững được các giáo lý của ba tạng và an trụ trong ba sự tu hành.

Bằng cách nhìn vào yếu tính của tham muốn và an trụ trong trạng thái ấy, con kinh nghiệm lạc phúc và nó trở thành Luật tạng. Con lìa bỏ tham muốn bình thường, đó là sự tu hành Giới.

Bằng cách nhìn vào yếu tính của sân và an trụ trong trạng thái ấy, con kinh nghiệm sự sáng tỏ, nó thành Kinh tạng. Con lìa bỏ sân hận thông thường, đó là sự tu hành Định.

Bằng cách nhìn vào yếu tính của si và an trụ trong trạng thái ấy, con kinh nghiệm vô niêm, nó trở thành Luận tạng. Con lìa bỏ ngu si thông thường, đó là sự tu hành Trí huệ phân biệt.

Con sẽ nhận ra mọi phiền não khởi lên và bằng cách này đem chúng vào con đường.

Thứ năm là Yoga về thời gian và các điểm cốt yếu. Có năm thời"

* Thứ nhất, lúc bình minh phần trong sạch và không trong sạch của thức ăn tách lìa nhau, tâm con bén nhạy, thân con mới mẻ, trí thông minh trong sáng và các bindu tăng thêm. Sức mạnh của lầm lỗi hay đức hạnh mạnh thêm đến độ con cần phải nhận ra bất kỳ tư tưởng nào sanh khởi như là tham và đem chúng vào con đường đức hạnh.

* Thứ hai, và lúc hoàng hôn, sức mạnh của bindu giảm đi và cảm giác lo lắng có thể khởi ra. Các sự hoá hiện của thần và quỷ ma lớn lên. Thời gian này giống như sự chết, sức mạnh của lỗi lầm hay đức hạnh thì lớn hơn. Thế nên, cần thiết phải biết bất kỳ tư tưởng nào sanh khởi, như là sợ hãi hay khủng khiếp và đưa chúng vào sử dụng trên con đường đức hạnh.

* Thứ ba, khi một phần phiền não lớn lao hay một tư tưởng quấy động sanh khởi, nếu con thất bại không thể dùng nó như con đường. Nó có thể bằng giá của cả đời con, hay nó làm cho con hư hoại các lời nguyện, ngăn chặn

định của con và làm vụn vẹo con đường chân chính. Thế nên, hãy nhận ra nó và đem nó vào con đường.

* Thứ tư, vào lúc tánh Giác bất nhị bốn nguyên hiện khởi và tâm con hợp nhất như là yếu tính của vô niệm, hãy dùng cái này vào con đường của phương tiện. Khi trong trạng thái áp dụng các điểm then chốt vào trong khuôn khổ của các kinh nghiệm này, hãy thực hành một thời gian dài không xao lãng. Vào lúc ấy, các nguyện vọng và các mối liên kết với nhân quả được hình thành. Đây là một điểm cốt yếu. Thế nên, điều quan trọng là hình thành quyết định. Trộn lẫn các nguyện vọng và các mối liên kết nhân quả, với bất kỳ loại ý nghĩ, ý niệm bình thường nào khác là không thích hợp. Vì cái người tạo ra (một nguyện vọng) là một tư tưởng ý niệm danh tướng, cũng giống như lỗi lầm khi dùng một món thuốc mang tính hàn để chữa một bệnh hàn.

* Thứ năm, khi cái chết đến, con sẽ hoàn toàn nằm dưới sự kiểm soát năng lực của "ngiệp liên kết" riêng mình. Bởi thế, phải quyết định tạo ra những mắt xích nhân quả tốt. Hãy để cho những việc xấu bị lãng quên và nhớ lại tất cả các hành động đức hạnh. Chú tâm nhất niệm vào sự thực hành riêng mà con đã từng vững chắc trong đó và trong mỗi khoảnh khắc, hãy thoát khỏi kinh nghiệm lầm lạc. Tóm lại, trong thời gian ấy cần yếu là tạo ra chuỗi mắt xích nhân quả thiện.

Tsogyal lại hỏi: Xin chiếu cố, thưa Đại Sư! Xin Ngài dạy cho các điểm then chốt của các trạng thái trung ấm.

Padmasambhava trả lời: Nghe đây Tsogyal! Đối với Bardo, thời gian từ khi chết đến lúc tái sinh, được gọi là Bardo của sanh và chết. Nó gồm ba điểm: Tốt nhất là đạt đến giác ngộ trước khi kinh nghiệm bất kỳ Bardo nào. Tốt tiếp theo là đạt đến giác ngộ trong trạng thái Bardo. Thứ ba là làm sao tái sanh.

- Điểm thứ nhất có bốn phần: Các nguyên tố tan biến như thế nào, các tư tưởng ngừng lại thế nào, trí huệ không ý niệm xuất hiện thế nào và Phật tánh được đạt đến bằng cách nhận ra bản tánh của mình như thế nào.

* Thứ nhất, khi nguyên tố đất tan biến vào trong nguyên tố nước, nút thắt kinh mạch ở rốn giải tan, thì Prana khí của nguyên tố đất bị khủng hoảng, thân con cảm thấy nặng nề, ý thức nhạt đi và kinh nghiệm giống như một ảo ảnh xuất hiện.

* Tiếp đó, khi nước tan vào trong lửa, nút thắt kinh mạch ở tim giải tan, Prana khí của nước bị khủng hoảng, miệng và mũi khô, ý thức dừng lại và một kinh nghiệm như khói khởi sanh.

* Thứ ba, khi lửa tan biến vào gió, nút thắt kinh mạch ở yết hầu giải tan, Prana khí của lửa bị khủng hoảng, thân nhiệt yếu dần, tri giác chập chờn và một kinh nghiệm giống như đom đóm khởi lên.

* Thứ tư, khi gió tan biến vào ý thức, nút thắt kinh mạch ở chỗ bí mật giải tan, Prana khí của gió bị khủng hoảng, hơi thở ngừng qua lỗ mũi, ý thức đảo lộn nhẹ và một xuất hiện nhẹ của ánh sáng hiện ra.

- **Các tư tưởng dừng lại thế nào:** Ở phần dưới chót của kinh mạch trung ương là tinh túy người mẹ của chúng ta trong hình tượng chữ A. Khi sức mạnh kinh mạch phải yếu đi, tinh chất này đi lên, dấu hiệu là sự xuất hiện màu đỏ. Vào lúc này, các trạng thái tư tưởng của tham dừng lại.

Ở trên cùng của kinh mạch trung ương là tinh chất từ người cha chúng ta trong hình tượng chữ Hạng. Khi sức mạnh của kinh mạch trái yếu đi, tinh chất này đi xuống và màu trắng xuất hiện. Vào lúc này, các trạng thái tư tưởng của sân dừng lại.

Tiếp theo đó, nguyên tố gió tràn khắp trên đỉnh đầu bị khủng hoảng và màu đen xuất hiện. Vào lúc này, các trạng thái tư tưởng của si dừng lại.

Khi ba độc dừng lại theo cách ấy, kiêu mạn và ganh ghét cũng tự động dừng lại, bởi vì ba độc đã tan biến vào ba kinh mạch. Sau đó hơi thở bên ngoài dừng.

Thế nào trí huệ không ý niệm xuất hiện: Đến lúc này, hơi thở bên ngoài đã ngừng, nhưng hơi thở bên trong chưa ngưng. Mặt trời đi lên và mặt trăng

đi xuống gặp nhau, tâm thức thuộc về Prana đi vào trong kinh mạch trung ương. Vì ba cái này ở lại trong kinh mạch trung ương, vì các tư tưởng đã dừng trong một lúc ngắn, tánh Giác không ý niệm - tâm Pháp thân của chư Phật xuất hiện trong khoảng một bữa ăn.

Thế nào là Phật tánh đạt được bằng cách nhận ra trí huệ không ý niệm: Do năng lực đã quen dần với sự nhận biết này và bởi năng lực đắc Định qua các lời dạy miệng. Con sẽ nhận ra trí huệ câu sanh tự hữu này và đạt Phật tánh, kết hợp hai phương diện Mẹ và Con của Pháp thân. Theo đó trí giác vượt qua nắp mở của Brahma và đi vào Pháp giới.

Đây là lời dạy cho người có khả năng cao nhất để đạt đến Phật tánh không qua bardo.

Lời dạy cho người có khả năng vừa để đạt đến giác ngộ trong trạng thái bardo, có bốn điểm. Cách thức các nguyên tố tan biến và các trạng thái của tư tưởng dừng lại thì giống như ở trên.

- Về điểm thứ ba, **thế nào Pháp tánh biểu lộ trong Bardo:** Nếu người ta không nhận ra trạng thái không ý niệm của Pháp thân, như trường hợp người có khả năng cao tột, thì trí tỉnh giác trú trong trung tâm trái tim, đi vào con đường của kinh mạch màu lụa trắng. Xảy ra ở bên ngoài, tâm và vật chất lìa nhau, con rơi vào trạng thái không thức giác trong bảy ngày(1). Tỉnh dậy từ sự hôn mê này, Pháp tánh xuất hiện trong năm ngày, trong hình dạng các âm thanh, màu sắc, ánh sáng và cảnh giới.[1]

Âm thanh là âm thanh tự nhiên của nguyên tố lửa, bao la và mãnh liệt. Nó gầm như sấm sét phân chia giữa hai mùa: mùa hè và mùa đông. Sự sáng rõ của tánh Giác biểu lộ trong các màu sắc trong trời và sóng động. Các tia sáng chiếu từ các màu sắc thì chói chang như một ảo ảnh trên các cánh đồng mùa thu.

- Thứ tư, **thế nào là đạt được Phật tánh bằng cách nhận ra khuôn mặt bốn nhiên của con:** Do sức mạnh của tu hành, điều đã được trực chỉ, các

biểu lộ này của âm thanh, màu sắc và ánh sáng sẽ xuất hiện như là trí tuệ của sanh tự hữu và con sẽ đạt đến Phật tánh.

Các cá nhân khác biệt nhau trong sự tu hành và quen thuộc của họ. Đối với thiền giả tu trong giai đoạn thành tựu của Yoga hoá thân bốn tôn, các biểu lộ này của âm thanh, màu sắc và ánh sáng sẽ mở bày như sự biểu lộ tự nhiên của mạn đà la của hoá thân và người ấy đạt đến Phật tánh như là Báo thân.

Thiền giả đã chứng ngộ sự giả ảo của các hình tướng sẽ thấu hiểu rằng, các biểu lộ ấy của âm thanh, màu sắc, ánh sáng là giống như một giấc mộng hay một ảo tưởng huyền hoá và sẽ đạt được Phật tánh như Hoá thân.

Thiền giả đã chứng ngộ rằng, mọi hiện tượng Sanh tử và Niết bàn là kinh nghiệm tự biến hiện của cá nhân (rang nang) sẽ hiểu rằng, các biểu lộ này của âm thanh, màu sắc, ánh sáng là tự khởi vốn tự giải thoát và sẽ đạt được Phật tánh như là Thân Yếu Tính.

Bởi thế, con phải đi qua Bardo bằng bất cứ pháp môn tu hành nào mà con đã có kinh nghiệm và chứng ngộ trong đó.

Cuối cùng, **thế nào để tái sinh có năm điểm**. Cách thế các nguyên tố tan biến và các trạng thái tư tưởng dừng lại cũng giống như ở trước.

Thứ ba, **Thân do Thức dần dần được tạo thành qua tám duyên sanh(1): Vô minh** là không nhận ra được rằng ánh sáng là sự tự biến hiện của chính con. **Hành (sự tạo lập)** xảy ra, bởi sức mạnh của hành, khi năm Prana khí gom lại và tạo thành sự hiện hữu của sanh tử. Từ hành, **thức** trở nên rõ ràng hơn và sự bám trụ vào một đối tượng xảy ra.

Tiếp theo **danh** và **tướng** của trạng thái bardo sanh ra(2). Thức trở nên nhanh nhạy, tạo thành các căn (giác quan). **Xúc** là khi các giác quan gặp một đối tượng. **Thọ** là cảm giác sướng khổ. **Ái** là khi do thọ đó con khởi lên thích hay ghét. Như thế tám yếu tố này tạo thành thân do thức sanh.[1]

Thứ tư, **thế nào là kinh nghiệm bardo xảy ra**: Các tướng của thói quen và nghiệp biểu lộ; như thế con kinh nghiệm sự du hành đến quê nhà đời trước

và liên hệ với mọi người thân quen bằng cái thức. Thức ăn và nơi ở của con thì bất định, và thân thể bằng thức sống nhờ đồ cúng được đốt. Ngoài việc có thể vào tử cung của người mẹ đời kế tiếp và đi đến toà Kim Cương, con có thể di chuyển không chướng ngại. Thường trực sợ hãi, bị đe dọa và khủng khiếp, con kinh nghiệm các cái thấy về quý ăn thịt, các thú dữ tợn, mưa bão dữ dội và bão tuyết. Con tìm sự ẩn núp, trốn lánh bất cứ chỗ nào. Các giác quan thông tỏ và khả năng của tâm thức thì toàn vẹn. Con có thiên nhãn và có thể nhìn thấy các chúng sanh khác của cảnh giới bardo.

Thứ năm thế nào là tái sanh trở lại: Sau khi sự tỏ rạng nhanh chóng của ánh sáng căn bản đã lắng xuống, con kinh nghiệm năm con đường ánh sáng thông thường(1). Vô minh cấu sanh làm cho con không thể nhận ra tánh Giác sáng tỏ này là khuôn mặt xưa nay của con. Vô minh thuộc về ý niệm là ý niệm hoá tánh sáng tỏ, quang minh này thành một cái gì khác. Trụ vào các tướng của cái khác đó, con tái sanh vào sáu loại chúng sanh, như một con hươu mắc trong bẫy hay con ong kẹt trong một bông hoa.

Bám trụ vào ánh sáng trắng, con sẽ sinh lại giữa các chúng sanh của địa ngục. Bám trụ vào ánh sáng đỏ, con sẽ sanh lại làm ngựa quý. Đi vào trong ánh sáng màu đen thì sanh làm thú vật. Đi vào ánh sáng màu vàng dẫn đến tái sanh làm một con người. Và bám trụ vào ánh sáng lục dẫn đến tái sanh làm Chư Thiên hay Atula. Vào lúc ấy con phải nhớ đến sự đau khổ của sáu loài chúng sanh và không trụ vào bất kỳ loại ánh sáng nào như vậy.

Thức trong bardo dễ dàng đổi hướng. Thế nên, nếu con có thể ở trong sự tỉnh giác chánh niệm, và phát khởi sự mong mỏi sâu xa đối với một cõi Phật như là cõi Tịnh Độ thì con sẽ sinh về nơi ấy không một chút nghi ngờ.

Tsogyal lại hỏi: Xin chiếu cố, thưa Đại Sư! Hành giả chưa đạt đến an định có phải nỗ lực để làm sạch các chướng ngại không? Làm thế nào để trừ sạch các chướng ngại trên con đường?

Padmasambhava trả lời: Nghe đây Tsogyal! Trừ sạch các chướng ngại khỏi con đường có bốn điểm: **Trừ sạch chướng ngại của các kinh nghiệm tạm thời về định, làm sạch chướng ngại bệnh tật đau đớn của thân, làm**

sạch chướng ngại của tư tưởng ý niệm và chur thiên, quỷ ma trong tâm và làm sạch chướng ngại của ô nhiễm tạm thời do hoàn cảnh xấu.

Thứ nhất, làm sạch chướng ngại của các kinh nghiệm tạm thời về định:
Hôn trầm nghĩa là không thực hiện được sự tỉnh giác sáng tỏ, không ôm trùm nó được với kinh nghiệm của quang minh.

Hôn trầm trộn lẫn với giấc ngủ là do buồn ngủ.

Trạo cử nghĩa là tâm thức động theo một đối tượng hay theo đuổi cái gì đó.

"Động theo" nghĩa là sự chú tâm không ở yên.

Bị tán thất là để cho bị bắt lấy vào trong sự tri giác về cái gì khác.

Không an trụ là yên lặng một thời gian ngắn nhưng không thể ở lâu dài.

Thất niệm là sự chú tâm của con chuyển động mà không được lưu ý trong khi con vẫn nghĩ rằng nó vẫn ở đó.

Trạo cử, động lay có hai loại. "Động lay bởi cái khác" nghĩa là tâm thức động vì hoàn cảnh nào đó. "Động lay bởi chính mình" là cảm giác vi tế của sự suy nghĩ rằng "Yên tĩnh thật! Trong sáng thật" đi vào trong trạng thái thiền định.

Hôn trầm và Trạo cử là các lỗi ban đầu khởi ra do thất bại trong tập trung và trượt vào sự vô ký.

Khi cảm thấy hôn trầm, hãy hướng sự chú tâm đến trung tâm trái tim con. Trụ tâm ở đó trong khi thiền định nhất niệm và không xao động. Nhờ thế con sẽ không rơi vào hôn trầm hay mê man mà vẫn tiếp tục trên con đường.

Khi cảm thấy lay động, hãy hướng sự chú tâm đến chỗ dưới rốn, trụ tâm ở đó và thiền định không xao động. Qua việc này, con trở nên hoàn toàn nhất niệm và sẽ không rơi vào các lỗi lầm động niệm hay thất niệm.

Tổng quát, nếu sự chú tâm của con được nhất niệm và gom tụ rất ráo, con không thể bị hôn trầm hay trạo cử.

Bây giờ, dùng cái gì có lợi cho Định như là con đường Chánh Định tốt đẹp của lạc, trong sáng và vô niệm; lòng từ, lòng bi hay sự từ bỏ, sự sùng tín mạnh mẽ và trong sáng, tất cả đều có một kinh nghiệm về "vị" đi theo, cùng với các chi tiết về thân và khẩu. Các kinh nghiệm này là khí prana đi qua miệng. Có sự nguy hiểm của sự làm mỗi cho chấp ngã, thế nên trọng yếu là bao trùm chúng với điềm then chốt.

Với thái độ hiểu biết rằng chúng là các kinh nghiệm tạm thời duyên khởi từ tâm nhị nguyên, hãy nhìn vào yếu tính của từng cái. Duy trì trong sự liên tục cái thấy ấy mà không trụ vào sự khó khăn cũng không tham đắm. Thế rồi, các kinh nghiệm này hiện ra như là yếu tính của tánh Giác bất nhị. Hộ trì sự liên tục này mà không bám níu vào hay nuôi dưỡng các kinh nghiệm tạm thời.

Nếu con cảm thấy một kinh nghiệm phân chân, phải cắt tức thời sự bám níu ấy. Nếu con cảm thấy như muốn khóc vì tâm bi mạnh mẽ dâng trào trong con, phải hiểu rằng điềm then chốt của cái thấy là nhận ra tánh Giác. Chớ buông thả trong kinh nghiệm mùi vị của nó, mà chỉ duy trì trong sự liên tục.

Kinh nghiệm có thể làm một biến hiện ảo huyền của một tinh linh Gyalpo. Để cho con không đắm mình trong sự nuôi dưỡng một hồn linh huyền ảo, Ta sẽ dạy con các chỉ dạy cốt lõi về cách dùng các kinh nghiệm gây chướng ngại như là những giúp đỡ, trợ giúp cho Định.

Bất kỳ cái gì xảy ra như: bệnh tật, đau đớn, nhói tim hay mệt mỏi cùng cực, hãy hiểu nó chỉ là một kinh nghiệm nhất thời. Chớ ngã lòng hay xem nó như là một sự không may. Hãy để cho đối tượng được cảm nhận, tâm đang cảm nhận xảy ra tự nhiên và được giải thoát. Chớ nhìn chúng như xấu hoặc tốt, mà để chúng tự nhiên sanh khởi và giải thoát khỏi chúng.

Bây giờ, Ta sẽ giải thích làm thế nào nâng cấp các kinh nghiệm này, để chúng siêu vượt khỏi giúp đỡ hay làm hại.

Hãy ở trong thức nền tảng A-lại-da, hiện tượng của Sanh tử hay Niết bàn nằm yên hiện diện tự nhiên trong hình thức của các chủng tử (hạt giống).

Trong thân Kim Cương, chúng hiện tồn như là các chủng tự kinh mạch và tâm khí Prana. Bởi thế, khi con nhận ra khuôn mặt bản nhiên của trạng thái chân thật và thực hành trong khi vẫn áp dụng các điểm then chốt của Định thì các thất nút kinh mạch được cởi mở, tâm khí Prana được sáng tỏ, tập khí được tịnh hoá, và con nắm được sự bắt đầu của những phẩm tính giác ngộ. Như thế, các kinh nghiệm của Sanh tử và Niết bàn sanh khởi ra.

Nếu các khí Prana tìm ra một lối mở, chúng sẽ tuôn vào đó. Nếu con tạo ra một ý niệm, các ma sẽ hiện ra. Nếu con bỏ mặc các kinh nghiệm với sự thân nhiên, chúng sẽ không trở thành các phần tử giúp phát triển của con đường.

Hãy hiểu rằng các thứ xảy ra này là những kinh nghiệm tạm thời.

Chớ nhìn cái gì như là một lầm lỗi. Chớ nhìn cái gì như là một đức hạnh. Hãy tự do khỏi hy vọng, sợ hãi và nghi ngờ, giữ tu hành trong sự dễ cho kinh nghiệm tạm thời khởi sanh tự nhiên và được tự nhiên giải thoát. Trong cách này, mọi kinh nghiệm trở thành sự nâng cấp các sự làm mạnh thêm.

Vào những lúc thực hành ẩn cư có khi tâm được mềm dẻo, có sự tiến bộ trong tu hành tâm linh, thiền giả hứng khởi với các bài hát êm đềm. Có khi tâm không thuần thực được, tu hành tâm linh giảm sút, chú tâm bị tán loạn và thiền giả cảm thấy khốn khổ sâu xa.

Một số kinh nghiệm cao và thấp khởi sanh vào lúc tách lìa Sanh tử và Niết bàn. Thay vì cảm thấy thất vọng hay kiêu hãnh, hãy giữ mình vào điểm then chốt là để sự vật xảy ra tự nhiên mà không dính mắc, như thế con sẽ có thể đem chúng vào con đường.

Hãy hoàn thành sự thực hành nhập thất không mệt mỏi và không lạc vào phóng tưởng; thế rồi thứ gì cũng sẽ là một trợ đạo.

Thứ hai, để tịnh hoá chương ngại của bệnh tật và đau đớn của thân, có năm điểm: Căn cứ nơi đó bệnh tật trú ẩn, nguyên nhân để cho bệnh tật xảy ra, các hoàn cảnh làm nó hoạt động, các hậu quả chín muồi của nó, và cách thức chữa lành nó.

Thứ nhất, bệnh tật tiềm ẩn trong thức nền tảng, trong cách thức cấu tạo của các kinh mạch và bởi các thói quen tập khí. Nó xảy ra vì nghiệp xấu tích tập qua vô minh và chấp ngã. Nó được hoạt động bởi phiền não, tư tưởng, ý niệm danh tướng, khí prana hay thần và quý. Hậu quả chín muồi của nó là 404 loại bệnh, dẫn đầu là nhiệt và hàn, đờm dãi, đau và sưng. Tóm tắt, bệnh tật vô minh cấu sanh là nhân chính và bệnh tật vô minh của thức tạo thành ý niệm là duyên chính.

Mọi bệnh tật có năm tác nhân: Nền tảng tiềm ẩn nghiệp xấu như là nhân, Phiền não như là duyên, Tư Tưởng Ý Niệm như là khâu chuỗi liên kết, Khí Prana như là cái tập hợp qui kết và Thần, Quý là tác nhân phụ trợ.

Ví dụ, nếu một bệnh hàn biểu lộ, nó được gây ra bởi tập khí tham ngủ ngầm trong thức nền tảng, và được hoạt động bởi duyên và tham muốn mãnh liệt. Khâu chuỗi liên kết được làm bằng tư tưởng ý niệm “Tôi bị bệnh! Tôi yếu rồi! Tôi sẽ làm gì nếu nó tệ hơn?”. Điều này làm cho: “*khí đi xuống làm sạch*” bị lũng đoạn và khiến mở ra cho sự tấn công từ loài âm của các thể lực xấu.

Tương tự, hạt giống của sân như là nhân được hoạt động qua duyên là sân, mãnh liệt liên kết với khâu chuỗi của tư tưởng ý niệm. Điều này làm cho “*khí quân bình hỏa*” bị lũng đoạn và khiến mở ra cho sự tấn công từ loại dương của các thể lực xấu, tạo thành các bệnh nhiệt.

Hạt giống của si như là nhân được hoạt động bởi nhân là ngu si nặng nề, liên kết với khâu chuỗi của tư tưởng ý niệm. Điều này làm cho “*khí an trụ quân bình*” bị lũng đoạn và khiến mở ra cho sự tấn công từ các “hồn linh của đất” xấu ác. Nó sinh ra bệnh đờm dãi.

Hạt giống của ghen ghét như là nhân được hoạt động bởi duyên là sự ghen tuông mạnh mẽ, liên hệ với khâu chuỗi của tư tưởng ý niệm. Nó làm cho “*khí hỗ trợ cho sự sống*” bị lũng đoạn và khiến mở ra cho sự tấn công từ loài Tsen của các thể lực xấu, sinh ra bệnh đau đớn.

Hạt giống của kiêu mạn như là nhân được hoạt động bởi duyên là sự kiêu căng mãnh liệt, liên hệ với chuỗi tư tưởng ý niệm. Nó làm cho “*khí đầy khắp*” bị lũng đoạn và khiến mở ra cho sự tấn công của loài Gyalpo của các thế lực xấu và sanh ra bệnh sung.

Vì nguyên nhân là vô minh, con phải nhận biết trí huệ câu sanh để chữa các bệnh này. Vì điều kiện là phiền não, con phải đặt sự chú tâm vào tính bình đẳng. Vì mỗi liên kết là tư tưởng ý niệm, con phải cắt đứt sự trói buộc của tư tưởng. Vì tác nhân gom góp của sự kết thành là khí, con phải chú tâm vào điểm then chốt của khí. Sự nâng đỡ đằng sau là thần và ma quỷ, con phải từ bỏ ý niệm về ma quỷ.

Bằng cách này, làm thế con sẽ thoát khỏi mọi loại bệnh tật.

Để chữa lành tính chất của đau ốm có ba điểm: Tốt nhất là để cho nó được vốn tự giải thoát; Tốt tiếp theo là từ bỏ những điểm quy chiếu liên hệ đến sự trừ tà hay thiền định; Cuối cùng là chữa bằng quán tưởng.

Với cái thứ nhất: Chớ dùng ngay cả chỉ một liều thuốc. Chớ tụng hát một âm nào của lễ chữa bệnh. Chớ nhìn đau ốm như là một lỗi lầm, hay nhìn nó như một đức hạnh. Để cho tâm con không tạo tác và tự nhiên. Hoàn toàn buông xả trong trạng thái vô niệm tự nhiên của tính đơn giản. Làm thế, dòng ý nghĩ danh tướng bị cắt đứt; tánh Giác tự do với tư tưởng hiện lên và đau ốm được sạch mát. Sự đau ốm và tư tưởng được giải thoát đồng thời.

Nói thế nghĩa là trong thời các sơ khởi, chớ theo đuổi sự đau ốm. Trong thời chính phần, chớ trau dồi theo sự đau ốm. Trong thời kết thúc, chớ trụ vào cảm giác đau ốm. Qua đó, con sẽ cởi mở đau ốm cũ và không bị làm hại bởi đau ốm mới.

Với cái thứ hai, trừ tà hay thiền định, có ba phần: Chuyển hoá đối thủ, Cắt trực tiếp và Làm quân bình.

Thứ nhất, nhìn đau ốm với lòng biết ơn, nghĩ đi nghĩ lại: “Tuyệt vời biết bao, nhờ vào người đau ốm, mà ta có thể cắt đứt con quỷ ý niệm!” **Để cho**

tâm con được hân hoan; dùng các thực phẩm làm chướng ngại, giảm trừ đau ốm, và hành động trong cách ngược lại đối với nó.

Tiếp theo, ăn một ít chất thơm đặc còn tươi, còn ấm nhưng không hấp. Uống một tí chất thơm lỏng nóng và ấm. Bằng cách thiền định về khí Prana, căn bệnh trong phần trên thân bị trục xuất ra ngoài, và căn bệnh trong phần dưới bị xô thoát ra. Tiến trình làm lành bệnh này là y khoa của sự cắt đứt.

Thứ hai, để cắt đứt trực tiếp, hãy biểu lộ một bộ mặt rạng rỡ và dừng lại sự thở than. Về tâm thức, cắt trực tiếp các lo lắng, hy vọng và sợ hãi khi nghĩ rằng: “Tôi đang đau ốm, hay nếu tôi chết, tôi sẽ phải làm gì?” Với sự dũng dũng toàn diện, hãy ném xa các lo lắng này.

Thứ ba, để làm cân bằng, con phải dùng sự bất hạnh như con đường của mình ngay khi nó khởi ra. Làm sáng tỏ sự tỉnh giác của con và tự nhớ đến thực hành tâm linh. Chớ thiền định về một quán tưởng để đối trị với đau ốm, chớ áp dụng bất kỳ lễ nghi chữa bệnh hay thuốc thang gì, mà hãy nhìn vào cái người cảm thấy bệnh! Bằng cách ở trong trạng thái liên tục này, khi một kinh nghiệm xảy ra, nó tự tan biến mất và khi sự chứng ngộ xảy ra, nó hiện lên như là tánh Giác trống không, ít ra con sẽ không phải khốn khổ vì ý tưởng cảm thấy đau ốm.

Cuối cùng, để chữa lành bằng cách quán tưởng, hãy vận hành Bồ đề tâm, dùng thể ngôi kiết già và quán tưởng chính mình như là hoá thân Bồ đề tôn. Tưởng tượng một chữ **Hung** xanh đậm trong trung tâm trái tim, cỡ bằng hạt lúa mạch. Nếu bệnh nhiệt, tưởng tượng một chữ **Hung** màu trắng cỡ bằng hạt lúa mạch, khởi từ chữ **Hung** trong trung tâm trái tim và xoay vòng xuyên qua phần trên của thân. Nó hoàn toàn rút ra hết các bệnh tật, giống như một cục nam châm hút các cây kim, thoát lên từ đỉnh đầu con, nó tan biến vào không gian. Quán tưởng như thế, rút khí lên phía trên.

Nếu là bệnh hàn, tưởng tượng một chữ **Hung** màu đỏ cỡ bằng hạt lúa mạch, xuất hiện từ chữ **Hung** trong trung tâm trái tim và xoay vòng xuyên qua phần dưới thân. Thoát ra qua cửa phía dưới, tưởng tượng rằng nó biến mất vào trung tâm trái đất.

Nếu con đau trong tay và chân, như nóng hay sưng, quán tưởng một chữ **Hung** màu đen ở chỗ đau. Tưởng tượng rằng nó gom cái đau lại và rời khỏi qua chỗ nóng hay ra ngoài qua đầu ngón tay.

Đối với bệnh không chẩn đoán được, tưởng tượng rằng một chữ **Hung** xanh đậm xuất hiện từ chữ **Hung** trong trung tâm trái tim. Nó gom lại tất cả bệnh tật khắp thân và tan biến vào không gian sau khi qua lỗ mũi.

Tổng quát, khi ở trong tính bình thản, tâm con hoàn toàn trở thành tinh chất của vô niệm. Con phải buông bỏ mọi lưu tâm tự do khỏi nghi ngờ và do dự về cái được tẩy trừ hay quán tưởng. Sự quán tưởng và tâm con phải là một. Điều quan trọng là nương dựa và tập trung vào ba điểm này.

Bây giờ, làm sao để tổng xuất chướng ngại của một tâm trí chứa chấp những tư tưởng về thần và quỷ. Khi con đã có những kinh nghiệm thường xuyên, nhờ vào sự liên kết giữa cấu trúc các kinh mạch và sự chuyển hướng của dòng tư tưởng(1). Con sẽ bị tấn công bởi các trò biến hiện huyền hoặc của các năng lực gọi là ma quỷ và cảm thấy nghi ngờ.

Khi tư tưởng sợ hãi và khủng khiếp khởi lên, hãy nhận chân chúng một cách nhanh chóng và đưa chúng vào con đường. Nếu con để chúng chạy rong hay rơi vào quyền lực của chúng thì chúng sẽ trở thành một cản trở cho sự tu hành của con.[1]

Hơn nữa, trừ phi con nắm được mọi thứ chướng ngại cao hay thấp để dùng như con đường của mình còn không nó sẽ trở lại với sức mạnh lớn hơn, và trở thành một cản trở cho tu hành. **Thật cần yếu dùng các chướng ngại như con đường.**

Căn bản, để vượt qua sự nhiễm ô nguy hiểm của ý nghĩ mình, phải đem các chướng ngại vào con đường. Các kinh nghiệm về năng lực xấu hay trò biến hiện huyền hoá đều được kinh nghiệm trong tâm làm lạc của con. Thật sự không có “thần” hay “quỷ” nào ở ngoài con. Ngay khi con kinh nghiệm các năng lực xấu và các trò biến hoá, hãy áp dụng điểm trọng yếu là hiểu rằng chúng không có thực thể nào cả, vì chúng không có sanh, trụ và diệt. **Khi**

nào một sự tấn công ảo hoá xảy ra, hãy ngồi thiền, giữ thẳng cái nhìn và nhìn vào bản chất của nó. Rồi tư tưởng hiện lên như cái biết trống không. Ngay lúc ý nghĩ con hướng về trong tánh Giác trống không, con có sự can đảm, tự tin để cắt đứt hoàn toàn sợ hãi và khủng khiếp.

Ngay nếu lũ ma bao quanh con như một đạo quân, chúng sẽ không thể làm động một sợi tóc trên thân con; cũng chẳng thể tạo ra cản trở nào.

Giữ sự tự tại nghĩ rằng: “Tôi không thể bị hại bởi bất kỳ cản trở, chướng ngại nào!” hay nhút nhát nghĩ rằng: “Không biết tôi có gặp trở ngại nào nữa không?”. Chỉ tạo ra sự chào mời cho ma quỷ.

Mọi kinh nghiệm về quỷ thần, đều chính là ý nghĩ danh tướng của con kết thành hình thể. Chúng không có ngay cả một vi trần hiện hữu ngoài chính tâm con. **Hãy cắt đứt dòng tư tưởng ý niệm! Hãy đem cho các uẩn của con như quà biếu cho một bữa tiệc! Cho Pháp thân con như là thức ăn! Hãy vứt bỏ chấp ngã! Hãy áp dụng điểm trọng yếu và thực hành.**

Bây giờ, **làm sao để trừ sạch những chướng ngại của ô nhiễm tức thời (drib):** Con trở thành ô nhiễm do sự gặp gỡ hay chia phần với các bạn bè mà họ đã xâm phạm lời thệ nguyện samaya của họ, làm hư hỏng giới luật hay mắc vào những việc làm xấu; do tiếp xúc với người bệnh cùi, người mà vợ hoặc chồng vừa mới chết, hay người có trí óc quỷ quái; hay do ở trong một ngôi nhà có ác nghiệp, có ma quỷ, có kẻ thù, hay sự xấu xa về đạo đức.

Con trở nên bị bôi bẩn khi ăn thức ăn có được qua sự thù địch, hay từ đạo đức xấu, từ ác nghiệp. Thân thể con bèn khó chịu, Định bị yếu đi, các Hộ pháp không bằng lòng.

Dấu hiệu các samaya và giới luật của con bị tổn hại là nằm mơ thấy bị rơi xuống, hay đi xuống. Khi bị dơ bẩn bởi bạn bè, con mơ thấy các chúng sanh bị bôi dơ bằng thứ ô uế của người khác. Khi bị dơ bẩn bởi chỗ ở, con mơ thấy đi vào một căn phòng dơ dáy. Khi bị dơ bẩn bởi thức ăn, con mơ thấy đang ăn thứ dơ bẩn.

Cách tốt nhất để sửa chữa điều này là bằng các quán đảnh và các nghi quỹ thực hành Sadhana; tốt tiếp theo là bằng Thần chú Đà la ni; và tốt thứ ba bằng các lễ tẩy tịnh. Bằng mọi cách hãy cố gắng tốt nhất để trừ sạch ô nhiễm.

Tsogyal lại hỏi: Xin chiêu cố, thưa Đại Sư! Làm thế nào một thiên giả có được sự nâng cấp, sự tăng tiến qua việc trừ khử các chướng ngại ra khỏi con đường?

Đạo Sư trả lời: Tsogyal! Để có sự nâng cấp, và tăng thêm trên con đường có ba điểm: **Bỏ đi các lỗi làm ngăn chặn sự nâng cấp, Đặt nền móng cho sự nâng cấp và Nỗ lực trong các phương pháp cho sự nâng cấp xảy ra.**

Thứ nhất, gốc rễ của các lỗi không gì khác hơn là chấp ngã, các thái độ của sự an trụ sai lầm, thế nên hãy cắt đứt các ràng buộc của chấp ngã. Ném xa sự trụ tâm vào kẻ thù hay bè bạn! Hãy bỏ những mối quan tâm trần thế! Từ bỏ các theo đuổi vật chất! Dấn thân vào không gì khác hơn Pháp từ cốt lõi của lòng mình!

Giống như một hạt giống không thể tăng trưởng trên đá, con sẽ không thể có sự tăng tiến nào nếu không bỏ đi lỗi lầm chấp ngã. **Bởi thế, con hãy từ bỏ gốc rễ của mọi tội lỗi là chấp ngã.**

Thứ hai, để đặt nền móng cho sự nâng cấp, hãy kiên trì trong bất cứ con đường nào mà con đã đi vào và cố gắng hiển lộ vài phẩm chất. Dấn thân vào nhiều thực hành mà không tu tập một thứ sẽ không mang đến kết quả. **Hãy hiểu điểm then chốt đi vào và ra khỏi con đường: Đi vào trong bất cứ con đường nào mà con có kinh nghiệm và ra khỏi các thứ thực hành khác!** Chú tâm hoàn toàn cho đến khi con ổn định trong thực hành đó. Con không thể nắm được một con đường cao hơn, nếu không dựa vào một con đường ở dưới. Tu tập như thế, giống như trồng những hạt giống tốt trên đất màu mỡ, con sẽ có được kinh nghiệm, con sẽ thấy ra yếu tính của mình và tiến bộ. Tóm tắt, sự tu hành mãnh liệt là căn cứ cho các phẩm chất xuất hiện.

Thứ ba, về sanh ra sự nâng cấp, có hai điểm: Nâng cấp con đường đặc biệt mà con đang đi và Nâng cấp kinh nghiệm và chứng ngộ mới khởi.

Nếu con không có tiến bộ nào khi thực hành một lời dạy về phương tiện (upaya), thì những phương tiện đã trở nên một chiều, do vì bám trước vào tướng và các thuộc tính. Hãy làm nảy sinh sự nâng cấp bởi trí huệ (prajna), khi hiểu rằng mọi hiện tượng đều vô tự tánh.

Nếu con không tiến bộ khi thực hành một lời dạy về trí huệ (prajna), thì trí huệ đã trở thành một khuyết điểm, bởi vì sự bám trước một chiều vào tánh Không. Hãy chú tâm vào điểm then chốt “nhân quả” và làm nảy sinh sự nâng cấp qua các lời dạy về phương tiện thiện xảo (Upaya).

Cùng cách ấy, không tiến bộ khi thực hành Shamatha (Chỉ hay Định) là vì lỗi không hiểu trạng thái bản nhiên. Hãy làm sanh sự nâng cấp nhờ vào Vipashyana (Quán) - sự nhận ra trạng thái chân thật.

Không tiến bộ khi thực hiện Quán là do khuyết điểm thời gian an định quá ngắn ngủi. Hãy làm nảy sinh sự nâng cấp nhờ chánh niệm vững chắc vào Chỉ. Cũng thế, hãy đưa nguyên lý đồng đẳng này (Chỉ và Quán) với mọi loại trạng thái của thiền định và sau thiền định.

Đây là điểm then chốt để làm nảy sinh sự nâng cấp, tăng tiến trong mọi loại thực hành hằng ngày.

Thứ hai, để nâng cấp cái mới sanh kinh nghiệm và chứng ngộ, có sự nâng cấp qua phiền não và sự nâng cấp qua tư tưởng ý niệm.

Đối với cái thứ nhất, không có ai không có phiền não, nhưng nếu con lạc vào sự bám chấp sâu nặng, các xúc động sẽ không trở thành phần tử của con đường. Đối với điều này, có ba điểm: Các khuyết điểm không làm được như vậy và cách làm điều đó.

Thấy người nào hay phi nhân đẹp, tâm con bị choáng váng vì tham muốn. Các khuyết điểm là vì tham muốn tăng lên, con tạo ra nghiệp xấu, bị bệnh hàn, bị tấn công bởi các lực lượng âm xấu xa và trong tương lai bị thai

ngheñ trong tử cung. Như thế chắc chắn con sẽ bị thuộc vào vòng nghiệp quả.

Các phẩm chất tốt đẹp là con có thể thu hút, hấp dẫn người và phi nhân như con muốn, làm nảy sinh Định của tánh Không lạc phúc, thoát khỏi bệnh hàn, được các loài bảo vệ giới nữ đi theo và cuối cùng tái sinh ở cõi Cực Lạc.

Khi con cảm thấy ham muốn mạnh mẽ, nó có thể được dùng như con đường tại ngay chỗ ngồi này, trong cùng thời công phu này. Chó ném hòn đá vào mũi con heo!(1). Hãy chùi sạch ngọn nến khi nó còn nóng! Hãy giết kẻ thù của con khi con bắt được hẳn!

Tulku Ugyen Rinpoche giải thích rằng mũi con heo là điểm nhạy cảm nhất trên thân thể nó; đụng vào đó sẽ làm cho nó chạy mất. Các phản ứng của hoặc là tội lỗi và đè nén hay của sự dẫn mình mù quáng trong một xúc cảm; cả hai đều là “đánh vào mũi con heo”, bởi thế mất đi cơ hội để nhận ra bản tánh của xúc cảm.

Trước tiên, hãy để cho ham muốn tăng đến mức đầy đủ của nó. Rồi, trước khi gây ra bất cứ nghiệp gì, hãy đem nó vào con đường. Vì chính tâm con làm vững chắc sự ám ảnh của ham muốn. Khi nhận dạng của tâm thái này hiện lên như tánh Giác bị méo mó thì sự trùng hợp tốt đẹp được hình thành trọn vẹn. Nếu không có cái nền tảng tánh Giác bản nguyên này thì ham muốn không thể trở thành con đường; cũng như một sự phản chiếu không thể thấy được trừ khi tấm gương hết bẩn, trở nên trong sáng.

Sức mạnh của phiền não phát triển hoàn toàn. Khi cảm xúc được kinh nghiệm trong trạng thái của tánh Giác bản nguyên, không nghiệp nào được tạo ra. Nó được đưa vào con đường mà không cắt đứt nó với bất kỳ tư tưởng nào khác, giống như hòn đá của triết gia.

Cách hiện thực để đem nó vào con đường là nhìn vào nhân dạng của ham muốn, và để nó trong trạng thái bản nhiên. Thế rồi nhân dạng của nó hiện lên sống động như là tánh Giác vô niệm, trong đó Lạc và Không thì bất nhị.

Thêm nữa, khi con tu hành như thế, hãy đem ham muốn vào con đường nhờ vào Từ – Bi và Bồ đề tâm. Trước tiên, hãy vận hành tâm thái giác ngộ; tiếp theo, thoát khỏi mọi tạo tác của tâm thức; và cuối cùng, hãy niệm phong bởi sự hồi hướng. Bằng cách vận hành Bồ đề tâm, xúc động của con trở thành con đường của sự giác ngộ. Bằng cách ở yên trong một trạng thái không tạo tác, chứng ngộ sanh ra. Và bằng cách niệm phong với hồi hướng đức hạnh được hoàn mãn.

Hãy tu hành không phóng tâm theo cách này với mỗi trạng thái tư tưởng, từ lúc nó nảy sanh cho đến khi nó được đem vào con đường.

Chỗ bị ngắt bởi các tư tưởng khác. Từ khi vận hành Bồ đề tâm đến lúc niệm phong với sự hồi hướng: nếu con bị ngắt quãng, nó không trở thành con đường.

Cũng cùng điểm then chốt như thế, trong trường hợp các xúc động khác như giận dữ, mờ tối, kiêu căng, ghen ghét. Hãy đem chúng không xao lãng vào con đường; thế rồi để cho nhân dạng hiện lên như tánh Giác bản nguyên. Hãy để cho chúng phát triển đầy đủ sức mạnh mà không tạo một nghiệp mới nào.

Thứ hai, nâng cấp tăng tiến qua suy nghĩ ý niệm, có hai phần, tư tưởng tốt và tư tưởng xấu. Loại thứ nhất là khi con có “một kinh nghiệm tốt” tạm thời về các trạng thái phấn khởi của tâm, nhận một sự báo trước của một hoá thân, hay có những dấu hiệu nổi bật tốt lành. Rồi con xem cái sự xảy ra đó như là điều gì tuyệt hảo, ngắm nghía các phẩm chất tốt của chúng, thưởng thức hương vị của chúng. Nếu con cố gắng phát triển kinh nghiệm, nó biến mất. Nếu con thả nhiên với nó, thì không có sự nâng cấp.

Để làm sanh ra sự nâng cấp, chớ buông thả trong một trạng thái tư tưởng “tốt”, chớ bám níu nó như là một phẩm chất tốt và chớ nếm hương vị của nó. Điều con nhìn như là “tốt” chỉ đến từ tâm con. Dùng phương pháp đã giải thích ở trên đem nó vào con đường mà không bị xao lãng bởi các tư tưởng khác, cho đến khi nhân dạng của chúng hiện lên như tánh Giác bản nguyên.

Loại kia là các kinh nghiệm không mong muốn, sự khuấy động của trí óc, hay một sự tấn công ảo hoá của ma quỷ. Thông thường con nhìn các trường hợp này như thứ gì tiêu cực, xem chúng như là lỗi lầm và thường thức hương vị của chúng: làm thế, chúng trở thành chướng ngại. Chớ chối bỏ tư tưởng xấu, chớ nhìn chúng như là tai hại, chớ buông thả trong chúng. “Xấu” chính là sự sáng tạo ảo hoá của tâm con. Hãy đem nó vào con đường như đã tả ở trên, cho đến khi nhân dạng của chúng hiện lên như tánh Giác bản nguyên.

Các chủ đề đến đây là những thứ cần thiết trọn vẹn cho con đường của một thiền giả.

Bây giờ, về quả của sự thành tựu con đường, có bốn điểm. **Thứ nhất là cách làm việc cho lợi lạc của chúng sanh; thứ hai là cách tâm trí huệ tồn tại; thứ ba là cách nhìn những người cần được hoá độ qua tâm Đại bi; và thứ tư là sự bác bỏ các tà kiến về người khác.**

Thứ nhất, khi các nhiễm ô che tối con đường đã được làm sạch, con chứng ngộ trạng thái bản nguyên vốn sẵn. Điều này có bốn phương diện: ý nghĩa, dấu hiệu, nhân dạng và cách biểu lộ. Năm thân là nền tảng. Năm đường lối của lời nói truyền thông sự hiểu biết. Năm cách của tâm là không ý niệm. Năm phẩm chất làm tròn đủ các nhu cầu. Và năm hoạt động chúng vận hành cho lợi lạc của người khác.

Thứ nhất là năm thân. Pháp thân (Dharmakaya) thì vô sanh, thanh tịnh vô ngại, và hoạt động như là nền tảng của bốn thân trí tuệ. **Báo thân (Sambhogakaya)** là tánh Giác bản nguyên của các phẩm chất viên mãn (sam) nó hưởng thụ (bhoga) sự đa thù của hiện tượng mà không trụ. Nó hoạt động như là nền tảng của các xuất hiện Hoá thân. **Hoá thân (Nirmarakaya)** hoá hiện (Nirmana) một cách huyền ảo phù hợp với tính khí của những người cần hoá độ, mà không rời lìa Pháp thân. Nó hoạt động như là nền tảng cho các phẩm chất trí huệ, chúng được phô diễn trong bất cứ cách nào cần thiết, cho những người cần được hoá độ. **Vajrakaya (Kim cương thân)** là tánh Giác bản nguyên, tánh Không và tánh Giác không thể phân chia nó

biểu lộ tánh Như. **Abhisambodhikaya (Tự Tánh thân)** là tính vô ngại, vô úy, không phân chia và thường hằng trong yếu tính. Nó tự nhiên thấu hiểu mọi hiện tượng như là tánh Giác bản nguyên, vô sở trụ và thông tỏ tự nhiên.

Thứ hai là năm cách của Lời. Lời tối hậu của Pháp thân, cái được biểu lộ là tánh Giác thanh tịnh rốt ráo, nó làm nền tảng cho mọi tự tướng và diễn tả. **Lời tượng trưng có định hướng của Báo thân** là tánh Giác bản nguyên, truyền thông ý nghĩa bằng cái thấy hình tướng. **Lời nói của Hoá thân** là tánh Giác bản nguyên, nó truyền thông với sáu loại chúng sanh, nhờ sáu mươi phương diện của tiếng nói du dương. Nó đem đến sự hiểu biết cho ý nghĩa mỗi chữ trong kinh nghiệm của người được giáo hoá. **Lời của trí huệ Kim cương** là tánh Giác bản nguyên, truyền thông sự hiểu biết về tánh Không bất nhị có thể nghe được. **Lời Abhisambodhi Tự tánh** của sự giác tự nhiên thông tỏ là tánh Giác bản nguyên, nó thấu hiểu mọi âm thanh là tánh Giác và nó soi sáng ý nghĩa qua các ban phước chưa đủ trí huệ có năm khía cạnh của tâm.

Thứ ba là năm đường lối của tâm giác ngộ. Tâm của đại học là tánh Giác vô niệm của tự tánh Không. **Tâm của vô niệm** là tánh Giác bản nguyên, nó nhận biết mà không danh tướng hoá hiện tượng. **Tâm của tính bình đẳng** là tánh Giác bản nguyên, tánh bất nhị của mọi hiện tượng. **Tâm Kim cương** là tánh Giác bản nguyên, trong nó mọi hiện tượng là sự bất nhị của hình tướng và tánh Không. **Tâm giải thoát chúng sanh**, hoạt động vì sự lợi lạc cho các chúng sanh nhờ bốn hoạt động không vướng mắc.

Thứ tư, năm phẩm chất là cõi, cung điện, tia sáng, ngại và đồ trang sức. **Cõi của Pháp thân** là Hư không vốn thanh tịnh của Pháp giới. **Cõi của Báo thân** là “Luân xa ánh sáng” của quang minh bản nhiên. **Cõi của Hoá thân** là thế giới Ta bà nghìn tỷ.

Cung điện đối với Pháp thân là Pháp giới của Akanishtha; **đối với Báo thân** là tánh Giác bản nguyên của kinh nghiệm cá nhân; và **đối với Hoá thân** nó là Mạn đà la nảy sanh từ kinh nghiệm cá nhân.

Các tia sáng đối với Pháp thân là các tia hào quang của năm trí huệ. **Đối với Báo thân**, chúng là sự chói sáng tự nhiên của trí huệ, nó soi sáng với ánh sáng năm sắc. **Được dạy rằng Hoá thân** có 60 tỷ tia sáng chiếu từ mỗi phần của thân thể.

Ngai cho Pháp thân là ngai của cái thấy nhất như; **cho Báo thân** là trí huệ nhất như; và **cho Hoá thân** là Đại bi nhất như.

Về đồ trang sức, **Pháp thân** có đồ trang sức của sự thanh tịnh vô sanh. **Báo thân** có đồ trang sức của sự thông tỏ tự nhiên bất đoạn, các tướng chánh và phụ siêu phàm, mười trang sức tượng trưng: Vương miện, khuyên tai, chuỗi hạt dài và ngắn, vòng đeo tay, hai vòng cổ tay và hai vòng cổ chân, một chuỗi đeo cổ dài. **Đồ trang sức của Hoá thân** là 32 tướng chánh và 80 tướng phụ thông thường. Các phẩm chất của thân Kim cương và thân Abhisambobhi không được đề cập đến.

Năm hoạt động là: làm yên nghiệp và phiền não; làm tăng thêm tuổi thọ, công đức và trí huệ; thu hút tâm, sự tỉnh giác mọi hiện tượng của Sanh tử và Niết bàn; trừ khử bất cứ thứ gì ách tắc; và hành động trực tiếp nó thực hiện trạng thái bản nhiên.

Bây giờ, về cách hành động cho sự lợi lạc của chúng sanh, có ba phương diện: hành động với một chỗ nương dựa, hành động không có một chỗ nương dựa, và hành động bằng bản tánh.

Hành động với một chỗ nương dựa nghĩa là hoạt động cho lợi lạc của chúng sanh, trong sạch qua Báo thân và cho các chúng sanh không trong sạch qua Hoá thân, với căn cứ là tánh Giác Vô nhị của Pháp thân. Đây là cách xác định rằng trí huệ là có mặt.

Hành động không có một chỗ nương dựa nghĩa là hoạt động cho lợi lạc của chúng sanh, bằng cách xuất hiện như hai sắc thân ở trong tri giác của người được hoá độ. Dù cho trạng thái giác ngộ của Phật tánh, không có cái trí huệ bị giới hạn trong một cá thể vật chất. Đây là đường lối xác định rằng trí huệ là vắng mặt.

Hoạt động cho lợi lạc của chúng sanh bằng bản tánh, nghĩa là hoạt động qua sự biểu lộ tự tánh của mọi sự nó là “không có gì cả” và tuy nhiên hiển lộ trong bất kỳ cách gì có thể. Đây là đường lối của tính bất nhị (của hai lối trên).

Giải thích thêm “người hành động” là năm thân hiện diện tự nhiên gọi là Vajradhara. Năm thân này chính là sự phân chia của các phẩm chất; chúng không phải là năm thực thể cụ thể, riêng biệt. Thân Kim cương và thân Abhisambodhi là tên để gọi các phương diện của ba thân, trong khi Pháp thân, Báo thân và Hoá thân là các thân hiện thực.

Pháp thân là phương diện của sự chứng ngộ cho sự lợi lạc của chính mình, không hành động cho lợi lạc của chúng sanh. Nhưng hai sắc thân hành động cho phúc lợi của người khác. Điều này nghĩa là Báo thân hành động cho các chúng sanh trong sạch như là các Bồ Tát của Thập địa, trong khi Hoá thân hành động cho lợi lạc của sáu loại chúng sanh bất tịnh.

Hoạt động vị tha trong những đường lối bất khả tư nghì, là những căn cứ mười hai công hạnh của Pháp thân. Sáu thần thông của tâm và Bốn vô lượng tâm.

Các đường lối hoạt động, khi chia ra là mười hai phương diện của Lời tối thượng; khi cô đọng lại, chúng là ba tạng kinh điển; khi xem là phương thuốc, chúng là sự tịnh hoá chữa lành; khi xem theo nhân và quả, chúng là các thừa của Mật và Kinh Giáo.

Chư Phật thường trụ như là trạng thái căn bản của tâm trí huệ, nó là sự không thể phân chia của hai đế (Chân đế và Tục đế). Không rơi vào bất cứ thiên lệch nào, tự do khỏi đồng và dị. Quả tối hậu là chứng ngộ và an trụ trong tánh Giác bốn nguyên, vốn không chia tách với tâm trí huệ toàn giác của các bậc giác ngộ. Không trụ trong bất cứ biên cực nào, tự do khỏi ít và nhiều, siêu việt đồng và dị.

Trạng thái căn bản của tâm trí huệ này vượt ngoài đơn giản, vì hai mươi lăm thuộc tính của quả, biểu lộ từ các phương diện các phẩm chất của Phổ Hiền.

Nó vượt ngoài đa thù, vì sự biểu lộ hai mươi lăm thuộc tính này của quả, đều được chứa đựng trong tánh Giác tự hữu đơn nhất của tâm Phổ Hiền. Hơn nữa tâm trí huệ thì vượt ngoài đơn nhất, bởi vì nó xuất hiện như là Chư Phật của ba thân, trong tri giác của những người được hoá độ. Nó cũng vượt ngoài đa thù, vì chúng là các thực thể thật sự có chất, nhưng là một trong tánh Không và không có bản ngã.

Nếu tâm trí huệ là thực sự đơn nhất, thì sự chuyển hoá của các trạng thái tư tưởng sẽ là giả. Nếu nó thực sự là các thực thể khác biệt, thì một vị Phật sẽ không biểu lộ trong các hoá hiện vô số. Bởi thế, nó thường trụ thoát khỏi đồng nhất hay dị biệt.

Đường lối nhìn những người cần hoá độ và bác bỏ tà kiến như sau. Cái được thấy là các tính khí của những chúng sanh cần hoá độ. Cái nhìn thấy là Đại bi của Phật Pháp.

Cách nhìn có ba phần: Trí huệ thấu suốt bản tánh của sự vật, thấy rằng mọi hiện tượng không sanh khởi. Trí huệ thấu suốt mọi hiện hữu, thấy rằng mọi hiện tượng là không diệt mất. Trí huệ thấu suốt tánh bất nhị, thấy rằng mọi hiện tượng là bất nhị.

Bây giờ, ta sẽ bác bỏ các tà kiến về người khác(1). Hãy xem xét điều này: Các đối tượng được thấy, các hình tướng tính khí của chúng sanh có hiện hữu trong kinh nghiệm của một vị Phật không? Nếu chúng hiện hữu, các kinh nghiệm lầm lạc ấy phải là các thực thể có thật, bởi vì chúng xuất hiện trong một kinh nghiệm chân thực. Bởi thế, chúng phải rất ráo là giả. Nếu chúng không hiện hữu, thế là tri giác của một vị Phật phải sai lầm, bởi vì thấy một cái gì không có. Điều này giống như nhãn thức nhận ra hai mặt trăng, bởi vì nhìn các thực thể hiện hữu một cách chấp chặt(2). Vì điều này nhất thiết không xảy ra, nên hai chân lý là rất ráo không thể phân chia.

Emaho!

Đây là pháp bí mật, không gì sánh của Tối Thượng thừa.
Tinh yếu chân thật của liễu nghĩa,
Con đường ngắn để đạt Phật tánh trong một đời.
Sau khi tiếp xúc với nó, những người theo lời chỉ dạy của Ta [1]

Là những người phước đức, những đứa con ruột của Uddiyana!
Kho tàng Ngọc quý để trừ bỏ chướng ngại
Là một ngọn đèn chính yếu và sáng tỏ, như ánh sáng
Của mặt trời và mặt trăng, soi sáng giai đoạn thành tựu.
Trong thời tương lai một Thiên giả tiên định ẩn danh
Sẽ gặp các giáo huấn cốt lõi này.

Thế nên, Tsogyal! Hãy cất giấu chúng như một kho tàng Terma!
Mười hai Thiên nữ Tenma! Hãy giữ gìn giáo lý này!
Sáu trăm ba mươi năm kể từ bây giờ,
Một con người tiên định của loài hung dữ họ cai quản các Terma,
Sẽ xuất hiện từ phương Đông; hãy giao phó nó cho người ấy!
Khi con người tiên định ấy tiếp xúc với các lời dạy này,
Người ấy không phát lộ chúng một cách khinh xuất,
Mà sẽ chỉ dạy sau khi khảo sát người xứng đáng.

Như thế Ngài đã nói.

Đức Bà Tsogyal cất giấu lời dạy này trong một kho tàng màu trắng bằng ốc tù và, trên sườn núi phía Bắc, nó giống như một đồng rắn độc.

Bản văn này được khám phá ra bởi Rigbzin Gokyi Demtru Chen, vị Vidydhara với bộ lông kên kên, từ trong kho tàng màu trắng bằng ốc tù và, trên sườn núi phía Bắc, nó giống như một đồng rắn độc.

Samaya, Ân, Ân, Ân.

Khai Thị Thực Hành Phật Pháp Như Thế Nào Cho Đúng

Padmakara, Đạo Sư của Uddiyana, ngụ ở Samye sau khi được nhà vua mời qua Tây Tạng. Ngài ban nhiều lời dạy cho vua, các lãnh chúa, và các thiện nam tín nữ nơi phần phía Đông của chánh điện. Vì họ không hiểu chính xác, ngài lập lại lời khuyên bảo này.

Đạo Sư Padma nói: Dầu ta dạy nhiều bao nhiêu, dân Tây Tạng cũng không hiểu; thay vào đó, họ chỉ dấn mình vào các việc tội tệ. Nếu các ông muốn thực hành giáo pháp từ trong cốt lõi của lòng mình, hãy làm thế này:

Là một cư sĩ Phật giáo không có nghĩa là chỉ giữ gìn bốn giới căn bản; mà có nghĩa là vứt bỏ các hành động xấu ác. Là một sa di không có nghĩa là chỉ thừa nhận một bề ngoài trong sạch; mà có nghĩa là thực hành đức hạnh một cách đúng đắn. Là một Tỳ kheo không có nghĩa là chỉ kiểm soát, thân, khẩu, ý trong hoạt động thường nhật và bị cấm làm mọi thứ; mà có nghĩa là đem mọi nguồn gốc của đức hạnh vào con đường đại giác ngộ.

Là giới đức không đơn giản chỉ là mặc y vàng, mà có nghĩa là sợ sự chín thành của nghiệp. Là một người bạn đạo không có nghĩa là có một thái độ có phẩm giá; mà có nghĩa là một người bảo vệ, bao bọc vinh quang cho bất kỳ ai. Là một thiền giả không chỉ có nghĩa là sống một cách chân chất, mà có nghĩa là hòa tâm mình với bản tánh của Pháp tánh.

Là một mantrika (hành giả Mật thừa) không có nghĩa là lả bả các thần chú; mà có nghĩa là đạt đến giác ngộ một cách nhanh chóng qua con đường hợp nhất của phương tiện và trí huệ. Là một thiền giả không có nghĩa chỉ là sống trong một hang động; mà có nghĩa là tu hành trong thật nghĩa (của trạng thái bốn nhiên). Là một ẩn sĩ không có nghĩa là sống trong rừng sâu; mà có nghĩa là tâm người ấy thoát khỏi các tạo tác nhị nguyên.

Có học không có nghĩa là duy trì tám mối quan tâm thuộc thế gian; mà có nghĩa là phân biệt được giữa đúng và sai.(22) Là một Bồ tát không có nghĩa

là giữ sự quan tâm bên trong đến chính mình; mà là nỗ lực trong những phương tiện để giải thoát cho tất cả chúng sanh thoát vòng sanh tử.

Có đức tin không có nghĩa là rên rỉ, thút thít; mà có nghĩa là đi vào con đường chánh do biết sợ chết và tái sanh. Chuyên cần không có nghĩa là dán thân vào các hoạt động khác nhau không ngừng nghỉ; mà có nghĩa là nỗ lực trong các phương tiện để bỏ sanh tử lại đằng sau. Rộng lượng không đơn giản nghĩa là cho theo khuynh hướng và thiên lệch; mà có nghĩa là giải thoát sâu xa khỏi sự bám chấp vào bất cứ sự gì.

Chỉ dạy bằng miệng không có nghĩa là nhiều cuốn sách được viết; mà có nghĩa là một vài lời đánh thẳng vào điểm yếu nghĩa trong tâm con. Cái thấy không có nghĩa là quan điểm triết học; mà có nghĩa là thoát khỏi mọi giới hạn do tâm thức tạo ra. Thiên định không có nghĩa là chú tâm vào cái gì đó với tư tưởng; mà có nghĩa là tâm an ổn định trong tánh giác bản nhiên, thoát khỏi mọi tập trung.

Hành động tự nhiên không phải là hành động buông thả điên cuồng; mà có nghĩa là tự do khỏi sự trụ vào các tri giác huyễn hóa mà cho là thật. Trí huệ không có nghĩa là trí thông minh sắc bén của tư tưởng ý thức sai lầm; mà có nghĩa là hiểu được rằng mọi hiện tượng đều vô sanh và lìa tâm ý, ý thức.

Học hỏi không có nghĩa là nhận lời dạy qua lỗ tai; mà có nghĩa là cắt đứt các ý niệm phân biệt sai lầm và có được cái hiểu biết vượt khỏi tâm thức ý niệm. Tư duy không có nghĩa chỉ là theo đuổi sự suy nghĩ theo danh tướng giả định; mà có nghĩa là cắt đứt sự bám níu lầm lạc. Quả không chỉ có nghĩa là các sắc thân được mời thỉnh từ Akanishtha; mà có nghĩa là nhận ra bản tính của tâm và đạt đến sự an định trong đó.

Chớ lầm lẫn những chữ, lời cho là ý nghĩa của các lời chỉ dạy. Hãy hòa lẫn sự thực hành với thân tâm của mình và đạt đến sự giải thoát khỏi sanh tử ngay bây giờ.

Chỉ Cây Gậy Vào Người Già

Khi vị Đại Sư Padmasambhava lưu lại chỗ ẩn cư Núi Lớn ở Samye, thì Sherab Gyalpo Ngog, một ông già 61 tuổi thất học, có niềm tin tốt độ và ngưỡng vọng mạnh mẽ đối với Đại Sư, hầu hạ Đại Sư trong một năm. Trong thời gian này Ngog không hỏi xin một lời dạy nào, và Đại Sư cũng không ban cho ông điều gì. Sau một năm, khi Đại Sư định rời đi, ông Ngog dâng cúng một đĩa mạn đà la trên đó ông đặt một bông hoa bằng một lượng vàng. Rồi ông nói: “Thưa Đại Sư, xin từ bi nghĩ đến tôi. Trước hết, tôi là một người thất học. Thứ hai, trí thông minh của tôi cạn hẹp. Thứ ba, tôi đã già, thân tâm đã mòn mỏi. Tôi cầu xin ngài ban một giáo huấn cho một ông già đã ở gần ngưỡng cửa của cái chết, giáo huấn ấy thật dễ hiểu, có thể chặt đứt mọi nghi lầm, dễ dàng thực hiện và áp dụng, có một cái thấy hiệu quả và sẽ giúp tôi trong những đời sắp tới.”

Đại Sư chỉ cây gậy đi hành cước của mình vào tim ông lão và ban cho lời dạy thế này: “Nghe đây, hỡi ông lão! Hãy nhìn vào cái tâm tinh giác của Giác Tánh nơi ông. Nó không có hình tướng cũng không màu sắc, không trung tâm cũng không biên bờ. Ban sơ, nó không có khởi thủy mà lại trống không. Tiếp theo nó không có chỗ trụ mà lại trống không. Cuối cùng, nó không có chỗ đến mà lại trống không. Cái Không này không do nhân duyên gì tạo ra và trong sáng, thông tỏ. Khi ông thấy cái này và nhận ra nó, ông biết được bản lai diện mục của ông. Ông hiểu được bản tánh của mọi sự vật. Bây giờ ông thấy bản tánh của tâm, xác định trạng thái căn bản của thực tại và chặt đứt mọi nghi ngờ về sự hiểu biết.

Tâm tinh giác của tánh Giác không tạo tác từ bất kỳ chất thể nào, nó tự tại và sẵn đủ nơi ông. Cái này là bản tánh của mọi sự, nó dễ chứng ngộ vì không phải tìm ở đâu khác. Cái này là bản tánh của tâm thức, nó không cần nương dựa vào một chủ thể nhận biết nào và một đối tượng được nhận biết nào. Nó bất chấp những giới hạn của vô thường và hủy diệt. Trong nó không có cái gì để biết; trạng thái tinh giác của Giác Ngộ chính là cái biết của tự ông, nó vốn là tinh giác. Trong nó không có cái gì để đi vào địa ngục,

tánh Giác vốn là thanh tịnh. Trong nó không có sự tu hành nào để tiến hành, bản tánh nó vốn là thông tỏ. Cái thấy vĩ đại này về trạng thái bản nhiên vốn thường trụ nơi ông: phải biết rằng không thể tìm nó ở một nơi nào khác.

Khi ông hiểu biết cái thấy như vậy và muốn áp dụng nó vào trong chứng nghiệm của mình, bất kỳ nơi đâu ông ở đều là cái thất ẩn cư trên núi cho thân ông. Bất cứ hình tướng bên ngoài nào ông thấy đều là như như và bỗng lai không tịch; hãy để cho nó tự như, giải thoát khỏi mọi tạo tác của tâm thức. Các hình tướng vốn tự do, không vướng mắc ấy trở thành những người giúp đỡ ông, và ông có thể tu hành khi dùng những hình tướng ấy như là con đường giải thoát.

Bên trong, bất cứ cái gì khởi lên trong tâm ông, bất kỳ điều gì ông nghĩ, đều vô tự tánh và trống không. Tư tưởng nào xảy tới đều vốn là giải thoát vì không có tự tánh. Khi hiểu biết và chánh niệm bản chất của tâm mình, ông có thể dùng các tư tưởng như là con đường giải thoát và sự tu hành trở nên dễ dàng.

Một lời khuyên sâu xa: Bất kể loại xúc động gì ông cảm nhận, hãy nhìn vào mỗi xúc động và nó biến mất không dấu vết. Xúc động như thế vốn là tự do, giải thoát. Điều này đơn giản để thực hành.

Khi ông có thể thực hành theo như vậy, sự thiên định của ông không giới hạn trong những thời công phu. Biết rằng mọi sự, thứ gì cũng là một người giúp đỡ, một thiện tri thức, kinh nghiệm thiên định của ông sẽ không biến đổi, tự tánh không gián đoạn, và cư xử của ông không vướng mắc. Dầu ở bất kỳ nơi đâu, ông cũng không bao giờ lìa khỏi tự tánh.

Một khi ông thực hiện điều này, thân xác của ông có thể già cỗi, nhưng tâm tỉnh giác ấy thì không có tuổi. Nó không hề biết đến sự phân biệt trẻ, già. Tự tánh siêu việt khỏi phân biệt và thiên chấp. Khi ông nhận biết tánh Giác này, tự tâm tỉnh thức này, thường hằng hiện diện nơi chính ông, thì không có một sự khác biệt nào giữa lợi căn và độn căn. Khi ông hiểu rằng tự tánh, vốn thoát khỏi phân biệt và thiên chấp, thường hằng hiện diện nơi chính ông, thì không có một khác biệt nào giữa học nhiều và học ít. Dầu cho thân thể ông,

chỗ nương dựa của tâm thức, có tan rã, thì Pháp Thân của trí huệ tỉnh giác vẫn thường trụ. Khi ông an trụ trong trạng thái không biến đổi này, không có gì khác biệt giữa một cuộc đời dài lâu hay ngắn ngủi.

Hỡi ông lão, hãy thực hành ý nghĩa chân thực! Hãy đem sự thực hành vào tâm! Chớ lậm lẩn chữ và nghĩa! Chớ xa lìa bạn đạo, hãy cần mẫn! Hãy ôm trọn mọi sự với chánh niệm tỉnh giác! Chớ buông theo những cuộc nói chuyện nhàn rỗi và những lời bàn luận suông! Chớ dẫn mình vào những mục đích thường tục! Chớ bận rộn lo toan về con cái! Chớ đòi hỏi thức uống và đồ ăn! Hãy dự định để chết như một người bình thường!(23) Cuộc đời của ông đang hết dần, thế nên hãy kiên trì tinh tấn! Hãy thực hành lời chỉ dạy này cho một người già trên ngưỡng cửa của cái chết!”

Bởi vì sự chỉ thẳng cây gậy vào tim của Sherab Gyalpo, lời dạy này được gọi là: “Sự khai thị chỉ thẳng cây gậy vào ông lão.”

Sherab Gyalpo Ngog đã được giải thoát và đạt đến toàn thiện.

Lời dạy này được viết ra bởi công chúa họ Kharchen vì lợi lạc cho những thế hệ mai sau. Nó được biết dưới tên là “Lời dạy chỉ thẳng cây gậy.”

Lời Khai Thị **Bằng Miệng Về Thực Hành**

NAMO GURU DEVA DAKINI HUNG

Đại Sư Padmakara (Đức Liên Hoa Sinh), người giữ gìn cột trụ đời sống của lời tất cả chư Phật, giúp đỡ dân chúng Tây Tạng đi vào cửa Pháp. Dầu họ thích quy y Tam Bảo, nhưng họ không biết làm thế nào để hướng tâm đến thực hành. Khi bất hạnh như là bệnh tật xảy đến, họ nhút nhát cầu viện đến bói toán, bùa phép và chiêm tinh. Bởi thế, Padmakara ban cho họ lời dạy miệng về thực hành. Các hành giả Tây Tạng của thời suy thoái này, hãy ghi nhớ nó trong lòng!

Để làm cho sự thực hành tâm linh của con có ý nghĩa, hãy áp dụng nó bất cứ lúc nào con cần một phương thuốc. Nếu con có một kinh nghiệm kinh khủng, hãy giữ Tam Bảo trong tâm! Trong mọi hoạt động của đời sống hàng ngày đi, đứng, nằm, ngồi, hãy nhớ Thầy con ở trên đỉnh đầu! Tách lìa Bồ đề tâm là nguyên nhân hư nát của căn cội Đại thừa, thế nên chớ bao giờ lìa khỏi sự phát khởi tâm này đặt vào giác ngộ.

Cảm thấy keo kiệt khi bố thí gây ra sự tái sinh thành một ngựa quỳ, thế nên chớ lạc vào sự bủn xỉn khi dù cho đi một vật nhỏ nhất! Để cho khởi lên ham muốn khi giữ lời nguyện trong sạch gây ra sự tái sinh nơi địa ngục thì thế thôi rửa, thế nên chớ trau dồi dục vọng xác thịt! Giận dữ khi đang tu hành nhẫn nhục và Bồ đề tâm dẫn đến kinh nghiệm hấp hối bị đốt trong lò nấu bên trong một thùng sắt, nên chớ bao giờ lìa bỏ võ khí của nhẫn nhục!

Nếu con lọt vào sự lười biếng khi cố gắng thành tựu giác ngộ không gì sánh, hãy nhớ trong tâm rằng đời con đi mất không một khoảnh khắc chần chờ, thế nên chớ sa vào bầy biếng nhác! Cuộc đời con trượt xa như đêm tiếp theo ngày: Chớ quên điều đó!

Khi theo một thực hành tâm linh có chương trình, quan trọng nhất là hồi hướng công đức của việc tuân thủ các điều luật sáu lần mỗi ngày và đêm. Ngủ như một xác chết thì còn tệ hơn là một con bò. Không tu hành Pháp sau khi có được một thân người thì còn đáng ghê tởm hơn một người cùi lở lói. Không sợ sự chín dần của nghiệp trong khi biết nhận ra hành động tốt và xấu thì cũng giống như một kẻ điên. Hãy biết rằng một sự vi phạm nhỏ có thể chín thành một trái núi khổ đau. Hãy nhớ điều đó trong tâm!

Tối quan trọng là yêu mến dù chỉ một hành động đức hạnh nhỏ nhất như đối với trái tim mình! Lấy đi cuộc đời của người khác thì không khác gì giết cha mẹ hay con cái của con! Cảm thấy ham muốn khi thấy một người đàn bà gây ra sự tái sinh thành một con vi trùng trong tử cung, thế nên hãy áp dụng phương thuốc từ bỏ! Định lấy cái thuộc về người khác mà không được cho làm cho con sanh ra nghèo nàn và thiếu thốn nhiều kiếp. Hãy ý thức đến sự khôn khổ khi dấn thân vào việc nông trại, chăn nuôi và người làm công trong cuộc đời này!

Không phải nản chí khi nghĩ rằng: “Làm sao một người có nghiệp như tôi có thể thực hành Pháp?” Ngay cả Đức Phật Thích Ca cao cả cũng có khi là Nangje, con của một người thợ gốm. Chớ cảm thấy kiêu hãnh tự phụ về vài đức hạnh bề ngoài con đã có. Tất cả chư Phật đều không tự phụ, dầu cho sự biết khắp và các phẩm chất của các ngài vượt quá sự đo lường!

Khi gặp bất hạnh, nếu không đặt lòng tin vào Tam Bảo mà lại cầu viện đến các nghi thức bùa chú và nương nhờ vào các hồn linh thể tục, đó là dấu hiệu rằng con đã khởi sanh tà kiến về giáo lý Đại thừa. Chớ lúng túng với lời dạy của Đức Phật!

Bất cứ lúc nào con đau khổ vì bất hạnh hay bệnh tật, hãy nghĩ rằng: “Điều này đền trả lại món nợ nghiệp từ các đời trước và tịnh hóa nghiệp xấu của ta!” Bất cứ hạnh phúc nào con có, hãy nhìn nó như lòng tốt của Tam Bảo và khởi lên sự ngưỡng vọng mạnh mẽ của lòng biết ơn sùng tín! Khi gặp kẻ thù ghét mình, hãy nghĩ: “Đây là một thiện tri thức giúp đỡ ta trau dồi nhân

nhục.” Hãy nghĩ: “Người giúp đỡ cho nhẫn nhục này là sứ giả được các bậc Điều Ngự gọi đến.”

Khi các bạn bè và thân thuộc bày tỏ tình cảm thương yêu, họ là những sợi dây trời của sanh tử, Hãy nghĩ rằng: “Các sự trói buộc này là các chương ngại mà Ma gửi đến để ngăn cản tôi thành tựu giác ngộ không gì sánh!” Cũng nghĩ: “Tất cả chúng sanh của ba cõi là cha mẹ tôi. Đáng thương thay cho cha mẹ đang lang thang trong sanh tử! Nhưng thương hại thì không đủ: với bốn tâm vô lượng và những phương tiện khác, tôi phải dẫn dắt họ ra khỏi sanh tử cho đến khi sanh tử trống rỗng!” Hãy giữ điều ấy trong tâm!

Không kể sự hưởng thụ và giải trí nào con gặp trong đời này, hãy nghĩ: “Đây là sự quyến rũ của Ma để ngăn chặn tôi đạt đến giác ngộ không gì sánh. Ma này còn đáng sợ hơn cả rắn độc!” Hãy giữ điều ấy trong tâm! Dầu con có thể có những điều kiện tuyệt hảo trong cuộc đời này, chúng đều thoáng qua, vô ích và chốc lát. Hãy nhớ điều đó!

Bất cứ sở đắc gì con có trong thế giới này đều chỉ vụt qua, và sẽ hành hạ con với sự quấy nhiễu hư vọng! Hãy nhớ điều đó! Hãy nỗ lực xa lìa sự hư vọng này. Chắc chắn rằng con phải ra đi, bỏ lại đằng sau quốc gia, các vật đáng ưa và của cải của con! Không có gì ngoài Pháp có thể giúp con lúc đó! Hãy giữ điều này trong tâm!(24)

Bây giờ con phải tìm ra một người bạn đồng hành tốt cho giờ ra đi. Điều này tối quan trọng! Hãy nhớ lấy! Cũng như với sự đồng hành này, cần yếu trong đời này giữ mối liên hệ với bất cứ ai, bất cứ thứ gì trợ giúp con đạt đến giác ngộ. Hãy nhớ điều ấy! Khi con gặp bất hạnh, hãy hiểu rằng nó là người thầy khuyến khích con trên đường đức hạnh và vị thầy ấy tốt làm sao! Hãy giữ điều này trong tâm!

Khi thân thể con gặp bệnh nặng, hãy nghĩ: “Đây là một cây roi để điều khiển tôi tiến lên trên đường giác ngộ. Đây là chỗ nương nhờ dẫn tôi đi trên đường.” Thân thể tạm thời này đến lúc nào đó sẽ bị để lại như một xác chết tầm thường. Không có cách nào tránh điều đó! Khi bám vào hỗn hợp của thịt và máu này như là tự ngã, hãy nghĩ rằng: “Đây là một con ma xấu xa đi

vào trong tâm tôi.” Không lơ lửng, hãy làm bất cứ điều gì con có thể để trục xuất con ma xấu xa đó. Các kinh nghiệm của cuộc đời này đều không có tự tánh, như mộng như ảo. Hãy giữ điều ấy trong tâm!

Con và tất cả các người khác đều bị mê lầm do không nhận ra cái vốn không có tự tánh. Sự mê lầm này phải được hoàn trả lại tức thời vào Pháp tánh. Hãy giữ trong tâm điều ấy! Chớ làm điều gì sẽ đưa con đi lang thang không ngừng nghỉ trong sanh tử và sẽ chồng chất sự khổ đau không thể chịu đựng. Hãy bỏ mọi hoạt động khác và nỗ lực chỉ trong sự thực hành Pháp, nó sẽ cho phép con thành tựu giác ngộ không gì sánh. Đây là điều rất quan trọng! Vì đối với sự thực hành Pháp, “đã thực hành” thì chưa đủ. Con phải áp dụng các lời chỉ dạy sâu xa một cách đúng đắn. Hãy nhớ điều ấy!

Khi con thực hành đúng đắn theo đường lối này, dòng sanh tử sẽ chảy ngược lại. Khi dòng này chảy ngược trở lại, dòng của Đại lạc sẽ không ngừng. Hãy nhớ điều đó! Những hành giả các thế hệ tương lai sẽ không nghe theo lời chỉ dạy của ta. Họ sẽ đặt niềm tin của họ vào bói toán, bùa chú và sẽ thất vọng! Hãy nhớ điều ấy!

Khi con cẩn thận nghe điều này và đem nó vào trong thực hành, con sẽ chắc chắn tự động nhận được sự ban phước. Khi con hòa trộn lòng từ vào trong tâm con, con sẽ được mọi chúng sanh thương mến. Khi con đem tâm bi vào lòng, mỗi người sẽ yêu quý con như con đẻ. Khi con giữ sự không thiên lệch trong tâm, con sẽ thoát khỏi kẻ thù và thành kiến. Khi con làm đầy tâm con bằng niềm vui thiện cảm, các hoạt động của con sẽ hòa điệu với mọi người.

Khi con vất đi tư tưởng làm hại người khác, con sẽ ít gặp xung đột. Khi con thuần hóa tâm mình và rất quảng đại, nhiều đệ tử sẽ tụ tập chung quanh con. Khi con thanh toán ghen ghét và kiêu ngạo, con sẽ ít bị vu khống. Khi con vất bỏ sự hoạt động không ngừng và hồi hả bận rộn, con sẽ có ít lỗi hơn.

Khi tâm con xa lìa thêm khát, thì thực phẩm, thịnh vượng và hưởng thụ sẽ tự động đến với con. Khi con giữ nghiêm giới luật một cách trong sạch

trong thân tâm mình, tâm con trở nên mềm dẻo. Khi con không có bất kỳ tham vọng hay ham muốn nào, các tích tập sẽ tự nhiên hoàn thành. Khi con hiểu các đặc điểm của sanh tử, tâm con sẽ lìa xa các theo đuổi thế gian.

Khi tâm con được tham dự vào lời dạy sâu xa về Pháp tánh và con áp dụng nó trong thực hành, con sẽ gặp nhiều bất hạnh và trở ngại.(25) Khi con giữ sự liên hệ với một bậc thầy xuất sắc, các đức tính của ngài sẽ tự động ảnh hưởng đến con. Khi sự sùng mộ của con với Tam Bảo không ngừng nghỉ, con sẽ nhanh chóng nhận được những sự ban phước.

Khi con nghiên cứu và tư duy không thành kiến, con sẽ kém phe phái với những giáo lý và những trường phái triết học. Khi con thực hành giai đoạn phát triển và giai đoạn thành tựu sâu xa, con sẽ có các thần lực và ban phước. Khi hình tướng bên ngoài của con phù hợp với các quy ước thế gian, con sẽ ít gặp các lời phê bình.

Khi con buông bỏ sự trụ vào do gán bó và bám chấp, thân thể và tâm thức con sẽ được thoải mái. Khi con sống trong các chỗ ẩn cư trên núi, kinh nghiệm sẽ hiện lên. Khi con vất đi sự yêu mến bản ngã và sự chấp chặt vào cái ta, con sẽ không bị Ma chướng ngại. Khi tâm con nhìn vào chính nó, Pháp tánh sẽ hiện lên từ bên trong.

Khi con thường trực nỗ lực trong thực hành, các đức hạnh vô biên sẽ xuất hiện. Khi con nhận ra bản tánh của tâm, con sẽ được giải thoát một cách tự nhiên khỏi mọi tạo tác và cố gắng. Khi con thấu hiểu Sanh tử và Niết bàn là Pháp thân, con không cần đem cố gắng vào trong sự thực hành thiền định. Khi sự thực hành của con không lạc vào lười biếng, con sẽ không cảm thấy hối tiếc vào lúc chết.

Hỡi các người may mắn phước đức, hãy trộn lẫn tâm mình với Pháp và cái hạnh phúc của Phật tánh sẽ hiện ra bên trong con!

Lại nghe đây! Trừ phi con thuần hóa phiền não, không thì con sẽ có các địch thủ và sự chống đối, nhưng phiền não và sự thuần hóa đều không có điểm trụ, thế nên hãy để tâm con yên lặng tự do!

Con có thể trợ giúp cho gia đình và bè bạn, nhưng vào lúc chết mọi hành động nào khác ngoài sự thực hành Pháp đều sẽ vô ích. Thế nên hãy thường trực đắm mình trong các thực hành tâm linh thông qua tư tưởng, lời nói và việc làm!

Con có thể theo đuổi danh tiếng và lợi lạc thế gian, nhưng trừ phi con theo các lời dạy của Phật, các hoạt động thế tục kia sẽ chỉ là nguyên nhân ném con trở lại sanh tử luân hồi thêm nữa. Thế nên hãy gắn bó với Phật pháp.

Lâu đài của con bằng đất và đá có thể rất đẹp, nhưng trừ phi con ở trong pháo đài của cái bất động, không thì con sẽ phải ra đi và bỏ nó lại đằng sau. Thế nên hãy giữ pháo đài của cái bất động!

Con có thể góp nhặt sự sung túc và của cải, nhưng chỉ có hai sự tích tập là có thể hưởng thụ sau khi chết. Thế nên hãy góp nhặt hai sự tích tập càng nhiều càng tốt!

Con có thể ăn mọi loại thức ăn ngon lành, nhưng trừ phi con gắn bó với Cam lồ của tự tánh, còn không tất cả đều trở thành một đồng như bản. Thế nên hãy uống nước Cam lồ của các giáo huấn sâu xa!

Con có thể nâng niu, trân quý thân thể máu thịt này và bám chấp vào nó như là chính con, nhưng vì nó chỉ là sự vay mượn từ các nguyên tố, nên trừ phi con đạt được Pháp thân vô sanh, không thì nó sẽ nhanh chóng vượt mất. Thế nên, hãy trân quý và nắm chắc lấy Pháp thân vô sanh!

Con có thể phối kết với một ngàn bạn tình, nhưng trừ phi con phối kết với phương tiện và trí huệ, không thì sớm hay muộn con sẽ sớm chia lìa họ. Thế nên hãy phối kết với phương tiện và trí huệ!

Danh tiếng, danh vọng của con có thể đầy cả tỷ thế giới, nhưng trừ phi con nhận biết bản tánh bất khả tư nghì của con, còn không tất cả các thứ đó chỉ là sự thử thách của Ma quỷ rủ con. Thế nên hãy theo đuổi bản tánh bất khả tư nghì ấy!

Con có thể có sức mạnh và quyền uy của một nhà cai trị thế giới, nhưng trừ phi con có được sự thống trị trên chính tâm con, không thì khi cái chết đến con còn không có được một chút quyền tự do. Thế nên hãy có được sự thống trị trên tâm mình!

Con có thể có sự can trường của một chiến sĩ mạnh mẽ, nhưng trừ phi con có được sức mạnh thông tuệ của trí huệ phân biện, không con sẽ không chuyển được xu thế trong trận chiến với sanh tử. Thế nên hãy có được sức mạnh thông tuệ của trí huệ phân biện!

Con có thể nói năng như Sư Tử của Ngôn Ngữ (Văn Thù), nhưng trừ phi con thấm thía bản tánh bốn nhiên thanh tịnh của tánh Không vang dội, không thì ngôn ngữ kia chẳng thể ngăn chặn được sự chín mùi của nghiệp. Thế nên, hãy thấm thía bản tánh bốn nhiên thanh tịnh của tánh Không vang dội.

Con có thể cỡi con ngựa giống khôn lanh nhất, nhưng trừ phi con khám phá ra Đại lạc ở trong con, còn không nó sẽ không đưa con thoát khỏi khổ đau của sanh tử. Thế nên hãy tìm kiếm bản tánh của Đại lạc!

Thân thể con có thể tráng lệ như một vị trời, nhưng trừ phi con trang hoàng chính mình với các phẩm tính siêu việt của Phật tánh, không nó cũng chẳng quyền rũ nổi Thần Chết. Thế nên hãy trang sức chính mình với những đức tính siêu việt của các bậc Điều Ngự.

Trừ phi con tìm kiếm sự che chở từ Thầy con và Tam Bảo, không thì không có cái gì có thể cứu con thoát khỏi sự tấn công của phiền não. Thế nên hãy tìm kiếm người che chở từ Guru và Tam Bảo!

Trừ phi con thấu hiểu rằng tự tâm con là Phật, còn không con sẽ bị đánh lừa bởi vô số tư tưởng danh tướng. Thế nên hãy thấu hiểu rằng tự tâm con là Phật!

Tóm lại, những sự theo đuổi thế gian không phải là nguyên nhân cho giải thoát hay của toàn giác, mà chỉ là phù phiếm, mất thì giờ, chúng chỉ gây thêm thống khổ trong sanh tử. Thế nên cốt yếu là con hãy nỗ lực, tất cả tâm

hồn và trong tư tưởng, lời nói và hành vi, để hoàn thành giác ngộ không gì sánh được!

Hãy nghe thêm một lần nữa! Lý do tại sao người ta không xoay tâm họ khỏi các theo đuổi thế gian là vì họ không hiểu nhân quả và các tính chất của sanh tử luân hồi. Nguyên nhân của sanh tử là không bỏ được sự bám trụ nhị nguyên vào một tự ngã. Bởi vì trong trạng thái giác ngộ của tâm, ta và các chúng sanh khác là một, nên người phân biệt giữa cái ta và cái khác ta là một kẻ điên! Bởi vì mỗi một chúng sanh của ba cõi, lần lượt là cha mẹ thân yêu của con, cho nên người nào thấy người khác là thù hay bạn là điên!

Bởi vì vào lúc này chúng ta phải tách lìa Sanh tử và Niết bàn, nên người nào tìm thấy thời giờ để hướng theo các sự theo đuổi thế gian là kẻ điên! Vì cuộc đời này kéo dài chỉ một lúc ngắn, như phòng trọ của một du khách, cho nên người nào bận rộn với sự xây nhà xây cửa là một kẻ điên! Vì thân thể này chứa đầy các chất bất tịnh và không thể chịu nổi sự xúc chạm ngay cả một cây gai, cho nên người nào bám níu vào nó như tự ngã của mình là một kẻ điên!

Bởi vì gia đình và bè bạn đều vô thường và qua đi, người nào hy vọng sống chung với họ vĩnh viễn là điên rồ! Bởi vì con sẽ phải trắng tay khi chết, người nào theo đuổi thực phẩm và sung túc bằng mọi loại hành nghiệp xấu xa là một kẻ điên! Bởi vì các hình tướng bên ngoài biến đổi và chết đi, người nào mong mỏi những hưởng thụ của nó kéo dài vĩnh viễn là điên rồ!

Bởi vì đời con giảm dần như bóng mặt trời lặn, người nào uể oải lười biếng là một kẻ điên! Bởi vì sự thực hành Pháp đem lại hạnh phúc cho đời này và các đời mai sau, người nào quay lưng với nó và dấn thân vào đời sống gia đình là điên rồ! Bởi vì chắc chắn người ta sẽ đọa vào các cõi thấp do mắc phải các hành nghiệp xấu, người nào không sợ sự trở quả của nghiệp là điên rồ!

Người nào không chịu nổi sự xúc chạm của một đóm lửa vào lúc này mà hy vọng có thể chịu đựng ở các địa ngục nóng là một kẻ điên rồ! Người nào không chịu nổi một đêm đông lạnh giá mà hy vọng có thể trải qua các địa

ngục lạnh là một kẻ điên rồ! Người nào không chịu nổi chỉ ba ngày nhịn đói và khát mà hy vọng có thể chịu đựng sự khốn khổ của ngựa quý là điên rồ!

Không thể chịu nổi sự khó nhọc phải mang một món hàng dầu một lúc ngắn, mà người ta hy vọng có thể chịu đựng sự khốn khổ của một con vật chở nặng là điên rồ!

Bởi vì đây là lúc người ta cần những lời khuyên tốt, người nào không nghe ngay một vị thầy đang chỉ dạy là một kẻ điên rồ! Bởi vì đây là lúc người ta có một ít tự do để chọn lựa, người nào tự làm cho mình thành nô lệ của lạc thú giác quan là một kẻ điên rồ! Lợi lỏng thực hành Pháp dầu chỉ một khoảnh khắc, người nào hy vọng hưởng thụ hạnh phúc dồi dào trong các đời sau là một kẻ điên rồ!

Cái chết là tài sản bẩm sinh khi con vừa sanh ra, người nào thấy nhàn rỗi để sửa soạn cho ngày mai và không biết sự kề cận của cái chết là điên rồ! Bây giờ con có sự chọn lựa đi lên hay đi xuống; người nào không dẫn mình vào thực hành Pháp đưa đến giải thoát là kẻ điên rồ! Những hạnh nghiệp sanh tử chỉ kết cục trong đau khổ; người nào không từ bỏ sự đau khổ tự tạo này là điên rồ! Bởi vì con lang thang không ngưng nghỉ trong sanh tử, người nào cứ duy trì sự tự đánh lừa mình là một kẻ điên rồ!

Khi thời đại băng hoại của kiếp này đã tới, mọi người đều là người tự đánh lừa mình, là cố vấn tồi tệ cho mình, là người tạo ra sự ngu si cho mình, nói dối với mình và làm mình thành ngu dại. Buồn thay cho những người ấy, có một hình thức con người nhưng không có tri giác hơn một con bò!

Hãy nghe thêm một lần nữa: Người nào muốn thực hành Pháp từ trong thâm tâm, hãy làm thế này: Tuân theo Thầy của con và Tam Bảo với một sự tin tưởng sùng mộ liên tục như dòng nước chảy của một con sông! Chăm sóc cho các đệ tử của con, các người phục vụ và mọi chúng sanh khác với lòng từ bi, thương mến như bà mẹ chăm lo cho đứa con độc nhất của mình!

Hãy có được sức mạnh và khả năng, hãy giải phóng những kẻ thù của Phật pháp: Hãy mạnh mẽ như sấm sét! Chớ có biếng lười, mà nỗ lực với các hoạt

động đạo đức trong tư tưởng, lời nói, hành vi và cũng mạnh mẽ như một cô gái kiêu căng với mái tóc bị lửa cháy! Hãy ý thức về tốt và xấu, và với một sự chú tâm tinh tế như bột mì về nhân quả của các hành động gây nghiệp, lánh xa nghiệp xấu như thuốc độc!

Quyết tâm so sánh với công hạnh của tất cả các vị Tổ cao cả và noi gương các bậc Thánh.(26) Lấy các vị Guru, Bồ Tôn, Dakini và Hộ Pháp như là những người làm chứng cho các thệ nguyện của con, và tuân thủ những lời nguyện ấy một cách cẩn thận, với thiện ý! Dùng chính con như tiêu chuẩn so sánh của nhẫn nhục và chớ làm tổn hại người khác!

Bất cứ điều gì con làm, chớ bao giờ bắt đầu từ cái có tác ý, ý đồ, mà hãy hướng tư tưởng, lời nói, hành vi về Pháp! Chớ phê bình người khác; mà ngược lại, hãy phơi bày lỗi lầm của con trước thế giới! Hãy giúp đỡ người có lòng tin đi vào Pháp trong bất cứ đường lối nào thích hợp nhờ chỉ dạy ý nghĩa khế cơ hay chân thực.

Mọi loại vô thường, như cái chết hay sự chia ly, là các thông điệp cho con, nên hãy lưu ý! Chớ bận rộn với nhiều hoạt động phóng tâm, mà hãy thư giãn thân tâm của con! Thực hành bằng cách áp dụng các giáo huấn sâu xa vào trạng thái tâm của chính con!

Bất kể thiếu thốn cơ cực thế nào, chớ bị lừa bịp bằng cách tìm kiếm thức ăn và sung túc! Khi tâm con tràn đầy sợ hãi, chớ đối địch với các hồn ma ngăn chướng! Ngay cả vì một quốc gia, chớ có làm tổn hại chúng sanh khác!

Vì thời gian cái chết là bất định, hãy nắm bắt cho chắc bản tánh của tâm! Hãy tìm kiếm một vị thầy có thẩm quyền, luôn luôn tôn kính ngài trên đỉnh đầu của con, và phát triển sự khao khát đức tin và sùng mộ!

Bởi vì con không biết cái gì là cần thiết trong đời này, hãy nghiên cứu mọi chủ đề của kiến thức!(27) Bất cứ cái học nào con sở đắc, sự kiêu căng sẽ cho con quý gây tai họa một chỗ đặt chân, thế nên hãy khiêm hạ!

Luôn luôn duy trì những chỗ ở trong núi hẻo lánh, bởi vì cô tịch là suối nguồn của hạnh phúc! Chớ sống đời sống của một gia chủ xấu xa, vì điều đó

gây ra khổ đau cho đời này và các đời sau! Vì đồng bạn ảnh hưởng lên hành vi hàng ngày của con, hãy sống chung với người hòa hợp với Pháp!

Cho đến khi con đạt đến chứng ngộ qua việc tu hành thiền định, chớ có khoác lác hay hành động sơ suất. Hãy vất xa thành kiến và đầu óc phe nhánh, vì chúng là những dây xích của sanh tử! Chớ có đạo đức giả hay ngạo mạn, vì chúng bị những người có trí khinh bỉ và coi thường.

Chớ lưu lại giữa những người bình thường; tính khí xấu của họ sẽ tự nhiên lây nhiễm con! Chớ đặt niềm tin vào hiện tượng do duyên sanh; cái gì cũng là hình tướng ảo huyền! Hãy có được sự xác tín vào tự tâm con; trạng thái giác ngộ thì không ở đâu khác!

Khi con từ bỏ và nắm lấy các đường lối nói ở trên, con sẽ hoàng dương giáo lý của Đức Phật Thích Ca.

Hãy nghe một lần nữa! Nếu con muốn thực hành Pháp từ trong thâm tâm con, hãy đặt sự thực hành Pháp của con trên nền tảng tuân thủ các giới luật vững chắc như đất! Hãy hoàn thiện các thừa của Kinh Giáo trong một cái thấy rộng rãi như không gian! Bằng cách phân biệt các chi tiết rõ ràng như các sắc màu của một cầu vồng, hãy gìn giữ mọi lời dạy trong tâm, rạch ròi và không lẫn lộn!

Hướng dẫn những người có duyên với trình tự đúng đắn của các giáo lý, giống như lột vỏ dần dần một cây chuối! Nuôi dưỡng các đệ tử định mệnh và xứng đáng với các giáo huấn khẩu truyền, từ ái với họ như con chăm sóc các hạt giống.

Hãy nhớ sự hành thiền một cách rõ ràng và sống động như hoa trong mùa thu! Như một người chữa bệnh, hãy lấy các lời dạy từ mọi hướng và áp dụng chúng bất cứ lúc nào cần đến! Hãy điều độ, như khi nếm muối vào thức ăn.

Cắt đứt ngay sự bất hạnh, như một con trâu yak hoang dã hướng thẳng đến điểm cao nhất của thung lũng. Khi con gặp phiền não, hãy từ bỏ chúng như ghét kẻ thù. Khi cái đối trị của chúng là tánh Giác bản nguyên đã sanh ra

trong con, hãy giữ gìn nó trong dòng sống sinh lực của mình cẩn trọng như gìn giữ tròng mắt con!

Khi quét sạch tà kiến và nghi ngờ qua học hỏi và tư duy, hãy phụng sự một vị Thầy với sự linh hoạt của một con nai tơ. Liên quan đến việc đời, hãy bướng bỉnh như một con bò mộng già, không để ai xỏ mũi dắt đi. Khi tu hành bốn tâm vô lượng, hãy cân bằng chúng với sự chịu đựng của một con cừu.

Nếu đến lúc dùng cái học của con qua tranh luận, hãy cắt đứt bằng trí huệ vô ngại như lưỡi kiếm của một chiến binh. Khi tìm kiếm nghĩa qua tư duy, hãy thuần hóa hôn trầm và lay động như thuần hóa một con ngựa giống hoang dã. Khi hấp thụ kinh nghiệm vào trong chính con, hãy vắt xa mọi sự theo đuổi thế gian, giống như một người sang trọng đựng phải bệnh cùi!

Tóm tắt, để nhanh chóng chứng ngộ và hoàn thành giác ngộ vô thượng, cần yếu phải tự quan sát mình trong mọi tình huống và kiểm soát mình theo nhân quả cẩn thận như một cô dâu mới cưới.

Lại nghe đây! Một tâm trạng bình tĩnh và một lời ăn nói dễ thương là cần thiết để khuyến trợ cho sự nảy sinh tâm từ trong con. Sự ham hiểu biết và một tâm linh hoạt cho con dễ dàng cảm được đức tin. Một cảm giác tự trọng và khiêm tốn cho con đức tính kiên trì trong thực hành Pháp.

Gặp bất hạnh và khổ đau cho con đức tính hướng sự quan tâm về Pháp. Chân thật và đáng tin cậy cho con đức tính có thể chịu đựng sự khó khăn. Tính kiên trì và tình thương sâu xa làm phát sinh đức tính thật sự có thể phụng sự cho Thầy mình.

Không thích lợi danh cho con đức tính không phe phái trong Phật Pháp. Không quan tâm việc đời cho con đức tính có khả năng lớn hơn để hộ trì Chánh pháp. Giữ đúng theo lời nói cho con đức tính hòa hợp được với Pháp.

Cương quyết và bền bỉ cho con đức tính xuất sắc hơn trong khi thực hành Pháp. Giữ một gương mặt tươi cười và thái độ dễ mến cho con đức tính Samaya thanh tịnh với các bạn đạo của con. Không trụ trước và tự nhiên

suốt các hoạt động hàng ngày cho con đức tính cắt đứt ngay suy nghĩ ý niệm.

Mặt khác, các tính cách này có thể trở thành khuyết điểm nếu người ta bị chúng áp đảo, như thế này: Người ta với một tâm thái bình tĩnh và một lối ăn nói dễ thương có nguy cơ làm môi cho các lỗi lầm là giả vờ và không chân thật. Người ham hiểu biết với tâm linh hoạt có lỗi là dễ dàng từ bỏ sự thực hành Pháp. Người có cảm giác tự trọng và khiêm tốn có lỗi lầm là không bỏ lại các chuyện thế gian phía sau.

Người kinh nghiệm nhiều khổ đau và bất hạnh có nguy cơ là không tìm ra thời gian rảnh để thực hành Pháp. Người chân thật và đáng tin cậy có nguy cơ là rơi vào lỗi không hiểu được Pháp. Người kiên trì và tình thương sâu đậm đối với các người thân thuộc có lỗi lầm là không cắt được các trói buộc của công việc thế gian.

Người chán lợi danh có thể rơi vào bẫy không áp dụng đối trị trong thực hành Pháp. Người không màng việc đời có thể rơi vào việc không tiến đến cùng cực của việc thực hành Pháp. Người giữ đúng theo lời nói có nguy cơ rơi vào lỗi lầm các lời nói cứng cỏi dẫn đến biện luận và cãi cọ.

Người cương quyết và bền bỉ có nguy cơ khó bỏ được các ý định sai lầm. Người giữ bộ mặt tươi cười và thái độ dễ mến có nguy cơ đạo đức giả và lãng mạn. Người không trụ trước và tự nhiên không nỗ lực trong các hoạt động về Pháp, có nguy cơ là rơi vào lỗi lầm xem thường nghiệp quả.

Tất cả các con muốn đi vào cửa Pháp: Nếu con vất bỏ mọi lỗi lầm và nỗ lực có được mọi đức hạnh, con sẽ hoàn thành giác ngộ vô thượng không khó khăn, thế nên hãy giữ điều này trong tâm!

Hãy nghe một lần nữa! Có nhiều người không hòa hợp được với Pháp dầu họ đã vào cửa, bởi thế con phải chắc chắn rằng điều ấy không xảy ra cho con! Con có thể đã thọ giới, nhưng không là một người thực hành Pháp nếu các phương tiện sinh sống và sở hữu cũng giống như một người chủ gia đình. Con có thể bỏ đi các hoạt động thế gian, nhưng con không phải là một

hành giả của Pháp nếu con không từ bỏ các chuyện bàn luận nhàn rỗi vô ích.

Con có thể ở nơi ẩn cư, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu các hoạt động của con cũng giống như một người thế tục. Con có thể bỏ quê nhà lại đằng sau, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con không cắt đứt các mối trói buộc với người thế gian. Con có thể kiên trì trong thực hành, nhưng con không phải là một hành giả của Pháp nếu tâm con không rời khỏi ham muốn.

Con có thể chịu đựng nhiều thứ khó nhọc, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con không thể chịu đựng được tổn thương do người khác đem lại. Con có thể thực hành các giai đoạn phát triển và thành tựu, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con hy vọng dời bỏ chướng ngại bằng bói toán và bùa phép. Con có thể tu hành cái vô nhị, nhưng con không phải là một hành giả của Pháp nếu con hy vọng vào sự giúp đỡ từ chư thiên và sợ hãi sự làm hại từ ma quỷ.

Con có thể đã vào con đường Đại thừa, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con không cố gắng làm lợi lạc cho chúng sanh. Con có thể hoạt động cho sự lợi lạc cho chúng sanh nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu những mục tiêu sâu xa nhất của con không có Bồ đề tâm bao bọc. Con có thể đã hiểu được cái thấy, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con không chú ý đến sự chín thành của nghiệp.

Con có thể hiểu chín thừa thứ bậc, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con không hòa nhập tâm con với Pháp. Con có thể thực hành nhất tâm trong mọi lúc, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con không hủy diệt được sự trụ vào hình tướng như là có thật. Con có thể có ba sự tu hành (Giới, Định, Huệ), nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con bị phát động bởi lòng kiêu mạn tham lam.

Trong bất cứ hoạt động tâm linh nào con dẫn thân, nếu con không bao trùm nó với cái tuyệt hảo có ba phần là sửa soạn, phần chính và kết thúc, con

không phải là một hành giả của Pháp. Con có thể tự nhiên trong các sinh hoạt hàng ngày của tư tưởng, lời nói và hành vi, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con lạc vào các phiền não bình thường. Người nào vất bỏ các thực hành cho sự thành tựu vào ngay bây giờ, và rồi phát nguyện cho sự thành tựu trong tương lai không phải là hành giả.

Con không phải là một hành giả nếu con mong mỗi đạt đến Quả trong tương lai mà bây giờ không nhận biết khuôn mặt bản nhiên của tâm con. Con có thể tạo ra các thiện nghiệp, nhưng con không là một hành giả của Pháp nếu con không liả bỏ tám mối quan tâm thuộc thế gian.

Hỡi các người của tương lai, tám mối quan tâm của thế gian này là các ma quỷ tảo bạo sống trong mỗi người, dầu cao hay thấp. Tám cái này là vui mừng khi được khen và không vui khi bị trách mắng; vui mừng khi có tiếng thơm và buồn bã khi có tiếng xấu; vui mừng khi có sự vui thích, buồn bã khi không như ý; và vui mừng trong được và buồn bã trong mất.

Con phải tự xem xét cẩn thận để thấy mọi thiện căn con đã tạo ra trong quá khứ qua tư tưởng, lời nói và hành vi có hay không bị ảnh hưởng của tám thứ này, trong những hành vi hiện tại con có chúng hay không và khi con hoạch định các hành vi trong tương lai có bị chúng len lỏi vào hay không. Cốt yếu là đừng để cho chúng tham dự vào!

Hỡi tất cả những người mai sau nào đã theo Padma, bất kỳ Pháp nào các con dẫn thân vào, hãy thực hành một con đường không lỗi lầm để nhanh chóng đạt đến Giác ngộ và Phật tánh! Hãy thực hành nghĩa rộng rãi và sâu xa! Hãy thực hành khi có được tất cả các giáo lý của bậc giác ngộ chân thật và viên mãn!

Hãy thực hành khi có được nghĩa của chín thừa thứ lớp, theo cách sự hoàn thiện đi lên, trong tâm của chỉ một người!(28) Hãy thực hành bất cứ mục tiêu hay hành vi nào bằng cách nhận biết rằng: không có gì cần phải hoàn tất cả!

Hãy thực hành trong trạng thái trong đó mọi hiện tượng của Sanh tử và Niết bàn đều là Nhất Chân Pháp Giới của Pháp Thân! Hãy thực hành đặc biệt phù hợp với các lời dạy này của ta! Hãy thực hành không nghi ngờ hay do dự về quả của giác ngộ!

Đây là lời khuyên bảo bằng miệng về hạnh ban cho tặng chúng Tây Tạng, và bất cứ ai muốn thực hành Phật Pháp.

Samaya.

Mong rằng lời này sẽ gặp người xứng đáng có duyên!

Viên Ngọc Như Ý Của Sự Hồi Hướng

NAMO GURU DEVA DAKINI HUNG.

Bây giờ ta giải thích Kho Tàng Như Ý Các Viên Ngọc Quý - Phương pháp hồi hướng các thiện căn nhiều vô số, bất cứ công đức nào con đã tích lũy, sẽ tích lũy, hay công đức con đang hoan hỷ về giác ngộ vô thượng vô biên.

Lành thay, Lành thay, giờ đây hãy hoan hỷ với quyết định hồi hướng các thiện căn này được làm cho một người đặc biệt về trạng thái vô thượng của giác ngộ! Để cho điều này được hoàn thành, quan trọng là có ba yếu tố: Công đức được hồi hướng, Người nhận, và Ý tưởng hồi hướng.

Đối với người thực hành Mật thừa, bậc Thầy được xem là ruộng công đức thanh tịnh như Shri Guhyasamaja nói:

Lúc bắt đầu của bất kỳ dâng cúng nào,
Đề qua một bên mọi sự dâng cúng khác
Và bắt đầu sự dâng cúng đến Thầy con,
Bởi vì làm vui lòng ngài con sẽ đạt đến thành tựu,
Trạng thái cao cả của toàn giác.

Theo các kinh, Tăng già là phước điền thanh tịnh. Như Kinh Tăng Trưởng Công Đức nói:

Là kho tàng của mọi giáo lý
Và người mở ra mọi cánh cửa,
Những vị thành viên của Tăng đoàn
Là Tăng già được mọi người cúng dường.

Trong ý nghĩa tổng quát, Tam Bảo được chấp nhận là phước điền thanh tịnh.

Không có bậc Thầy nào như Phật
Không có sự bảo vệ nào như Pháp
Không có ruộng phước nào như Tăng
Như thế tôi dâng cúng cho Tam Bảo!

Một Kinh nói: “Các người theo các thừa thấp xem cánh đồng cao quý là tối thượng. Ví dụ, khi con gieo giống – nhân – trong một cánh đồng tuyệt hảo, và cẩn thận nuôi dưỡng chúng bằng cách bón phân, bẫm nhỏ đất..., bấy giờ, ngũ cốc – quả – sẽ dồi dào. Cũng như thế, quả sẽ nhân thêm nhiều lần nếu cánh đồng của phước đức được thanh tịnh.”

Các người theo Đại thừa nhìn các người nhận thấp kém là quan trọng hơn và nâng đỡ những người tàn tật, bị khước từ, và không bè bạn. Một đoạn Kinh nói:

Những người tuyệt vọng và cô đơn,
Người bệnh hoạn và tàn tật,
Người già, ốm yếu, giác quan hư hỏng,
Người nghèo khó, người đói cơm, và người xin ăn –
Bồ Tát phải nâng đỡ những người không ai che chở đó.

Với những người nhận thanh tịnh này, hoặc cao hay thấp, đồ vật chúng ta dâng cúng trong trường hợp người nhận là cao hơn là thực sự có mặt hay tạo ra bằng tâm thức.

Với mây cúng không gì sánh của Phổ Hiền,
Thực có và tâm thức tạo ra,
Bao la và tràn đầy trong không gian thanh tịnh
Con cúng dường ngài với một đại dương dâng cúng
bên ngoài, bên trong và bí mật.(29)

Có dạy rằng người ta phải bỏ thí những món cần thiết, chúng không bị nhiễm ô bởi tà hạnh, tà mạng, cho những người nhận bậc thấp bằng sự cúng dường bốn thứ, như Kinh nói:

Không phải là phẩm vật từ trộm cướp hoặc của thường trụ,
Không phải là vật có hại,
Mà là thứ quý giá và vui thích
Và, tốt nhất, là thứ cần đến.

Hơn nữa, có nói rằng:

Giúp đỡ người nghèo và tàn tật
Với bốn loại cúng dường
Thực phẩm dự trữ và thứ đẹp mắt
Nhưng không phải là đồ vật có lẫn tà hạnh hay võ khí,
Cũng không là thức ăn nhiễm độc bởi sự kiếm được bất tịnh.

Hãy tự thúc đẩy con trong lối này, với một thái độ thanh tịnh đối với phước điền thanh tịnh. Làm phát sanh niềm tin vào các người ở trên, lòng bi với các người ở dưới, và tâm thức giác của giác ngộ. Có nói rằng:

Thúc đẩy bằng niềm tin và lòng thương xót,
Cúng dường cho người khác với thái độ giác ngộ.
Hướng dẫn bởi hồi hướng và thiện nguyện
Và niêm bằng cách không ý niệm hóa ba luân.(30)

Cũng có nói:

Khi có một thái độ thanh tịnh
Đối với mọi vật thanh tịnh
Hãy cúng dường vật tốt nhất.
Khi con hồi hướng chúng về trạng thái của thừa tối thượng
Và đóng dấu bằng cách không ý niệm hóa ba luân,
Sự hồi hướng này là siêu tuyệt nhất.

Theo cách này, sự tích lũy công đức được tạo ra do đối tượng liên hệ, phẩm vật, và thái độ hồi hướng. Bây giờ những công đức này được hồi hướng đến cái gì? Và chúng được hồi hướng cho nguyên nhân hay cứu cánh nào?

Trích dẫn Đại Mẫu Bát Nhã ba la mật: “Bồ tát hồi hướng mọi công đức hay thiện căn về trạng thái toàn giác viên mãn, và không phải về trạng thái Thanh Văn hay Bích Chi Phật.”

Như thế, hồi hướng đến nguyên nhân cho sự đắc quả toàn giác, trạng thái Phật tánh biết tất cả. Padmavajra nói về các loại Đạo Sư để hồi hướng:

Những vị thấu rõ trạng thái bản nhiên của cái thấy,
Là đệ tử trong Đại định
Sở hữu tâm giác ngộ và Đại bi
Và mọi dấu hiệu của bậc siêu xuất –
Các thiện tri thức cao cả như vậy
Là những bậc thầy siêu việt để hồi hướng công đức
Tốt nhất là khi đã gặp một vị Thầy như thế; nếu không, có nói rằng:
Với người nào có đức tin và quyết tâm tối thượng
Phật sẽ đích thân hiện diện.

Và,

Vào đúng thời gian, như khi trăng non, trăng tròn và ngày mừng tám,
Hãy hồi hướng thiện căn trong sự hiện diện của Tam Bảo.

Cũng có thể hồi hướng trước bàn thờ Tam Bảo.

Tiếp theo, sự hồi hướng được làm cho ai? Chớ hồi hướng cho một người nhất định, nhưng cho tất cả chúng sanh mà đầu hết là những người đại loại.(31) Như có nói:

Trực tiếp và cũng gián tiếp
Chỉ làm vì lợi ích của chúng sanh
Cho tất cả hữu tình
Con phải hồi hướng mọi công đức cho sự giác ngộ của họ.
Với một người còn sống, chỉ đơn giản dùng tên;
với người đã chết, hãy dùng “đại loại.”

Khi hồi hướng cho tất cả chúng sanh mà đầu hết là một người cụ thể, hãy chỉ cho người ấy bằng cách nói rằng:

“Giữ cho thân tâm bạn thành kính, chấp tay lại và tưởng tượng rằng trong bầu trời trước mặt bạn, vị Thầy chính của bạn đang ngồi, và Bạc Điều Ngự siêu việt, Đấng Chiến Thắng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trang nghiêm với các hảo tướng chính và phụ, bao quanh bởi tất cả chư Phật và Bồ tát của mười phương, cũng như bởi các Guru, Yidam, Dakini, và các Hộ pháp. Cúng dường thân con và sự thịnh vượng, quyền lực và vinh quang, và mọi thiện căn, nghĩ rằng: ‘Mong tất cả chúng sanh mà trước hết là những người ‘đại loại như thế’ được đạt đến giác ngộ tối thượng, chân thật và viên mãn, con hồi hướng mọi thiện căn có từ công đức và trí huệ đã tích lũy được và tất cả các thứ khác từ vô thủy sanh tử.’ Với một giọng tôn kính, lập lại các hồi hướng.”

Nếu hồi hướng được làm cho một người nào khác, thì chữ “bạn” được thay thế (bằng “con”). Nếu có tăng chúng bốn vị hiện diện, thỉnh cầu các vị thêm vào các thiện nguyện của các vị. Vị thầy phải đích thân tập trung vào quyết định này mà không chao động khỏi lời nói và ý nghĩa của chúng:

“Chư Phật và Bồ tát trụ khắp mười phương, xin chiếu cố đến... Các vị Guru và Hóa Thần của mạn đà la Bồn Tôn, xin hãy chiếu cố.

“Các thiện căn được tạo bởi vô thủy sanh tử từ bố thí, trì giới, thiên định v.v... mà ông bà X, Y đã tạo được, bảo người khác tạo, hay tùy hỷ với công đức người khác tạo, và các thiện căn từ phước đức và trí huệ do thân ngữ ý trong đời này hay đời sau – cũng như mọi thánh nhân đã thành tựu trong thân lực của chân lý đã làm, con trọn vẹn hồi hướng chúng như là nguyên nhân cho giác ngộ vô thượng, chân thật và viên mãn để cho ông bà X, Y cũng như cho tất cả chúng sanh.”

Nếu sự chứng ngộ của người được hồi hướng thì cao hơn của con hay nếu đó là một Đại Sư, hãy thỉnh cầu chúng giám và đổi cứu cánh của hồi hướng và nguyện vọng cho sự lợi lạc của tất cả chúng sanh như sau:

“Mong rằng mọi chúng sanh trước hết là..... nhanh chóng đạt đến trạng thái quý giá của giác ngộ tối thượng chân thật và viên mãn.”

Đọc nó làm ba lần, nói tiếp:

“Cho đến khi hoàn thành mục tiêu của nguyện vọng, trải qua mọi đời và kiếp tái sanh, mong rằng tất cả chúng sanh đạt được mức độ Trời hay Người trong các cõi cao, không bị đứt đoạn bởi các tái sanh nào khác.

Mong rằng họ có mọi phẩm tính của một tái sanh cấp cao gồm tính cách cao thượng nhất.

Mong rằng họ gặp được thiện tri thức truyền thừa dòng phái của các bậc Thầy cao cả, và được chấp nhận làm đệ tử.

Hoàn thành ba lời làm đẹp lòng,(32) mong rằng họ hưởng thụ sự thịnh vượng của các giáo lý không gì sánh của tối thượng thừa qua văn, tư, tu.

Qua sự có được chỗ ở tốt, đồng bạn, và điều kiện tốt đẹp, mong rằng họ rộng chuyển bánh xe Pháp sâu xa và thanh tịnh của tối thượng thừa.

Qua hoạt động bi mẫn vô lượng cùng với từ ái vô biên của tâm giác ngộ, mong rằng họ thành tựu lợi lạc cho hữu tình một cách không cần cố gắng và tự nhiên, giáo hóa mỗi người trong con đường nào thích hợp.

Du hành trong đại dương trùm khắp của các cõi Phật vô biên, gồm những mạn đà la của những Guru, Ysidam và Dakini, mong rằng họ được hộ trì bởi sự thành tựu của các công đức của họ. Mong rằng họ đi vào trong tạng của mọi tích tập này! Mong rằng họ đi theo dấu chân của các ngài! Mong rằng họ đồng đẳng với Chư Phật trong chứng ngộ, đại bi, công đức và hoạt động!

Trên con đường thực hiện điều này, mong rằng mọi yếu tố xấu xa và đối nghịch như là khó khăn, chướng ngại, phóng dật, lười biếng, tà hạnh và lỗi lầm đều lặn mất. Mong rằng họ có được những hoàn cảnh tuyệt hảo và dồi dào các phẩm tính an vui và hạnh phúc như: sống lâu, sức khỏe, bề ngoài

hấp dẫn, niềm tin sâu xa, trí óc nhạy bén, đại bi, sinh lực mạnh mẽ, thịnh vượng, vui vẻ bố thí, các thệ nguyện samaya thanh tịnh, giới luật hoàn hảo v.v...”

Nếu sự hồi hướng và nguyện vọng được làm cho một người quá cố, đến lúc này hãy cử hành lễ nghi tịnh trừ chướng ám. Nếu nó để dành cho một người sống, thì nói một nguyện vọng thích hợp nào khác, như sau đây:

“Trong đời này mong rằng họ được trường thọ, sức khỏe tốt, sung túc và tốt đẹp.

Mong rằng mọi bệnh tật và ảnh hưởng xấu, ác hạnh và che chướng, vi phạm, lỗi lầm và bất hạnh, các chướng ngại bên ngoài và bên trong của chúng, mọi năng lực xấu và bất hòa đều được yên tịnh!

Mong rằng họ an trụ trong Pháp với tư tưởng, lời nói và hành vi, và khi hân thưởng những lời không tỳ vết của các bậc Điều Ngự, mong rằng mọi ước mong của họ được viên thành, như họ đã có viên ngọc như ý!

Vào lúc chết, mong rằng họ không phải chịu đựng sự đau khổ do sinh lực bị đứt đoạn, mà mọi trạng thái ý niệm của phiền não đều lắng dịu, và họ nhớ lại vị Guru và Tam Bảo một cách hoan hỷ và thích thú.

Mong rằng họ hoàn toàn được che chở bởi tâm trí huệ cùng với đại bi của tất cả các bậc thánh, các vị là đối tượng tối cao cho sự quy y.

Mong rằng họ hoàn toàn không phải chịu đựng sự sợ hãi và khủng khiếp của trung ám, và mong rằng mọi cánh cửa vào các cảnh giới thấp đều được đóng lại.

Như là cái tối hậu, mong rằng họ sớm đạt đến trạng thái quý giá của giác ngộ vô thượng, chân thực và viên mãn.

Với sự ban phước của ba thân giác ngộ của Phật,
Với sự ban phước của chân lý bất biến của Pháp tánh,
Với sự ban phước của Guru, Yidam, và Dakini,
Mong rằng sự hồi hướng của con được thành tựu.
Mong rằng mọi mong muốn của con thành hiện thực.”

Nói vậy xong, chấm dứt bằng cách đóng dấu ấn niêm phong với sự thanh tịnh ba luân của vô niêm.

Có công đức vô biên khi niêm ấn với sự hồi hướng quý giá trong cách này và phát lên những lời nguyện toàn hảo. Kinh *Thỉnh Cầu Bồi Trí Bất Đoạn* nói:

Như một giọt nước rơi vào đại dương
Sẽ không hư mất cho đến khi nào đại dương khô cạn,
Cũng cách ấy, công đức hồi hướng trọn vẹn đến giác ngộ
Sẽ không tan biến trước khi đạt đến giác ngộ.

Kinh cũng nói rằng:

Trong sự hiện diện của Tam Bảo,
Hóa thân, Thầy con, hay tương tự,
Với niềm tin, gom góp các sự tích tập
Và phát những nguyện vọng rộng lớn như thế.
Công đức ấy không thể nghĩ bàn.

Đã gom góp các sự tích lũy công đức và trí huệ, các khuyết điểm của sự không niêm dấu ấn với sự hồi hướng quý báu được diễn tả như là bốn nguyên nhân của sự khô kiệt:

Sau khi tạo được một thiện căn,
Mà không hồi hướng, hồi hướng sai lầm,
Khoe khoang nó với người khác, hay cảm thấy hối tiếc;
Đó là bốn nguyên nhân làm khô kiệt.

Bởi thế, cần yếu hồi hướng theo cách sau. Tưởng tượng rằng những tia sáng rực rỡ phóng ra từ trung tâm trái tim của Phật và chạm đến thân, ngữ, ý của những chúng sanh được hồi hướng cho, tẩy sạch hoàn toàn các ác nghiệp, che ám, tội lỗi của họ. Họ trở thành những khối cầu ánh sáng chúng tan vào trung tâm trái tim của Phật. Phật và Thánh chúng tan biến vào hư không nền tảng, như một cầu vồng tan giữa bầu trời. Ân niệm như thế, bằng cách không ý niệm hóa ba luân, trở thành sự hồi hướng chân thật và tối thượng. Như Đức Di Lặc đã nói:

Sự hồi hướng phi thường, tròn đủ
Cái cao tốt nhất để cử hành
Là thái độ tự do khỏi sự trụ vào danh tướng,
Tức là không có vô minh.

Ngài nói thêm:

Hơn nữa, sự hồi hướng vô thượng
Là hiểu biết thấu triệt rằng không có bản tính thực
Trong công đức được tạo ra, trong quả của nó
Trong người được hồi hướng hay trong hành động hồi hướng.
Bởi thế, hãy chôn cất mọi công đức được tạo ra cho một định hướng đặc biệt như một mỏ kho tàng vô tận, và hoàn thành nó bằng cách ân niệm nó với sự hồi hướng của Đại thừa.
Rồi hãy tôn kính khi tùy hỷ niềm vui và sự biết ơn chân thành.

Đây là con đường được dạy. Samaya.

Nói một cách căn bản, khi muốn làm một sự hồi hướng, có ba điểm tổng quát: Sự hồi hướng bảo vệ toàn vẹn món quà công đức của người trao cho; Sự hồi hướng sau một thực hành đặc biệt của Mật thừa hay sau khi chuyển bánh xe Pháp thâm sâu; Và sự hồi hướng hoàn thành sự tích lũy công đức ở trong hư không nền tảng của tánh Giác bản nguyên.

Cái thứ nhất xảy ra tức thời sau khi người trao cho ban tặng vật phẩm, hay ngay sau khi tùy hỷ nó. Hãy lập lại ba lần lời nguyện sau, hay một lời nguyện khác thích hợp:

Đảnh lễ tất cả Chư Phật và Bồ tát mười phương,
xin hãy chiếu cố đến người hồi hướng này.
Các Đạo Sư và tăng chúng thanh tịnh, xin hãy chiếu cố.

Như thiện căn này biểu lộ,

Mong rằng bất cứ công đức nào người trao cho tạo được trong suốt ba thời
Được hồi hướng về sự tăng trưởng rộng rãi của quả vô tận.
Mong rằng giác ngộ vô thượng sẽ nhanh chóng đạt được.

Cái thứ hai xảy ra vào lúc kết thúc của bất cứ sự nghiên cứu, chỉ dạy và
thiền định bên ngoài hay bên trong nào, hay bất cứ cái nào của (mười) hoạt
động tâm linh. Hồi hướng theo cách sau:

Đảnh lễ chư Phật và Bồ tát mười phương,
Các Guru, Yidam, Dakini, và Hóa thân mạn đà la,
cùng với những Hộ pháp của các ngài, xin hãy chiếu cố đến con!

Ở trong đại mạn đà la bao la của Đức Phổ Hiền,
Mong rằng mọi thiện căn được tạo ra trong suốt ba thời,
Bởi Guru Kim Cương Trì và các vị khác,
Và bởi tất cả huynh, muội kim cương,
Trong công việc chuyên Pháp luân rộng lớn,
Được hồi hướng đến sự đạt đến Phật tánh toàn mãn.
Mong rằng ai ai ở bất cứ đâu đều đạt đến trạng thái Phổ Hiền.

Hồi hướng trong cách này và ở trong trạng thái chân thật vô thượng của cái
tối hậu.

Cái thứ ba xảy ra lúc kết thúc của bất cứ cái gì con muốn hồi hướng và bất
kỳ lúc nào con hồi hướng, hay vào lúc chấm dứt của bất cứ loại hoạt động
nào. Hãy làm sự hồi hướng này từ trong trạng thái của ‘Đại Ấn’:

Các bậc Điều Ngự và đệ tử trong mười phương, xin hãy chiêu cố.
Mong rằng bất cứ công đức nào được tạo ra bởi tư tưởng, lời nói và hành vi
Do chính con hay người khác trong tất cả chúng sanh
Trong ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai,
Được hồi hướng về cõi giới vô biên của giác ngộ
Mong rằng quả tối cao của bản tánh vô thượng được đạt đến.

Lúc bắt đầu của bất kỳ loại hồi hướng nào, hãy quán tưởng Tam Bảo ở trước mặt con như sự chứng giám. Tưởng tượng rằng các vị chấp nhận con với các lời hồi hướng và nguyện lành. Tiếp theo, nói lên các lời hồi hướng trong khi ấn niệm bằng vô niệm cái con đang hồi hướng và các đối tượng của sự hồi hướng, công đức và người tạo của việc hồi hướng. Vào lúc cuối, an trụ trong trạng thái siêu việt khỏi lời nói, tư tưởng và diễn tả, trong nó mọi hiện tượng của Sanh tử và Niết bàn lúc ban đầu không sanh khởi, ở chạng giữa không dừng trụ và cuối cùng không diệt mất.

Samaya.

Các phương tiện thiện xảo này để đưa thiện căn công đức đến chỗ hoàn hảo là các lời dạy truyền miệng về hồi hướng có tên là *Viên ngọc Như ý của Hồi Hướng*, được vị Trì Minh Vương Vidyadhara Padmasambhava ban cho. Tôi, Tsogyal, viết lại chúng trong hình thức ghi chú và cất dấu chúng như là kho tàng bí mật Terma. Nguyện rằng chúng gặp người xứng đáng tiền định!

Dấu ấn cất dấu. Dấu ấn trao truyền. Dấu ấn kho tàng. Samaya. Dathim.

Sách này được khám phá từ động Lớn ở Puri do tôi, Sangye Dorje (Sangye Lingpa), một tín đồ khát thực của Đức Thích Ca Mâu Ni.

Một Khuyến Khích Thực Hành Tâm Linh

Tạo ra từ công đức chúng sanh nói chung và dân Tây Tạng nói riêng, hóa thân ảo huyền của Văn Thù Sư Lợi xuất hiện như vua Trisong Deutsen, Bồ Tát và Pháp vương. Để thỉnh cầu xây dựng ngôi chùa có tên là Samye, “Sự Hoàn Thành Tự Nhiên của các Ước Nguyện Vô Biên,” và với ý định truyền bá Phật pháp vào Tây Tạng, vua mời Bồ tát Lotpošn, và phát tâm Bồ Đề để biểu lộ sự cần yếu phải được thúc đẩy bởi thái độ giác ngộ của tâm Bồ Đề. Để biểu lộ sự chín mùi và giải thoát của tâm Bồ Đề, vua mời Padmasambhava, Đại Đạo Sư của Uddhiyana, để ban cho các quán đảnh và để đem tiếp cận và thành tựu đến giới hạn của sự toàn thiện. Để biểu lộ sự cần thiết phải mở rộng và làm cho nó nở rộ, vua mời pháp sư Vimalamitra đến để chuyển bánh xe Pháp của các thừa nhân và thừa quả. Để biểu lộ sự viên mãn rất ráo và thành tựu tự nhiên của các giáo lý về thân, ngữ, và tâm giác ngộ, nhà vua xây dựng chùa Samye vinh quang và cử hành các buổi lễ thụ phong. Như thế vua quảng bá Phật pháp ở Tây Tạng; và làm cho lời dạy và sự thực hành của Giáo thừa và Mật thừa chiếu sáng như mặt trời mọc.

Đặc biệt, vị Trì Minh Vương Vidyadhara vĩ đại có tên là Padmasambhava, một lưu xuất nhiệm màu của Ba Thân, đến Tây Tạng bởi thần lực của các nguyện vọng và đại bi của ngài. Trong thời gian lâu ở lại đó, Padmasambhava đã ban cho đức vua, các đệ tử chính khác và những người có phước, vô số giáo huấn rộng rãi và sâu xa cho sự trưởng thành và giải thoát của tâm thức. Trong nhiều lời dạy ngài ban cho tôi, Tsogyal họ Kharchen, tôi chép lại ở đây một sưu tập mọi lời dạy về ý nghĩa hữu ích như là một khuyến khích đối với thực hành tâm linh. **MAHA KARUNIKA SAMATI AH.**

Đạo Sư Padma nói: Tsogyal, chúng ta phải thực hành một giáo lý đem lại giải thoát khỏi sanh tử luân hồi. Nếu chúng ta không làm được điều đó, thì sẽ cực kỳ khó khăn có được một thân người với tự do và sung túc như thế này.

Có một thân người như vậy khó khăn đến thế nào? Nó cũng khó như tìm kiếm một hạt đậu khi con ném nó thẳng vào bức tường, như một con rùa ngóc đầu lồi vào một khung gỗ nổi dật dờ trên biển cả, như ném hạt cải qua một lỗ kim.

Lý do khó khăn ấy là sáu loài chúng sanh cũng giống như một đồng hạt. Các chúng sanh địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh giống như nửa ở đáy, các loài một-nửa-chư thiên (atula) là phần trên, và chư thiên và loài người chỉ giống như chóp đỉnh, so sánh với các loài chúng sanh khác, hầu như không thể có một thân người. Tsogyal, hãy thử đếm số chúng sanh của sáu loài!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, dầu cho có khó khăn ấy, con đã có được một thân người qua phước đức quá khứ, nhưng cũng còn khó khăn để thực hành Pháp thiêng liêng nếu như con không có đầy đủ giác quan, như điếc, đui hay câm. Nếu con tái sanh giữa những người sơ khai hay hoang dã, con cũng không có cơ hội thực hành Pháp. Nếu con sinh ra trong một gia đình với tà kiến hư vô của ngoại đạo cực đoan, con cũng sẽ không đi vào giáo pháp của Phật.

Bây giờ chúng ta được sinh ra trên Nam Thiệm Bộ Châu, trong một đất nước văn minh nơi đó có Phật pháp. Chúng ta đã đạt được cái khó đạt là một thân người quý giá, và khi giác quan chúng ta còn toàn vẹn, chúng ta có thể gặp các bậc thầy cao cả, có quyền chọn lựa điều gì chúng ta muốn làm, có thể đi vào Phật pháp, thực hành Pháp thiêng liêng, và cộng trú với Tăng chúng. Nếu vào lúc này chúng ta không áp dụng giáo lý đưa đến giải thoát và giác ngộ, thân thể quý báu này sẽ vô cùng lãng phí.

Chớ trở về trắng tay khi đã đến đảo châu báu; Chớ lặn nữa trong sự đói nghèo khi đã gặp kho tàng vô tận! Chúng ta phải vượt qua đại dương khi chúng ta có thuyền bè; Chớ để cho chiếc thuyền thân người này tuột mất!

Bây giờ là lúc để phân cách Sanh tử khỏi Niết Bàn, hãy vui vẻ nỗ lực trong thực hành! Bây giờ là điểm phân chia giữa hạnh phúc và khốn khổ; Chớ thu xếp cho tai họa của chính mình! Bây giờ là lúc khi những con đường đi lên và đi xuống phân chia; Chớ có nhảy vào vực thẳm của các cõi thấp!

Bây giờ là lúc để chỉ ra sự khác biệt giữa trí và ngu; chớ áp úng hay nhìn sững! Bây giờ là lúc để có được công đức; chớ bận rộn và tiếp tục tay không! Bây giờ là lúc để thấy ai là người vĩ đại hay ngu ngốc; chớ tìm kiếm giác ngộ vì lợi danh!

Bây giờ là lúc để thấy ai là người tốt hoặc xấu; hãy vất bỏ các theo đuổi thế gian! Thời điểm bây giờ được ví như chỉ một bữa ăn trong một trăm ngày; chớ làm như con có đầy đủ thời gian! Bây giờ là lúc sự tai hại của một phút giây lười biếng sẽ có hậu quả lâu dài; hãy vui vẻ nỗ lực trong tu hành! Bây giờ là lúc chỉ một năm kiên trì sẽ đem lại hạnh phúc cho mọi đời sắp tới; hãy ở thường trực trong thực hành Pháp!

Ta luôn thương xót cho những ai rời bỏ cuộc đời này với hai bàn tay trắng!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, chúng ta không biết khi nào cái thân người này, có được với bao nhiêu khó khăn, sẽ chết ngày mai hay ngày kia, thế nên chớ lo toan cho mình như mình sẽ sống mãi mãi! Chúng ta không chắc khi nào thân xác mượn từ bốn đại này sẽ ngã xuống, thế nên chớ quý báu, si mê nó!

Sanh ra không dẫn đến cái gì khác hơn là chết; hãy tu hành trong bản tánh vô sanh như là định mệnh của con! Gặp gỡ không dẫn đến cái gì khác hơn là chia lìa; hãy cắt đứt sự gắn bó vào những người sống chung! Thu góp không dẫn đến cái gì hơn là cạn kiệt; hãy rộng lượng mà không bám níu! Xây dựng không dẫn đến cái gì khác hơn là hoại diệt; hãy giữ các chốn ẩn cư trong hang và núi!

Ham muốn và tham vọng không dẫn đến gì khác hơn là đau khổ; hãy buông bỏ lòng khát vọng của con! Kinh nghiệm mê lầm không dẫn đến cái gì khác hơn là vô minh; hãy hủy hoại tri giác nhị nguyên! Làm như thế con sẽ luôn luôn hạnh phúc, nhưng chỉ với ai biết nghe lời khuyên nhủ!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, ta đã nói điều ấy cho mọi người, nhưng không ai nghe. Khi nào Thần Chết nắm bắt con, lúc ấy không còn cơ may

để giải thoát. Người nào không thực hành Pháp sẽ hối tiếc điều này khi cái chết đến.

Năm, tháng và ngày trôi qua không chân chờ ngay cả một giây. Cuộc đời này qua đi không dừng nghỉ dầu cho một giờ hay một phút, và rồi chúng ta chết. Các mùa tiếp tục, nhưng cuộc đời chúng ta chấm dứt và không chờ đợi.

Con có tuyệt vọng không, khi nhìn cái chết đến gần với năm, tháng, ngày lần lượt ra đi? Làm sao con có thể cảm thấy hài lòng khi người nào cũng chết, không hy vọng và bất ngờ? Làm sao con có thể cảm thấy hài lòng với con cháu và sự sung túc khi chúng chẳng dùng được gì vào lúc chết? Làm sao con có thể cảm thấy tự tin khi đi theo con không có gì ngoài nghiệp tốt và xấu?

Những người nào không cắt đứt sự trói buộc của họ vào hình tướng cụ thể và cái thấy trường tồn là những kẻ điên rồ!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, không có cách gì có được thân người khi ở trong các trạng thái không tự do, bởi thế lúc ấy có đề cập đến tu hành và giải thoát cũng là vô ích!(33)

Ngay lúc này chúng ta có quyền chọn lựa điều gì chúng ta muốn làm, tuy nhiên người ta nói rằng không thể áp dụng Phật pháp. Có được thân người với tự do và sung túc, họ nói là không có thì giờ cho thực hành tâm linh. Hoàn toàn có thể thường xuyên làm nô lệ cho thực phẩm và áo quần, họ nói rằng không thể thực hành Pháp thiêng liêng dầu chỉ một năm. Không một mỗi trong bận rộn sanh tử, họ nói không thể chịu đựng dầu chỉ một khó nhọc nhỏ nhất trong việc liên quan đến Pháp. Trong khi có thể chịu đựng khổ đau không ngừng nghỉ, họ nói không thể để dành ngay chỉ một mùa hè hay mùa đông cho hạnh phúc của thực hành tâm linh.

Người không chú ý đến Pháp hình như không muốn hạnh phúc!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, điều quan trọng nhất là nỗ lực trong tu hành khi con còn trẻ. Khi con đã già con có thể muốn nghe giáo pháp nhưng lỡ tai con lại không muốn nghe. Con có thể muốn học hỏi nhưng sự chú tâm của con thì nặng đực và trí nhớ con thất thoát. Con có thể muốn đến với Pháp, nhưng thân con không thể đi hay ngồi. Con có thể muốn thực hành, nhưng sức mạnh của các đại đã tàn và con không thể tập trung. Con có thể muốn cho đi tài sản vật chất của con nhưng chúng đã bị người khác kiểm soát và con không còn đảm đương chúng. Con có thể muốn chịu khó nhọc nhưng hệ thống của con không chịu nổi sức ép. Làm cho Thầy con và các bạn Pháp không vui, khi tuổi già đến, con có thể muốn thực hành nhưng không thể. Con sẽ ước ao: “Phải chi tôi đã có ý chí và nguyện vọng khi tôi còn trẻ,” nhưng điều đó sẽ không giúp gì nữa cả. Đã quá trễ để hối tiếc là không thực hành Pháp gì khi con còn có thể.

Người không cảm thấy có quan tâm nào đến sự thực hành Pháp khi trẻ thì không hơn gì kẻ ngu đần!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, khi thực hành Pháp giải thoát, cưới vợ cưới chồng và dúi dặt một đời sống gia đình thì cũng giống như bị kèm giữ trong xiềng xích chặt chẽ không có tự do. Con có thể muốn chạy thoát, nhưng con đã bị nhốt trong ngục tối của sanh tử không lối thoát. Con có thể hối tiếc về sau, nhưng con đã chìm trong vũng lầy của tình cảm, không chỗ ra. Nếu con có con cái, chúng có thể dễ thương nhưng chúng là cây cọc cột con trong sanh tử. Nếu không có con, sự lo lắng rằng gia đình con sẽ chết đi thì còn lớn hơn nữa. Nếu con có tài sản, giữa lâu đài và ruộng vườn, chẳng có rồi rảnh nào để thực hành Pháp. Nếu con không có, sự cực khổ và tranh đấu khi không có miếng ăn còn lớn lao hơn. Nếu con có người hầu hạ và người làm, rốt cuộc con bị bận rộn vì làm một người nô lệ cho sự quản lý. Nếu không có, sự thiếu quyền hành làm cho con bị người khác kiểm soát, thì không có tự do để thực hành Pháp. Theo cách đó cả cuộc đời hiện tại và tương lai của con bị phá hủy.

Trong bất cứ trường hợp nào, người kết hôn và trở thành chủ gia đình chìm đắm trong đầm lầy của sự khốn khổ không có dịp may để giải thoát.

Đại Sư Padma lại nói: Tsogyal, các niềm vui của thế gian này cực kỳ thoáng qua, nhưng nếu con có thể thực hành giáo pháp thiêng liêng, hạnh phúc của con sẽ kéo dài lâu xa. Sự thịnh vượng của thế giới này là vô thường và trôi mất, nhưng nếu con có thể thường trực gom góp các tích tập, con thực sự là giàu có. Người nào dẫn mình vào những hành động xấu là điên rồ, nhưng người nào làm điều tốt thì nhạy cảm và khôn ngoan. Người nào cam kết mình vào các giáo lý có ý nghĩa là đáng kính, nhưng người nào theo đuổi lợi danh vô nghĩa là không thận trọng và không có đạo đức. Danh lợi vật chất thế gian là chủ nhân của sự khốn khổ; cao quý là người đạt đến Phật tánh trong chỉ một đời.

Những ai bám vào thế gian này không bao giờ tìm thấy dịp may thoát khỏi sanh tử!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, phiền não khởi ra do hoàn cảnh, thế nên hãy thoát khỏi cội đất của thương và ghét. Chướng ngại được khởi dẫn do phóng dật, thế nên hãy giữ mối liên hệ với một bậc Thầy cao cả như với một y sĩ. Nghèo khó và buồn phiền trong đời này có hệ quả từ các hành động trước kia, thế nên hãy sống những nơi ẩn cư không có người. Hành động sai lầm được tạo bởi hoàn cảnh, thế nên hãy tránh cộng đồng xấu như với thuốc độc. Cạm bẫy xảy ra là do tà kiến, thế nên hãy học hỏi và tư duy phóng khoáng. Tiến lên hay sa đọa xảy ra với bất kỳ ai, người sống lẫn người chết, thế nên chớ phê phán người khác. Bất kỳ niềm vui và hạnh phúc nào xảy ra với con, nó là do các phước đức riêng của con, thế nên chớ kiêu hãnh. Hãy cố gắng đạt đến giác ngộ khi con có năng lực để tránh đi vào các cội thấp của luân hồi.

Người nào sống trong hạnh xấu sẽ chịu đựng lâu dài!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, nói chung, cái chết của con không có thời gian xác định; nó đã đi chung với con từ khi sanh ra. Hoàn cảnh mà do đó con chết cũng không chắc chắn; con chết cả khi không có ý định. Cái chết không bao giờ từ bỏ con, và con có thể gom góp mọi sự giàu có của tất cả thế giới nhưng vẫn phải bỏ chúng lại phía sau.

Sanh tử không biến mất khi con chết; con lại sẽ đi lang thang qua ba cõi. Không có hạnh phúc trong cuộc sanh tử; con không bao giờ vượt qua khổ đau dầu con có sinh ra chỗ nào trong sáu loại chúng sanh. Con đã lang thang biết bao nhiêu trong quá khứ, chịu đựng đau đớn không gì tả xiết! Và con sẽ tiếp tục lang thang qua sanh tử, lắc lư theo những ngọn sóng khổ đau. Tốt hơn là thực hành Pháp và cắt đứt sự trói buộc của con vào đau khổ. Trừ phi con đến đất liền, không con không thể nào dẫn người khác ra khỏi sanh tử. Nhưng hình như tất cả hành giả vẫn gắn liền với sự vui chơi của thế gian và lại tự ném mình trở lại sanh tử.

Với sự giúp đỡ của tự do và sung túc, con phải cắt đứt sự trói buộc vào sanh tử ngay bây giờ!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, trừ phi con đạt đến giải thoát bây giờ, không con chỉ chìm thêm vào cuộc chơi khổ đau, chưa tính đến con sẽ sinh ra chỗ nào. Trừ phi con sống trong núi non, còn không con chỉ sống trong ngục tù của sanh tử, bất kể con ở chỗ nào. Trừ phi con dẫn thân vào thực hành tâm linh, nếu không con chỉ tạo thêm nghiệp xấu cho sanh tử, bất kể con làm gì.

Trừ phi con gom góp hai sự tích lũy, còn không bất cứ thứ gì khác con góp nhặt chỉ trở thành trò gian lận của Ma. Trừ phi con theo một vị thầy tâm linh, còn bất kì người nào khác con theo chỉ là một người hướng dẫn vào thêm trong sanh tử. Trừ phi con nghe lời dạy của Thầy con, không dù người nào khác con nghe chỉ là một cố vấn làm con sa đọa.

Trừ phi các phẩm chất tâm linh nảy sanh trong dòng sống của con, nếu không bất cứ đồng hành nào con có cũng chỉ là một sự trợ giúp cho tà nghiệp. Trừ phi con thấu rõ tự tánh của tâm mình, còn không bất kỳ tư tưởng nào chỉ là suy nghĩ ý niệm danh tướng. Trừ phi con có thể điều khiển tâm con, nếu không bất cứ điều gì con làm chỉ kéo dài hư vọng. Trừ phi con chán ngán sanh tử, không thì bất cứ điều gì con làm chỉ là những hạt giống cho các cõi thấp.

Người nào không nhàm chán sanh tử sẽ đau khổ không ngừng nghỉ!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, không có cái gì khác giúp đỡ được con khi đối diện với cái chết, thế nên hãy làm như vậy. Tìm một vị Thầy - ngài là hiện thân của các giáo lý Đại thừa. Hãy nhận những lời chỉ dạy - chúng là hiện thân của sự chứng ngộ chân thật về bản tánh của tâm.

Tìm kiếm và duy trì một chốn ẩn cư an lành, nơi ấy có đủ những nhu cầu. Thực hành với một sự chuyên cần không ngừng nghỉ. Làm đầy kho tàng của con không chần chừ uể oải.(34)

Giữ mối liên lạc với người nào có đức tin, kiên trì, và thông minh. Hãy thực hành các giáo lý đưa con đến giải thoát. Lánh xa như thuốc độc các việc xấu dẫn con đến các cõi thấp. An trụ tràn đầy bởi tâm bi, gốc rễ của Đại thừa. Vì mục đích ban đầu của con, hãy tu hành tánh Không vô niệm. Trừ phi con vất bỏ các phóng tâm, sẽ khó khăn để thành tựu bất kỳ cái gì qua thực hành tâm linh!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, con có nghe rằng ông bà và tổ tiên con đã chết? Con có thấy những người cỡ tuổi con và xóm giềng đã chết? Con không chú ý rằng các bà con của con đã chết, dù họ trẻ hay già? Con không bao giờ thấy một thi thể được đem ra nghĩa địa sao? Làm sao con không nhớ được rằng cái chết sẽ đến với con? Nếu con ở yên không làm gì cả, thời gian đạt đến giải thoát sẽ không bao giờ đến!

Căn nguyên chính của các đức tính là đem tính vô thường ghi nhớ trong lòng, thế nên chớ bao giờ quên nỗi sợ chết. Trong tất cả quan niệm, vô thường là cái trội vượt nhất, thế nên chớ bao giờ lìa xa nó. Thái độ tin tưởng rằng mọi vật thường còn chính là căn nguyên của mọi việc làm sai lầm, thế nên hãy vất bỏ nó đi! Trừ phi trong tâm con thành thực có thái độ này (về vô thường), ác hạnh sẽ chất đầy như núi.

Để điều đó rõ hơn: Người bình thường không tìm kiếm giải thoát; người có danh phận thì kiêu hãnh và bám vào sự tự đánh giá phô trương; người giàu có thì bị cùm kẹp trong tính hà tiện; người ngu sười ảm trong các việc xấu; người lười biếng sống trong lãnh đạm; người thực hành mà quay trở lại với thế gian; vị Thầy dạy Pháp lạc vào tám mối quan tâm thế gian; Và thiên giả,

mất đức tin và sự chuyên cần do theo đuổi các mục tiêu của đời này. Tất cả các điều này là do không ghi nhớ vô thường trong lòng.

Một khi ý nghĩ về vô thường thật sự hòa trộn vào dòng sống của con, mọi phẩm chất của con đường giải thoát sẽ chất đầy như núi. Thế nên hãy hình thành thái độ rằng các mục tiêu thế tục là phù phiếm, vô ích! Hãy vất bỏ đi tính vô nghĩa của thế gian!

Hãy lên đường giải thoát với sự dũng mãnh. Chớ bám víu vào sự vật! Chớ trụ vào năm uẩn cho là chính mình! Hãy hiểu rằng sự đi trệch chính là Ma! Hãy hiểu rằng các đối tượng thích thú của giác quan là sự lừa bịp! Chớ bao giờ rời lìa cảm giác khẩn cấp!

Hãy nhìn công việc của cuộc đời này như kẻ thù! Hãy tìm một Chân Sư! Hãy chạy trốn các đồng bạn xấu. Hãy thoát vào sự cô tịch của các chốn ẩn cư núi non! Chớ trì hoãn việc tu hành tâm linh của con! Hãy tuân thủ các lời nguyện và Samaya của con! Hãy hòa tâm con với Pháp!

Nếu con làm như thế, Bản Tôn sẽ ban cho con các thành tựu, các Dakini sẽ ban phước cho con, chư Phật sẽ hộ trì con, và con sẽ sớm đạt đến giác ngộ – tất cả những kết quả này đều từ việc ghi nhớ vô thường ở trong lòng.

Từ quá khứ cho đến ngày hôm nay, tất cả chư Phật và con cái của các ngài, mọi Trì Minh Vương Vidyadhara và các Thành Tựu Giả Siddha được thoát khỏi sanh tử bởi ghi nhớ điều này ở trong lòng.

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal! Con rơi vào các cõi thấp do mười nghiệp xấu, thế nên hãy sám hối và nguyện tránh dầu chỉ một điều xấu nhỏ nhất. Đức hạnh với tâm trụ tướng không trở thành con đường giải thoát, thế nên hãy ôm lấy bất cứ thực hành tâm linh nào con làm với trạng thái vô tâm! Công đức tạo được qua vô số kiếp còn có thể bị tiêu tan bởi một giây phút thù ghét, thế nên hãy tu hành tâm từ, tâm bi, và trong khuôn khổ giác ngộ của tâm. Con có thể đã hiểu được tánh Không, nhưng nó sẽ xoay về chủ nghĩa hư vô (chấp đoạn) trừ phi con có lòng bi mẫn, thế nên hãy cân bằng giữa tâm Bi và tánh Không!

Trong bất cứ trường hợp nào, không gì có giá trị trừ phi con bỏ sự bám chấp vào các vật như là cụ thể, có thật, thế nên chớ nhìn kinh nghiệm hư vọng của mình là thực thể cứng đặc và có thật!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal! Trừ phi con tức khắc ném sanh tử lại đằng sau, không thì nghiệp và phiền não của con là nguyên nhân, chắc chắn sẽ làm con tái sanh trong một thân xác bị chi phối bởi điều kiện, đó là kết quả. Khi con sanh lại như thế, thân thể này có bản chất là đau khổ. Sau khi sinh ra, già và chết theo sau là không thể tránh. Và khi cái chết xảy ra, chắc chắn không có chỗ đến nào ngoài sáu đường sanh tử.

Sanh lại theo hình thức như thế, tham muốn và khổ đau tự động hiện hữu; không có sự thoát khỏi biên cả khổ đau của ác nghiệp qua năm độc. Kết quả tất yếu do không thể thoát ra là con quay cuồng không ngừng trong sanh tử luân hồi. Để thoát nó con phải chứng ngộ tánh vô sanh của tâm con. Trừ phi con thấu triệt điều đó, không thì con không thể nào giải thoát khỏi sanh tử!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, đại để, sanh tử là không có khởi đầu, cũng không có chấm dứt, nhưng với tư cách là một cá nhân con phải kinh nghiệm sự bắt đầu và chấm dứt của nó! Con có thể có quyền lực và giàu có trong đời này, nhưng chẳng có giá trị gì bởi vì con phải ra đi. Sức mạnh, quyền lực và các khả năng của con có thể lớn lao, nhưng chúng không thắng nổi Thần Chết.

Con có thể có sự sung túc, xa hoa nhưng chúng không thể lừa được Tử Thần một khi con đang ở trong móng vuốt của nó. Các quân đoàn và sự thịnh vượng của con có thể ghê gớm, nhưng chúng sẽ không chở con tiến lên phía trước cũng không theo sau con được. Con cháu, người hầu hạ, quyền thuộc có thể nhiều, nhưng họ không thể theo con qua cuộc đời tới. Con có thể được bao bọc bởi các đội quân của thế giới, nhưng chúng không thể đẩy lui sanh, già, bệnh, chết.

Trừ phi con bảo đảm ngay bây giờ sự tốt đẹp của các đời tương lai, nếu không, ai có thể chịu đựng sự khổ đau rớt vào địa ngục? Đói và khát của naga quỷ thì không nương tay! Sự nô lệ của súc sanh thì đáng sợ! Sự đổi thay

của đời người hầu hết là khổ đau! Sự xung đột đánh nhau của các loài bán-Thần (Atula) thì không thể chịu nổi! Sự đọa rớt của chư thiên thì nhức nhối! Tất cả quay cuồng trong vòng luân luân này. Sóng gió của sanh tử thì khó thoát!

Mọi thứ đều vô ích trừ phi con băng qua được vực thẳm của sáu đường sanh tử luân hồi. Để vượt qua được nó, con phải phát triển sức mạnh của trí huệ bất nhị!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, nếu con muốn giải thoát khỏi sanh tử, hãy làm như thế này.

Ưa và ghét bình thường của con là tư tưởng sai lầm, hư vọng: hãy cắt tư tưởng trong chính nó. Tin vào một cái ta là gốc rễ và nền tảng của sanh tử: hãy nhổ nó lên! Đồng bạn và họ hàng là sợi dây kéo con xuống: hãy tháo trói buộc ấy! Tư tưởng về kẻ thù và ma quỷ là một sự hành hạ cho tâm con: hãy dẹp nó đi!

Lãnh đạm cắt đứt sinh lực của giải thoát: hãy để lại nó đằng sau. Dối gạt và lừa đảo là gánh nặng: hãy vất bỏ nó! Tham lam và ghen ghét là trận mưa đá hủy hoại mọi điều tốt: hãy trừ khử lỗi lầm ấy! Quê nhà con là ngục tù ma quỷ: hãy tránh nó như thuốc độc!

Các đối tượng đáng ưa của giác quan là các sợi dây ràng buộc con: hãy cắt sự nô lệ ấy! Lời nặng nề là một vũ khí tẩm độc: hãy giữ gìn lưỡi con! Ngu dốt là sự ô nhiễm đen tối nhất: hãy thấp lên ngọn đèn của học hỏi và tư duy! Người yêu, người hôn phối và con cái là mụ mợ của Ma: hãy cắt đứt sự gắn bó của con! Bất cứ điều gì con kinh nghiệm đều là hư vọng: hãy để nó được giải thoát trong chính nó!

Nếu con làm như thế, con sẽ quay xa khỏi sanh tử.

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, khi con hiểu những lỗi lầm của sanh tử, không có vị Thầy nào phải tìm ngoài điều ấy. Khi con nhớ vô thường trong lòng, không có sự khuyến khích nào phải cần đến ngoài điều ấy. Khi con

chúng ngộ tất cả những gì xuất hiện và hiện hữu là tâm của con, không có con đường giác ngộ nào ngoài điều ấy.

Khi con có lòng sùng mộ vững chắc vào vị Thầy của con, không có Phật nào phải tìm ngoài điều ấy. Khi con làm cho mọi chúng sanh được an vui, không có Tam Bảo nào phải thờ phụng ngoài điều ấy. Khi con cắt đứt nền tảng và gốc rễ của tư tưởng, không có tự tánh nào để thiên định về ngoài điều ấy. Khi sanh tử vốn tự giải thoát, vốn là tự do trong chính nó, không có trạng thái giác ngộ nào phải hoàn thành ngoài điều ấy. Một khi con thấu suốt điều này, Sanh tử và Niết bàn là không hai.

Ngoài ra, tuổi trẻ thì ngắn trong khi xáo động lại nhiều. Quên thì mạnh trong khi các phương thuốc thì yếu. Cảm hứng thì yếu trong khi sự giải trí thì nhiều. Chuyên cần thì hiếm hoi trong khi lười nhác đầy dẫy. Công việc thế gian thì vô số trong khi hoạt động về Pháp thì ít ỏi. Tư tưởng xấu là tối đa trong khi thông tuệ là tối thiểu.

Ôi, bao nhiêu người của thời đại đen tối sẽ hối tiếc nơi ngưỡng cửa của cái chết! Tsogyal, con phải nhận các lời truyền dạy sâu xa!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, để thoát khỏi cuộc sanh tử con phải có niềm tin vào con đường giải thoát. Đó là niềm tin sanh khởi qua nhân và duyên mà không khởi sanh trên chính nó. Niềm tin sanh khởi khi nhân và duyên trùng hợp và con đem tính vô thường vào trong lòng. Niềm tin khởi sanh khi nhớ lại nhân quả.

Niềm tin khởi sanh khi đọc các Kinh và Tantra sâu xa. Niềm tin khởi sanh khi sống chung với các đồng bạn có đức tin. Niềm tin khởi sanh khi theo một Đạo Sư và một vị Thầy tâm linh. Niềm tin khởi sanh khi ở trong những khó khăn khổ sở.

Niềm tin khởi sanh khi dâng cúng trước một bàn thờ đặc biệt. Niềm tin khởi sanh khi gặp một hành vi sâu xa. Niềm tin khởi sanh khi nghe những gương mẫu cuộc đời của chư Tổ. Niềm tin khởi sanh khi nghe các bài ca kim cương chúng ngộ.

Niềm tin khởi sanh khi thấy sự đau khổ của người khác. Niềm tin khởi sanh khi chiêm nghiệm các khuyết điểm của sanh tử. Niềm tin khởi sanh khi đọc các giáo lý thiêng liêng hợp khuynh hướng của con. Niềm tin khởi sanh khi chú tâm ghi nhận những phẩm chất của các vị cao cả. Niềm tin khởi sanh khi nhận các ban phước từ Thầy con. Niềm tin khởi sanh khi gom góp những tích lũy đặc biệt.

Lời khuyên của ta là không bao giờ rời những nguyên nhân làm cho niềm tin sanh khởi.

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, nếu con có niềm tin trong lòng con, con phải làm cho nó trường tồn. Nếu không có, con phải làm cho nó sanh khởi.

Thiếu niềm tin cũng giống như làm cho than thành ra trắng: con bị cắt lìa khỏi các công đức của con đường giải thoát. Thiếu niềm tin thì giống như một viên đá quý ở đáy đại dương: con bị chìm dưới bề sâu của sanh tử. Thiếu niềm tin thì giống như một con thuyền không có mái chèo: con không thể vượt qua biển cả. Thiếu niềm tin thì giống như gieo hạt trên đất khô chưa được cày bừa mặc dù đất tốt: không có một công đức nào sống sót.

Thiếu niềm tin giống như một hạt giống bị lửa cháy xém: mầm giác ngộ không thể mọc. Thiếu niềm tin thì giống như du hành qua những vùng đáng sợ mà không có hộ tống: con sẽ không vượt thắng được kẻ thù phiền não. Thiếu niềm tin cũng giống như một kẻ lang thang bị đưa vào tù: con không thoát khỏi được các cõi thấp. Thiếu niềm tin thì như một người cụt tay cố gắng leo núi: con rớt vào vực thẳm của sáu loài chúng sanh.

Thiếu niềm tin thì giống như một con hươu bị thợ săn bắt: con sẽ bị xử tử bởi Thần Chết. Thiếu niềm tin thì giống như một người mù nhìn chòng chọc vào một điện thờ: con không thấy được đối tượng của trí huệ. Thiếu niềm tin thì giống như một người ngu đến một đảo vàng ròng: con không biết cái gì con đã tìm thấy.

Người không có niềm tin không thể đạt đến giải thoát hay giác ngộ!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, để đạt đến giác ngộ, có niềm tin là đã hoàn thành một nửa sự thực hành Pháp.

Niềm tin là miếng đất màu mỡ: bất cứ lời dạy nào được trồng sẽ lớn lên. Niềm tin cũng giống như viên ngọc như ý: nó đem lại các phước lành để hoàn thành bất cứ thứ gì người ta theo đuổi. Niềm tin giống như một nhà cai trị thế giới: nó nắm giữ vương quốc của Pháp. Niềm tin thì giống như một lâu đài vững chắc: nó vững vàng trước những phiền não của mình và người khác.

Niềm tin thì giống như cầu hay thuyền: nó cho con vượt qua đại dương sanh tử. Niềm tin cũng giống một sợi thừng đong đưa trong vực thẳm: nó sẽ kéo con ra khỏi các cõi thấp. Niềm tin thì giống như thầy thuốc chữa bệnh: nó sẽ trục xuất căn bệnh kinh niên của năm độc. Niềm tin giống như một đoàn hộ tống mạnh mẽ: nó dẫn con an toàn qua hiểm nguy của sanh tử luân hồi.

Niềm tin giống như một người bảo vệ: nó cứu con khỏi bốn Ma quỷ quyết. Niềm tin thì giống như trăng càng ngày càng tròn: nó đưa công đức tăng trưởng dần. Niềm tin giống như một món hôi lộ để tránh khỏi bị tù: nó đánh lừa Thần Chết ma quái. Niềm tin giống như một con đường đi lên: nó dẫn con đến thành phố văn minh.

Niềm tin thì giống như một mỏ báu vô tận: nó cung cấp mọi nhu cầu và sở thích. Niềm tin giống như đôi bàn tay người: nó gom góp các thiện căn. Niềm tin giống như con ngựa phi nhanh: nó chở con đến điểm giải thoát. Niềm tin giống như một con voi chở vật nặng: nó đưa con càng ngày càng cao. Niềm tin giống như một cội nguồn lấp lánh: nó làm hiển lộ tánh Giác bản nhiên.

Một khi niềm tin đã hiện lên từ trong sâu thẳm của con, mọi phẩm chất đức hạnh đều đến chất cao như núi!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, cội gốc của mọi đức hạnh của Phật tánh nằm ở nơi lòng tin, thế nên hãy để cho một niềm tin bất biến khởi sanh từ trong sâu thẳm của con. Nó ngăn ngừa những cảnh giới mất tự do và kiếm

được tự do và sung túc. Nó gỡ con khỏi đồng bạn xấu và khiến con theo một vị Thầy đích thực. Nó đóng cửa các cõi thấp và chỉ bày con đường giải thoát.

Nó trực xuất nghi ngờ, do dự và dẫn con vượt khỏi các nẻo của Ma. Nó ngăn cấm kiêu mạn, ganh ghét và làm cho con hoàn thành các tự do và sung túc. Nó giải thoát con khỏi các tội lỗi của hành nghiệp xấu và cho con đạt đến mọi thứ tốt đẹp. Nó làm cho con vượt khỏi các đối tượng tham đắm và có được đức tin để hoàn toàn tùy thuận.

Nó làm cho con bỏ các tà kiến, tà hạnh và có được đức tin vào các lời dạy của các bậc Điều Ngự. Nó rút cuộc trực xuất các phiền não và để cho con khám phá các đức hạnh vốn sẵn. Nó làm cho con vượt qua được đại dương của đời sống và trở thành một người hướng dẫn thực sự. Nó làm giảm hạnh xấu và tăng trưởng mọi đức hạnh. Nó loại bỏ lời khuyên sai lầm và làm cho con thành tựu yếu tính tối hậu.

So sánh với việc phụng sự chúng sanh nhiều như bụi trong cõi Phật mười phương, các Tantra dạy rằng niềm tin vào giáo lý Đại thừa là công đức lớn hơn!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, nếu người ta sẽ nghe, đây là lời dạy họ nên thực hành!

Đủ rồi sự tranh đấu trong quá khứ với những hoạt động vô ích: bây giờ hãy hoàn thành công việc quan trọng! Đủ rồi sự nô lệ mệt mỏi và vô vọng cho người khác: giờ đây hãy hoàn thành lợi lạc cần thiết cho chính con! Đủ rồi với những lời và hành động phung phí do năm độc làm ra: giờ đây con hãy chỉ huy thân thể và lời nói hướng về Pháp! Đủ rồi sự tự mãn lãng đãng của con: giờ đây hãy phát sanh sự chuyên cần vui vẻ trong thực hành!

Đủ rồi sự phục tùng của con với những người thân thuộc: hãy làm sụp đổ bức tường sợ hãi! Đủ rồi lòng thù ghét đối với kẻ thù và ma quỷ: giờ đây hãy tu hành từ bi!

Đủ rồi với sự bị bắt giam trong sáu đối tượng giác quan: giờ đây hãy nhìn vào trạng thái tự nhiên của tâm!(35) Đủ rồi với sự tạo tác các nghiệp xấu: giờ đây hãy vứt bỏ các việc xấu và tà hạnh!

Đủ rồi sự khốn khổ của con trong sanh tử: giờ đây hãy thoát vào cảnh giới của Đại lạc! Đủ rồi sự kết bè kết bạn: giờ đây hãy sống trong đơn độc! Đủ rồi với các lời nói xấu xa: giờ đây hãy yên lặng và làm bạn với chân lý! Đủ rồi với ý nghĩ và tính toán hư vọng: giờ đây hãy nhận ra Pháp thân, khuôn mặt xưa nay của con!

Bây giờ là lúc thống nhất niềm tin và sự chuyên cần để thành tựu trạng thái giác ngộ!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, cho đến khi con đạt đến giác ngộ, con cần một vị Thầy, thế nên hãy giữ liên hệ với một vị Thầy tâm linh chính thống. Cho đến khi chứng ngộ trạng thái bản nhiên, con cần phải học, thế nên hãy nhận lãnh các lời dạy sâu xa. Con không giác ngộ bằng sự thấu hiểu đơn thuần của tri thức, thế nên hãy chuyên cần trong thực hành như thấp một ngọn lửa. Cho đến khi con đạt đến sự an trụ trong tự tánh, con vẫn còn làm môi cho các chướng ngại, thế nên hãy vất bỏ các công việc làm cho phóng tâm.

Cho đến khi con tới đích đến cuối cùng, con cần phải tăng cường các phẩm tính tốt đẹp, thế nên hãy tu hành tuần tự sự làm mạnh thêm trí huệ.

Hãy tránh bất cứ cái gì làm hại tư tưởng, lời nói và hành vi của con, và luôn luôn buông xả. Tránh nhóm người nào gây ra phiền não và hướng về các bạn bè khuyến trợ con đến đức hạnh. Vào buổi sáng, tối hãy tính đếm các hành vi tốt và xấu và đặt tâm trong sự cảnh giác. Con có thể có được những lời chỉ dạy nhưng mục đích của chúng sẽ bị lãng phí trừ phi con đem chúng thực hành, thế nên hãy thực hành bất cứ điều gì con hiểu.

Các kết quả sẽ tự động theo sau sự thực hành bất cứ điều gì thầy con dạy, thế nên hãy lắng nghe Pháp thiêng liêng!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, thực phẩm và quần áo sẽ tự động xuất hiện khi con thành tâm thực hành Pháp.

Như uống nước muối, tham muốn thì không làm hết khát, thế nên hãy biết đủ! Hãy trừ khử sự tự cao tự đại, và giản dị hòa nhã và tự chế! Danh dự và tôn trọng là cái bẫy của Ma, thế nên hãy dẹp nó đi như các tảng đá trên bờ sông! Lạc thú và tiếng tốt chỉ thoáng qua, thế nên hãy bỏ lại các công việc của cuộc đời ở đằng sau hoàn toàn không ngó tới. Các đời sau sẽ kéo dài hơn đời này, thế nên hãy tự cung cấp lương thực dự trữ tốt nhất!

Chúng ta sẽ phải bỏ đời này một mình không bạn hữu, thế nên hãy tìm sự hộ tống của vô úy! Chớ khinh miệt người khiêm tốn dễ bảo; chớ phân biệt cao thấp! Chớ có ghen ghét với người có phẩm chất; hãy tự mình có được các phẩm chất ấy! Chớ có so lường khuyết điểm của người khác; hãy vất bỏ lỗi lầm của chính con một cách cẩn thận như lượm tóc trên mặt! Chớ có quan tâm đến sự tốt đẹp cho mình; hãy lo cho hạnh phúc của những người khác và hãy tốt với tất cả.

Hãy hưng vận bốn tâm vô lượng và nuôi dưỡng tất cả chúng sanh như con mình. Cân nhắc kỹ lưỡng Kinh và Tantra như hàng len, và thâm hóa kinh điển vào trong dòng sống của con! Hãy khuấy tung các vương quốc như con khuấy bơ, và hãy tìm kiếm các lời chỉ dạy sâu xa nhất! Mọi sự đều được kinh nghiệm do bởi nghiệp thức tạo từ trước kia và không phải do bởi thèm muốn, thế nên hãy để cho tâm con thoải mái!

Bị khinh chê bởi các bậc thầy cao cả thì còn tệ hơn cả cái chết, thế nên hãy thật thà và thoát khỏi mọi lừa dối. Những rắc rối của đời này là do nghiệp trước kia, thế nên chớ trách cứ người khác! Tốt đẹp, hạnh phúc là những sự ban phước của thầy con, thế nên hãy để ý trả ơn lòng tốt của ngài. Không điều phục được chính mình, con không thể ảnh hưởng đến người khác, thế nên trước tiên hãy điều phục chính mình! Không có các tri giác cao cấp con không thể hoàn thành lợi lạc cho chúng sanh, thế nên hãy chuyên cần tu tập.

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, nếu người ta biết chăm lo cho chính họ, họ nên nghe các lời dạy của ta.

Chúng ta phải bỏ lại đằng sau mọi của cải tích lũy, thế nên chớ có làm điều xấu để cho sự giàu có! Sự chín muồi của nghiệp từ hành động tốt và xấu không biến mất dù bao nhiêu kiếp, thế nên hãy cẩn trọng ngay cả với hình thức vi tế nhất của nhân quả! Tài sản vô thường không có bản chất, thế nên hãy dùng chúng cho hành động công đức là bổ thí. Đức hạnh tạo ra trong hiện tại sẽ cần đến trong tương lai, thế nên con hãy tuân thủ giới luật thanh tịnh!

Thù ghét thì lan tràn trong thời kỳ đen tối, thế nên hãy mặc áo giáp nhẫn nhục! Bởi lười biếng con sẽ lại lạc đường vào sanh tử, thế nên hãy phát sanh sự chuyên cần không phóng dật! Cuộc đời con trôi qua mất trên con đường giải đãi, thế nên hãy tu hành trong thiền định và tự tánh! Vô minh hành hạ con trong sanh tử, thế nên hãy thấp lên ngọn đèn trí huệ!

Không có hạnh phúc trong đầm lầy như bản này, thế nên hãy tiến đến vùng đất khô ráo của giải thoát. Tu hành đúng đắn giáo huấn sâu xa và cắt đứt mạng lưới của sanh tử. Hãy bỏ quê hương, ở xa thân thuộc, và sống trong chốn ẩn cư trên núi. Hãy vất bỏ các trò tiêu khiển trong tư tưởng, lời nói, hành vi, và nhìn vào bản tánh vốn sẵn vô hạn của con!

Hãy ngồi chỗ thấp nhất, mặc áo quần rách rưới và duy trì kinh nghiệm của con! Ăn thực phẩm đơn giản, lang thang như những con sông ở Ấn Độ, và hãy khai quật kho tàng trong tâm như những bậc cao cả! Con không tìm ra chúng sanh nào không khuyết điểm, thế nên chớ bám vào lỗi của Thầy con hay của các bạn Pháp!

Cuộc đời này tất cả chỉ là hình tướng bên ngoài: chớ đắm mình trong hy vọng và sợ hãi, mà tu hành theo ‘mọi sự là như huyễn!’ Để làm lợi lạc cho chúng sanh trong tương lai, con phải trau dồi quyết định của Bồ Tát. Hai sự che ám làm các phẩm tính tốt đẹp không khởi sanh, thế nên hãy nhanh chóng tịnh trừ chúng!

Nếu con sợ trạng thái sanh tử này nó giống như một ngôi nhà đang cháy, con phải chú ý các lời dạy này của Padma!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, nếu con muốn thường xuyên ở trong thực hành, thì hãy cắt ngay các dính bám của con.

Khi các đạo quân gây cản trở của các thần thông kéo đến, hãy bao bọc mình bằng thành lũy sắt thép của cái thấy chúng như là huyền ảo!(36) Khi con tức giận vì một lời nói không thân thiện, hãy tìm nguồn gốc của tiếng vang đó! Để phát triển tỉnh giác chính niệm của thiền quán Vipashyana, hãy dùng cảnh-tượng và âm thanh như là các phương tiện. Nếu con muốn hoàn thiện sức mạnh của kinh nghiệm, hãy phát triển sự khéo léo của con qua các thực hành nâng cấp!

Để đi qua những giai đoạn của con đường thánh nhân, hãy nhìn vào cái thấy về phương tiện và trí huệ. Nếu con muốn có sự thịnh vượng không vơi cạn, hãy gom góp tài sản của hai sự tích lũy. Nếu con muốn vượt qua những chôn hiềm nghèo của các cái thấy sai lầm, hãy giải phóng tâm con khỏi những giới hạn của tri giác nhị nguyên. Nếu con muốn trí huệ của Đại lạc phát triển trong dòng sống của con, hãy nhận lãnh các chỉ dạy trực tiếp về con đường của phương tiện.

Nếu con muốn luôn luôn hạnh phúc, hãy thoát khỏi ngục tù khốn khổ này! Nếu con muốn chứng ngộ yếu tính không căn nguyên của tâm, hãy cắt sự bám níu vào kinh nghiệm thiền định. Nếu con muốn thấm đẫm trong cơn mưa đều đặn của phước lành, hãy cầu nguyện với sự sùng mộ! Nếu con muốn vượt qua vực thẳm của sáu nẻo luân hồi, hãy tẩy trừ tà ma của bản ngã! Nếu con muốn hoàn thành nguyện vọng cao quý về Phật pháp, hãy cởi gỡ các mối dây cột con vào kinh nghiệm hiện thời của mình!

Nếu con muốn tu hành sự tỉnh giác của Quán, hãy chớ bỏ trí huệ bất nhị trên ngưỡng cửa của sự bất định! Nếu con muốn hòa trộn tâm con với Pháp, chớ để cho sự thực hành của con bị tê cứng và không còn cảm giác! Nếu con muốn hoàn thành công việc của con trong một đời này thôi, chớ để cho giai đoạn Quả chỉ là một nguyện vọng! Nếu con muốn kinh nghiệm những cái gì

xuất hiện và hiện hữu như là chính tánh Giác bản nhiên, hãy nhìn vào trạng thái “tự nhiên như vậy” của tâm con!

Tsogyal, hình như không có mấy ai thực hành đúng Pháp!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, để làm lợi lạc cho các thế hệ tương lai, hãy cho họ các giới luật hợp với khả năng họ; hãy cho họ các lời dạy hợp với tầm mức thông minh của họ; hãy cho những thực hành hợp với mức độ chuyên cần của họ.

Hãy hiểu điều trên và dạy những gì mà tự thân con tin tưởng. Ngược lại, người thông tuệ được dạy cái không gây thích thú sẽ không thỏa mãn, nó sẽ làm giảm lòng tin của họ và rồi gây ra nghiệp xấu vì làm mất niềm tin của người khác.

Người kém thông tuệ được dạy thực nghĩa cao hơn sẽ không hiểu nó. Dầu cho có hiểu, vài người có thể cảm thấy sợ hãi và nói xấu giáo lý. Vài người sẽ chỉ bám lấy ngôn từ mà không hiểu nghĩa và sẽ gặt hái nhiều trở ngại hơn là lợi lạc.(37)

Như những vị Đạo Sư khuyên bảo, một đệ tử bình thường kém thông tuệ được dạy các giáo lý tối hậu và tối thượng sẽ không tiếp cận được với thực Pháp, mà cảm thấy tự tin do chỉ nắm được ngôn từ, sẽ thoái bộ và không hiểu.

Dạy rằng không cần học hỏi và tư duy chỉ làm giảm đi mức độ trí huệ đã thấp sẵn và làm tăng thêm vô minh đã có sẵn. Dạy rằng Pháp không có gì để tu sẽ làm giảm sự chuyên cần đã yếu sẵn và tăng thêm sự lười biếng đã có sẵn. Dạy rằng không có nhân và quả sẽ làm yếu sự tích tập công đức vốn đã ít ỏi và tăng cường sự hiểu biết cạn kiệt bề mặt đã có sẵn.

Dạy rằng không có thiện và ác, tốt và xấu, sẽ làm què quặt chút sùng mộ nhỏ nhoi người ta đã có và làm nở lớn thêm sự kiêu căng đã có sẵn. Dạy rằng không có sanh không có tử sẽ xói mòn niềm tin vốn đã yếu và nâng cấp cho số các tà kiến thấy sai vốn đã rộng lớn. Dạy rằng không có Sanh tử

lẫn Niết Bàn sẽ làm cạn kiệt mỗi quan tâm đạt đến Quả đã sẵn yếu ớt và làm mạnh thêm tám sự quan tâm thuộc thế gian vốn đã lầy lừng.

Những điều ấy tạo thêm cái thấy sai lầm hơn là lợi lạc!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, trừ phi con nhầm chán khổ đau, con sẽ không từ chối việc đời, ngay dù con có chiêm nghiệm những lỗi lầm của sanh tử. Trừ phi vô thường thật sự mọc rễ trong tâm con, nếu không con sẽ không cắt nổi sự bám níu vào hình tướng, dầu cho con có thấy sự biến đổi của các vật do duyên sanh. Trừ phi con làm bạn với sự bất định của cái chết, không thì con không thể đem các lời dạy sâu xa vào trong lòng, ngay dù con có được dạy về chúng.

Trừ phi con khẳng định tính không có thực tại của kinh nghiệm hư vọng, nếu không con sẽ không hàng phục được sự bám chấp vào hình tướng, dù cho con có hiểu rằng đó chỉ là sự quyến rũ của ảo ảnh. Trừ phi con từ bỏ công việc thế gian, còn không con không thể tách lìa Sanh tử và Niết bàn, ngay dù con có đầy ắp các lời dạy sâu xa. Trừ phi con nắm lấy pháo đài Phật Quốc ngay bây giờ, không thì không biết rõ ràng khi nào nghiệp xấu sẽ trùm lên con, dù cho con có thể đã làm một số các nghiệp tốt cho tương lai.

Trừ phi con thành thật từ bỏ sự phấn đấu cho sanh tử, không con sẽ không đạt đến được sự kết thúc của thực hành thiền định, dầu con có thể đôi khi cảm thấy niềm tin. Trừ phi con từ bỏ đời sống gia đình và sự gắn bó với quê hương, không con sẽ không vượt lên đăm lầy sanh tử, ngay dù con có nỗ lực một cách cương quyết. Trừ phi con gỡ rối cho chính mình khỏi các đối tượng của chấp ngã, không con sẽ không bít lấp được dòng sông dẫn con về sáu loại chúng sanh, ngay dù con có hiểu ba cõi là không thực chất.

Trừ phi con hòa nhập tâm con với con đường giải thoát, không con sẽ không thể ban phước cho kinh nghiệm của người khác, dầu con có thể học hết năm chủ đề của kiến thức. Trừ phi con nhổ tận gốc các lỗi lầm của chính con, không các xác chết ghê tởm của phiền não sẽ sống lại, ngay dù con có thoáng thấy trạng thái phúc lạc và trong trẻo của tánh Giác. Trừ phi con cắt

đứt sự trói buộc của lòng khao khát, không con sẽ mãi mãi trở lại, dầu con có từ bỏ các đối tượng của thích và không thích.

Nếu công việc thế tục của con quá nhiều, con sẽ không tìm ra cơ hội để đạt đến trạng thái giác ngộ, ngay dù con đã có những lời dạy miệng của một Đạo Sư. Con có thể học hỏi và tư duy liên tục, nhưng trừ phi sự sợ hãi của sanh và chết hằn lên lòng con, còn không mọi giáo huấn sẽ không gì hơn là câu, chữ. Con có thể đạt đến sự thành thạo trong bốn hoạt động, nhưng trừ phi con làm việc cho sự lợi lạc của chúng sanh, còn không quyết định Bồ tát của con sẽ thừa thãi vô ích.

Áo giáp giới luật của con có thể đầy ấn tượng, nhưng trừ phi con đạt được sự chấp nhận tự tánh xưa nay, nếu không nó sẽ không đứng vững trước các lời thô bạo. Con có thể được học các giáo lý ngoại và nội, nhưng trừ phi con nỗ lực thực hành, không thì tâm con cũng không vượt hơn tâm một người bình thường. Thầy của con có thể có nhiều công đức như lớp lớp mây, nhưng trừ phi con, người đệ tử, có cánh đồng của sự sùng mộ, nếu không trận mưa ban phước sẽ không rơi xuống.

Là một hành giả, con có thể đã nhận được các sự ban phước và lời dạy, nhưng trừ phi con có tâm Bi vô lượng, không nó sẽ không làm lợi lạc cho chúng sanh. Con có thể có được một tòa lâu đài trong thế giới con người, nhưng trừ phi con nắm lấy pháo đài vô sanh của vương quốc Phật, bằng không con sẽ lang thang hỗn loạn trong cõi trung ấm. Trừ phi con kết bạn với sự chứng ngộ bất hoại, không thì dầu bạn bè thân thuộc của con có nhiều, nhưng con cũng sẽ chết, bỏ lại họ đằng sau.

Con có thể đã thành tựu mọi nghệ thuật chiến đấu của lòng dũng cảm, nhưng trừ phi con hoàn thiện sức mạnh của thiền định khi đang ở trong thân này, không thì con sẽ không chống nổi các đạo quân của Thần Chết. Sự hùng biện của con có thể làm xiêu lòng, nhưng trừ phi con quyết định toàn tâm ý đạt đến giải thoát, nếu không nó sẽ không lay động gì Thần Chết. Trừ phi con cày bừa cánh đồng của những giá trị vĩnh cửu từ ngay bây giờ,

không con chỉ tiêu phí toàn bộ đời mình để góp nhặt sung túc, nhưng sẽ tới lúc con không thể mang nổi một hạt gạo.

Nhiều hoàn cảnh trợ giúp phải trùng hợp để đạt đến Phật tánh trong chỉ một đời, và điều ấy thì khó khăn!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, hình như rằng hầu hết các hành giả Tây Tạng chắc chắn không đem giáo lý vào lòng! Nếu có, họ không thể lười biếng và lơ là như vậy. Họ chắc chắn không hiểu bản chất của sanh tử; nếu hiểu, họ không thể gắn bó với hình tướng thô đặc như vậy. Họ chắc chắn không hề chiêm nghiệm các thứ khó tìm là tự do và sung túc; nếu có, họ đã không dẫn mình vào các việc vô ích như vậy.

Họ chắc chắn không hiểu luật nhân quả; nếu hiểu, họ sẽ cực kỳ cẩn trọng để tránh hành vi xấu. Họ không thể thấy những phẩm chất tốt của thiện nghiệp; nếu thấy, họ sẽ thu góp hai thứ tích tập không mệt mỏi. Họ phải không có kinh nghiệm nào về bản tánh bốn hữu sâu xa; nếu có, họ sẽ không dám lìa khỏi thực hành.

Họ không có thể đến sát được chỗ phát khởi quyết định Đại thừa; nếu có thể, họ sẽ hoàn toàn không màng đến các mục tiêu vị ngã và sẽ làm việc vì sự lợi lạc cho người khác.(38) Họ phải không hướng tâm họ về tự tánh; nếu có, chắc chắn họ đã thoát khỏi tật đố và kiêu mạn. Họ đã không thể học hỏi hay tư duy về chín thừa thứ lớp; nếu có thể, họ đã hiểu sự khác biệt giữa các giáo lý cao và thấp.

Chắc chắn họ không tiến đến cái thấy của Mật thừa; nếu có, họ phải biết sự chấp nhận và từ chối liên quan đến Sanh tử và Niết bàn. Họ phải chưa chứng ngộ cái thấy chân thật về trạng thái bốn nhiên; nếu đã chứng, chắc chắn họ đã không xử sự trong một nền tảng và những đường lối thiên kiến như vậy. Họ không thể có ý muốn giác ngộ nào; nếu có, họ đã từ bỏ các công việc vô ích của cuộc đời này.

Có nhiều người không có lưu tâm chút xíu nào đến giáo pháp!

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, ta có lời dạy nếu con muốn hòa hợp tâm con với Pháp.

Các Kinh và Tantra là chứng cứ không sai lầm; thế nên hãy tương ứng với các lời dạy trong bất cứ điều gì con làm. Lời khuyên bảo của Thầy là chỉ dẫn cuối cùng, thế nên hãy tuân theo lời nói của những bậc cao cả. Bản Tôn của con là sự chống đỡ cho thành tựu, thế nên hãy thực hành không xao động. Các chướng ngại của con được dời đi bởi các vị Hộ pháp, thế nên hãy nương dựa vào các Dakini và Hộ pháp.

Công việc của con là dẫn thân vào các thực hành tâm linh, thế nên chớ bao giờ lìa khỏi sự thực hành Pháp trong tư tưởng, lời nói và hành vi. Cái con đang kinh nghiệm là tri giác hư vọng, thế nên hãy xem bất cứ thứ gì xuất hiện là không thực. Cái mà con phải điều phục là chấp ngã, thế nên hãy trục xuất con ma quỷ xấu xa là bản ngã. Cái con phải cho tặng là hạnh phúc tới người khác, thế nên hãy che chở chúng sanh như với con của mình.

Cái con phải thấu rõ là cái thấy, thế nên hãy nhận ra rằng Sanh tử và Niết bàn là bản tánh bản nhiên. Cái mà con cần làm cho tan biến là những chướng ngại, thế nên hãy biết rằng đối thủ là một người giúp đỡ. Cái mà con phải đạt đến là Phật tánh, thế nên hãy thực hiện Ba Thân. Tâm con được hòa hợp với Pháp khi con có mọi thứ ấy, nhưng hầu hết mọi người không hoàn thành con đường giải thoát.

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, khi sự kết thúc của thời đại (của Phật pháp) đến gần, sẽ có nhiều người ở Tây Tạng này muốn đạt đến giác ngộ, nhưng bởi vì họ cần phải biết thực hành Pháp thế nào cho đúng, nên chỉ một số ít thành công. Nếu vào lúc ấy họ sẽ nghe lời khuyên bảo thiện ý này, họ có cách đạt đến hạnh phúc.

Con xin ngài cho chúng con lời khuyên bảo ấy, bà nói.

Đạo Sư trả lời: Con có thể chịu khó nỗ lực, nhưng con sẽ không thoát khỏi con ma các chướng ngại khi nào con còn sống trong thành phố, thế nên nếu con muốn nhanh chóng đạt đến thành tựu, hãy sống trong những chốn ẩn cư

nơi núi non. Con có thể phát khởi quyết định Đại thừa, nhưng sẽ căng thẳng khi làm việc cho lợi lạc của người khác mà chưa đạt đến sự trưởng thành của chính con, thế nên hãy đem sự thực hành vào trong kinh nghiệm cá nhân. Con có thể có cái thấy thực nghĩa, nhưng trừ phi con thiện xảo trong hoạt động hàng ngày, bằng không con sẽ trượt vào trong năm độc của một người bình thường, thế nên hãy từ chối công việc thế gian.

Con có thể theo đuổi các thực hành tâm linh, nhưng nếu con mất quyết định của Bồ tát, con sẽ lạc vào các lối của một người thế gian, thế nên hãy vất bỏ tám mối quan tâm thuộc về thế gian. Con có thể được chấp nhận bởi lòng bi của Thầy, nhưng trừ phi con vất bỏ các mối quan tâm thuộc về thế gian, bằng không con sẽ không cắt đứt được các trói buộc của bạn và thù, thế nên hãy buông bỏ sự bám níu vào tính nhị nguyên của ta và người. Con có thể nhận những giáo huấn sâu xa, nhưng chỉ điều đó không trừ bỏ nổi những chướng ngại nếu con không kiên trì, thế nên hãy dùng các phương tiện thiện xảo cho sự tiến bộ.

Con có thể được định tâm trong trạng thái thiền định, nhưng trừ phi con đưa được đôi thủ chướng ngại vào con đường, bằng không nó sẽ không cắt được dòng chảy mạnh mẽ của tập khí, thế nên hãy kinh nghiệm tự tánh của con trong suốt sự hiểu biết tiếp theo (của trạng thái sau định). Sự thực hành tâm linh với ý niệm của con có thể không ngừng, nhưng nó sẽ lại trở vào hy vọng và sợ hãi liên quan đến quả, trừ phi con có thể giải thoát tham vọng của con vào trong trạng thái không ý niệm, thế nên hãy cởi nút thắt của sự trụ tướng nhị nguyên.

Sự hiểu biết của con về các Kinh và Tantra có thể rộng rãi, nhưng trừ phi con chứng ngộ trạng thái tự nhiên của tâm, con sẽ vẫn là một người bình thường khi tâm con lìa bỏ thân thể, thế nên hãy nhận biết bản tánh chân thật của sự thực hành. Con có thể nhắm đến thành tựu, nhưng trừ phi con là một bình chứa xứng đáng cho những samaya, bằng không con sẽ biểu lộ một sự ưu tiên cho một Yidam đặc biệt, thế nên hãy giữ các samaya của con được thanh tịnh.

Trong bất cứ trường hợp nào, những người nào đi vào Phật pháp nhưng không hành động tương ứng với Kinh và Tantra và lời Thầy mình sẽ không tìm thấy an lạc! Nhưng nếu họ nghe lời khuyên bảo của Đạo Sư Liên Hoa Sanh của Uddiyana, họ sẽ được an lạc trong đời này và hoan hỷ sau đó.

Đạo Sư Padma lại nói: Tsogyal, trong mùa đông đáng sợ của thời cuối, người ta sẽ chịu đựng như vậy: Pháp luật của vua sẽ suy thoái như mặt trời lặn, và những nguyên tắc tôn giáo của thần dân sẽ bị phá vỡ như một nút thắt lộn. Sự học hỏi và dạy Pháp trên toàn thế giới sẽ biến mất như bông tuyết rơi trên nước; người tư duy và thiền định hiếm hoi hơn sao lúc mặt trời mọc; các vị Thầy có phẩm chất nhắm đến lợi lạc cho người khác sẽ biến mất như một hòn đá ném vào giếng; và mọi loại thú vật bị hạ sát như lúa vào mùa gặt và giống như những chuyện cổ tích của thời quá khứ. Những bậc Thầy tâm linh như thuyền và cầu sẽ biến mất trong biển cả của sự trói buộc lớn lao; người có phẩm chất tốt sẽ biến mất như cỏ và bụi cây bị thổi tung bởi ngọn gió vũ trụ, và những lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ nhạt nhòa như những chiếc bóng lúc hoàng hôn.

Khi thời ấy đến, những lời nói tốt đẹp của con sẽ được nghe như những lời chỉ trích và khiển trách. Khi nói cho người khác thực hành Pháp, họ sẽ trả lời “Ông tự làm lấy đi!” Khi dạy về Tâm Phật họ sẽ giả vờ hiểu trong khi đã lạc mất chủ đề. Khi dạy tin vào luật nghiệp quả, họ sẽ nói “Nó không có thật, nó sai!”

Vào thời đó người ta sẽ giết chóc như là cách sống; trong buôn bán họ giả dối; mặc áo quần để bành trướng tự phụ, họ sẽ giết người vì giải thưởng và say sưa trong suy đồi tình dục. Lấy lợi lộc và của cải làm mục tiêu chính, họ sẽ giết chúng sanh như một hành động tôn giáo và tiệc tùng ăn nhậu. Thời sẽ tới là như vậy.

Vào thời đó, những người nào thực hành lời khuyên bảo của ta sẽ làm lợi lạc cả chính họ lẫn người khác có duyên của các thế hệ tương lai. Bởi thế, Tsogyal họ Kharchen, vì người đời sau hãy viết lại lời khuyên này và cất dấu nó như kho tàng Terma. Như thế Padmasambhava đã nói.

Lời Nguyện Mạn Đà La

Kim Cương Giới

Namo Guru. Vào ngày thứ mười tháng Khi năm Khi, Đạo Sư của Uddiyana phát lên lời nguyện này nhân dịp mở bày Mạn đà la Kim Cương Giới trong phòng trung ương phủ màu ngọc bích của chùa Samye. Sau đó, nhà vua và các đệ tử dùng nó làm thời thực hành hàng ngày. Mọi thế hệ tương lai nên toàn tâm dùng nó như sự tu hành của họ.

Các bậc Điều Ngự và các vị thừa kế trong mười phương, bốn thời,
Các chúng Guru, Yidam, Dakini và Hộ pháp
Xin tất cả các ngài đến đây, nhiều như bụi trong thế giới
Và ngồi trên hoa sen và nguyệt tòa trong bầu trời trước mặt con!

Với thân, ngữ và tâm kính cẩn con lễ lạy,
Và dâng các ngài cúng dường bên ngoài, bên trong, bí mật và như như.
Trong sự hiện diện của chư Như Lai,
đối tượng tối thượng của lòng kính ngưỡng,

Con cảm thấy xấu hổ cho các hành động xấu trong quá khứ của con
Và ăn năn sám hối các nghiệp bất thiện trong hiện tại.
Con sẽ chừa bỏ và lìa xa chúng trong tương lai.

Con tùy hỷ mọi công đức gom chứa
Và cầu thỉnh các bậc Điều Ngự không nhập Niết Bàn
Mà vẫn chuyển bánh xe Pháp Ba Tạng và giáo lý không gì sánh.
Mọi tích lũy công đức con hồi hướng, đến tâm của chúng sanh,
Để họ có thể đạt đến giải thoát vô thượng.

Chư Phật và các con của các ngài, xin hãy nghe con!
Mong lời nguyện toàn hảo con đã phát ra này
Được tương ưng hòa hợp với
Đức Phật Phổ Hiền và các con của ngài
Và với trí huệ của Đức Văn Thù cao quý.
Nguyện tất cả các Đạo Sư quý báu, ánh sáng rực rỡ của giáo pháp,

Thấu đến mọi chốn mọi nơi như bầu trời.
Nguyện các ngài soi sáng trên mỗi người như mặt trời mặt trăng
Và nguyện cuộc đời các ngài vững vàng như núi.
Nguyện Tăng già quý báu, nền tảng của giáo pháp,
Được hòa hợp, giữ các nguyện thanh tịnh và thịnh vượng trong tam học.
Nguyện các hành giả Mật thừa, tinh tú của giáo pháp,
Giữ các samaya và hoàn thành các giai đoạn phát triển và thành tựu.

Nguyện bậc cai trị hộ trì Pháp, người bảo trợ giáo pháp,
Mở rộng quyền cai trị và giúp đỡ cho Phật giáo
Nguyện giới quý tộc và các trưởng bộ tộc, những tối tở của giáo pháp,
Tăng trưởng trí thông minh và được thêm tháo vát.

Nguyện mọi chủ gia đình giàu có, những người tài trợ của giáo pháp
Được thịnh vượng, hoan hỷ và thoát khỏi tổn hại.
Nguyện mọi quốc gia với lòng tin vào giáo pháp
Được hòa bình và hạnh phúc, thoát khỏi chướng ngại.

Nguyện rằng con, một thiên giả trên con đường,
Có được Samaya không tỳ vết và hoàn thành các ước nguyện.
Nguyện bất kỳ ai liên hệ đến con qua nghiệp tốt cũng như nghiệp xấu,

Bây giờ cho đến cuối cùng, đều được chư Phật thương tưởng.
Nguyện tất cả chúng sanh đi vào cửa của Thừa vô thượng
Và đạt đến vương quốc bao la của Đức Phổ Hiền.

Hãy nỗ lực trong lời nguyện này trong sáu thời.
Samaya, Ân niệm.

Vị khám phá kho tàng, Terton vĩ đại Chokgyur Lingpa, hóa thân của Hoàng tử Murub, khám phá kho tàng này giữa một đám đông. Ngài lấy nó từ trong phần trên của Núi Đá Ngọc Chât Đống, bên sườn phải của chỗ linh thiêng nhất, Sengchen Namtrak. Giấy lụa, làm từ y của Vairochana với chữ Tây Tạng shurma được Tsogyal viết ra, và rồi được nhanh chóng và chính xác dịch ra bởi Padma Garwang Lodroš Thaye. Nguyện công đức tăng trưởng.

Chú Thích

1. Nghĩa đen của chữ Tây Tạng *gom*, thiền định, là ‘trau dồi’, ‘bồi đắp’, theo nghĩa làm sinh ra một cái gì hiện chưa có sẵn. Sự tu hành của Đại Toàn Thiện thì không phải là một ‘hành động thiền định’ theo nghĩa tạo ra và giữ gìn một cái gì trong tâm. Tulku Uryen Rinpoche.

2. Một nguồn khác nói “phóng tâm” thay cho “quan niệm phân biệt.”

3. Lama Gongduš dịch là: Hãy thực hành nhờ vào niềm tin như thế!

4. Cách dịch của Lama Gongduš thì khác bởi có thêm một ít câu: Những lời bí mật này của Phổ Hiền không phải là kiến thức thông thường cho bất kỳ ai. Mọi người có sức mạnh của sự sùng mộ sẽ tự nhiên chứng ngộ sự rộng rãi vô biên của tâm trí huệ. Như thế họ nhận được ủy thác truyền thừa mà không được tính vào (dòng các Tổ như) xâu chuỗi hạt. Người không có niềm tin lẫn sự sùng mộ và không thực hành có thể đuổi theo chín dòng phái mà không có được dòng phái nào. Thưa Bệ hạ, xin hãy làm vững chắc lòng sùng mộ đầy mãnh lực trong đó tiềm ẩn kinh nghiệm thực hành ở trong tâm bao la của ngài!

5. Yếu tính, bản tánh và công dụng. Trong bản tiếng Anh của cuốn sách này dịch là *essence, nature và capacity*. Trong những sách khác, ví dụ như cuốn *Dzogchen, the self-perfected State* của Choşgyal Namkhai Norbu thì dịch là *essence, nature và energy*. Đứng trong truyền thống văn hóa Việt Nam, có thể hiểu đó là ba phạm trù Thể, Tướng, Dụng của Chân Tánh. Thể của bản tánh bản nhiên là tánh Không; Tướng, tức là tánh chất của nó là sáng tỏ, quang minh. Và Dụng của nó là những tư tưởng. Nhìn xa hơn, đó là ba phạm trù Pháp thân (Thể) tức tánh Không, Báo thân (Tướng) tức quang minh và Hóa thân (Dụng) tức những tư tưởng. Xem thêm ‘Ba thân’ và Yếu tính, bản tánh và công dụng phần thuật ngữ. Hoặc đoạn nói về Ba thân của Lục Tổ Huệ Năng trong Pháp Bảo Đàn Kinh (Chú thích của người dịch bản Việt).

6. Tán tâm ở đây nghĩa là trở nên phóng dật và mất chánh niệm (EPK).

7. Nghĩa là sự tái sinh của công chúa. Người ấy được nhận ra là Pema Ledrel Tsal (1291-1315).
8. Giác ngộ vô dư thường có nghĩa là đạt đến thân cầu vòng. Đôi khi, nó có thể nghĩa là sự chứng ngộ trạng thái Giác thoát khỏi dư tàn của năm ám thuộc điều kiện (EPK).
9. Lối sống của một thiền giả ẩn mật nghĩa là không biểu lộ ra bên ngoài các phẩm chất tâm linh như là chứng ngộ cái thấy hay các thần thông (EPK).
10. Rõ ràng, có một hay hai câu thiếu trong nguyên bản. Phần trong ngoặc là của tôi (EPK).
11. Ba tính chất phúc lạc, trong sáng và vô niệm là ba thuộc tính căn bản của bản tánh của tâm, và tự chúng không nguy hiểm. Khi chú tâm được hướng đến các tính chất này, tóm lấy chúng và bị chúng tràn ngập như một “kinh nghiệm,” như một thứ gì đáng theo đuổi và duy trì, một bám chấp vi tế được tạo ra; chính sự mê hoặc vi tế này là một nguyên nhân trực tiếp cho sanh tử nối tiếp. Tulku Ugyen Rinpoche.
12. Giống như bảy chi: lễ lạy, cúng dường, sám hối, tùy hỷ, thỉnh chuyển Pháp luân, khấn cầu không nhập Niết Bàn, và hồi hướng công đức cho lợi lạc cho tất cả chúng sanh.
13. Cắt đứt trong trường hợp này để chỉ sự thực hành pháp môn Choś, cắt đứt sự bám níu vào tài sản, thân thể và bản ngã.
14. Điều này thường được nói là kéo dài trong ba ngày rưỡi. Cách tính xưa dùng nửa ngày của hai mươi bốn giờ.
15. Vô minh, hành, thức, danh và tướng, các căn, xúc, cảm thọ, và khát ái; tám cái đầu của mười hai nhân duyên.
16. Thành ngữ “danh và tướng” ám chỉ năm uẩn. Tướng là sắc uẩn và danh gồm bốn cái kia; thọ, tưởng, hành, thức (EPK).
17. Năm con đường ánh sáng thông thường được đề cập trong đoạn sau.

18. Lời dạy này chỉ đến sự bất khả phân của prana (khí) và tâm nhị nguyên. Những dòng kinh năng lực trong thân và sự trôi chảy của tư tưởng ý niệm là tương thuộc, tương quan sâu xa.

19. Tulku Ugyen Rinpoche giải thích rằng mũi con heo là điểm nhạy cảm nhất trên thân nó; đụng vào đó làm cho nó chạy mất. Các phản ứng của hoặc là tội lỗi và đè nén hay của sự dấn mình mù quáng trong một xúc cảm cả hai đều là “đánh vào mũi con heo,” bởi thế mất đi cơ hội để nhận ra bản tánh của xúc cảm.

20. Các câu tiếp sau được viết theo lối văn luận lý của một pháp sư Ấn Độ. Kết quả của loại lý luận này là đưa đến chỗ tin rằng tâm trí huệ của chư Phật thì bất chấp mọi tạo tác tư tưởng mà chúng ta cố gắng để đóng ngăn, chứa hộc nó (EPK).

21. Thường thường ví dụ ép vào con mắt và thấy có hai mặt trăng được dùng để làm sáng tỏ việc kinh nghiệm cá nhân thì không tất yếu hòa hợp với bản chất của sự vật (EPK).

22. Ở đây Padmasambhava chơi chữ trong câu “tám mối quan tâm thuộc thế gian”: quan tâm đồng nghĩa với Pháp, nó cũng có nghĩa là các giáo pháp.

23. Ngược lại với người giàu có, danh tiếng và quyền lực.

24. Terma của Nyang-ral Nyima Ošser ở điểm này có thêm một câu: “Con có thể có nhiều hoàng hậu, người hầu, và thần dân, nhưng hãy nhớ trong tâm rằng con phải ra đi một mình vào lúc chết.”

25. Trong các kinh Bát Nhã ba la mật đa thường nói rằng vị Bồ tát đi vào sự thực hành tánh Không sâu xa sẽ gặp nhiều khó khăn để nhanh chóng làm sạch nghiệp và tiến bộ trên đường giác ngộ (EPK).

26. Bản dịch của Rinchen Terdzoš nói: Hãy khiêm hạ tâm đua tranh của con đối với các vị trưởng thượng và theo gương những bậc Thánh.

27. Những chủ đề của kiến thức gồm triết học, ngôn ngữ, luận lý, y khoa và nghệ thuật.

28. Về chín thừa thứ lớp theo cách sự hoàn thiện đi lên: những nguyên tắc về cái phải từ bỏ và cái cần được thực hiện trong mỗi thừa của tám thừa thấp thì được bao hàm và do đó được hoàn thiện trong thừa ở trên nó. Xem thêm: “chín thừa” trong phần Thuật Ngữ.

29. Bốn câu này được lấy từ Sự Sám Hối Không Thể Tả Đối Với cái Tôi Hậu, chương thứ tư về “Sám hối sự bất hòa với các Hóa Thần Trí Huệ,” trích từ Tantra về Vua Bất nhiễm của Sám Hối.

30. Ba luân là chủ thể, đối tượng và hành động, hay trong trường hợp bố thí là vật cho, hành động cho và người nhận.

31. “Người đại loại,” thay thế tên của người mà sự hồi hướng được làm cho.

32. Thực hành của cá nhân; phụng sự trong tư tưởng, lời nói và hành vi; và cung cấp vật chất.

33. Các trạng thái này không có tự do: ở địa ngục, ngã quỷ hay súc sanh, một người hoang dã, một vị thiên sống lâu, có các tà kiến, không có một Đức Phật hay một người cảm.

34. Nghĩa là làm đầy kho tàng của con bằng hai sự tích lũy phước đức và trí huệ.

35. Sáu đối tượng giác quan là cái xảy ra trong tâm thức: kỷ niệm quá khứ và dự phòng tương lai, các cảm giác hiện tại về ưa và ghét...

36. Các siêu hiệu biết (các thần thông) gồm thiên nhãn thông, nhớ được các đời trước, và khả năng làm các phép lạ nhỏ có thể trở thành căn cứ cho sự kiêu hãnh tâm linh và sự quyền rũ khủng khiếp khiến một vị thầy có nhiều đệ tử (EPK).

37. Thực nghĩa là các lời dạy trực tiếp Không và Minh, trái lại với “quyền nghĩa,” “nghĩa khế cơ,” nó dẫn lần lượt theo thứ bậc đến thực nghĩa.

38. Quyết định Đại thừa là nguyện của Bồ tát đạt đến giác ngộ vì sự lợi lạc của tất cả chúng sanh.

Bảng Thuật Ngữ

ABHIDHARMA: Luận tạng trong Ba Tạng do đức Phật thuyết. Các lời dạy có hệ thống về siêu hình học nhằm vào sự phát triển trí phân biện bằng cách phân tích các yếu tố của kinh nghiệm và tìm hiểu bản tánh của sự vật.

ABHIDHARMA PITAKA: Tạng Luận.

ABHISAMBODHIKAYA: Thân thứ năm trong năm thân của Phật tánh, định nghĩa theo Jamgošn Kontrušl trong Kho Tàng Trí Huệ như là “sự biểu lộ đa dạng phù hợp với nghiệp của những người được giáo hóa, không lìa khỏi Pháp thân, nó xuất hiện bởi vì bốn thân kia tự nhiên đầy đủ trong trí huệ tánh Giác.”

AKANISHTHA (og min): “Tối thượng”; cõi giới của Vajradhara, cõi giác ngộ của Phật Pháp thân. Thường dùng đồng nghĩa với “Pháp giới.”

AMRITA: Cũng như ‘Phẩm tính Cam lồ’, Heruka của gia đình Ratna trong Tám Giáo Huấn Tu Hành và các giáo huấn Mật thừa liên hệ đến vị hóa thân này.

AMRITA và RAKTA: Hai loại chất linh thiêng được dùng trên bàn thờ trong các nghi thức Kim Cương thừa.

ANANDA: Một trong mười đệ tử thân thiết của đức Phật; thị giả của Đức Phật, người đã tụng lại các kinh trong kỳ kết tập thứ nhất và được xem là vị tổ thứ hai trong dòng truyền thừa bằng miệng của giáo pháp.

ANU YOGA: Cái thứ hai của Ba Tantra Nội Môn, gồm Maha, Anu và Ati. Nó nhấn mạnh vào Trí Huệ hơn là Phương tiện và vào giai đoạn thành tựu hơn là giai đoạn phát triển. Cái thấy của Anu Yoga là giải thoát được đạt đến qua sự làm quen dần với sự quán chiếu vào tính bất nhị của hư không và trí huệ. Mạn đà la Anu Yoga được xem là bao gồm trong thân kim cương. Anu có nghĩa là “sau, tiếp theo.”

ATI YOGA: Cái thứ ba của Ba Tantra Nội môn. Theo Jamgošn Kontrušl thứ nhất, nó nhấn mạnh vào cái thấy (kiến) rằng giải thoát đạt được qua sự

làm quen với quán chiếu vào bản tánh của giác ngộ nguyên thủy, xa lìa nắm và bỏ, hy vọng và sợ hãi. Danh từ thường dùng hơn ngày nay là Dzogchen, Đại Toàn Thiện. Ati nghĩa là “tối thượng.”

BA CỬA: Thân, khẩu, ý; tư tưởng, lời nói và việc làm.

BA GỐC: Guru, Yidam và Dakini. Guru là gốc của các sự ban phước, Yidam là gốc của thành tựu và Dakini là gốc của hoạt động.

BA BỘ THỆ NGUYÊN: Những thệ nguyện Tiểu thừa của giải thoát cá nhân, các tu hành Đại thừa của một Bồ tát, và những samaya Kim Cương thừa của một Vidyadhara, một hành giả Mật thừa.

BA THÂN: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Ba thân như nền tảng là “yếu tính, bản tánh và biểu lộ,” như con đường là “lạc, minh và vô niệm,” như quả là “ba thân của Phật tánh.” Ba thân của Phật tánh là Pháp thân thoát khỏi tạo tác, trau dồi và vốn đủ “hai mươi một bộ phẩm chất giác ngộ”; Báo thân vốn là bản tánh ánh sáng có các tướng chánh và phụ mà chỉ bậc Bồ tát trong mười địa thấy được; và Hóa thân biểu lộ ra hình tướng mà người trong sạch lẫn không trong sạch đều có thể thấy.

BA TUYỆT HẢO: Sự bắt đầu tuyệt hảo của Bồ đề tâm, phần chính tuyệt hảo không có ý niệm hóa và kết thúc tuyệt hảo của hồi hướng.

BẢN TÁNH VÔ SANH CỦA TÂM: Trong chân lý tối hậu mọi hiện tượng không có một tính chất độc lập, cụ thể và bởi thế không có nền tảng cho một thuộc tính như “sinh, trụ hay diệt,” nghĩa là đến và có mặt, giữ yên trong thời gian và nơi chốn, và chấm dứt hiện hữu.

BARDO: Trạng thái trung gian. Thường ám chỉ đến giai đoạn giữa cái chết và sự tái sinh tiếp theo. Về chi tiết của bốn bardo, xem Tâm Gương của Tỉnh Giác và Sách Hướng Dẫn về Bardo, nhà xuất bản Rangjung Yeshe.

BÁT NHÃ VÀ PHƯƠNG TIỆN: Prajna là trí huệ; đặc biệt là trí huệ chứng ngộ vô ngã. Upaya là phương pháp, hay kỹ thuật đưa đến chứng ngộ.

BẢY LỖI TRUYỀN THỌ: Dùng kinh điển hay truyền miệng, kho tàng được khám phá, kho tàng tìm thấy lại, kho tàng của tâm, nhớ lại, linh kiến thanh tịnh và dòng nghe lời thầy chỉ dạy.

BHUMI: Các cấp bậc của Bồ tát. Mười địa của một Bồ tát tiến đến giác ngộ viên mãn. Mười địa này thuộc về ba cái chót của năm con đường của Đại thừa.

BỒ ĐỀ TÂM: “trạng thái giác ngộ của tâm,” “trạng thái giác ngộ.” 1/ Nguyện vọng đạt đến giác ngộ vì lợi lạc cho chúng sanh. 2/ Trong ý nghĩa của Dzogchen, sự thức giác vốn sẵn đủ nơi mình của tâm giác ngộ; đồng nghĩa với trí huệ bất nhị.

BỒ TÁT LOBPOŠN, BIỆT HIỆU SHANTARAKSHITA: “Người gìn giữ hòa bình.” Pháp sư Ấn Độ và trụ trì chùa Vikra-mashila và chùa Samye, vị đã xuất gia cho những nhà sư Tây Tạng đầu tiên. Ngài là một hóa thân của Bồ tát Vajrapani và cũng được biết như là Bồ tát Khenpo hay Tỳ kheo Bồ tát Shantarakshita. Ngài là người sáng lập một học phái triết học hỗn hợp Trung Quán và Duy Thức. Truyền thống này được trùng hưng và làm sáng tỏ bởi Mipham Rinpoche trong luận giải Madhyamaka Lamkara của ngài.

BỐN CÁCH: Bốn mức độ của nghĩa: nghĩa đen, nghĩa tổng quát, nghĩa che dấu, nghĩa tối hậu.

BỐN GIỚI GỐC: Không giết hại, trộm cắp, nói dối và tà dâm.

BỐN TRẠNG THÁI THIỀN CỦA SỰ THANH TỊNH (Tứ thiền): Sơ thiền là trạng thái với cả hai ý niệm và phân biệt. Nhị thiền là trạng thái không ý niệm nhưng có phân biệt. Tam thiền là trạng thái không có hỷ mà có lạc. Tứ thiền là trạng thái bình thản, buông xả.

BỐN TRẠNG THÁI VÔ SẮC CỦA SỰ THANH TỊNH: Xem Vô sắc giới.

CĂN CỨ CỦA GIÁC QUAN: Mười hai yếu tố của giác quan là các giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cùng với các đối tượng của chúng là hình sắc, âm thanh, hương, vị, xúc và đối tượng của thức (các pháp).

CHE CHUỐNG TRÍ HUỆ: Sự che chướng vi tế bám chấp vào các ý niệm chủ thể, đối tượng và hành động. Nó tạm thời được tịnh hóa vào giây phút nhận ra bản tánh của tâm, và rốt ráo được tịnh hóa qua Kim Cương Định vào lúc chót của địa thứ mười.

CHETSUŠN NYINGTIG: Một trong những giáo huấn quan trọng nhất của Dzogchen, căn cứ trên sự truyền từ Vima-lamitra. Jamyang Khyentse có một linh ảnh về Chetsušn Senge Wangchuk gây cảm hứng cho ngài viết giáo huấn quý giá có tên là Chetsušn Nyingtig. Senge Wangchuk (thế kỷ 11-12) là một vị trong dòng các Guru trong sự truyền thừa Nyingtig, nhận giáo huấn này từ bốn sư là Dangma Lhušngyal, cũng như trực tiếp từ Vimalamitra. Kết quả của sự chứng ngộ rất cao của ngài, thân xác ngài biến mất trong ánh sáng cầu vòng khi ngài chết. Trong một tái sinh về sau như là Jamyang Khyentse Wangpo, ngài nhớ lại giáo lý Dzogchen mà Senge Wangchuk đã truyền cho Dakini Palgyi Lodroš và viết chúng ra như là terma Chetsušn Nyingtig, “Tâm Yếu của Chetsušn.”

CHÍN MÙI VÀ GIẢI THOÁT: Hai phần trọng yếu của thực hành Kim Cương thừa: các sự quán đảnh truyền pháp làm chín, làm trưởng thành dòng sống của con người với khả năng chứng thực được bốn thân và các lời dạy giải thoát cho phép người ấy áp dụng thật sự sự quán chiếu đã được đưa vào qua các lễ truyền pháp.

CHÍN THỪA TIỆM TIẾN: Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ tát, Kriya, Upa, Yoga, Maha Yoga, Anu Yoga và Ati Yoga. Hai cái đầu của Tiểu thừa; cái thứ ba là Đại thừa; ba cái tiếp là Ba Tantra Ngoại; ba cái cuối cùng là Ba Tantra Nội.

CHÍN TRẠNG THÁI ĐỊNH LIÊN TIẾP NHAU: Bốn thiền, bốn trạng thái vô sắc và định an bình của Thanh Văn, còn gọi là Diệt tận định.

CHỎŠ: Nghĩa đen là “cắt”. Một hệ thống thực hành căn cứ trên Bát Nhã ba la mật và truyền xuống từ thành tựu giả Ấn Độ là Phadampa Sangye và nữ Đạo Sư Tây Tạng là Machig Labdrošn với mục đích cắt đứt bốn loại Ma và chấp ngã. Một trong Tám Dòng Tu Hành của Phật giáo Tây Tạng.

CHOKGYUR LINGPA (1829-1870): Một vị khám phá kho tàng và đương thời với Jamyang Khyentse Wangpo và Jamgoñ Kongtrül. Được xem là một trong các Tertön chính trong lịch sử Tây Tạng. Chokgyur Lingpa nghĩa là “Thánh điện của sự xuất chúng.”

CỐI LẠC PHÚC (Cực lạc): Tịnh độ của Phật A Di Đà trong đó người thực hành sẽ sanh về khi trải qua ‘bardo trở thành’, qua sự phối hợp của niềm tin thanh tịnh, công đức đầy đủ, và sự quyết định nhất tâm.

CON ĐƯỜNG TÍCH LŨY: Cái thứ nhất trong năm con đường, nó tạo thành nền tảng cho cuộc du hành đến giải thoát và bao gồm sự thu góp một tích lũy bao la công đức hồi hướng cho sự đạt đạo này. Trên đường này, người ta có một hiểu biết trí thức và ý niệm về vô ngã qua học hỏi và tư duy. Nhờ trau dồi bốn niệm xứ, bốn chánh cần, và bốn như ý túc, người ta thành công trong việc trừ sạch các nhiễm ô phiền não thô mà chúng gây ra sự đau khổ của sanh tử và đạt được những phẩm chất của thần thông và “định của dòng Pháp” dẫn đến con đường kết hợp, hội nhập.

CON ĐƯỜNG HOÀN THÀNH: Cái thứ năm của năm con đường và trạng thái của giác ngộ viên mãn.

CON ĐƯỜNG TU TẬP: Cái thứ tư của năm con đường trong đó người ta tu tập, trau dồi các thực hành cao cấp của một Bồ tát, đặc biệt là tám phương diện của Thánh đạo.

CON ĐƯỜNG THẤY (Chân lý): Cái thứ ba trong năm con đường, là sự đạt đến địa đầu tiên, giải thoát khỏi sanh tử và chứng ngộ chân lý của thực tại.

CÚNG TIỆC: Một buổi tiệc được các hành giả Kim Cương thừa cử hành để tích lũy công đức và tịnh hóa các cam kết thiêng liêng.

CỬA MỞ CỬA BRAMA: Chỗ mở trên đỉnh đầu, tám lông tay trên đường viền mái tóc.

CỰU DỊCH: Một đồng nghĩa của Cựu Phái, truyền thống Nyingma. Các giáo lý được dịch trước thời đại dịch giả Rinchen Sangpo, trong thời trị vì của các vua Trisong Deutsen và Ralpachen.

DAKINI: 1/ Các sinh thể hoàn thành các hoạt động giác ngộ; các nữ thần Mật thừa bảo vệ, phụng sự Phật pháp và các hành giả. Cũng là trong “Ba Góc Rể.” 2/ Hành giả nữ đã giác ngộ của Kim Cương thừa.

DAKINI TEACHINGS: Các sự chỉ dạy bằng lời của Padma-sambhava cho Đức Bà Tsogyal. Một tuyển tập các lời chỉ dạy của Đại Sư do Nyang Ral, Sangye Lingpa và Dorje Lingpa phát giác. Gồm các chủ đề quy y, các lời nguyện Bồ tát, vị thầy Kim cương, sự thực hành Bốn Tôn Yidam, ẩn cư và các phẩm của quả vị.

DHARMARAJA (Tử thân): Tính cách phải chết của chúng ta; sự nhân cách hóa của vô thường và quy luật vĩnh viễn của nhân quả.

DI CHÚC CỦA PADMA: Khám phá bởi đại Terton Nyang Ral, và được coi là đồng dạng với bản dịch dài vừa – bộ Sanglingma, tiểu sử của Padmasambhava. Một bản dịch Anh ngữ đã được xuất bản là Liên Hoa Sanh (Shambhala, 1993).

DIỆT TẬN ĐỊNH: Trạng thái thiền định của một vị A La Hán nhập vào sau khi mọi phiền não, cảm giác và tư tưởng ngưng dứt hẳn. Nó không được xem là mục đích tối hậu của các trường phái Đại thừa.

DOŠN: Năng lực xấu; một loại ma.

DÒNG NGHE PHÁP: Dòng các giáo lý khẩu truyền từ thầy đến đệ tử, phân biệt với dòng kinh điển truyền bản văn. Dòng nghe pháp nhấn mạnh những điểm then chốt của khẩu truyền hơn là nghiên cứu học hỏi mang tính chất triết lý.

DORJE DUDJOM XÚ NANAM: Một vị quan của vua Tri-song Deutsen, được gọi đến Nepal để mời Padmasambhava đến Tây Tạng. Một mantrika đã đạt đến hoàn thiện trong hai giai đoạn phát triển và thành tựu, ngài có thể

bay với tốc độ gió và đi qua vật đặc. Rigdzin Gošdem (1337-1408) và Pema Trinley (1641-1718), vị Vidyadhara vĩ đại của chùa Dorje Drak miền trung Tây Tạng, cả hai được xem là các tái sinh của Dorje Dudjom. Dorje Dudjom nghĩa là “Người hàng phục không thể hủy hoại đối với Ma Vương.”

DRENPA NAMKHA: Dịch giả Tây Tạng và đệ tử của Padma-sambhava, vốn là một giáo sĩ có ảnh hưởng của đạo Bošnpo. Về sau học với Padmasambhava và cũng học dịch. Người ta nói ông đã thuần phục một con trâu yak hoang dã chỉ bằng một dáng điệu dữ tợn. Ông đã đưa nhiều giáo huấn Bošnpo cho Padmasambhava, ngài cất chúng như kho tàng terma. Drenpa Namkha nghĩa là “Không gian của Tỉnh Giác.”

DRIB: Nhiệm ô, che ám do tiếp xúc với người hay vật bất tịnh.

DRUBCHEN (Lễ): Thực hành đại thành tựu; một thực hành sadhana bởi một nhóm người tiến hành không nghỉ trong bảy ngày.

DỤC GIỚI: Gồm các cõi địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, người, a tu la và chư thiên của sáu cõi trời thuộc dục giới. Nó được gọi là dục giới bởi vì chúng sanh ở đó bị hành hạ bởi sự đau khổ thuộc tâm trí do ham muốn và bám níu vào vật chất.

DUY TÂM (Phái): Một học phái Đại thừa Phật giáo được Đại Sư Asanga và các đệ tử phổ biến. Căn cứ trên kinh Lăng Già và các kinh khác, tiền đề chính của nó là mọi hiện tượng đều chỉ là tâm, nghĩa là những tri giác thuộc về tâm thức, chúng xuất hiện trong tạng thức nền tảng của tất cả, do từ các tập khí thói quen. Một cách tích cực, cái thấy này trừ bỏ sự trụ tướng chấp thực. Một cách tiêu cực, vẫn còn có sự bám trước vào một cái “tâm” thực sự hiện hữu trong đó mọi sự xảy ra.

DUYÊN SANH: Định luật tự nhiên rằng các hiện tượng khởi sanh tùy thuộc vào các nguyên nhân liên hệ với các điều kiện. Sự kiện rằng không có hiện tượng nào xuất hiện không có một nguyên nhân và không có cái gì được tạo ra do một người sáng tạo mà người đó lại không có nguyên nhân. Mọi sự

sanh khởi do và tùy thuộc vào sự trùng hợp của các nhân và duyên mà thiếu chúng sự vật không thể xuất hiện.

DZONGSAR KHYENTSE CHOŠKYI LODROŠ: Một trong năm tái sanh của Jamyang Khyentse Wangpo. Ngài là một Đại Sư nắm giữ truyền thống Rimey, cũng là một trong hai Guru gốc của Đức Dilgo Khyentse. Ba tái sanh của ngài hiện sống ở Bir, Himachal Pradesh; ở Dordogne, Pháp; và ở Boudha-nath, Nepal. Dzongsar nghĩa là “Lâu Đài Mới”, Khyentse nghĩa là “Trí Huệ Từ” và Choškyi Lodroš nghĩa là “Trí của Pháp.”

ĐẠI TOÀN THIỆN (DZOGCHEN): Cái thứ ba trong Ba Tantra Nội của phái Nyingma. Đại Toàn Thiện là cái tối hậu của 84.000 pháp môn sâu rộng của Pháp, sự chứng ngộ của Phật Phổ Hiền. Xem “Dzogchen” và “Ati Yoga.”

ĐẠO SƯ: Trong Lamrim Yeshe Nyingpo, Padmasambhava nói: “Đạo Sư kim cương, gốc của con đường là một người có hạnh kiểm trong sạch về samaya và các thệ nguyện. Ngài hoàn toàn trang nghiêm bởi học hỏi, đã phân biện nó qua tư duy, và qua thiền định ngài có những phẩm chất và dấu hiệu của kinh nghiệm và chứng ngộ. Với tâm đại bi, ngài chấp nhận những đệ tử.” Tóm tắt, một người với chánh kiến và lòng bi chân thật.

ĐỒ CÚNG ĐƯỢC ĐÓT: Khói từ các hương được đốt trộn với thực phẩm tinh chất và các chất thiêng liêng. Khói này, được dâng cúng trong một thiền định về Đức Quán Thế Âm, vị Bồ tát của đại bi, có thể nuôi dưỡng các tâm thức đang ở trong bardo cũng như các naga quý.

ĐỘNG ASURA: Động nơi đó Guru Rinpoche hàng phục các lực lượng ma quỷ của Nepal qua sự thực hành Vajra Kilaya. Ở gần Pharping trong thung lũng Kathmandu.

ĐỨC HẠNH CÓ ĐIỀU KIỆN: Thực hành tâm linh trong đó có quan điểm nhị nguyên. Bao gồm các tiên khởi, bảy giác chi v.v... Đức hạnh không điều kiện là sự nhận biết Phật tánh. Hai phương diện đức hạnh này gom góp hai

sự tích lũy, bỏ đi hai che chướng, làm hiển lộ trí huệ hai phần, và thực hiện hai thân.

GARAB DORJE: Hiện thân của Semlhag Chen, một vị trời ngày trước đã được chư Phật truyền pháp. Trinh bạch mà có thai, mẹ ngài là một ni cô, con của vua Uparaja (Dhahe-natalo hay Indrabhuti) của Uddiyana. Garab Dorje nhận được tất cả Tantra, Kinh và lời dạy về Dzogchen từ Vajra-sattva và Vajrapani trong hình tướng con người và trở thành vị Vidyadhara con người đầu tiên trong dòng Dzog-chen. Đạt đến giác ngộ viên mãn qua “Đại Toàn Thiện không dụng công,” Garab Dorje truyền các giáo lý cho tùy tùng là những chúng sanh đặc biệt. Manjushrimitra được xem là đệ tử chính của ngài. Padmasambhava cũng được biết là đã nhận sự truyền thừa Dzogchen những tantra trực tiếp từ thân trí huệ của Garab Dorje. Garab Dorje nghĩa là “Niềm vui bất diệt.”

GIÁO LÝ TRỰC CHỈ: Sự trực tiếp giới thiệu vào đưa vào bản tánh của tâm. Một Guru gốc là một vị thầy ban cho lời dạy trực chỉ khiến đệ tử nhận ra bản tánh của tâm.

GONGPA SANGTAL: Một kinh điển tantra gồm năm bộ được Guru Rinpoche cất dấu và được khám phá bởi Rigdzin Gošdem, vị Đạo Sư lập nên truyền thống Jangter của phái Nyingma. Có bao gồm “Lời Nguyện của Đức Phổ Hiền” một bản văn nổi tiếng. Gongpa Santal nghĩa là “Sự Chứng Ngộ vô ngại,” và là một chữ viết tắt của “Chỉ Thẳng sự Chứng Ngộ của Phổ Hiền.”

GUHYASAMAJA: Nghĩa đen là “Tập Hội Bí Mật.” Một trong các Tantra và Yidam chính của Tân Phái.

GYALPO: Một loại tinh linh hiểm ác, đôi khi được tính vào “tám loại thần và quỷ.” Khi đã được một Đại Sư hàng phục họ có thể hành động như những người bảo vệ Phật pháp.

GYALWA CHO-YANG HỌ NGANLAM: Một đệ tử thân cận của Guru Rinpoche. Đã đạt đến thành tựu qua thực hành Hayagriva và sau này tái

sinh như là các vị Karmapa. Sinh vào bộ tộc Nganlam trong thung lũng Phen, ngài thọ giới với Shantarakshita trong nhóm bảy tu sĩ Tây Tạng đầu tiên. Ngài giữ các lời nguyện một cách trọn vẹn, trong sạch nhất. Được truyền pháp Hayagriva từ Padmasam-bhava, ngài thực hành trong đơn độc và đạt đến mức độ của một vị Vidyadhara. Gyalwa Cho-yang nghĩa là “Tiếng nói cao cả của chiến thắng.”

GYALWA JANGCHUB DÔNG LASUM: Một trong bảy người Tây Tạng đầu tiên thọ giới tỳ kheo với Shantarakshita. Ngài cực kỳ thông minh, có thăm Ấn Độ vài lần và dịch nhiều kinh điển. Một đệ tử thân cận của Padmasambhava, ngài đạt thành tựu và có thể bay trên trời. Rigzin Kunzang Sherab, nhà sáng lập đại tu viện Palyuśl ở Kham, được coi là một trong những hóa thân của ngài. Gyalwa Jangchub nghĩa là “Sự giác ngộ toàn thắng.”

GYALWEY LODROŠ HỌ DREY: Bắt đầu là một Gošnpo, một người hầu tin cẩn của vua Trisong Deutsen, ngài trở thành một trong những người Tây Tạng đầu tiên thọ giới, với pháp danh là Gyalwey Lodroš, Trí Thông Tuệ Chiến Thắng. Ngài trở nên thông thái trong dịch thuật và đạt đến thành tựu sau khi nhận sự truyền thọ từ Hungkara ở Ấn Độ. Người ta nói rằng ngài đã thăm viếng xứ sở của Yama, Diêm Vương, vua của người chết, và cứu mẹ khỏi địa ngục. Sau khi nhận chỉ dạy từ Padmasambhava, ngài đã chuyển một xác ướp hóa thành vàng. Một số kỳ công đã được khám phá về sau trong các kho tàng Terma. Ngài hoàn thành mức độ Vidyadhara về trường thọ và nổi tiếng vì đã sống đến thời Rongzom Pandita Choškyi Sangpo (1012-1088), vị này nhận lời chỉ dạy từ ngài. Gyalwey Lodroš nghĩa là “Trí Huệ chiến thắng.”

HAI CHÂN LÝ (Nhị đế): Chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối. Chân lý tương đối (tục đế) diễn tả kiểu cách tương tự, hình như, bề ngoài của mọi sự. Chân lý tuyệt đối (chân đế) diễn tả kiểu cách thực, không lầm lỗi. Hai phương diện của thực tại này được định nghĩa bởi Bốn Trường Phái Triết

Học, cũng như các Tantra Mật thừa theo nhiều lối, mỗi lối ngày càng sâu sắc hơn và sít sao hơn để diễn tả sự vật như chúng là.

HAI SỰ TÍCH LŨY: Sự tích lũy công đức có ý niệm và sự tích lũy trí huệ siêu vượt ý niệm.

HAI CHE ÁM: Sự che ám của phiền não (phiền não chướng) và sự che ám hiểu biết (sở tri chướng).

HAI MƯƠI LĂM THUỘC TÍNH CỦA QUẢ: Năm thân, năm khẩu, năm trí, năm phẩm tính và năm hoạt động. Cũng gọi là “sự tương tục được trang hoàng với thân, khẩu, tâm, phẩm chất và hoạt động đều vô tận.”

HAYAGRIVA: Hóa thân Mật thừa với một đầu ngựa, tóc cháy rực; phương diện phần nộ của Đức Quán Thế Âm. Ở đây đồng với Padma Hekura, Khẩu Hoa Sen, trong Tám Chỉ Dạy Sadhana.

HINAYANA (Tiểu thừa): Thừa nhắm vào sự chiêm nghiệm thiền định về Bốn Thánh Đế và Thập Nhị Nhân Duyên, sự thực hành đưa đến giải thoát khỏi sanh tử. Khi dùng trong cách nói đối địch, thái độ Tiểu thừa để chỉ sự theo đuổi hạn hẹp con đường giác ngộ chỉ với mục đích giải thoát cho cá nhân hơn là cho sự giác ngộ của tất cả chúng sanh.

HOAN HỠ ĐỊA: Bạc đầu tiên của mười địa Bồ tát; giải thoát khỏi sanh tử và chúng ngộ chân lý của thực tại.

HỌC, TƯ DUY VÀ THIỀN ĐỊNH (Văn, Tư, Tu): “Học” nghĩa là nhận các lời giáo lý và nghiên cứu kinh điển để tịnh trừ vô minh và tà kiến. “Tư duy” là nhổ gốc sự không tin chắc và hiểu sai qua việc suy nghĩ kỹ lưỡng về chủ đề. “Thiền định” là trực tiếp đạt được thấu hiểu qua sự áp dụng các lời dạy vào kinh nghiệm cá nhân.

HƯ VÔ LUẬN, HƯ VÔ CHỦ NGHĨA: Nghĩa đen là “đoạn kiến.” Quan điểm cực đoan “không có gì cả”: không có tái sanh hay nghiệp quả, và sự không hiện hữu của một tâm sau khi chết.

JAMGOŠN KONGTRUL (1813-1899): Cũng được biết với tên là Lodroš Thaye, Yošngten Gyamtso, Padma Garwang và tên terton là Padma Tennyi Yungdrung Lingpa. Ngài là một trong những vị Thầy xuất chúng thế kỷ 19 và chú tâm đặc biệt đến thái độ không bộ phái. Nổi danh như một vị thầy thành tựu, học giả và tác giả, ngài trước tác hơn 100 bộ sách. Bộ nổi tiếng nhất là Năm Bảo Tàng, trong đó có 63 bộ của Rinchen Terdzoš, văn chương Terma của một trăm vị đại terton.

JAMYANG KHYENTSE WANGPO (1820-1892): Một vị thầy vĩ đại thế kỷ trước. Ngài là vị cuối cùng trong năm Đại Terton và được coi là sự hóa thân hỗn hợp của Vimala-mitra và vua Trisong Deutsen. Ngài trở thành bậc Thầy của mọi dòng phái Phật giáo Tây Tạng và là người sáng lập phong trào Rimey. Có mười bộ sách của ngài cùng với các terma của ngài. Jamyang nghĩa là “Văn Thù, hòa dịu” Khyentse Wangpo nghĩa là “Bậc Trí Huệ Từ Ái.”

JNANA KUMARA HỌ NYAG: Jnana Kumara nghĩa là “Sự Tĩnh Giác Trẻ Trung.” Tu sĩ Tây Tạng lúc sơ thời và là dịch giả trác tuyệt, đã nhận Bốn Dòng Sông Lớn của sự Truyền Thừa từ Padmasambhava, Vimalamitra, Vairo-chana và Yudra Nyingpo. Ngài làm việc gắn bó với Vima-lamitra trong việc phiên dịch các tantra Mahayoga và Ati Yoga. Ngài cũng có tên là Nyag Lotsawa và do sự nhập môn bí mật mà có tên là Drimey Dashar “Ánh trăng không vết mờ.” Hoa trong lễ nhập môn của ngài, cùng với hoa của Trisong Deutsen rơi vào Chemchok Heruka. Sau đó ngài nhận sự trao truyền Y Học Cam Lộ từ Padmasambhava. Ngài thực hành ở động Kim Cương ở Yarlung, nơi đó ngài đã rút nước từ trong đá tảng; người ta nói rằng dòng nước này còn chảy tới hôm nay. Trong các tái sinh của ngài có Dabzang Rinpoche, một vị đồng thời trong thế kỷ 19 với Jamgošn Kongtrušl thứ Nhất.

KADAG RANGJUNG RANGSAR: Tên của một trong năm bộ sách chứa trong Gongpa Sangtal. Kadag Rangjung Rangsar nghĩa là “tánh thanh tịnh bản nhiên tự hữu và tự biểu hiện.”

KARMA PAKSHI (1204-1283): Vị thứ hai trong dòng các Karmapa tái sinh và được xem là Tulku thứ nhất được nhận biết của Tây Tạng. Tên Pakshi là tiếng Mông Cổ để chỉ “Đạo Sư,” một tên hiệu sau khi được vua Mông Cổ ban cho một vị trí tôn giáo cao cấp. Trong các đệ tử của ngài có đại thành tựu giả Orgyenpa Rinchen Pal (1230-1309).

KAWA PALTSEK: Đệ tử trực tiếp của cả Padmasambhava và Shantarakshita; người đóng góp quan trọng vào việc dịch thuật Ba Tạng Tây Tạng và Gyušbum Nyingma. Sinh trong thung lũng Phen, ngài trở thành một dịch giả kiệt xuất ứng với một lời tiên tri của Padmasambhava, và ở trong nhóm bảy nhà sư Tây Tạng đầu tiên được thọ giới bởi Shantarakshita. Ngài nhận giáo lý Kim Cương từ Đại Sư Padma và đạt được thiên nhãn thông vô ngại. Kawa là tên của một nơi chốn, và Paltsek nghĩa là “Núi Rực Rỡ.”

KAYA: “Thân” trong nghĩa một thân thể có nhiều phẩm chất. Khi nói đến hai thân: Pháp thân (dharmakaya) và Sắc thân (rupakaya). Ba thân là Pháp thân, Báo thân (sambho-gakaya) và Hóa thân (nirmanakaya).

KHANDRO NYINGTIG: Nghĩa là “Tâm Yếu của các Dakini.” Một toàn tập sâu xa về giáo lý Dzogchen được Padmasambhava truyền cho công chúa Pema Sal. Nằm trong bộ Nyingtig Yabshi nổi tiếng.

KHENPO: Một danh hiệu dành cho người hoàn thành khóa học chính kéo dài khoảng mười năm về các ngành truyền thống của triết học, luận lý, Luật học Phật giáo... Cũng có thể nói đến vị trụ trì một ngôi chùa hay vị thầy truyền giới luật tỳ kheo.

KHENPO NGAKCHUNG BIỆT HIỆU NGAWANG PAL-SANG (1879-1941): Một Khenpo ở Katok và một nhà phục hưng rất quan trọng của dòng học giả về kinh điển Dzogchen công truyền. Được xem là tái sinh của cả Vimalamitra và Longchenpa. Chandral Sangye Dorje là một trong những đệ tử cuối cùng còn sống của ngài.

KILAYA: Các tantra về hóa thân Vajra Kilaya.

KIM CUÔNG TÒA: Chỗ ngồi dưới cây Bồ Đề ở Bồ Đề đạo tràng nơi Đức Phật giác ngộ.

KINH MẠCH TRUNG ƯƠNG: Kinh mạch vi tế trung ương ở trong thân thể, chạy từ cuối xương sống đến đỉnh đầu.

KOŠNCHOK CHIDUŠ: “Hiện thân của các bậc quý giá.” Một terma được Jatsošn Nyingpo vĩ đại (1585-1656) khám phá ra, tập trung vào Padmasambhava. Ngài truyền bộ lời dạy này trước tiên cho Dušđušl Dorje (1615-1672). Một số lớn của nguyên tác này đã được dịch ra Anh ngữ bởi Peter Roberts.

KOŠNCHOK JUNGNEY HỌ LANGDRO: Ban đầu là một vị quan trong triều đình của vua Trisong Deutsen. Về sau trở thành một đệ tử thân thiết của Padmasambhava và đạt đến thành tựu. Hai đại Terton Ratna Lingpa (1403-1471) và Longsal Nyingpo (1625-1692) được xem là trong số các tái sinh của ngài. Košnchok Jungney nghĩa là “Nguồn các bậc Quý Giá.”

KRIYA YOGA: Cái thứ nhất của ba tantra ngoại, nhấn mạnh vào sự sạch sẽ và giới hạnh thanh tịnh. Các kinh văn của Kriya Yoga xuất hiện đầu tiên ở Varanasi.

KUNZANG TUKTIG: “Tâm Yếu của Phổ Hiền.” Một tuyển tập các lời dạy Terma do Chokgyur Lingpa khám phá, tập trung nói về các hóa thân từ hòa và hung nộ.

LẠC, SÁNG TỎ VÀ VÔ NIỆM: Ba kinh nghiệm tạm thời của thiền định. Trụ vào chúng sẽ có sự uơm hạt cho sự tái sinh trong ba cõi của sanh tử. Không trụ vào, chúng là sự trang hoàng của ba thân.

LAMA GONGDUŠ: Vòng giáo pháp được khám phá do Sangye Lingpa (1340-1396) gồm 18 bộ, mỗi bộ khoảng 700 trang. Lama Gongduš nghĩa là “hiện thân sự chứng ngộ của Đạo Sư.”

LAMA SANGDUŠ: Một terma khám phá bởi Guru Chošwang (1212-1270), một trong những terton sớm nhất và quan trọng nhất. Nó tập trung vào bản thể Guru như hình thức Báo thân của Padmasambhava của mạn đà la năm

phần của Toštrenḡ Sal. Lama Sangduš nghĩa là “hiện thân những bí mật của Đạo Sư.”

LOKYI CHUNGPA: Một đệ tử thân cận của Padmasambhava, trở thành một dịch giả Phật giáo lúc còn rất trẻ, do đó có tên. Ngài cũng được biết với tên là Khyen-chung Lotsawa “Đứa trẻ Dịch giả.” Trong số các tái sinh về sau là Terton Dušdušl Dorje (1615-1672), Dudjom Lingpa (1835-1903), và đức Dudjom Rinpoche, Jigdrel Yeshe Dorje (1904-1987).

LONGCHENPA BIỆT HIỆU LONGCHEN RABJAM (1308-1363): Một tái sinh của Công chúa Pema Sal, con của vua Trisong Deutsen. Guru Rinpoche đã trao truyền dòng Dzogchen (tức Khandro Nyingtig) cho bà. Ngài được xem là tác giả quan trọng nhất viết về giáo lý Dzogchen. Công trình của ngài gồm trong Bảy Đại Kho tàng, Tam Bộ và các luận giải trong Nyingtig Yabshi. Nhiều chi tiết về cuộc đời và lời dạy của ngài ở trong cuốn Tâm Phật của Tulku Thondup Rinpoche, nhà xuất bản Snow Lion, 1989. Long-chenpa nghĩa là “Đại Không.”

MACHIG LABDROŠN (1031-1129): Vị Đại Sư người nữ ghi lại sự thực hành pháp môn Choš, cắt đứt chấp ngã. Đệ tử và người phối ngẫu của Đạo Sư Ấn Độ Phadampa Sangye. Machig Labdrošn nghĩa là “Ngọn đèn Mẹ độc nhất của Pháp.”

MAHAYANA: “Đại thừa.” Khi dùng từ “Đại thừa và Tiểu thừa,” thì Đại thừa bao gồm các thừa Tantra trong khi Tiểu thừa gồm các giáo lý cho bậc Thanh Văn và Bích Chi Phật. Hàm ý “đại” hay “tiểu” để chỉ phạm vi nguyện vọng, các phương pháp tu hành và độ sâu của sự thấu hiểu. Trung tâm của thực hành Đại thừa là lời nguyện Bồ tát giải thoát cho tất cả chúng sanh qua phương tiện và trí huệ, đại bi và quán chiếu tánh Không. Hai phái lớn của Đại thừa là Duy Tâm và Trung Đạo. Bảy tính cách vĩ đại của Đại thừa được đề cập trong Trang nghiêm các Kinh của Maitreya được Jamgošn Kongtrušl giải thích trong Trí Huệ Toàn Khắp: “Sự vĩ đại tập trung vào kho tàng bao la của giáo lý Đại thừa, sự vĩ đại của các phương tiện thành tựu lợi lạc cho mình và cho người, sự vĩ đại của trí huệ thấu rõ hai vô ngã, sự vĩ đại

của tinh tấn chuyên cần trong ba a tăng kỳ kiếp, sự vĩ đại của phương tiện thiện xảo như là không bỏ sanh tử và thị hiện bảy hành động bất thiện của thân và khẩu mà không có phiền não; sự vĩ đại thành tựu chân thật thập lực, bốn vô úy, những phẩm chất độc nhất của bậc giác ngộ, và sự vĩ đại của hoạt động tự nhiên và không ngừng nghỉ.”

MAHAYOGA: Cái thứ nhất của “Ba Tantra Nội.” Mahayoga trong kinh văn được chia làm hai phần: Phần Tantra và phần Sadhana. Phần Tantra gồm Mười Tám Mahayoga Tantra trong khi phần Sadhana gồm có Tám Giáo Lý Sadhana. Jamgošn Kongtrusl nói trong Kho Tàng Trí Huệ của ngài: “Mahayoga nhấn mạnh vào phương tiện (upaya), giai đoạn phát triển, và cái thấy rằng giải thoát được đạt đến qua sự quen dần với sự quán thấy bản tánh không thể phân chia của nhị đế.” Nhị đế trong Mahayoga là thanh tịnh và bình đẳng – bản tánh thanh tịnh của các uẩn, các đại, và các thành phần của các căn là chư Phật và Bồ tát nam và nữ. Trong cùng lúc đó, mọi sự vật xuất hiện và hiện hữu đều là tánh bình đẳng của tánh Không.

MAMO: Viết tắt của “các hóa thân Mẹ trong thế gian.” Một trong Tám Sadhana. Các hóa thân nữ lưu xuất từ pháp giới nhưng xuất hiện theo các cách phù hợp với hình tướng thế gian qua sự tương liên giữa thế giới thế tục và các kinh mạch, khí và tinh chất trong thân thể chúng ta. Các vị có cả hai phương diện, một tối hậu và một tương đối. Nhân vật chính trong mạn đà la này là Chemchok Heruka, hình tướng hung nộ của Phật Phổ Hiền được gọi là Ngošndzok Gyalpo, Vua của Hoàn Thiện chân thật.

MANDALA: 1/ “Trung tâm và chu vi.” Thường là một hóa thân cùng với môi trường bao quanh của vị ấy. Một mạn đà la là một tượng trưng bằng đồ họa cảnh giới sống động của một hóa thân Mật thừa. 2/ Cúng dường mạn đà la là một cúng dường được quán tưởng như là một toàn bộ vũ trụ, cũng như sự sắp xếp đồ cúng trong nghi lễ Mật thừa.

MANTRA: 1/ Một đồng nghĩa với Kim Cương thừa. 2/ Một tổ hợp các âm thanh tượng trưng và truyền thông bản tánh của một hóa thân, nó dẫn đến sự

tịnh hóa và chúng ngộ, ví dụ OM MANI PADME HUNG. Có ba loại mantra chính: guhya mantra, vidya mantra và dharani mantra.

MANTRA BÍ MẬT (GUHYA MANTRA): Đồng nghĩa với Kim Cương thừa hay giáo lý Tantra. “Guhya” là bí mật, cất dấu và tự ẩn. “Mantra” trong văn cảnh này nghĩa là siêu xuất, tuyệt hảo, đáng tán dương.

MANTRA TINH YẾU (Tâm chú – VIDYA MANTRA): Hình thức thu gọn của thần chú của một hóa thân bốn tôn so với thần chú dài ra ni dài (DHARANI MANTRA); ví dụ “OM MANI PADME HUNG.”

MANTRIKA: Hành giả của Mantrayana (Mật thừa hay là Kim Cương thừa).

MARA: Ma, ảnh hưởng tà tạo nên những chướng ngại cho thực hành và giác ngộ. Một vị thần có thần lực ở nơi cao nhất của Dục giới, bậc thầy của ảo hóa đã tìm cách ngăn cản Đức Phật thành Đạo ở Bồ đề đạo tràng. Với người thực hành Pháp, Ma tượng trưng cho sự chấp ngã và sự bận rộn với tám mối quan tâm thuộc thế gian. Tổng quát có bốn loại Ma ngăn cản người tu: phiền não ma, tử ma, ngũ âm ma và thiên ma. Đôi khi bốn loại Ma được đề cập bằng tên: Tử Thần, Con của Tử thần, Phiền não và Ngũ Âm.

MILAREPA (1040-1123): Một trong những thiền giả và thi sĩ nổi tiếng nhất của Tây Tạng. Nhiều giáo lý của phái Karma Kagyuś truyền qua ngài. Để có nhiều chi tiết hơn, xin đọc Cuộc đời của Milarepa và Một Trăm Ngàn Bài Ca của Milarepa (Nhà xuất bản Shambhala). Tên ngài nghĩa là “Mila áo vải.”

MƯỜI HOẠT ĐỘNG TÂM LINH: Biên chép Kinh điển, cúng dường, bố thí, nghe thuyết pháp, ghi nhớ, đọc, trình bày, tụng, tư duy và tu hành nghĩa của Pháp.

MƯỜI CHỦ ĐỀ CỦA TANTRA: Cái thấy, hạnh, mạn đà la, truyền pháp, samaya, hoạt động, thành tựu, định, dâng cúng puja, thần chú và ấn. Đây là mười phương diện của con đường của một hành giả Mật thừa, cũng là mười chủ đề căn bản.

NADI: Các kinh mạch trong thân kim cương qua chúng các dòng năng lực chuyển động.

NAMKHAI NYINGPO HỌ NUB: Sinh ở quận Nyal Hạ, ngài là một trong những người Tây Tạng đầu tiên thọ giới tỳ kheo. Một đệ tử dịch giả, ngài du hành qua Ấn ở đó nhận được sự truyền pháp từ Hungkara và đạt được thân của trí huệ bất nhị. Namkhai Nyingpo cũng được kể trong hai mươi lăm đệ tử của Guru Rinpoche. Nhận được sự trao truyền của Guru, ngài có thể bay theo những tia mặt trời. Khi thiền định trong Hang Dài Rực Rỡ ở Lhodrak, ngài có những linh kiến về nhiều Yidam và đạt đến mức độ Vidyahara của Đại Ấn. Cuối cùng ngài ra đi đến những cõi trời mà không để lại thân xác. Namkhai Nyingpo nghĩa là “Tinh Túy của Không Gian.”

NĂM TERTON GIỐNG NHƯ VUA: Một danh sách gồm Năm Terton Vua là: Nyang Ral Nyima Ošzer (1124-1192), Guru Choškyi Wangchuk (1212-1270), Dorje Lingpa (1346-1405), Pema Lingpa (1445/50-1521) và (Padma Ošsel) Do-ngak Lingpa (Jamyang Khyentse Wangpo) (1820-1892). Đôi khi danh sách còn gồm đại Terton Rigdzin Gošdem (1337-1408).

NĂM CON ĐƯỜNG: Năm con đường hay năm cấp bậc trên đường giác ngộ: con đường tích lũy, tham gia, thấy, tu tập, và hoàn thành hay không học hỏi nữa.

NĂM ĐỘC: Tham, sân, si, mạn, ganh ghét.

NANAM YESHE: Còn được biết với tên là Bandey Yeshe Dey họ Shang. Một dịch giả nhiều tác phẩm với hơn 200 bản văn và là một đệ tử của Padmasambhava. Tu sĩ học rộng và thành tựu này một hôm biểu hiện những thần thông đã đạt được qua sự lão luyện Vajra Kilaya, bằng cách bốc lên trời như một con chim. Yeshe nghĩa là “Giác bản nguyên.”

NÂNG CẤP, TẶNG TIẾN: Các loại thực hành khác nhau với mục đích làm vững vàng “quán.” Theo Tulku Ugyen Rin-poche, sự thực hành nâng cấp chính yếu là trau dồi sùng mộ và đại bi.

NGƯỜI NĂM GIỮ KIM CƯƠNG (KIM CƯƠNG TRÌ): 1/ Danh hiệu tôn kính để dành cho một vị Thầy thành tựu. 2/ Trạng thái giác ngộ.

NIRMANAKAYA: Hóa thân, “sự xuất hiện huyền hóa.” Cái thứ ba trong ba thân. Phương diện giác ngộ mà người bình thường có thể tri giác được.

NÚI HUY HOÀNG Ở CHAMARA / NÚI HUY HOÀNG MÀU ĐỎ ĐỎ: Tịnh Độ của Guru Rinpoche trên tiêu lục địa Chamara phía đông nam của đại lục Jambu (Diêm Phù). Chamara là đảo chính trong chín đảo do loài raksha đã man ở. Ở giữa Chamara có một ngọn núi nguy nga màu đỏ cao ngất trời. Trên đỉnh núi là cung điện thần biến Ánh Sáng Hoa Sen, xuất hiện từ sự biểu lộ tự nhiên của tánh Giác bản nguyên. Đức Padmasambhava ở tại đây trong một thân bất diệt siêu việt sống chết, trường tồn cho tới ngày nào sanh tử vẫn còn và qua đó, ngài không ngừng mang lại lợi lạc cho chúng sanh qua các hóa thân thần biến của thân, ngữ và tâm của ngài.

NÚI TU DI VÀ BỐN CHÂU: Ngọn núi huyền thoại vĩ đại ở trung tâm của hệ thống thế giới chúng ta, bao quanh bởi bốn châu lục, nơi đó hai loài thấp nhất của chư Thiên cõi Dục giới sống. Nó bao quanh bởi các dãy núi thấp hơn, các hồ, các lục địa và đại dương nhô lên khỏi mặt biển 84.000 lý (lý: ba dặm Anh). Thế giới chúng ta đang sống nằm trên châu lục phía Nam gọi là Jambudvipa (Nam Thiệm Bộ Châu).

NÚT NADI: Đôi khi tương đương với luân xa, một chỗ tiếp hợp chính hay điểm giao nhau của các kinh mạch. Đôi khi là một chỗ bế tắc vi tế cần phải cởi mở nhờ các thực hành yoga.

NYANG RAL NYIMA OŠZER (1124-1192): Vị thứ nhất của năm Terton Vua và là một tái sanh của vua Trisong Deutsen. Một số kho tàng do ngài khám phá được gồm Rinchen Terdzoš, trong đó nổi tiếng nhất là Kagye Deshek Dušpa, một bộ các giáo lý nhắm vào Giáo lý Tám Sadhana, và tiểu sử của Guru Rinpoche gọi là Sanglingma hiện giờ đã xuất bản là Liên Hoa Sanh (Shambhala). Nyang Ral nghĩa là “Người trang sức từ Nyang” và Nyima Ošzer nghĩa là “Tia Sáng Mặt Trời.”

NYINGTIG YABZHI: Một trong những tuyển tập nổi tiếng nhất của kinh điển Dzogchen. Vimalamitra kết hợp hai phương diện của Phần Thâm Thâm Vô Thượng – dòng giải thích với Kinh điển và dòng nghe khẩu truyền không Kinh điển – và cất dấu chúng để rồi được khám phá như là giáo lý Nyingtig Vima Nyingtig, và cũng như là Tâm Yếu Bí Mật của Vimalamitra.

Longchenpa minh giải chúng trong 51 đoạn của Lama Yangtig. Padmakara cất dấu lời dạy của ngài về Vòng Thâm Thâm Vô Thượng và sau này được khám phá như là Khandro Nyingtig, Tâm Yếu của các Dakini. Longchenpa cũng minh giải các lời dạy này trong bộ Khandro Nyingtig của ngài. Bốn bộ đặc biệt về giáo lý Dzogchen này, cùng với lời dạy thêm của Longchenpa là Zabmo Yangtig, gồm lại trong tuyển tập của ngài, tức là tuyển tập Nyingtig Yabzhi.

PALGYI DORJE HỌ LHALUNG: Sinh ở Drom Thượng, ngài phục vụ như một người canh biên giới nhưng có tâm từ bỏ và cùng với hai anh nhận truyền giới xuất gia từ Vimalamitra. Ngài nhận Bồ tát nguyện từ Padmasambhava cũng như sự truyền pháp và lời dạy miệng. Ngài thiền định ở Hẻm Núi Trắng xứ Tsib và ở Yerpa, ở đó ngài đạt thành tựu có thể đi xuyên qua đá núi. Những năm sau ngài ám sát vị vua ác Langdarma. Palgyi Dorje nghĩa là “Kim Cương Rực Rỡ.”

PALGYI SENGE HỌ LANG: Cha ngài là Amey Jangchub Drekhošl, một mantrika thần lực đủ để sử dụng tám loại thần và quỷ như những người giúp việc. Ngài là một trong tám đại đệ tử của Padmasambhava khi pháp quán đánh “Pháp Hội Như Lai” được ban cho. Ngài đạt cả hai sự thành tựu thông thường và tối thượng ở Paro Taktsang qua sự thực hành pháp môn “Thuần hóa mọi Hồn Linh Kiêu Ngạo.” Các Rinpoche Dzogchen được xem như các tái sanh của ngài. Palgyi Senge nghĩa là “Su Tử Vinh Quang.”

PALGYI SENGE HỌ SHUBU: Một trong các quan của vua Trisong Deutsen, trong những sứ giả được gởi đi để mời Padmasambhava đến Tây Tạng. Ngài học dịch thuật từ Guru Padma và dịch nhiều giáo lý Mamo, Yamantaka và Kilaya sang tiếng Tây Tạng. Đã đạt được nhiều thành tựu với

Mamo và Kilaya, ngài có thể chẻ đá cuội và tách dòng sông bằng con dao găm của mình. Các tái sinh của ngài có đại Terton Mingyur Dorje của truyền thống Nam-choş. Palgyi Senge nghĩa là “Su Tử Vinh Quang.”

PALGYI WANGCHUK HỌ KHARCHEN: Trong tiểu sử Sanglingma ngài là cha của Yeshe Tsogyal; chỗ khác ngài được xem là anh của bà, một đệ tử thân cận của Padmasambhava đạt đến thành tựu (siddhi) qua sự thực hành Vajra Kilaya. Palgyi Wangchuk nghĩa là “Bậc Rạng Rỡ.”

PALGYI WANGCHUK HỌ O-DREN: Một đại học giả và mantrika, đạt được thành tựu qua sự thực hành Guru Drakpo, phương diện hung nộ của Padmasambhava.

PALGYI YESHE HỌ SOGPO: Đệ tử của Padmasambhava và Jnana Kumara họ Nyag. Palgyi Yeshe nghĩa là “Trí Huệ Rực Rỡ.”

PANDITA (pháp sư): Một vị thầy học rộng, học giả hay giáo sư triết học Phật giáo.

PARAMITA (Ba la mật đa): Nghĩa đen là “qua đến bờ bên kia.” Đặc biệt, nó có nghĩa là siêu việt khỏi các ý niệm về chủ thể, đối tượng và hành động. Thừa Paramita là hệ thống Đại thừa của con đường tiệm tiến qua năm đường và mười địa theo kinh điển Bát Nhã ba la mật đa. Xem thêm “Sáu Ba la mật.”

PEMA LEDREL TSAL (1291-1315): Tái sinh của Pema Sal, con gái của vua Trisong Deutsen. Người khám phá các giáo lý Dzogchen của Guru Rinpoche nổi danh với tên là Khandro Nyingtig. Sự tái sinh trực tiếp của ngài là Long-chenpa. Pema Ledrel Tsal nghĩa là “Sức mạnh Hoa Sen của Chuỗi Nghiệp.”

PEMA SAL, CÔNG CHÚA: Con của vua Trisong Deutsen.

Padmasambhava đã trao cho bà dòng Đại Toàn Thiện có tên là Khandro Nyingtig. Cô chết lúc trẻ tuổi, sau đó Padmasambhava đã làm cô sống lại. Khi cha cô hỏi tại sao một người có phước lớn vừa là công chúa vừa là đệ tử

của Đạo Sư Liên Hoa Sanh lại phải chết lúc còn thiếu niên, Padmasambhava kể lại câu chuyện cô đã là một con ong chích một trong bốn anh em trong thời gian hoàn thành Đại Tháp Boudhanath. Pema Sal nghĩa là “Hoa Sen Rạng Rỡ.”

PHÁP GIỚI (Dharmadhatu): ‘Vũ trụ hiện tượng’; tánh Như trong đó tánh Không và duyên sanh không tách lìa nhau. Bản tánh của tâm và hiện tượng vượt khỏi sanh, trụ, diệt.

PHÁP TÁNH (Dharmata): Bản tánh bốn nhiên của tâm và hiện tượng.

PHÁP THÂN (Dharmakaya): Cái đầu tiên của ba thân, không có bất kỳ tạo tác nào, như hư không. “Thân” của những phẩm tính giác ngộ. Cần được hiểu một cách phân biệt theo nền tảng, con đường và quả.

PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU: Hai phương diện chính, “phương tiện và trí huệ” của thực hành Kim Cương thừa. Xác định ngắn gọn, giai đoạn phát triển nghĩa là sự tạo tác tích cực của tâm thức trong khi giai đoạn thành tựu nghĩa là an trụ trong bản tánh không tạo tác của tâm. Cốt tủy của giai đoạn phát triển là “tri giác thuần túy” hay “cái nhìn linh thiêng,” nghĩa là tri giác cảnh quan, âm thanh và tư tưởng như là hóa thân, thần chú và trí huệ. “Giai đoạn thành tựu với hình tướng,” nghĩa là các thực hành yoga như là tummo, nội nhiệt. “Giai đoạn thành tựu không hình tướng” là sự thực hành Đại Toàn Thiện hay Đại Ân.

PHẬT TÁNH: Sự giác ngộ toàn diện và tròn đủ không trụ trong Sanh tử lẫn Niết bàn; trạng thái đã hết mọi vô minh, cùng với trí huệ nhìn thấu bản tánh của sự vật như chúng là và trí huệ thấu hiểu mọi hiện hữu.

PHIÊN NÃO: Năm độc tham, sân, si, mạn và ganh ghét. Chúng trói buộc, làm phiền nhiễu, và tra tấn tâm người. Sự kéo dài của các phiền não này là một trong những nguyên nhân chính của sanh tử luân hồi.

PHƯƠNG TIỆN VÀ TRÍ HUỆ: Phật tánh được đạt đến qua sự kết hợp thống nhất các phương tiện và trí huệ. Trong Đại thừa, đó là sự thống nhất của Đại Bi và Tánh Không, của Bồ đề tâm tương đối và Bồ đề tâm tuyệt

đôi. Trong Kim Cương thừa, phương tiện và trí huệ là các giai đoạn phát triển và thành tựu. Theo các phái Kagyu, phương tiện đặc biệt để chỉ cho “con đường phương tiện” là sáu Pháp Du Già của Naropa và trí huệ là “con đường giải thoát,” tức là sự thực hành hiện thực về Đại Ấn Mahamudra. Theo Dzogchen, “trí huệ” là cái thấy về tính thanh tịnh bản nhiên, tức là sự thực hành Trekchoş để thực chứng cái tâm của giác ngộ trong một khoảnh khắc hiện tại, trong khi “phương tiện” là sự thiền định của cái hiện tiền tự nhiên bản hữu, tức là sự thực hành Toşgal để làm sạch hết nhiễm ô phiền não và an trụ qua đó thân cầu vòng được thực chứng trong nội một đời.

QUẢ: Kết quả, thường là sự chấm dứt của một con đường tâm linh. Một trong ba mức độ giác ngộ của một Thanh Văn, Bích Chi Phật hay Bồ tát. Trong Đại thừa là trạng thái Phật tánh hoàn toàn và tròn đủ; trong Kim Cương thừa là “trạng thái thống nhất của một bậc Kim Cương Trì,” trong sách này diễn tả như “25 thuộc tính của quả.” Xem “cái thấy, thiền định, hành và quả.”

QUANG MINH (od gsal): Nghĩa đen là “thoát khỏi bóng tối vô minh và có khả năng thông tỏ, hiểu biết.” Hai phương diện ấy là “quang minh trống không,” như bầu trời trong rộng mở, nó có tính chất thông tỏ của bản tánh của tâm; và “quang minh biểu lộ,” như là ánh sáng ngũ sắc, hình ảnh vân vân. Quang minh là bản tánh không trộn lẫn hiện diện khắp suốt mọi Sanh tử và Niết bàn.

RANGNANG/ KINH NGHIỆM CÁ NHÂN: để biểu trưng cho kinh nghiệm giác mơ, từ này đôi khi được dịch là “sự phóng chiếu của cá nhân,” hay “tự biến.”

RIGDZIN GOŞDEM (1337-1408): Nhà khám phá kho tàng vĩ đại của truyền thống Jangter. Trong các terma của ngài có các giáo lý Dzogchen Kadag Rangjung Rangshar và tác phẩm nổi tiếng Gongpa Santal. Năm lên 12 tuổi, ba lông chim kên kên mọc trên đầu, và thêm năm cái nữa vào lúc 24 tuổi. Ngài ra đi năm 71 tuổi giữa những dấu hiệu kỳ diệu. Rigdzin Goşdem nghĩa là “Vidyadhara Lông chim Kên Kên.”

RINCHEN CHOK HO MA: Dịch giả Tây Tạng sơ thời, trong bảy tu sĩ Tây Tạng đầu tiên thọ giới với Shantarakshita và là người nhận chính yếu pháp môn Mạng Lưới Huyền Hóa của Mahayoga. Ngài được biết đã dịch Tinh Túy của các Bí Mật Guhyasamaja Tantra; Tantra chính yếu của Mahayoga. Qua các lời chỉ dạy nhận từ Padmasambhava, ngài đạt đến mức độ của một Vidyadhara. Rinchen Chok nghĩa là “Ngọc Cao Cả.”

RINCHEN TERDZOŠ: “Kho tàng lớn các Terma quý giá,” một trọn bộ các terma quan trọng nhất của Padmasambhava, Vimalamitra, Vairochana và các đệ tử thân thiết nhất của các ngài, gom lại bởi Jamgošn Kongtrušl Lošdroš Thaye với sự cộng tác của Jamyang Khyentse Wangpo. Xuất bản thành 63 bộ bởi Đức Dilgo Khyentse Rinpoche, New Delhi, có thêm vài bộ terma và chú giải. Khakyab Dorje, vị Kamarpa thứ mười lăm, nói về nó bằng những lời sau: “ ‘Kho tàng lớn các Terma quý giá’ là tinh túy của đại dương giáo lý của chư Phật, tạng Vidyadhara thâm sâu của Trường phái Dịch thuật Sơ thời.”

RONGZOMA (1012-1088): Pháp sư Rongzom, Choškyi Sangpo. Cùng với Longchenpa, ngài được xem là học giả Nyingma lỗi lạc sáng chói nhất.

SADHANA: “Các phương tiện của thành tựu.” Nghi thức và thủ tục Mật thừa để thực hành, thường nhấn mạnh giai đoạn phát triển. Kết cấu tiêu biểu của sadhana gồm một phần sơ khởi với quy y, phát Bồ đề tâm, phần chính có quán tưởng một vị Phật và trì chú, và một phần kết với hồi hướng công đức cho tất cả chúng sanh.

SAMADHI (Định): “Gắn liền với sự tương tục của bình thản.” Một trạng thái tập trung không phóng tâm hay sự đắm mình trầm tư mà trong bối cảnh Kim Cương thừa có thể ám chỉ đến hoặc giai đoạn phát triển hoặc giai đoạn thành tựu.

SAMANTABHADRA (Phổ Hiền): “Bậc mãi mãi trọn hảo.” 1/ Phật Pháp thân nguyên thủy. 2/ Bồ tát Phổ Hiền là gương tiêu biểu cho sự thành tựu của một sự cúng dường triển khai đến vô hạn.

SAMAYA: Các cam kết hứa hẹn, các điều luật hay cam đoan của thực hành Kim Cương thừa. Chính yếu, các samaya về bên ngoài cốt ở duy trì một mối liên quan hòa hợp với Đạo Sư Kim Cương và các bạn Pháp và bên trong không đi lạc ra ngoài sự liên tục hành trì. Cuối của mỗi chương, chữ “samaya” đứng riêng là một lời thề xác nhận rằng điều được nói là sự thật.

SAMBHOGAKAYA: “Báo thân.” “Thân của sự hưởng thụ hoàn mãn.” Trong bối cảnh của “năm thân của Quả,” báo thân là hình thức biểu lộ phần nửa của chư Phật cùng với “năm sự hoàn hảo” là Đạo Sư, tùy tùng, nơi chốn, giáo huấn và thời gian mà chỉ bậc Bồ tát địa thứ mười mới có thể tri giác.

SAMYE: Một tổ hợp chùa chiền kỳ diệu, làm theo kiểu tu viện Ấn Độ Odantapuri, xây dựng bởi vua Trisong Deutsen (790-844) và được Guru Rinpoche khánh thành năm 814. Một trung tâm chính của sự truyền bá đạo Phật ở Tây Tạng lúc sơ thời. Nó nằm ở miền Trung Tây Tạng gần Lhasa. Nó cũng có tên Ngôi Chùa Samye Rục Rỡ, Sự Thành Tựu Tự Nhiên và Bất Biến của những Nguyện Vọng Vô Biên. Ba tầng của nó được vẽ theo các kiểu thứ tự là Ấn Độ, Trung Hoa và Tây Tạng.

SAMYE CHIMPHU: Một nơi thiêng liêng thuộc ngữ của Guru Padma. Một chỗ ẩn cư trên núi nằm cách Samye bốn giờ đi bộ phía trên Samye. Trong 12 thế kỷ qua nhiều Đại Sư đã thiền định trong các hang động của chỗ ẩn cư này.

SANGYE LINGPA (1340-1396): Một tái sinh của người con trai thứ hai của vua Trisong Deutsen; một Tertön chính và là người khám phá vòng Lama Gondu gồm 13 bộ. Sangye Lingpa nghĩa là “Điện thờ của Giác Ngộ.”

SANGYE YESHE HO NUB: Một trong hai mươi lăm đệ tử của Padmasambhava, ngài là người thọ nhận chính các giáo lý Anu Yoga, Yamantaka của Mahayoga. Các vị thầy khác của ngài là Traktung Nagpo và Chogyal Kyong của Ấn Độ, Vasudhara của Nepal, và Chetsen Kye từ xứ Drusha. Ngài viếng thăm Ấn Độ và Nepal bảy lần. Khi hôn quân Langdarma định phá hủy Phật giáo ở Tây Tạng, Sangye Yeshe làm vua kinh

hãi bằng cách làm hiện ra một con bò cạp không lồ dài bằng chín con trâu yak chỉ bằng một cử động đơn giản của bàn tay phải. Vì thế, Langdarma không còn can đảm để ngược đãi Tăng già Kim Cương thừa. Tulku Uryen được xem là một trong những tái sinh của ngài. Sangye Yeshe nghĩa là “Trí Huệ Phật.”

SÁU GIỚI HẠN: Những quan điểm về quyền nghĩa và thực nghĩa, ngụ ý và không ngụ ý, nghĩa đen và không phải nghĩa đen. Cùng với “bốn kiểu cách,” chúng tạo thành các chìa khóa cần thiết để mở ra ý nghĩa của các tantra.

SÁU LOÀI CHÚNG SANH: Trời, một nửa Trời (A tu la), người, thú vật, ngã quỷ và địa ngục.

SÁU SIÊU TRI GIÁC: Những khả năng làm các phép lạ, thiên nhãn, thiên nhĩ, nhớ các kiếp trước, biết tâm của người khác, và biết sự tận diệt của phiền não nhiễm ô. (thần túc thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, túc mạng thông, tha tâm thông và lậu tận thông).

SẮC GIỚI: Mười bảy cõi trời nằm trong sanh tử gồm mười hai cõi của Bốn Thiên (mỗi Thiên ba cõi) và năm cõi Tịnh Cư Thiên. Một trạng thái vi tế của sanh tử giữa cõi Dục và cõi Vô sắc, ở đó các cảm giác ngủi, nếm và tình dục vắng mặt. Các chúng sanh có thân thể bằng ánh sáng, sống lâu và không có cảm giác đau đớn. Các yếu tố xấu của tâm thức như là bám chấp không thể sinh ra.

SHAMATHA: “an trụ trong tĩnh lặng,” Chỉ so với Quán, sau khi hoạt động của tư tưởng đã lắng yên. Hay là sự thực hành thiền định để làm yên lặng tâm thức với mục đích thoát khỏi sự quấy nhiễu của tư tưởng.

SƠ KHỞI: Các sơ khởi tổng quát bên ngoài là Bốn Niệm Chuyển Tâm: suy niệm về thân người quý giá, vô thường và cái chết, nhân quả của nghiệp, và lỗi lầm của sanh tử. Các sơ khởi đặc biệt bên trong là Một Trăm Ngàn Bốn Thời Thực Hành về quy y và phát Bồ đề tâm, trì tụng Vajrasattva, cúng

dường Mạn đà la, và Guru Yoga. Xem Ngọn đuốc của Xác Chứng (N. X. B Shambhala) và Cửa Lớn (N. X. B Ranjung Yeshe).

SUKHAVATI: cõi Cực Lạc.

TA BÀ THẾ GIỚI (Saha world): Hệ thống thế giới chúng ta; “Thế giới Nhẫn nhục,” bởi vì những chúng sanh ở đó chịu đựng các khổ đau khó gánh vác nổi. Saha cũng có thể nghĩa là “Không phân chia” vì các nghiệp và các phiền não, các nhân và các quả, thì không chia cách hay không khác biệt.

TAM BẢO: Phật Bảo, Pháp Bảo và Tăng Bảo. Trong Ánh Sáng của Trí Huệ (Shambhala), Jamgoñ Kontruñl giải thích: “Phật là bản tánh của bốn thân và năm trí, cùng với hai sự thanh tịnh và sự hoàn thành hai lợi lạc. Pháp là cái được biểu lộ, bày tỏ, chân lý không bị quy định của sự tịnh hóa toàn diện gồm Diệt và Đạo và nó biểu lộ hai phương diện phát biểu và chứng ngộ như là danh, lời và chữ của các giáo lý. Tăng gồm Tăng già đích thực, con cái của các bậc Chiến Thắng ở trong các địa với các phẩm chất của Trí Huệ và Giải Thoát, và Tăng già tương tự đang ở trên con đường tích lũy và con đường nối kết cũng như các bậc Thanh Văn và Duyên Giác cao cả.”

TÁM GIÁO LÝ SADHANA: Tám vị thần bốn tôn chính của Mahayoga và các Tantra và các Sadhana liên quan: Thân Văn Thù, Khẩu Hoa Sen, Tâm Vishudha, Phẩm chất Cam lồ, Hoạt động Kilaya, Phép giải thoát của các Hóa Thần Mẹ, Mantra Dữ tợn, và Tôn thờ thuộc Thế tục. Thường thường tên ám chỉ đến một thực hành gồm các mạn đà la phức tạp với nhiều hóa thân.

TÁM MỐI QUAN TÂM THẾ GIAN: Sự gắn bó với được, thích, khen ngợi, và danh tiếng và sự ác cảm với mất, khổ, chê bai, và tiếng xấu.

TÁNH GIÁC BỒN NGUYÊN: Thường dịch như là Trí Huệ. Sự thông tỏ nền tảng, độc lập với mọi tạo tác của tâm thức.

TANTRA: Các giáo lý Kim Cương thừa được Đức Phật trao truyền qua Báo thân của ngài. Nghĩa thật của Tantra là “tương tục” tức là Phật tánh nội tại, bẩm sinh. Phật tánh này được biết như là “Tantra của hiền nghĩa.” Nghĩa tổng quát của Tantra là các Kinh điển phi thường của Mật thừa, cũng là “Tantra của hiền ngôn.” Cũng có thể ám chỉ đến mọi giáo lý “Quả” của Kim Cương thừa như một toàn thể.

TANTRA CHA: Một trong ba phương diện của Anuttara Yoga đặt sự nhấn mạnh vào giai đoạn phát triển.

TANTRA MẸ: Một trong ba phương diện của Anuttara yoga, nhấn mạnh vào giai đoạn thành tựu hay Trí Huệ Bát Nhã. Đôi khi tương đương với Anu Yoga.

TAO LẬP: Sự tạo lập của thức. Sự tạo ra ý niệm, nó ở ngoài bản tánh của tâm.

TAWA LONG-YANG: Một kho tàng về phương diện Tantra Cha của Đại Toàn Thiện khám phá bởi Dorje Lingpa (1346-1405). Tawa Long-yang nghĩa là “Sự bao la của cái Thấy.”

TÂM KHÍ (tâm-prana): Prana ở đây là “khí nghiệp,” “gió nghiệp” và tâm là tâm thức nhị nguyên của một người chưa giác ngộ. Tâm và Khí liên hệ chặt chẽ với nhau.

TÂM YẾU: Trong tổng quát, đồng thể với Phái Chỉ Dạy, phái thứ ba của Dzogchen. Đặc biệt nó ám chỉ đến Vòng Thâm Thâm Vô Thượng của Tâm Yếu, cái thứ tư trong bốn phân phái của Phái Chỉ Dạy theo sự phán giáo của Shri Singha. Mọi dòng phái của Yếu Tính Thâm Thâm đều qua Shri Singha và tiếp nối ở Tây Tạng qua các đệ tử của ngài là Padmasambhava và Vimalamitra. Trong thế kỷ 14, hai dòng này đi qua Rangjung Dorje, vị Karmapa thứ ba, và người bạn Pháp thân thiết của ngài là Longchen Rabjam (1308-1363), vị sau hệ thống hóa các lời chỉ dạy này trong bộ trước tác đồ sộ của mình. Giáo lý Nyingtig cũng đã xuất hiện qua nhiều dòng truyền

thừa khác; ví dụ, mỗi terton chính đều khám phá một vòng độc lập của giáo lý Dzogchen. Sự thực hành Tâm Yếu thậm thâm còn tiếp tục đến ngày nay.

TẤT CẢ NỀN TẢNG (alaya): Nền tảng của mọi sự. Căn bản của tâm và của hiện tượng thanh tịnh hay ô nhiễm. Từ này có nhiều nghĩa khác nhau theo các văn cảnh khác nhau và phải được hiểu cho thích hợp. Đôi khi nó đồng nghĩa với Phật tánh hay Pháp thân, sự nhận biết nó là căn bản của tất cả hiện tượng thanh tịnh; đôi khi, như trong trường hợp “căn bản vô minh,” nó ám chỉ một trạng thái trung tính của tâm nhị nguyên nó không được tánh Giác bản nguyên bao trùm và như thế là căn bản cho kinh nghiệm sanh tử.

TENGAM: phòng chứa các vật thiêng.

TERMA: “Kho tàng.” 1/ Sự trao truyền qua các kho tàng được chôn dấu, phần lớn do Guru Rinpoche và Yeshe Tsogyal, để sẽ được khám phá vào một thời điểm thích hợp bởi một Terton, người khám phá kho tàng, cho lợi lạc của các đệ tử tương lai. Nó là một trong hai truyền thống chính của Nyingma, truyền thống kia là “Kama.” Truyền thống này được nói rằng sẽ còn tiếp tục ngay cả khi Luật tạng đã biến mất. 2/ Các kho tàng được cất dấu có nhiều loại, gồm bản văn, pháp khí, di vật, và đồ vật tự nhiên.

TERMA ĐẤT: Một sự khám phá đặt căn cứ trên chất liệu vật chất, thường trong hình thức chữ viết Dakini, một chày kim cương, một bức tượng... So sánh với “Terma tâm.”

TERMA TÂM: Một sự khám phá trực tiếp từ trong tâm của một Đại Sư, không cần có một chất liệu vật lý. Các lời dạy được khám phá theo lối này được “uom trồng” trong “cảnh giới không thể hủy diệt,” vào lúc vị Đại Sư còn là một đệ tử của Padmasambhava ở một kiếp trước.

THANH VĂN: “Vị nghe, người nghe.” Hành giả Tiểu thừa của lần Chuyển Pháp Luân thứ nhất về Bốn Thánh Đế bao gồm sự chứng ngộ sự đau khổ nội tại của sanh tử, và nhắm vào sự thấu hiểu rằng không hề có một tự ngã độc lập. Bằng cách chinh phục phiền não, ngài tự giải thoát, đạt đến cấp độ Vào Dòng nơi con đường thấy chân lý (Kiến Đạo vị), tiếp theo là cấp độ

Một Lần Trở Lại chỉ phải tái sinh một lần nữa, và cấp độ Không Trở Lại, không còn sinh lại trong sinh tử. Mục đích cuối cùng là trở thành một vị A La Hán. Bốn cấp độ này cũng được biết như là “Bốn Quả của sự tu hành tâm linh.”

THÀNH TỰU: 1/ (siddhi): Sự chứng đắc do thực hành Pháp, thường được xem là sự thành tựu tối thượng của giác ngộ viên mãn. Nó cũng có thể có nghĩa là các thành tựu chung, tức là tám thành tựu thuộc về thế gian như thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, bay trên không, trở nên vô hình, kéo dài tuổi thọ, hay thần lực biến hóa. Tuy nhiên, các chứng đắc nổi trội nhất trên con đường là từ bỏ, từ bi, đức tin không thể lay chuyển, và sự chứng ngộ cái thấy đúng. Xem thêm “các thành tựu tối thượng và bình thường.”
2/ (sgrub pa): Xem “tiếp cận và thành tựu.”

THÂN KIM CƯƠNG: Thân con người, trong đó các kinh mạch vi tế giống như cơ cấu của một chày Kim Cương.

THÂN NGƯỜI QUÝ GIÁ: Gồm có tám sự tự do và mười sự giàu có. Những sự tự do không sanh vào trong tám chỗ mất tự do (bát nạn): ba cõi thấp, một vị trời sống lâu, có nhiều tà kiến, một người hoang dã, một người câm, hay sinh vào một thời đại không có chư Phật. Những sự giàu có là năm từ mình và năm từ người khác. Năm giàu có từ chính mình là: được làm người, sinh ở nơi trung tâm, đầy đủ các căn, có đời sống không hư hỏng và chánh tín. Năm giàu có từ người khác là: một vị Phật ra đời, vị ấy dạy Pháp, các giáo lý còn lại, có các đệ tử, và các (vị thầy) bi mẫn làm lợi lạc cho người.

THÂN YẾU TÍNH (kaya yếu tính): Thường được kể như thân thứ tư, và cấu tạo sự thống nhất ba thân. Jamgošn Kongtrušl định nghĩa nó như là phương diện của Pháp thân nó là “bản tánh của mọi hiện tượng, tánh Không vắng dứt mọi tạo tác và có tính cách thanh tịnh bản nhiên.”

THÂN CHẾT: 1/ Một nhân cách hóa của vô thường và định luật nhân quả bất di dịch. 2/ Thần có tên này là một trong bốn Ma. Xem “Mara.”

THẦN CHÚ MỘT TRĂM ÂM: Thần chú của Phật Vajrasattva gồm một trăm âm.

THẤY, THIỀN ĐỊNH, HẠNH VÀ QUẢ: Sự định hướng về Phật tánh, hành động làm quen với nó – thường là thực hành ngồi thiền, sự thực hiện cái thấy ấy trong các hoạt động đời sống hàng ngày, và kết quả cuối cùng từ sự tu hành như trên. Mỗi thừa của chín thừa đều có cách định nghĩa riêng về cái thấy, thiền định, hạnh và quả.

THIÊN NỮ TENMA: Mười hai Thiên nữ Tenma là các hộ pháp nữ quan trọng của dòng Nyingma, vừa một nửa thế gian, một nửa trí huệ.

THIỀN ĐỊNH: Trong bối cảnh tu hành Mahamudra và Dzog-chen, thiền định là hành động làm quen dần với, hay duy trì liên tục cái thấy hiểu về Phật tánh của chúng ta như một vị Đạo Sư có thẩm quyền đã trực chỉ. Trong bối cảnh học hỏi, tư duy và thiền định (Văn, Tư, Tu) nó có nghĩa là hành động thâm hóa các lời dạy vào trong kinh nghiệm cá nhân, rồi làm quen dần với chúng qua thực hành.

THIỆN CĂN: Một việc làm tốt; một phút giây từ bỏ, đại bi hay lòng tin. Các thiện nghiệp tạo ra trong đời này hay các đời trước.

THỪA NHÂN VÀ QUẢ: Các giáo lý của Tiểu thừa và Đại thừa nhìn các sự thực hành của con đường như là các nguyên nhân để đạt được quả giải thoát và giác ngộ, còn Kim Cương thừa lấy quả như là con đường bằng cách nhìn nhận Phật tánh là vốn có trong hiện tiền và con đường như là hành động khai mở trạng thái nền tảng này. Đại Sư Longchenpa định nghĩa chúng như sau: “Các thừa Nhân được gọi như thế bởi vì chấp nhận chuỗi nhân và quả, khẳng định rằng Phật tánh đạt được bằng cách tăng trưởng các phẩm tính của bản tánh của Phật, nó chỉ hiện diện như một hạt giống, xuyên qua hai sự tích lũy. Các thừa Quả được gọi như thế bởi vì xác nhận rằng nền tảng cho sự tịnh hóa là bản tánh của Phật đã sẵn đủ mọi phẩm tính, nó vốn hiện diện như là một sở hữu tự nhiên trong tất cả chúng sanh, như mặt trời vốn sẵn các tia sáng; rằng các đối tượng của sự tịnh hóa là những nhiễm ô tạm thời của tám sự tích tập (của tám thức), giống như bầu trời (tạm thời) bị mây

che; và rằng người ta hiện thực cái quả của sự tịnh hóa, cái bản tánh bản nguyên đang hiện tiền, bằng vào các con đường của sự chín muồi và giải thoát. Ngoài cái này ra, không có sự khác biệt nào giữa hai thừa về trình tự hay phẩm chất.”

THỪA QUẢ: Như là Kim Cương thừa. Xem chi tiết ở “thừa nhân và thừa quả.”

THƯỜNG LUẬN: Niềm tin rằng có một đấng sáng tạo thường hằng và không nguyên nhân của mọi sự; đặc biệt, tin rằng bản chất hay tâm thức của con người có một yếu tính cụ thể nó là độc lập, thường tồn và riêng biệt.

TÍCH TẬP (accumulation): Lương thực cho con đường. Xem “hai sự tích lũy.”

TIẾP CẬN VÀ THÀNH TỰU: Hai phương diện của thực hành sadhana, đặc biệt, các giai đoạn trong giai đoạn trì tụng theo Mahayoga Tantra.

TỊNH CỤ THIÊN: Năm cõi trời cao nhất trong mười bảy cõi của Sắc giới. Chúng được gọi là “tịnh” vì chỉ có các bậc cao cả, những người đã hoàn thành con đường thấy (địa vị kiến đạo), mới có thể sanh ở đó. Sanh về đó là do sự tu hành thanh tịnh Tứ Thiên tùy thuộc vào sự tu tập này hoặc là hạ, trung, thượng, thượng thượng hay tối thượng.

TORMA: Một dụng cụ dùng trong nghi lễ Mật thừa. Cũng có thể ám chỉ thực phẩm cúng cho Hộ pháp hay các hồn linh bất hạnh.

TRI GIÁC THANH TỊNH: Nguyên lý của Kim Cương thừa: nhìn môi trường chung quanh như cõi Phật, mình và người như hóa thân, âm thanh như thần chú, và tư tưởng như trò chơi biến hóa của Trí Huệ.

TRISONG DEUTSEN (790-844): Vị vua Pháp vĩ đại thứ hai của Tây Tạng, người đã mời Guru Rinpoche, Shanta-rakshita, Vimalamitra và nhiều vị thầy Phật giáo khác trong đó có Jinamitra và Danashila. Trong cuốn Trạng Hoa quý báu của Lapis Lazuli, Jamgošn Kongtrušl ghi ngày sinh của vua là ngày 8 tháng 3 mùa xuân năm Con Ngựa Đục thuộc Thủy (802). Các nguồn khác nói năm ấy là năm ngài lên ngôi sau khi cha chết. Cho đến tuổi mười

bảy, ngài chủ yếu là cai trị vương quốc. Ngài xây dựng đại tu viện Samye làm theo kiểu chùa Odantapuri, lập Phật giáo là quốc giáo của Tây Tạng, và trong thời ngài trị vì, các tu sĩ đầu tiên được thọ giới. Ngài thu xếp cho những pháp sư và những lotsawa dịch vô số kinh điển, và thiết lập nhiều trung tâm tu học. Trong số các tái sinh về sau của ngài có Nyang Ral Nyima Ošzer (1124-1192), Guru Chošwang (1212-1270), Jigmey Lingpa (1729-1798) và Jamyang Khyentse Wangpo (1820-1892).

TRÍ HUỆ: Trong cuốn sách này, từ này thường được dịch như là “tánh giác bốn nguyên.” Cũng có năm trí huệ, những phương diện chức năng của Phật tánh: trí huệ của pháp giới, trí huệ giống như gương (đại viên cảnh trí), trí huệ của bình đẳng (bình đẳng tánh trí), trí huệ phân biệt (diệu quan sát trí) và trí huệ thành tựu tất cả (thành sở tác trí).

TROŠMA NAGMO: Một hình tướng hung nộ màu đen của Phật Mẫu Vajra Yogini. Trošma Nagmo nghĩa là “Phu Nhân màu đen của sự Hung Nộ.”

TỰ NGÃ: Một thực thể hiện hữu nội tại và độc lập của ngã cá nhân hay của hiện tượng.

TỰ TÁNH: Xem “Pháp tánh.”

VAIROCHANA: Dịch giả vĩ đại sống trong thời trị vì của vua Trisong Deutsen. Trong bảy tu sĩ Tây Tạng đầu tiên, ngài được gửi qua Ấn Độ học với Shri Singha. Cùng với Padmasambhava và Vimalamitra, ngài là một trong ba Đạo Sư chính truyền Dzogchen vào Tây Tạng.

VAJRADHARA: “Người nắm giữ Kim Cương – Kim Cương Trì” Phật Pháp thân của các phái Sarma. Cũng để chỉ một vị thầy Kim Cương thừa hay Phật tánh trùm khắp.

VAJRADHATU MẠN ĐÀ LA: Một sadhana quan trọng của Mahayoga gồm 42 hóa thân hòa ái.

VAJRAKAYA: Tính chất bất biến của Phật tánh. Đôi khi là một trong năm thân của Phật tánh.

VAJRAPANI: “Vị mang chày Kim Cương.” Một trong tám Đại Bồ tát và là người sưu tập chính các giáo lý Kim Cương thừa. Cũng được biết như là “Đức Thầy của những Bí Mật.”

VAJRA TOŠTRENG: “Chuỗi Kim Cương các đầu lâu.” Một tên của Padmasambhava.

VAJRAYANA: Kim Cương thừa. Các thực hành lấy Quả làm con đường.

VIDYADHARA: “Người nắm giữ trí huệ.” Người nắm giữ (dhara) hay mang trí huệ (vidya) của Mantra. Một vị thầy chứng ngộ trên một trong bốn cấp độ của con đường Mật thừa của Mahayoga, tương đương với mười một cấp độ của Mật thừa. Một định nghĩa khác: Người mang phương tiện và trí huệ sâu xa, đó là trí huệ về hóa thân, thân chú và đại lạc.

VIMALAMITRA: Một Đạo Sư Dzogchen được vua Trisong Deutsen mời qua Tây Tạng. Một trong ba vị Tổ của giáo lý Dzogchen, đặc biệt là Nyingtig, ở Tây Tạng. Vimala-mitra nghĩa là “Người Bà Con Không Khuyết Điểm.”

VIPASHYANA (Quán): “Cái thấy rõ ràng, rộng rãi.” Thường để nói về sự quán chiếu, thông tỏ về tánh Không. Một trong hai phương diện chính của thực hành thiền định. Cái kia là Chỉ, shamatha.

VÔ MINH CÂU SANH: Vô minh cùng có với tự tánh của chúng ta và hiện hữu như là tiềm lực cho rối loạn sanh khởi khi gặp các điều kiện thích hợp.

VÔ MINH NỀN TẢNG – PHƯƠNG DIỆN VÔ MINH CỦA NỀN TẢNG, đồng nghĩa với câu sanh vô minh.

VÔ MINH THUỘC VỀ Ý NIỆM: Trong Kim Cương thừa, vô minh thuộc về ý niệm là cái tâm hiểu biết chính nó như là chủ thể và đối tượng; sự suy nghĩ thuộc về ý niệm. Trong Giáo thừa, nó có nghĩa là các cái nhìn sai lầm do thêm vào, do “học”; các niềm tin sai lầm làm che chướng bản tánh của sự vật.

VÔ SẮC GIỚI: Các nơi cư trú của chúng sanh không giác ngộ, họ đã thực hành các trạng thái thiền định vô sắc, trụ vào các tướng: Không Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Không Có Mặt cũng Không Vắng Mặt (Phi Tướng Phi Phi Tướng). Những chúng sanh ở trong bốn cõi vi tế của thiền định có tướng đó nhiều kiếp rồi trở lại các trạng thái thấp của sanh tử.

YAMANTAKA: Một hình tướng phần nộ của Văn Thù, biểu trưng trí huệ hàng phục cái chết. Trong Tám Sadhana, ngài là Phật phần nộ của Bộ Thân. Yamantaka nghĩa là “Người Hàng Phục Yama,” Tử Thần.

YESHE TSOGYAL: Các bản dịch khác nhau về tiểu sử của bà cho nhiều chi tiết khác nhau về sự sinh ra, tên và cha mẹ. Trong cuốn “Đại Dương các lời Dạy kỳ diệu làm hân hoan các bậc trí giả,” Guru Tashi Tobgyal ghi nhận rằng cha bà tên là Namkha Yeshe họ Kharchen và bà sinh ở Drongmochey xứ Drak. Ban đầu bà là một trong những hoàng hậu của vua Trisong Deutsen nhưng sau được vua ban cho Padmasambhava làm người phối ngẫu tâm linh. Trong lễ quán đảnh truyền pháp “Hội chư Phật,” bông hoa nhập môn của bà rơi vào mạn đà la Kilaya. Qua sự thực hành pháp môn này, bà trở nên có thể thuần phục các hồn linh xấu ác và làm sống lại người chết. Bà là người sưu tập chính của tất cả giáo huấn vô số của Padmasambhava. Ở lại Tây Tạng hai trăm năm, bà ra đi đến cõi trời “Núi Huy Hoàng Màu Đồng Đỏ” mà không để thân xác lại. Trong cuốn Trạng Hoa quý giá của Lapis Lazuli, Jamgoñ Kongtrül nói: “Yeshe Tsogyal là tái sinh trực tiếp của Dhatvishvari Vajra Yogini trong hình thức một người phụ nữ. Bà phục vụ Padmasambhava hoàn hảo trong đời ấy, dẫn thân vào sadhana với một sự tinh tấn không thể tưởng và đạt đến mức độ tương đương với chính Padmasambhava, ‘sự tương tục được trang hoàng với thân, ngữ, ý, phẩm chất và hoạt động đều vô tận’. Lòng tốt của bà đối với xứ sở Tây Tạng vượt quá tưởng tượng và hoạt động đại bi thì không khác với sự liên tục không ngừng nghỉ của Padmasambhava.” Yeshe Tsogyal nghĩa là “Đại Dương Trí Huệ Vô Địch.”

YESHE YANG HO BA: Dịch giả Tây tạng được tiên tri bởi Padmasambhava, ngài là một thiền giả thành tựu, có thể bay như chim đến các cõi trời. Yeshe Yang nghĩa là “Trí Huệ Du Dương.”

YẾU TÍNH, BẢN TÁNH VÀ CÔNG DỤNG: Ba phương diện của Như Lai Tạng theo hệ thống Dzogchen. Yếu tính là trí huệ bản nhiên thanh tịnh về tánh Không. Bản tánh là trí huệ thông tỏ hiện diện tự nhiên. Công dụng là trí huệ toàn khắp về tính không thể phân chia. Đây là, một cách rất ráo, bản tánh của Ba Góc, Tam Bảo và Ba Thân.

YIDAM: Một hóa thân và là một gốc của thành tựu trong Ba Góc. Yidam là một vị thần bản tôn; một người bảo vệ cho cá nhân về sự thực hành và đưa đến giác ngộ. Theo truyền thống, thực hành Yidam là thực hành chính tiếp sau các sơ khởi. Nó gồm hai giai đoạn phát triển và thành tựu và là một hòn đá để đặt bước đến, hay là một cây cầu đưa đến các thực hành tinh tế hơn của Mahayoga và Dzogchen. Vào giai đoạn sau, thực hành Yidam là sự nâng cấp hoàn hảo cho các thực hành tinh tế này.

YOGA: 1/ Sự hòa nhập thật sự sự học hỏi vào trong kinh nghiệm cá nhân. 2/ Cái thứ ba của ba tantra ngoại: Kriya, Upa và Yoga. Nó nhấn mạnh đến cái thấy hơn là hạnh và nhìn hóa thân bản tôn như cùng mức độ với chính mình.

YOGA: Thực hành yoga: các thực hành phụ thêm cho một tantrika để thực hiện cái thấy của Kim Cương thừa trong các hoạt động; ví dụ như pháp môn Choṣ trong các nơi chốn đáng sợ. Nó có thể theo đuổi bởi một hành giả đã rất quen thuộc với cái thấy và vững chắc trong thiền định. Có mang hàm ý “hạnh can đảm.”